

Số: **4994**/TTr-BKHĐTHà Nội, ngày **22** tháng 7 năm 2022**TỜ TRÌNH**
Dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ Dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT SỬA ĐỔI LUẬT ĐẤU THẦU

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 được Quốc hội Khóa XIII thông qua tại Kỳ họp thứ VI, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2014. Việc ban hành và thực hiện Luật này cùng với các Luật có liên quan đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng điều chỉnh hoạt động mua sắm, quản lý sử dụng vốn, tài sản của nhà nước phù hợp với các chuẩn mực, thông lệ quốc tế, bảo đảm yêu cầu công khai, minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả kinh tế trong hoạt động đấu thầu, tạo niềm tin cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai hoạt động đấu thầu.

Tuy nhiên, thực tiễn thi hành Luật Đấu thầu trong thời gian qua cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết phải sửa đổi toàn diện Luật này bởi những lý do chủ yếu như sau:

Một là, quá trình triển khai thi hành Luật Đấu thầu đã phát sinh một số hoạt động mua sắm, đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư nhưng chưa được Luật này quy định hoặc quy định chưa đầy đủ để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư và đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước (như chưa có quy định cụ thể, đầy đủ về lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật xã hội hoá; lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án có từ 02 nhà đầu tư quan tâm...).

Bên cạnh đó, sau khi Luật Đấu thầu được ban hành, một số Luật liên quan¹ đã sửa đổi và/hoặc có quy định khác so với Luật Đấu thầu. Điều đó đã đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện một số quy định của Luật Đấu thầu nhằm bảo

¹ Luật Xây dựng, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Kiến trúc, Luật PPP...

đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tránh mâu thuẫn, xung đột trong quá trình thi hành Luật này.

Hai là, một số quy định của Luật Đấu thầu đã phát sinh vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện, cụ thể là:

- Luật Đấu thầu đã có quy định về các trường hợp chỉ định thầu và giao cho người có thẩm quyền quyết định nhưng trong thực tế thi hành đã gặp một số khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng chỉ định thầu đối với một số trường hợp cấp bách trong mua sắm phục vụ phòng chống dịch bệnh, xây dựng công trình khẩn cấp, công trình, dự án có quy mô lớn cần đẩy nhanh tiến độ, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công...

- Luật Đấu thầu đã có quy định về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt khi gói thầu xuất hiện các yếu tố đặc thù, riêng biệt mà không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác (như đấu thầu, chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh...), nhưng chưa quy định trình tự, thủ tục xây dựng phương án, trình, thẩm định, phê duyệt, dẫn đến áp dụng không thống nhất trong quá trình thực hiện.

- Quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu chưa làm rõ các tiêu chí, nguyên tắc, thời điểm xác định tính độc lập về pháp lý, tài chính giữa các chủ thể tham gia vào hoạt động đấu thầu (như nhà thầu xây lắp, nhà thầu tư vấn, chủ đầu tư, bên mời thầu...) dẫn đến không bảo đảm tính công bằng trong đấu thầu.

- Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư mặc dù đã được đơn giản hóa nhưng trong một số trường hợp vẫn chưa thật sự tạo thuận lợi cho hoạt động đấu thầu, nhất là khi phải lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư để thực hiện các dự án quan trọng, cấp bách...

- Quy định về hợp đồng cũng như các nội dung và nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng còn sơ sài, chưa bao quát hết các nội dung cần thiết phải thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu trong việc thực hiện gói thầu.

- Đấu thầu qua mạng đã được áp dụng rộng rãi tại Việt Nam nhưng mới chỉ có các quy định mang tính nguyên tắc trong Luật; quy trình, thủ tục được giao cho Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chi tiết nên chưa bảo đảm hiệu lực pháp lý cao, áp dụng thống nhất.

Ba là, Luật Đấu thầu chưa có quy định đầy đủ nhằm khuyến khích sản xuất hàng hóa trong nước thay thế hàng hóa nhập khẩu; ưu đãi cho mua sắm hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ được cung cấp từ các nhóm yếu thế trong xã hội; mua sắm các sản phẩm đổi mới sáng tạo, mua sắm xanh và thúc đẩy doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

Bốn là, các quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu và việc thi hành pháp luật đấu thầu còn một số mặt hạn chế sau đây:

- Hành vi “thông thầu”, “gian lận”... vẫn diễn biến phức tạp, tinh vi; năng lực, kinh nghiệm của một số người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu chưa đáp ứng yêu cầu; còn có tình trạng đùn đẩy trách nhiệm cho cấp trên, các Bộ và Thủ tướng Chính phủ mặc dù đã được Luật phân cấp.

- Luật chưa quy định đầy đủ về quy trình kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm, đặc biệt là công tác kiểm tra kết quả thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát và mới chỉ tập trung quy định về chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm của nhà thầu, nhà đầu tư mà chưa có chế tài xử lý vi phạm đối với bên mời thầu, chủ đầu tư, người có thẩm quyền (là các bên quan trọng trong việc quyết định đến tính hiệu quả, minh bạch trong đấu thầu).

- Luật cũng chưa có quy định về chế tài xử lý đối với trường hợp các cơ quan có thẩm quyền buông lỏng việc kiểm tra, giám sát, giải quyết kiến nghị trong đấu thầu dẫn đến hiệu quả của việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết kiến nghị về đấu thầu trong thời gian qua chưa đạt hiệu quả.

- Cơ chế giải quyết kiến nghị trong hoạt động đấu thầu chưa bảo đảm tính độc lập, khách quan, dẫn đến xử lý kém hiệu quả các kiến nghị của nhà thầu, nhà đầu tư và các bên liên quan trong hoạt động đấu thầu.

Năm là, hiện nay Việt Nam đã ký kết, tham gia 15 Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, trong đó 03 Hiệp định² có nội dung về cam kết mở cửa thị trường mua sắm công. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Luật Đấu thầu là yêu cầu cấp bách để bảo đảm thực thi đầy đủ và có hiệu quả cam kết của Việt Nam về mở cửa thị trường mua sắm công theo các Hiệp định nêu trên.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM VÀ YÊU CẦU SỬA ĐỔI LUẬT

1. Mục tiêu, quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật

a) Tiếp tục tạo dựng khung pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất về đấu thầu, mua sắm sử dụng nguồn vốn nhà nước.

b) Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật; khắc phục tình trạng đấu thầu hình thức, nâng cao tính cạnh tranh, công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế trong hoạt động đấu thầu.

c) Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp thông qua hoạt động đấu thầu; tránh thất thoát, lãng phí ngân sách, tài sản nhà nước, ngăn chặn, xử lý tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động đấu thầu.

² Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Vương quốc Anh (UKVFTA), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA)

d) Xây dựng cơ chế lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư phù hợp để thúc đẩy doanh nghiệp trong nước phát triển, tạo việc làm cho nhóm lao động yếu thế, thúc đẩy hoạt động mua sắm các sản phẩm đổi mới sáng tạo, mua sắm xanh nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

đ) Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đấu thầu và cơ chế kiểm tra, giám sát, giải quyết kiến nghị trong hoạt động đấu thầu.

2. Những yêu cầu soạn thảo Luật

Để thực hiện những mục tiêu, quan điểm nêu trên, dự thảo Luật được xây dựng trên cơ sở các yêu cầu cơ bản sau đây:

a) Bảo đảm kế thừa, tiếp tục phát triển và hoàn thiện những quy định của Luật Đấu thầu còn phù hợp với thực tế và đã có tác động tích cực đến hoạt động mua sắm sử dụng nguồn vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước, đồng thời xem xét sửa đổi, bổ sung những quy định đã phát sinh hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhằm giải quyết căn cơ, triệt để các bất cập của Luật hiện hành.

b) Các quy định của Luật Đấu thầu (sửa đổi) phải bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong nội tại Luật này cũng như giữa Luật này với các luật khác có liên quan như: Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp..., đồng thời phù hợp với cam kết của Việt Nam về mở cửa thị trường mua sắm công.

d) Tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các nước trong khu vực và trên thế giới cũng như thông lệ quốc tế tốt trong tổ chức và quản lý hoạt động đấu thầu.

đ) Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp trong việc quyết định các nội dung về đấu thầu, cải cách thủ tục đấu thầu nhưng phải bảo đảm thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tăng cường chế độ kiểm tra, giám sát, hậu kiểm và phối hợp giữa cơ quan quản lý ở trung ương và địa phương.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO LUẬT

1. Thực hiện Quyết định số 799/QĐ-TTg ngày 06/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo các dự án luật trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Quyết định số 1110/QĐ-BKHĐT ngày 15/6/2022 thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập Luật Đấu thầu (sửa đổi).

2. Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã họp để thảo luận về định hướng soạn thảo và xây dựng nội dung cụ thể của dự thảo Luật, đồng thời tổ chức các hội thảo góp ý hoàn thiện dự thảo Luật.

3. Ngày 15/6/2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 3975/BKHĐT-QLĐT gửi các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; cơ quan Trung ương của các đoàn thể; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI); các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước; các hiệp hội: Nhà thầu xây dựng Việt Nam, Tư vấn xây dựng Việt Nam, Nhà đầu tư xây dựng công trình giao thông Việt Nam, Kinh tế xây dựng Việt Nam.... đề nghị góp ý cho Dự thảo Luật Đấu thầu (sửa đổi). Dự thảo Luật cũng được đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để tham vấn rộng rãi ý kiến của người dân, chuyên gia, nhà thầu và nhà đầu tư.

Ngoài ra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động làm việc với các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên môi trường, Ngoại giao, Y tế; một số hiệp hội nhà thầu, nhà đầu tư; các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước; chuyên gia đấu thầu của Ngân hàng thế giới, Ngân hàng phát triển Châu Á, các chuyên gia về đấu thầu để trao đổi, tham vấn về từng nội dung cụ thể của dự thảo Luật.

Trên cơ sở đó, ngày 22/7/2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 4493/BKHĐT-QLĐT gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định Dự thảo Luật Đấu thầu (sửa đổi). Ngày .../7/2022, Bộ Tư pháp thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định dự thảo Luật.

Căn cứ ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định tại cuộc họp và ý kiến của Bộ Tư pháp tại văn bản số/BC-BTP ngày .../7/2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chỉnh lý, hoàn thiện Dự thảo Luật Đấu thầu (sửa đổi), trình Chính phủ.

IV. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Bố cục của dự thảo Luật

Dự thảo Luật về cơ bản tiếp tục duy trì kết cấu của Luật Đấu thầu hiện hành, bao gồm 10 Chương, 93 Điều, cụ thể như sau:

Chương I. Quy định chung

Chương II. Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư

Chương III. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư

Chương IV. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất và xét duyệt trúng thầu trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư

Chương V. Quy trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư

Chương VI. Hợp đồng

Chương VII. Đấu thầu qua mạng, mua sắm tập trung, mua thuốc, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công

Chương VIII. Trách nhiệm của các bên trong hoạt động đấu thầu

Chương IX. Quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu

Chương X. Điều khoản thi hành

2. Các nội dung sửa đổi, bổ sung chủ yếu

Những nội dung cụ thể của dự thảo Luật được xây dựng trên cơ sở 05 nhóm chính sách đã được Chính phủ, Quốc hội thông qua trong Đề nghị xây dựng Luật, gồm:

2.1. Nhóm các quy định sửa đổi, bổ sung nhằm xác định rõ phạm vi điều chỉnh, nguyên tắc áp dụng Luật Đấu thầu

a) Về phạm vi điều chỉnh

Điều 1 của Dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung quy định về phạm vi điều chỉnh của Luật theo hướng:

- Tiếp tục kế thừa, hoàn thiện quy định của Luật Đấu thầu hiện hành về phạm vi điều chỉnh của Luật đối với hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, đồng thời bổ sung hoạt động lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật.

- Xác định rõ phạm vi áp dụng Luật Đấu thầu đối với dự án có sử dụng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp có vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp có vốn của doanh nghiệp nhà nước để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; cụ thể là:

- + Tiếp tục áp dụng Luật Đấu thầu đối với dự án đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước; đối với dự án đầu tư phát triển của doanh nghiệp khác thì xác định theo hàm lượng vốn nhà nước trong từng dự án cụ thể.

- + Khái niệm về vốn nhà nước được sửa đổi để bảo đảm đồng bộ với quy định tương ứng của Luật Ngân sách, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

- + Bỏ quy định “vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước” ra khỏi phạm vi “vốn nhà nước” cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh nêu trên.

b) Về nguyên tắc áp dụng Luật

Điều 3 của dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung nguyên tắc áp dụng Luật Đấu thầu, điều ước quốc tế, thỏa thuận giữa Việt Nam và nhà tài trợ cho phù hợp với

thực tiễn đàm phán các hiệp định vay và triển khai thực hiện các dự án ODA, gồm:

- Bổ sung quy định trường hợp điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận vay không quy định hoặc quy định phải áp dụng pháp luật Việt Nam thì phải áp dụng Luật Đấu thầu khi triển khai hoạt động lựa chọn nhà thầu;

- Bổ sung quy định chủ đầu tư được phép ký hợp đồng trước khi điều ước quốc tế, thỏa thuận vay được ký kết theo yêu cầu của nhà tài trợ.

Ngoài ra, để bảo đảm tính minh bạch, thống nhất, tránh xung đột, mâu thuẫn giữa Luật Đấu thầu và các Luật có liên quan trong quá trình thực hiện, khoản 3 Điều 1 của dự thảo Luật đã bổ sung quy định nhằm xác định rõ các hoạt động đấu thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này (ví dụ: tổ chức lựa chọn nhà thầu và thực hiện gói thầu ở nước ngoài; lựa chọn nhà thầu, đối tác để trực tiếp thực hiện hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí theo quy định của pháp luật về dầu khí...).

c) Một số thuật ngữ, khái niệm (*Điều 4 dự thảo Luật*)

Điều 4 của dự thảo Luật đã sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ để giải thích các khái niệm cho phù hợp với nội dung, phạm vi điều chỉnh của Luật và tạo thuận lợi trong việc tra cứu, áp dụng Luật³.

2.2. Nhóm các quy định sửa đổi, bổ sung nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác đấu thầu, bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch trong hoạt động đấu thầu

a) Sửa đổi, bổ sung quy định về công khai thông tin theo hướng yêu cầu tất cả các thông tin trong hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, bao gồm cả thông tin về quá trình và kết quả thực hiện hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu phải được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu nhằm góp phần hạn chế tình trạng gian lận trong đấu thầu, nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của các bên có liên quan trong hoạt động đấu thầu (*Điều 7 dự thảo Luật*).

b) Hoàn thiện quy định về tiêu chí bảo đảm cạnh tranh trong nội dung hồ sơ mời thầu nhằm hạn chế tình trạng “cài cắm” tiêu chí đánh giá, gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng. Các nội dung “cài cắm” trong hồ sơ mời thầu sẽ được coi là vô hiệu nếu cố tình áp đặt các tiêu chí nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu, nhà đầu tư, gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng. Chính phủ sẽ quy định chi tiết các hành vi hạn chế cạnh tranh (*Điều 17 dự thảo Luật*).

c) Sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện áp dụng đấu thầu quốc tế, đấu

³ Sửa đổi, bổ sung một số giải thích từ ngữ như: Cơ quan có thẩm quyền, đơn vị chuẩn bị dự án đầu tư, tùy chọn mua thêm, đấu thầu nội khối, hệ thống mạng đấu thầu quốc gia...

thầu nội khối giữa các nhà thầu thuộc các quốc gia thành viên của Hiệp định Thương mại tự do đối với các gói thầu, dự án có liên quan đến yếu tố an ninh, quốc phòng theo hướng bảo đảm vừa sàng lọc được nhà thầu phù hợp với điều kiện trong nước, vừa đáp ứng được các yêu cầu về bảo vệ an ninh, quốc phòng, chủ quyền quốc gia (*Điều 13 dự thảo Luật*).

d) Sửa đổi, bổ sung quy định về các trường hợp chỉ định thầu nhằm tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi để áp dụng trong các trường hợp cấp bách hoặc cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án lớn, trọng điểm (như: gói thầu phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh, gói thầu thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư...), và một số gói thầu khác thuộc trường hợp chỉ định thầu theo các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên (như *Điều 23 dự thảo Luật*).

đ) Sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức mua sắm trực tiếp, tự thực hiện nhằm hạn chế tình trạng áp giá cao trong mua sắm trực tiếp; hạn chế tình trạng lạm dụng hình thức tự thực hiện để giao gói thầu cho các đơn vị trực thuộc chủ đầu tư thực hiện thay vì áp dụng đấu thầu rộng rãi (*các Điều 25, 26 dự thảo Luật*).

e) Sửa đổi, bổ sung quy định về lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt theo hướng quy định rõ điều kiện áp dụng, trình tự, thủ tục thực hiện, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc đề xuất, thẩm định, quyết định áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt... để bảo đảm tính khả thi, thống nhất trong quá trình thực hiện (*Điều 27 dự thảo Luật*).

g) Bổ sung quy định về hình thức "Lựa chọn tư vấn cá nhân" theo hướng áp dụng hình thức này đối với các công việc chỉ cần yêu cầu một hoặc một số chuyên gia có kinh nghiệm, năng lực thực hiện mà không cần sự tham gia của tổ chức, không yêu cầu các điều kiện để thực hiện công việc như đối với nhà thầu là tổ chức (*Điều 29 dự thảo Luật*).

h) Sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện áp dụng đối với từng phương thức lựa chọn nhà thầu cho phù hợp nhằm hạn chế tình trạng chủ đầu tư lợi dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ để loại bỏ nhà thầu ngay trong bước đánh giá về kỹ thuật, đến bước đánh giá về tài chính thì chỉ còn lại duy nhất một nhà thầu, dẫn đến không bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả kinh tế (*các Điều 30, 31 và 32 dự thảo Luật*).

i) Sửa đổi, bổ sung quy định về đánh giá uy tín nhà thầu; cách xác định chi phí cho toàn bộ vòng đời sử dụng của hàng hóa, công trình; mua sắm xanh nhằm hạn chế tình trạng nhà thầu bỏ thầu giá rẻ để trúng thầu dẫn đến việc thực hiện hợp đồng không bảo đảm tiến độ, chất lượng (*khoản 2 Điều 40 dự thảo Luật*).

k) Bổ sung quy định đối với mua sắm thường xuyên, bên mời thầu được phép tổ chức đấu thầu khi đã xác định được nguồn vốn mà không nhất thiết phải

đợi đến khi có dự toán được giao. Dự thảo Luật cũng bổ sung quy định về cách thức lựa chọn nhà thầu, phê duyệt dự toán đối với các gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn một năm (*điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 36 dự thảo Luật*).

l) Bổ sung quy định về mua sắm tập trung theo hướng quy định “Thỏa thuận khung mở” để tạo cơ sở pháp lý cho việc lựa chọn nhiều hơn một nhà thầu trúng thầu cung cấp hàng hóa nhằm tăng tính cạnh tranh và bảo đảm khả năng cung cấp hàng hóa của nhà thầu; bổ sung quy định cho phép đàm phán trực tiếp với các nhà sản xuất (ngoài hình thức đấu thầu rộng rãi) để mua sắm thuốc, hàng hóa trong trường hợp dịch bệnh, cấp bách (*các Điều 66, 67 và 68 dự thảo Luật*).

m) Hoàn thiện quy định về phương pháp đánh giá lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước để áp dụng trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh. Theo đó, nhà đầu tư được lựa chọn phải có đề xuất phương án đầu tư kinh doanh mang lại lợi ích cao nhất cho xã hội, Nhà nước, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư, người dân. Phương pháp này cho phép kết hợp giữa các tiêu chuẩn, gồm: tiêu chuẩn năng lực, kinh nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn tài chính. Nhà đầu tư có điểm tổng hợp cao nhất sẽ được xét duyệt trúng thầu (*Điều 44 dự thảo Luật*).

2.3. Nhóm các quy định sửa đổi, bổ sung nhằm đơn giản hóa quy trình, thủ tục thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, cắt giảm thời gian, chi phí trong hoạt động đấu thầu

a) Sửa đổi, bổ sung quy định về thời gian trong đấu thầu theo hướng xác định mức thời gian chung cho cả quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; tùy từng trường hợp cụ thể, người có thẩm quyền được phép điều chỉnh thời gian lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư cho phù hợp. Bên cạnh đó, do nhiều thủ tục đã được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia nên thời gian đấu thầu đã được rút ngắn đáng kể phù hợp với tính năng của Hệ thống này (*Điều 10 dự thảo Luật*).

b) Sửa đổi, bổ sung quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn nhà thầu theo hướng cắt bỏ một số thủ tục trình, thẩm định, phê duyệt ở cấp trung gian như: phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật; danh sách xếp hạng nhà thầu; thương thảo hợp đồng (trừ gói thầu lớn, phức tạp). Thay vào đó, chủ đầu tư sẽ chỉ tổ chức thẩm định, phê duyệt một lần đối với kết quả lựa chọn nhà thầu sau khi bên mời thầu hoàn thành công tác đánh giá hồ sơ dự thầu (*Điều 46 dự thảo Luật*).

c) Bổ sung quy định cho phép chủ đầu tư triển khai trước một số hoạt động chuẩn bị lựa chọn nhà thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu nhằm rút ngắn thời gian thực hiện dự án như: triển khai công tác sơ tuyển, lập hồ sơ mời thầu, tổ chức đấu thầu các gói thầu tư vấn, gói thầu phục vụ công tác giải phóng mặt

bằng, tái định cư..., đặc biệt là các gói thầu đã xác định rõ phạm vi công việc (*Điều 39 dự thảo Luật*).

d) Bổ sung quy định cho phép chủ đầu tư có thể mua bổ sung các hàng hóa, dịch vụ phát sinh trên cơ sở hợp đồng đã thực hiện trước đó (tùy chọn mua thêm) nhằm tiết kiệm thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu, đồng thời vẫn bảo đảm các mục tiêu của công tác đấu thầu là công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế. Quy định này hiện đang được áp dụng đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của các Hiệp định Thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên (*khoản 8 Điều 36 dự thảo Luật*).

đ) Bổ sung quy định cho phép người có thẩm quyền căn cứ quy mô, tính chất của dự án có thể quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể để xác định ngay từ bước phê duyệt dự án đầu tư các nội dung về hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu, loại hợp đồng. Trong quá trình thực hiện dự án, trường hợp có sự thay đổi nội dung của kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng vẫn bảo đảm đúng các nội dung, nguyên tắc đã phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể thì chủ đầu tư được quyền quyết định mà không phải trình người có thẩm quyền (*các Điều 37, 38 dự thảo Luật*).

e) Bổ sung quy định về thủ tục lập danh mục dự án đầu tư để bảo đảm đồng bộ hóa thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, phê duyệt danh mục dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về đấu thầu, đồng thời lược bỏ thủ tục đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư nhằm tạo cơ sở để cơ quan có thẩm quyền tổ chức đấu thầu ngay sau khi dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc danh mục dự án được phê duyệt (*Điều 47 dự thảo Luật*).

g) Lược bỏ thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư để lồng ghép một số nội dung về lựa chọn nhà đầu tư vào quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư) hoặc phê duyệt danh mục dự án (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư) (*Điều 48 dự thảo Luật*).

h) Bổ sung một số quy định về đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trong đó áp dụng các hình thức mua sắm tiên tiến, thuận tiện dựa trên tính năng của hệ thống công nghệ thông tin như: chào giá ngược, mua sắm điện tử (e-catalogue, e-shopping) nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện hoạt động đấu thầu qua mạng, đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch, chống các hành vi thông đồng trong đấu thầu (*các Điều 64, 65 dự thảo Luật*).

Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia được kết nối với các Cổng thông tin điện tử, hệ thống công nghệ thông tin khác (như: Hệ thống quản lý đăng ký về

doanh nghiệp, Hệ thống kê khai thuế điện tử...) để chia sẻ các thông tin về doanh nghiệp phục vụ đấu thầu qua mạng và quản lý nhà nước về đấu thầu.

i) Sửa đổi, bổ sung quy định về các loại hợp đồng, điều kiện áp dụng các loại hợp đồng theo hướng cho phép chủ đầu tư, người có thẩm quyền tùy thuộc vào quy mô, tính chất, điều kiện của từng gói thầu để quyết định lựa chọn áp dụng loại hợp đồng phù hợp thay vì quy định hợp đồng trọn gói là loại hợp đồng cơ bản như quy định của Luật Đấu thầu hiện hành nhằm giải quyết các bất cập trong việc áp dụng loại hợp đồng, đặc biệt là hợp đồng trọn gói.

k) Cụ thể hóa quy định về các trường hợp sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh hợp đồng cho phù hợp với các nguyên tắc đã được quy định tại Bộ luật dân sự và pháp luật xây dựng, đồng thời bổ sung quy định cho phép sửa đổi hợp đồng trong quá trình thực hiện khi hoàn cảnh có sự thay đổi cơ bản so với thời điểm ký kết hợp đồng (như giá nguyên, nhiên, vật liệu có biến động mạnh...) để bảo đảm quyền lợi cho nhà thầu. Chính phủ sẽ quy định chi tiết các nội dung hướng dẫn về hợp đồng (*nội dung về hợp đồng trong lựa chọn nhà thầu được quy định các Điều 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56 và 57 dự thảo Luật*).

l) Bổ sung quy định về hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh để bảo đảm đồng bộ với thủ tục triển khai dự án đầu tư kinh doanh theo pháp luật về đầu tư (*các Điều 58, 59, 60, 61, 62 và 63 dự thảo Luật*).

2.4. Nhóm các quy định sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện quy định về đấu thầu mua sắm hàng hóa trong nước, mua sắm các sản phẩm đổi mới sáng tạo, mua sắm xanh, mua sắm sản phẩm, dịch vụ được cung cấp bởi nhóm lao động yếu thế nhằm góp phần thúc đẩy sản xuất trong nước, thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường

a) Sửa đổi, bổ sung quy định về ưu tiên, ưu đãi cho nhà thầu trong nước; doanh nghiệp cấp nhỏ, siêu nhỏ nhằm tiếp tục khuyến khích, tạo điều kiện phát triển cho các doanh nghiệp nhỏ (*Điều 12 dự thảo Luật*).

b) Bổ sung quy định nhằm khuyến khích sản xuất trong nước theo hướng:

- Áp dụng ưu đãi cho hoạt động mua sắm hàng hóa sản xuất trong nước thay thế hàng nhập khẩu, các sản phẩm đổi mới sáng tạo; ưu đãi cho nhà sản xuất, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (*Điều 12 dự thảo Luật*);

- Hồ sơ mời thầu được quy định hàng hóa chào thầu phải có xuất xứ Việt Nam nếu trong nước có ít nhất ba hãng sản xuất đáp ứng về kỹ thuật, chất lượng, giá thành (*Điều 12 dự thảo Luật*).

c) Bổ sung quy định về phương pháp đánh giá nhằm khuyến khích mua sắm các sản phẩm thân thiện với môi trường, mua sắm xanh nhằm mục tiêu phát triển bền vững (*khoản 2 Điều 40 dự thảo Luật*).

2.5. Nhóm các quy định sửa đổi, bổ sung nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đấu thầu; phòng chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong hoạt động đấu thầu

a) Sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm đẩy mạnh phân cấp, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các chủ đầu tư trong hoạt động đấu thầu theo hướng: Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền cho cấp dưới, chủ đầu tư quyết định các nội dung trong đấu thầu thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*khoản 2 Điều 73, điểm a khoản 2 Điều 80 dự thảo Luật*).

b) Hoàn thiện quy định về các hành vi bị cấm để xác định đầy đủ các hành vi vi phạm trong đấu thầu đã xảy ra trong thực tế⁴, đồng thời quy định cụ thể phạm vi cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với nhà thầu, nhà đầu tư có hành vi vi phạm cho phù hợp với thẩm quyền quản lý của từng người có thẩm quyền (*Điều 19 dự thảo Luật*).

c) Sửa đổi, bổ sung quy định về các trường hợp người có thẩm quyền được phép đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, tuyên bố vô hiệu đối với các quyết định của chủ đầu tư, bên mời thầu trong trường hợp phát hiện có sai phạm trong hoạt động tổ chức lựa chọn nhà thầu nhằm nâng cao giá trị, hiệu lực pháp lý của việc xử lý vi phạm trong đấu thầu (*Điều 16 dự thảo Luật*).

d) Sửa đổi, bổ sung quy định về giải quyết kiến nghị trong đấu thầu theo hướng tăng cường tính độc lập của cơ quan giải quyết kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của công tác giải quyết kiến nghị, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của nhà thầu, nhà đầu tư (*các Điều 88, 89 dự thảo Luật*).

3. Điều khoản thi hành

3.1. Điều khoản chuyển tiếp

Để duy trì ổn định hoạt động đấu thầu trước thời điểm Luật này có hiệu lực, dự thảo Luật quy định: các gói thầu, dự án đầu tư đã phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, lựa chọn nhà đầu tư, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13. Bên cạnh đó, để bảo đảm tính liên tục của hoạt động đấu thầu qua mạng, trong thời gian hoàn chỉnh các chức năng của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định của Luật này, việc đấu thầu qua mạng thực hiện theo các quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13, Nghị định số

⁴ - Nhà thầu xếp hạng thứ nhất có tình không nộp các tài liệu để đối chiếu, chứng minh về năng lực, kinh nghiệm của mình để nhằm mục đích cho nhà thầu xếp hạng cao hơn trúng thầu.

- Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác thực hiện công việc ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ.

63/2014/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn về đấu thầu qua mạng (Điều 92 dự thảo Luật).

3.2. Về các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật

Chính phủ sẽ ban hành 02 Nghị định, gồm: (i) Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; (ii) Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

1. Về tính thống nhất, đồng bộ giữa Luật Đấu thầu và Luật Đất đai trong các quy định về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Dự thảo Luật Đấu thầu (sửa đổi), Luật này điều chỉnh việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất thuộc các trường hợp quy định tại Luật Đất đai.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho rằng, để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa Luật Đấu thầu và Luật Đất đai thì quy định về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất cần được xây dựng phù hợp với chức năng điều chỉnh của từng Luật, theo nguyên tắc:

- Luật Đất đai là Luật khung điều chỉnh việc quản lý, sử dụng đất đai.
- Luật Đấu thầu là luật khung quy định về đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

Trên cơ sở nguyên tắc đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị phân định rõ phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu và Luật Đất đai theo hướng:

- Luật Đất đai quy định trường hợp/điều kiện tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; thủ tục giao đất, cho thuê đất, quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án có sử dụng đất.
- Luật Đấu thầu quy định về hình thức, hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất.

Do cả hai Luật sẽ được Quốc hội khóa XV bắt đầu xem xét từ Kỳ họp thứ 4, Chính phủ cần thống nhất thông qua phạm vi điều chỉnh của cả hai Luật phù hợp với nguyên tắc nêu trên trước khi trình Quốc hội xem xét.

2. Phạm vi điều chỉnh đối với dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước

2.1. Loại ý kiến thứ nhất:

Đa số ý kiến cho rằng, phải quản lý chặt chẽ nguồn vốn của nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp để bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn nhà nước, chống thất thoát, lãng phí, nhưng cũng cần phải bảo đảm để doanh nghiệp được chủ động, linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, chỉ nên quy định dự án đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này. Đối với các dự án khác có sử dụng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp

nhà nước, vốn của doanh nghiệp có vốn của doanh nghiệp nhà nước thì chỉ phải tuân thủ Luật Đấu thầu khi phần vốn nêu trên chiếm từ 30% trở lên hoặc dưới 30% nhưng trên 500 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư của dự án.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư thấy rằng, quy định về phạm vi điều chỉnh đối với các dự án đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước và các dự án đầu tư phát triển có sử dụng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước với phạm vi nêu trên là phù hợp, bảo đảm mục tiêu quản lý tốt phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, đồng thời tạo sự chủ động, linh hoạt, tự quyết định và chịu trách nhiệm của người đứng đầu doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nâng cao tính cạnh tranh của thị trường.

2.2. Loại ý kiến thứ hai:

Một số ý kiến đề nghị quy định tất cả dự án đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước (doanh nghiệp F0) và các doanh nghiệp có vốn nhà nước đều phải tuân thủ Luật Đấu thầu để quản lý chặt chẽ hơn nữa hoạt động đấu thầu của các doanh nghiệp này, gồm: doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của doanh nghiệp F0 (doanh nghiệp F1); doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của doanh nghiệp F1 (doanh nghiệp F2); doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của doanh nghiệp F2 (doanh nghiệp F3)...

Bộ Kế hoạch và Đầu tư thấy rằng, đề xuất nêu trên sẽ hạn chế quyền quyết định và chịu trách nhiệm của người đứng đầu doanh nghiệp; không tạo sự chủ động, linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, không khuyến khích doanh nghiệp phát triển.

Với những lý do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị Chính phủ xem xét, chấp thuận quy định về phạm vi điều chỉnh theo loại ý kiến thứ nhất nêu trên.

3. Về cơ chế giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

3.1. Loại ý kiến thứ nhất:

Đa số ý kiến cho rằng, hiện nay cơ quan giải quyết kiến nghị được thành lập ở cấp trung ương (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) và cấp địa phương (Sở Kế hoạch và Đầu tư) nên không bảo đảm đáp ứng yêu cầu về chuyên môn trong tất cả các ngành, lĩnh vực. Mặt khác, việc giao cho chủ đầu tư, người có thẩm quyền giải quyết kiến nghị như quy định hiện hành là không bảo đảm tính công bằng, khách quan

Thực tế cho thấy, các chủ đầu tư, bên mời thầu là cấp dưới của người có thẩm quyền nên việc xử lý kiến nghị trong nhiều trường hợp không được công bằng dẫn đến khiếu kiện, khiếu nại kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án, làm mất niềm tin của nhà thầu, nhà đầu tư vào các cơ quan nhà nước.

Do vậy, cần phải sửa đổi, bổ sung về cơ chế giải quyết kiến nghị theo hướng nâng cao hơn nữa tính độc lập, chuyên môn của cơ quan giải quyết kiến nghị nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của nhà thầu, nhà đầu tư, góp phần nâng cao tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hạn chế các hành vi vi

phạm của chủ đầu tư, bên mời thầu.

Với mục đích đó, dự thảo Luật quy định việc thành lập Hội đồng giải quyết kiến nghị để xem xét kiến nghị theo từng vụ việc; cụ thể như sau:

- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉ định cá nhân làm nhiệm vụ Chủ trì điều phối. Cá nhân này sẽ chỉ định Chủ tịch và các thành viên tham gia Hội đồng giải quyết kiến nghị đối với từng vụ việc cụ thể (Chủ trì điều phối không tham gia Hội đồng giải quyết kiến nghị và không tham gia giải quyết kiến nghị).

- Số lượng thành viên Hội đồng giải quyết kiến nghị là số lẻ. Thành viên Hội đồng giải quyết kiến nghị là chuyên gia trong lĩnh vực liên quan tới nội dung kiến nghị, bao gồm đấu thầu, pháp lý, kỹ thuật, tài chính, xây dựng, công nghệ và các lĩnh vực khác.

- Hội đồng giải quyết kiến nghị hoạt động theo từng vụ việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số để hình thành Quyết định giải quyết kiến nghị; từng thành viên được quyền bảo lưu ý kiến và chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến của mình. Quyết định giải quyết kiến nghị có hiệu lực pháp lý đối với các bên; trường hợp các bên không đồng ý với quyết định giải quyết kiến nghị thì khởi kiện ra tòa án.

- Quy định rõ cơ chế giải quyết kiến nghị trong đấu thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu; khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Trường hợp nhà thầu, nhà đầu tư đã khiếu nại, tố cáo thì không tiến hành giải quyết kiến nghị.

(Nội dung cụ thể về cơ chế giải quyết kiến nghị trong đấu thầu quy định tại các Điều 87, 88, 89 và 90 dự thảo Luật).

3.2. Loại ý kiến thứ hai:

Có ý kiến cho rằng, Người có thẩm quyền, chủ đầu tư của dự án phải chịu trách nhiệm về việc triển khai thực hiện dự án. Do đó, việc giao cho Người có thẩm quyền, chủ đầu tư chịu trách nhiệm giải quyết kiến nghị như quy định tại Luật Đấu thầu hiện hành là phù hợp. Trường hợp cần thiết, có thể bổ sung quy định nhằm tăng cường hơn nữa trách nhiệm của người có thẩm quyền, chủ đầu tư trong việc giải quyết kiến nghị mà không nhất thiết phải thành lập một Hội đồng độc lập để giải quyết kiến nghị như đề xuất nêu trên.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư thấy rằng, Luật Đấu thầu hiện hành đã có quy định cụ thể trách nhiệm của người có thẩm quyền, chủ đầu tư trong việc giải quyết kiến nghị bảo đảm công bằng, minh bạch. Tuy nhiên, hiệu quả giải quyết kiến nghị trong đấu thầu thời gian vừa qua không cao, chưa thực sự bảo vệ được các quyền và lợi ích hợp pháp của đa số nhà thầu, nhà đầu tư.

Do đó, việc sửa đổi, bổ sung quy định về cơ chế giải quyết kiến nghị theo hướng nâng cao tính độc lập, chuyên môn của cơ quan giải quyết kiến nghị như loại ý kiến thứ nhất là phù hợp và cần thiết nhằm nâng cao tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch trong đấu thầu.

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi), Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Tài liệu gửi kèm theo Tờ trình này:

1. Dự thảo Luật Đấu thầu (sửa đổi);
2. Bản thuyết minh chi tiết dự thảo Luật;
3. Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;
4. Bản đánh giá thủ tục hành chính;
5. Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới;
6. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý, kèm theo bản chụp ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, doanh nghiệp;
7. Nghị quyết của Chính phủ về đề nghị xây dựng luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lãnh đạo Bộ;
- Văn phòng Bộ, Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, QLĐT (HC).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Chí Dũng

Ban hành kèm theo Tờ trình số 4994/TTr-BKHĐT ngày 22/7/2022

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số:/2023/QH15

DỰ THẢO 2

**LUẬT
ĐẦU THẦU**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Đầu thầu.*

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định:

1. Hoạt động *lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu thuộc:*

- a) Dự án đầu tư phát triển sử dụng vốn nhà nước của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập;
- b) Dự án đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước;
- c) Dự án đầu tư phát triển không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản này có sử dụng vốn nhà nước, ***vốn của doanh nghiệp có vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp có vốn của doanh nghiệp nhà nước*** từ 30% trở lên hoặc dưới 30% nhưng trên 500 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư của dự án;
- d) ***Dự toán*** mua sắm sử dụng vốn nhà nước nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập; dự toán mua sắm sử dụng vốn nhà nước nhằm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
- đ) Mua sắm sử dụng vốn nhà nước nhằm cung cấp sản phẩm, dịch vụ công;
- e) ***Dự án, dự toán*** mua sắm hàng dự trữ quốc gia sử dụng vốn nhà nước;
- g) ***Dự án, dự toán*** mua sắm mua thuốc, ***trang thiết bị y tế*** sử dụng vốn nhà nước, nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và

nguồn thu hợp pháp khác của cơ sở y tế công lập.

2. Hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh (sau đây gọi là dự án đầu tư) gồm:

a) Dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Dự án đầu tư phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của các bên tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đấu thầu và quản lý nhà nước về đấu thầu.

4. Luật này không điều chỉnh các trường hợp sau đây:

a) Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nhà thầu thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án;

b) Thuê, mua, thuê mua nhà, trụ sở, tài sản gắn liền với đất;

c) Tổ chức lựa chọn nhà thầu và thực hiện gói thầu ở nước ngoài;

d) Lựa chọn nhà thầu, đối tác để trực tiếp thực hiện hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí theo quy định của pháp luật về dầu khí;

đ) Xác định thành viên trong ban phân xử tranh chấp, ban trọng tài để xử lý tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng; thành viên trong hội đồng giải quyết kiến nghị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đấu thầu quy định tại Điều 1 của Luật này.

2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động đấu thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật **Đấu thầu được chọn áp dụng Luật này. Trường hợp chọn áp dụng thì tổ chức, cá nhân phải xác định toàn bộ hoặc các điều, khoản, điểm cụ thể sẽ thực hiện theo quy định của Luật này.**

Điều 3. Áp dụng Luật Đấu thầu, điều ước quốc tế, thỏa thuận giữa Việt Nam và nhà tài trợ

1. Hoạt động đấu thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối với việc lựa chọn nhà thầu thuộc dự án có sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi phát sinh từ điều ước quốc tế, thỏa thuận vay giữa Việt Nam với nhà tài trợ thì áp dụng theo quy định của điều ước

quốc tế và thỏa thuận vay đó. Trường hợp điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận vay không quy định hoặc quy định phải áp dụng pháp luật Việt Nam thì phải áp dụng Luật này.

3. Trường hợp nhà tài trợ nước ngoài yêu cầu phải ký hợp đồng trước khi điều ước quốc tế, thỏa thuận vay được ký kết thì thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ nước ngoài.

4. Trường hợp gói thầu bao gồm cả phần mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này và phần mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thì việc lựa chọn nhà thầu của gói thầu thực hiện theo quy định của Điều ước quốc tế đó.

5. Trường hợp lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp nhà nước; **lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 1 của Luật này của doanh nghiệp nhà nước** thì doanh nghiệp phải ban hành quy định về lựa chọn nhà thầu để áp dụng thống nhất trong doanh nghiệp trên cơ sở bảo đảm mục tiêu công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Bảo đảm dự thầu** là việc nhà thầu, nhà đầu tư thực hiện một trong các biện pháp đặt cọc hoặc nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng **trong nước**, chi nhánh ngân hàng **nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc nộp Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ** nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam để bảo đảm trách nhiệm dự thầu của nhà thầu, nhà đầu tư trong thời gian xác định theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

2. **Bảo đảm thực hiện hợp đồng** là việc nhà thầu, nhà đầu tư thực hiện một trong các biện pháp đặt cọc hoặc nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng **trong nước**, chi nhánh ngân hàng **nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc nộp Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ** nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam để bảo đảm trách nhiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu, nhà đầu tư.

3. **Bên mời thầu** là cơ quan, tổ chức có chuyên môn và năng lực để thực hiện các hoạt động đấu thầu, bao gồm:

a) Chủ đầu tư hoặc tổ chức do chủ đầu tư quyết định thành lập hoặc lựa chọn;

- b) Đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng nguồn vốn mua sắm thường xuyên;
- c) Đơn vị mua sắm tập trung;
- d) Cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức trực thuộc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lựa chọn.

4. *Chủ đầu tư* là tổ chức sở hữu vốn hoặc tổ chức được giao thay mặt chủ sở hữu vốn, tổ chức vay vốn trực tiếp quản lý quá trình thực hiện dự án.

5. *Chứng thư số* là chứng thư điện tử **theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được sử dụng** trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

6. *Cơ quan có thẩm quyền* là các **Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc phê duyệt danh mục dự án đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.**

7. *Danh sách ngắn* là danh sách nhà thầu trúng sơ tuyển đối với đấu thầu rộng rãi có sơ tuyển; danh sách nhà thầu được mời tham dự thầu đối với đấu thầu hạn chế; danh sách nhà thầu có hồ sơ quan tâm đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm.

8. *Dịch vụ phi tư vấn* là một hoặc một số hoạt động bao gồm: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, nghiệm thu chạy thử, **chụp ảnh vệ tinh**; in ấn; vệ sinh; quản lý, vận hành tòa nhà; kế toán; truyền thông và hoạt động khác không phải là dịch vụ tư vấn quy định tại khoản 9 Điều này.

9. *Dịch vụ tư vấn* là một hoặc một số hoạt động bao gồm: lập, đánh giá báo cáo quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển, kiến trúc; lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, **báo cáo kinh tế - kỹ thuật**, báo cáo đánh giá tác động môi trường; lập thiết kế, dự toán; **tư vấn đấu thầu**; thẩm tra, thẩm định; giám sát; quản lý dự án; thu xếp tài chính; kiểm toán, chuyển giao công nghệ; các dịch vụ tư vấn khác.

10. *Doanh nghiệp dự án* là doanh nghiệp do nhà đầu tư thành lập để thực hiện dự án đầu tư theo **quy định tại khoản 2 Điều 1 của Luật này.**

11. *Dự án đầu tư phát triển* (sau đây gọi chung là dự án) bao gồm: chương trình, dự án đầu tư xây dựng mới; dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng các dự án đã đầu tư xây dựng; dự án mua sắm tài sản, kể cả thiết bị, máy móc không cần lắp đặt; dự án sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị; dự án, đề án quy hoạch; **nhiệm vụ khoa học và công nghệ**, hỗ trợ kỹ thuật, điều tra cơ bản; các chương trình, dự án, đề án đầu tư phát triển khác **theo quy định của pháp luật chuyên ngành.**

12. *Đấu thầu* là quá trình lựa chọn nhà thầu để ký kết, thực hiện **và quản lý** hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp; lựa chọn nhà đầu tư để ký kết, thực hiện **và quản lý** hợp đồng dự án đầu tư trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

13. *Đấu thầu qua mạng* là việc **lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư** trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

14. *Đấu thầu nội khối* là đấu thầu mà chỉ có nhà thầu nội khối được tham dự thầu.

15. *Đấu thầu quốc tế* là đấu thầu mà nhà thầu, nhà đầu tư trong nước, nước ngoài được tham dự thầu.

16. *Đấu thầu trong nước* là đấu thầu mà chỉ có nhà thầu, nhà đầu tư trong nước được tham dự thầu.

17. *Đơn vị chuẩn bị dự án đầu tư là cơ quan, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc lập danh mục dự án đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan.*

18. *Giá gói thầu* là giá trị của gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

19. *Giá dự thầu* là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

20. *Giá đánh giá* là giá dự thầu sau khi đã được sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng với các yếu tố để quy đổi trên cùng một mặt bằng cho cả vòng đời sử dụng của hàng hóa, công trình và các yếu tố khác. Giá đánh giá dùng để xếp hạng hồ sơ dự thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp và gói thầu hỗn hợp áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế **hoặc chào hàng cạnh tranh**.

21. *Giá đề nghị trúng thầu* là giá dự thầu của nhà thầu được đề nghị trúng thầu sau khi đã được sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).

22. *Giá trúng thầu* là giá được ghi trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

23. *Giá hợp đồng* là giá trị ghi trong văn bản hợp đồng làm căn cứ để tạm ứng, thanh toán, thanh lý và quyết toán hợp đồng.

24. *Gói thầu* là một phần hoặc toàn bộ dự án, dự toán mua sắm; gói thầu có thể gồm những nội dung mua sắm giống nhau thuộc nhiều dự án **thuộc một hoặc nhiều chủ đầu tư** hoặc là khối lượng mua sắm một lần, khối lượng mua sắm cho một thời kỳ đối với mua sắm thường xuyên, mua sắm tập trung.

25. *Gói thầu hỗn hợp* là gói thầu bao gồm thiết kế và cung cấp hàng hóa (EP); thiết kế và xây lắp (EC); cung cấp hàng hóa và xây lắp (PC); thiết kế, cung cấp hàng hóa và xây lắp (EPC); **lập dự án, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ**

và thi công xây dựng công trình (chìa khoá trao tay).

26. *Gói thầu quy mô nhỏ* là gói thầu có giá gói thầu trong hạn mức do Chính phủ quy định.

27. *Hàng hóa* gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng, **phương tiện**; hàng tiêu dùng; thuốc, **trang thiết bị y tế**; **phần mềm thương mại**.

28. *Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia* là hệ thống công nghệ thông tin do cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu xây dựng và quản lý nhằm mục đích thống nhất quản lý thông tin về đấu thầu và thực hiện đấu thầu qua mạng **có địa chỉ tại <https://muasamcong.mpi.gov.vn>**.

29. Hoạt động đấu thầu là các hoạt động được thực hiện trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư theo quy định tại khoản 12 Điều này.

30. *Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển* là toàn bộ tài liệu **sử dụng cho hình thức đấu thầu rộng rãi có bước mời quan tâm, sơ tuyển** bao gồm các yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm đối với nhà thầu làm căn cứ để bên mời thầu lựa chọn danh sách nhà thầu trúng sơ tuyển, danh sách nhà thầu có hồ sơ quan tâm được đánh giá đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm.

31. *Hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển* là toàn bộ tài liệu do nhà thầu lập và nộp cho bên mời thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển.

32. *Hồ sơ mời thầu* là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, **chào hàng cạnh tranh** bao gồm các yêu cầu cho một dự án, gói thầu, làm căn cứ để nhà thầu, nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự thầu và để bên mời thầu tổ chức đánh giá hồ sơ dự thầu nhằm lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

33. *Hồ sơ yêu cầu* là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, bao gồm các yêu cầu cho gói thầu, làm căn cứ để nhà thầu chuẩn bị hồ sơ đề xuất và để bên mời thầu tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất nhằm lựa chọn nhà thầu.

34. *Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất* là toàn bộ tài liệu do nhà thầu, nhà đầu tư lập và nộp cho bên mời thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

35. *Hợp đồng* là văn bản thỏa thuận giữa chủ đầu tư với nhà thầu được lựa chọn trong thực hiện gói thầu thuộc dự án; giữa bên mời thầu với nhà thầu được lựa chọn trong mua sắm thường xuyên; giữa đơn vị mua sắm tập trung hoặc giữa đơn vị có nhu cầu mua sắm với nhà thầu được lựa chọn trong mua sắm tập trung; giữa cơ quan có thẩm quyền với nhà đầu tư được lựa chọn hoặc giữa cơ quan có thẩm quyền với nhà đầu tư được lựa chọn và doanh nghiệp dự án.

36. Hợp đồng chìa khoá trao tay là hợp đồng xây dựng để thực hiện toàn bộ các công việc lập dự án, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình của một dự án đầu tư xây dựng.

37. *Kiến nghị* là việc nhà thầu, nhà đầu tư tham dự thầu đề nghị xem xét lại

kết quả lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư và những vấn đề liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

38. *Người có thẩm quyền* là người quyết định phê duyệt dự án hoặc người quyết định mua sắm theo quy định của pháp luật; là người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền theo quy định **tại khoản 6 Điều này.**

39. *Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm tham dự thầu, đứng tên dự thầu và trực tiếp ký, thực hiện hợp đồng nếu được lựa chọn.*

40. *Nhà thầu chính* là nhà thầu chịu trách nhiệm tham dự thầu, đứng tên dự thầu và trực tiếp ký, thực hiện hợp đồng nếu được lựa chọn. Nhà thầu chính có thể là nhà thầu độc lập hoặc thành viên của nhà thầu liên danh.

41. *Nhà thầu phụ* là nhà thầu tham gia thực hiện **công việc xây lắp, tư vấn, phi tư vấn và dịch vụ liên quan của** gói thầu theo hợp đồng được ký với nhà thầu chính. Nhà thầu phụ đặc biệt là nhà thầu phụ thực hiện công việc quan trọng của gói thầu do nhà thầu chính đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trên cơ sở yêu cầu ghi trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

42. *Nhà thầu, nhà đầu tư nước ngoài* là tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài hoặc cá nhân mang quốc tịch nước ngoài tham dự thầu.

43. *Nhà thầu nội khối là tổ chức được thành lập theo pháp luật của nước thành viên hoặc là cá nhân mang quốc tịch nước thành viên thuộc hiệp định mà Việt Nam tham gia hoặc ký kết có cam kết mở cửa thị trường mua sắm công tham dự thầu.*

44. *Nhà thầu, nhà đầu tư trong nước* là tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc cá nhân mang quốc tịch Việt Nam tham dự thầu.

45. *Sản phẩm, dịch vụ công* là sản phẩm, dịch vụ thiết yếu đối với đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, cộng đồng dân cư hoặc bảo đảm quốc phòng, an ninh mà Nhà nước phải tổ chức thực hiện trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo; giáo dục **nghề nghiệp**; y tế; văn hóa, **thể thao và du lịch**; thông tin và truyền thông; khoa học và công nghệ; tài nguyên và môi trường; giao thông vận tải; **nông nghiệp và phát triển nông thôn; công thương; xây dựng; lao động thương binh và xã hội; tư pháp** và các lĩnh vực khác theo quy định của Chính phủ. Sản phẩm, dịch vụ công bao gồm dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích.

46. *Thẩm định* là việc kiểm tra, **xem xét sự phù hợp với quy định của pháp luật đối với các nội dung:** kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và kết quả mời quan tâm, kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư để làm cơ sở xem xét, quyết định phê duyệt theo quy định của Luật này.

47. *Thời điểm đóng thầu* là thời điểm hết hạn nhận hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

48. *Thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất* là số ngày được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

49. *Tổ chuyên gia* gồm các cá nhân có năng lực, kinh nghiệm được bên mời thầu hoặc đơn vị tư vấn đấu thầu thành lập để **thực hiện một hoặc các công việc lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thực hiện các nhiệm vụ khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.**

50. *Tùy chọn mua thêm là khả năng mua bổ sung hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong hợp đồng.*

51. *Vốn nhà nước* bao gồm vốn ngân sách nhà nước; vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ; vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh; vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của Nhà nước; **quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước; giá trị quyền sử dụng đất giao cho các cơ quan, tổ chức thuộc bộ máy nhà nước, doanh nghiệp nhà nước quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.**

52. *Văn bản điện tử là văn bản, thông tin được gửi, nhận và lưu trữ thành công trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.*

53. *Xây lắp* gồm những công việc thuộc quá trình xây dựng những công việc công trình, hạng mục công trình.

Điều 5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư

1. Nhà thầu, nhà đầu tư là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Đối với nhà thầu, nhà đầu tư trong nước: ***là doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác được đăng ký, thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật;***

b) Đối với nhà thầu, nhà đầu tư nước ngoài: có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu, nhà đầu tư đang hoạt động cấp, hạch toán tài chính độc lập;

c) Không đang trong quá trình ***thực hiện thủ tục*** giải thể ***hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định pháp luật của nước mà nhà thầu được cấp Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác;***

d) ***Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước thời điểm xét***

duyet trúng thầu;

đ) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại Điều 6 của Luật này;

e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu;

g) Có tên trong danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngăn;

h) Phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước đối với nhà thầu nước ngoài khi tham dự thầu quốc tế tại Việt Nam, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ phần công việc nào của gói thầu.

2. Nhà thầu, nhà đầu tư là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;

b) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật đối với nhà thầu là cá nhân.

3. Nhà thầu, nhà đầu tư có tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh; trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên, trong đó quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh.

Điều 6. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu

1. Nhà thầu nộp hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các nhà thầu tư vấn lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển; thẩm định kết quả mời quan tâm, kết quả sơ tuyển.

2. Nhà thầu tham dự thầu phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây:

a) Chủ đầu tư, bên mời thầu;

b) Các ***nhà thầu tư vấn quản lý dự án***; nhà thầu tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán; ***lập, thẩm định nhiệm vụ khảo sát, thiết kế***; lập, thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu đó;

c) Các nhà thầu khác cùng tham dự thầu trong một gói thầu đối với đấu thầu hạn chế.

3. Nhà thầu tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với nhà thầu thực hiện hợp đồng, nhà thầu tư vấn kiểm định gói thầu đó.

4. Nhà đầu tư tham dự thầu phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây:

a) Cơ quan có thẩm quyền, bên mời thầu;

b) Nhà thầu tư vấn lập, thẩm định hồ sơ mời thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu; thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư cho đến ngày ký kết hợp đồng dự án.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 7. Thông tin về đấu thầu

1. Các thông tin về lựa chọn nhà thầu gồm:

a) *Thông tin về dự án*, kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

b) Thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển;

c) Thông báo mời thầu;

d) Danh sách ngắn;

đ) Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu và các nội dung sửa đổi, làm rõ hồ sơ (nếu có);

e) Kết quả mở thầu đối với đấu thầu qua mạng;

g) Kết quả lựa chọn nhà thầu;

h) Thông tin chủ yếu về hợp đồng của các dự án, gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này;

i) Thông tin xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu;

k) Thông tin về đấu thầu của các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của các Hiệp định Thương mại tự do và các điều ước quốc tế khác mà Việt Nam tham gia ký kết hoặc là thành viên;

l) Thông tin khác có liên quan.

2. Thông tin về lựa chọn nhà đầu tư gồm:

a) Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư; quyết định phê duyệt danh mục dự án đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư;

b) Thông báo mời thầu; hồ sơ mời thầu và các nội dung sửa đổi, làm rõ hồ sơ (nếu có);

c) Kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

d) Nội dung cơ bản của hợp đồng dự án;

đ) Thông tin xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư;

e) Thông tin khác có liên quan.

3. Các thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này **phải được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu** và khuyến khích đăng tải trên trang thông tin điện tử của bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 8. Ngôn ngữ sử dụng trong đấu thầu

1. Ngôn ngữ sử dụng đối với đấu thầu trong nước là tiếng Việt.

2. Ngôn ngữ sử dụng đối với đấu thầu quốc tế, **đấu thầu nội khối** là tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh. **Nhà thầu, nhà đầu tư được lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để chuẩn bị hồ sơ dự thầu.**

Điều 9. Bảo đảm dự thầu

1. Bảo đảm dự thầu áp dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp và gói thầu hỗn hợp;

b) Đấu thầu rộng rãi đối với lựa chọn nhà đầu tư.

2. Nhà thầu, nhà đầu tư phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo quy định của hồ sơ mời thầu; trường hợp áp dụng phương thức đấu thầu hai giai đoạn, nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trong giai đoạn hai.

3. Giá trị bảo đảm dự thầu được quy định như sau:

a) Đối với lựa chọn nhà thầu, giá trị bảo đảm dự thầu được quy định trong hồ sơ mời thầu theo một mức xác định từ 1% đến 3% giá gói thầu căn cứ quy mô và tính chất của từng gói thầu cụ thể;

b) Đối với lựa chọn nhà đầu tư, giá trị bảo đảm dự thầu được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo một mức xác định từ 0,5% đến 1,5% tổng mức đầu tư căn cứ vào quy mô và tính chất của từng dự án cụ thể.

4. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định trong hồ sơ mời thầu bằng thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu cộng thêm 30 ngày.

5. Trường hợp gia hạn thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu, bên mời thầu phải yêu cầu nhà thầu, nhà đầu tư gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu, nhà đầu tư phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và không được thay đổi nội dung trong hồ sơ dự thầu đã nộp. Trường hợp nhà thầu, nhà đầu tư từ chối gia hạn thì hồ sơ dự thầu sẽ không còn giá trị và bị loại; bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu, nhà đầu tư trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày bên mời thầu nhận được văn bản từ chối gia hạn.

6. Trường hợp liên danh tham dự thầu, từng thành viên trong liên danh có thể thực hiện bảo đảm dự thầu riêng rẽ hoặc thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu cho thành viên đó và cho thành viên khác trong liên danh. Tổng giá trị của bảo đảm dự thầu không thấp hơn giá trị yêu cầu trong hồ sơ mời thầu. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả.

7. Bên mời thầu có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu, nhà đầu tư không được lựa chọn theo thời hạn quy định trong hồ sơ mời thầu nhưng không quá 20 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư được phê duyệt. Đối với nhà thầu, nhà đầu tư được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu, nhà đầu tư thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 54 và Điều 62 của Luật này.

8. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu, nhà đầu tư rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;

b) Nhà thầu, nhà đầu tư vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 15 của Luật này;

c) Nhà thầu, nhà đầu tư không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 54 và Điều 62 của Luật này;

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, ***thoả thuận khung*** trong thời hạn ***10 ngày đối với đấu thầu trong nước và 20 ngày đối với đấu thầu quốc tế, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu***, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) ***Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành ký kết hợp đồng, thoả thuận khung trong thời hạn 10 ngày đối với đấu thầu trong nước và 20***

ngày đối với đấu thầu quốc tế, kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thoả thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn **30 ngày đối với đấu thầu trong nước và 45 ngày đối với đấu thầu quốc tế**, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký kết hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Điều 10. Thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư

1. Thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu:

a) Thời gian chuẩn bị **hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển** tối thiểu là **09** ngày đối với đấu thầu trong nước và **18** ngày đối với đấu thầu quốc tế, kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu;

b) Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu **đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế** tối thiểu là **18** ngày đối với đấu thầu trong nước và **35** ngày đối với đấu thầu quốc tế, kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu; **trường hợp gói thầu quy mô nhỏ, tối thiểu là 09 ngày đối với đấu thầu trong nước và 18 ngày đối với đấu thầu quốc tế**, kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu;

c) Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu **đối với chào hàng cạnh tranh** tối thiểu là **05 ngày làm việc**, kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu;

d) Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu **đối với gói thầu tư vấn có tính chất đơn giản áp dụng loại hợp đồng trọn gói được tổ chức đấu thầu rộng rãi trong nước**, tối thiểu là **09 ngày**, kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu;

đ) Trường hợp gói thầu đủ điều kiện áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật này nhưng người có thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là **10 ngày**.

2. Thời gian trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư:

Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là **60 ngày đối với đấu thầu trong nước, 90 ngày đối với đấu thầu quốc tế**, kể từ ngày đầu tiên phát hành hồ sơ mời thầu đến ngày có thời điểm đóng thầu. Nhà đầu tư phải nộp hồ sơ dự thầu trước thời điểm đóng thầu.

3. Chính phủ quy định chi tiết đối với thời gian khác trong quá trình lựa

chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

Điều 11. Chi phí trong đấu thầu

1. Chi phí trong lựa chọn nhà thầu bao gồm:

a) Chi phí tham dự thầu, bao gồm chi phí liên quan đến việc chuẩn bị hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất thuộc trách nhiệm của nhà thầu;

b) Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển được phát hành miễn phí cho nhà thầu;

c) Đối với đấu thầu trong nước, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được phát hành miễn phí trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cho nhà thầu;

d) Đối với đấu thầu quốc tế, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu được phát hành trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; nhà thầu nộp tiền mua bản điện tử hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu khi nộp hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;

đ) Chi phí tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia thuộc trách nhiệm của nhà thầu và chủ đầu tư, bên mời thầu;

e) Chi phí đăng tải thông tin về đấu thầu và các chi phí liên quan đến tổ chức lựa chọn nhà thầu thuộc trách nhiệm của bên mời thầu;

g) Các chi phí liên quan đến lựa chọn nhà thầu do chủ đầu tư, bên mời thầu thực hiện do Chính phủ quy định, trường hợp thuê tư vấn đấu thầu để thực hiện thì xác định chi phí dựa trên các nội dung và phạm vi công việc, thời gian thực hiện, năng lực kinh nghiệm của chuyên gia tư vấn và các yếu tố khác;

h) Chi phí liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định trong tổng mức đầu tư hoặc dự toán được giao.

2. Chi phí trong lựa chọn nhà đầu tư bao gồm:

a) Chi phí chuẩn bị hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án được xác định hình thức lựa chọn nhà đầu tư thông qua đấu thầu hoặc chuẩn bị danh mục dự án đầu tư, tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà đầu tư và các chi phí liên quan đến tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thuộc trách nhiệm của bên mời thầu, được bố trí từ nguồn chi thường xuyên hoặc nguồn vốn hợp pháp khác;

b) Hồ sơ mời thầu được phát hành miễn phí trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cho nhà đầu tư;

c) Chi phí tham dự thầu, bao gồm chi phí liên quan đến việc chuẩn bị hồ sơ dự thầu thuộc trách nhiệm của nhà đầu tư.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 12. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu

1. *Đối với gói thầu mua sắm hàng hoá, gói thầu hỗn hợp tổ chức* đấu thầu trong nước, *đấu thầu nội khối*, đấu thầu quốc tế, nhà thầu được hưởng ưu đãi khi cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên.

2. Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, xây lắp, *hỗn hợp* tổ chức *đấu thầu nội khối*, đấu thầu quốc tế, đối tượng được hưởng ưu đãi bao gồm:

a) Nhà thầu trong nước tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh với nhà thầu trong nước khác;

b) Nhà thầu nước ngoài liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước mà nhà thầu trong nước đảm nhận từ 30% trở lên giá trị công việc của gói thầu.

3. Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, xây lắp, *hỗn hợp* tổ chức đấu thầu trong nước, đối tượng được hưởng ưu đãi bao gồm:

a) Nhà thầu có từ 25% trở lên số lượng lao động là nữ giới;

b) Nhà thầu có từ 25% trở lên số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật;

c) Nhà thầu là doanh nghiệp cấp nhỏ, siêu nhỏ;

d) Nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

4. Nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo chào hàng hóa đổi mới sáng tạo được hưởng ưu đãi khi tham gia đấu thầu gói thầu mua sắm hàng hóa.

5. Nhà thầu là nhà sản xuất chào hàng hóa xuất xứ Việt Nam được hưởng ưu đãi khi tham gia đấu thầu gói thầu mua sắm hàng hóa.

6. Việc tính ưu đãi đối với nhà thầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu để so sánh, xếp hạng hồ sơ dự thầu theo một trong hai cách sau đây:

a) Cộng thêm điểm vào điểm đánh giá của nhà thầu thuộc đối tượng được ưu đãi;

b) Cộng thêm số tiền vào giá dự thầu hoặc vào giá đánh giá của nhà thầu không thuộc đối tượng được ưu đãi.

7. Nhà thầu quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này được hưởng ưu đãi khi đánh giá về năng lực, kinh nghiệm trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 13. Đấu thầu quốc tế

1. Việc tổ chức đấu thầu quốc tế để lựa chọn nhà thầu được thực hiện khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Nhà tài trợ vốn cho gói thầu có yêu cầu tổ chức đấu thầu quốc tế;

b) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, xây lắp, hỗn hợp mà nhà thầu trong nước không có khả năng đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu *hoặc gói thầu được thực hiện đấu thầu rộng rãi trong nước trước đó nhưng không có nhà thầu tham gia;*

c) *Gói thầu chỉ có sự quan tâm của nhà thầu nước ngoài thông qua khảo sát thị trường;*

d) *Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn mà người có thẩm quyền xét thấy cần có sự tham gia của nhà thầu nước ngoài để nâng cao chất lượng của gói thầu, dự án;*

đ) Gói thầu mua sắm hàng hóa mà hàng hóa đó trong nước không sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng, giá. Trường hợp hàng hóa thông dụng, đã được nhập khẩu và chào bán tại Việt Nam thì không tổ chức đấu thầu quốc tế.

2. Việc tổ chức đấu thầu quốc tế để lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện đối với các dự án đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này, trừ trường hợp sau đây:

a) Dự án thuộc ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư;

b) Dự án có yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền và ý kiến thống nhất của Bộ Quốc phòng đối với yêu cầu bảo đảm quốc phòng; ý kiến thống nhất của Bộ Công an đối với yêu cầu bảo đảm an ninh;

c) Dự án trong hạn mức được áp dụng đấu thầu trong nước theo quy định của Chính phủ phù hợp với từng ngành, lĩnh vực của dự án đầu tư.

3. Trường hợp gói thầu, dự án đầu tư phát triển có các yếu tố về an ninh, quốc phòng hoặc các trường hợp đặc thù khác và thuộc trường hợp đấu thầu

quốc tế quy định tại khoản 1 Điều này, Chính phủ xem xét, quyết định đấu thầu nội khối hoặc đấu thầu trong một số quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nhất định.

Điều 14. Điều kiện đối với cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu

1. Cá nhân thuộc chủ đầu tư, bên mời thầu, tổ chuyên gia, tổ chức thẩm định, nhà thầu tư vấn đấu thầu khi tham gia hoạt động đấu thầu phải có trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm, ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu của gói thầu, dự án và tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp khi tham gia hoạt động đấu thầu.

2. Cá nhân tham gia trực tiếp lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu hoặc đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất hoặc thẩm định kết quả lựa chọn danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này và các điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật;*
- b) Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;*
- c) Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm liên quan đến công việc được phân công trong gói thầu, dự án;*
- d) Có bản cam kết về việc thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật đấu thầu, pháp luật có liên quan đến hoạt động đấu thầu và tuân thủ quy tắc đạo đức khi tham gia hoạt động đấu thầu.*

Điều 15. Hủy thầu và trách nhiệm khi hủy thầu

1. Các trường hợp hủy thầu đối với lựa chọn nhà thầu:

- a) Tất cả hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất không đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;*
- b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã phê duyệt trong quyết định đầu tư ảnh hưởng tới hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;*
- c) Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;*
- d) Nội dung hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ*

sơ yếu cầu hoặc việc tổ chức lựa chọn nhà thầu không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật dẫn đến làm hạn chế sự cạnh tranh giữa các nhà thầu và không bảo đảm mục tiêu hiệu quả của gói thầu;

đ) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

2. Các trường hợp hủy thầu đối với lựa chọn nhà đầu tư:

a) Tất cả hồ sơ dự thầu không đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của hồ sơ mời thầu;

b) Thay đổi nội dung về mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn đầu tư của dự án đã được phê duyệt trong quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc danh mục dự án đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ảnh hưởng tới hồ sơ mời thầu;

c) Hồ sơ mời thầu không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà đầu tư được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án;

d) Nội dung hồ sơ mời thầu hoặc việc tổ chức lựa chọn nhà đầu tư không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật dẫn đến làm hạn chế sự cạnh tranh giữa các nhà đầu tư và không bảo đảm mục tiêu hiệu quả của dự án;

đ) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

3. Hủy thầu được thực hiện trong khoảng thời gian từ ngày phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đến trước khi ký kết hợp đồng.

4. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 và khoản 2 Điều này phải đền bù chi phí cho các bên liên quan **để bù đắp chi phí đấu thầu lại** và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư

1. Người có thẩm quyền xem xét, quyết định đình chỉ cuộc thầu, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư tuyên bố vô hiệu đối với các quyết định của chủ đầu tư, bên mời thầu trong trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu và các quy định khác của pháp luật liên quan của tổ chức, cá nhân khác tham gia hoạt động đấu thầu.

2. Đình chỉ cuộc thầu, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư được áp dụng khi có bằng chứng cho thấy tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu hoặc các quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến không bảo đảm mục tiêu của công tác đấu thầu là cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế hoặc làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

3. Đình chỉ cuộc thầu là việc dừng cuộc thầu, được áp dụng để khắc phục ngay vi phạm đã xảy ra và được thực hiện đến trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư. Không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư là việc hủy bỏ kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư được thực hiện từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư đến trước khi ký kết hợp đồng; trong trường hợp cần thiết có thể áp dụng sau khi ký kết hợp đồng. Trong văn bản đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư phải nêu rõ lý do, nội dung, biện pháp và thời gian để khắc phục vi phạm về đấu thầu.

4. Biện pháp tuyên bố vô hiệu đối với các quyết định của chủ đầu tư, bên mời thầu do người có thẩm quyền quyết định khi phát hiện các quyết định của chủ đầu tư, bên mời thầu không phù hợp quy định pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.

Điều 17. Nội dung hồ sơ mời thầu

1. Hồ sơ mời thầu theo quy định tại khoản 32 Điều 4 của Luật này gồm các nội dung sau đây:

a) Đối với lựa chọn nhà thầu: chỉ dẫn nhà thầu; bảng dữ liệu; kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu, tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu, tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật và tiêu chuẩn đánh giá về tài chính, thương mại; biểu mẫu mời thầu và dự thầu; phạm vi cung cấp, yêu cầu về kỹ thuật; quy định về hợp đồng; các hồ sơ, bản vẽ và các nội dung khác (nếu có);

b) Đối với lựa chọn nhà đầu tư: chỉ dẫn nhà đầu tư; bảng dữ liệu; kiểm tra, đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu; phương pháp đánh giá; tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, tiêu chuẩn đánh giá phương án đầu tư kinh doanh, tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả sử dụng đất hoặc hiệu

quả đầu tư; biểu mẫu dự thầu; thông tin và yêu cầu thực hiện dự án; dự thảo hợp đồng, biểu mẫu hợp đồng và nội dung khác.

2. Hồ sơ mời thầu không được nêu bất cứ điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu, nhà đầu tư hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu, nhà đầu tư gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.

3. Đối với gói thầu mua sắm hàng hoá được tổ chức đấu thầu nội khối, nhà thầu chỉ được chào hàng hoá xuất xứ từ các nước thành viên.

4. Đối với gói thầu mua sắm hàng hoá được tổ chức đấu thầu trong nước mà có ít nhất ba hãng sản xuất cho một mặt hàng xuất xứ trong nước đáp ứng về kỹ thuật, chất lượng, giá thì người có thẩm quyền quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào hàng hoá xuất xứ trong nước đối với mặt hàng này.

5. Hồ sơ mời thầu không được nêu thương hiệu, xuất xứ của hàng hoá, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

6. Trường hợp hồ sơ mời thầu có các nội dung vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này thì các nội dung này sẽ bị coi là vô hiệu, không phải là căn cứ để đánh giá hồ sơ dự thầu.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 18. Xử lý tình huống

1. Xử lý tình huống là việc giải quyết trường hợp phát sinh trong đấu thầu chưa được quy định cụ thể, rõ ràng trong pháp luật về đấu thầu. Người quyết định xử lý tình huống phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình trên cơ sở bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế;

b) Căn cứ vào kế hoạch lựa chọn nhà thầu; hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; hợp đồng đã ký kết với nhà thầu, nhà đầu tư được lựa chọn; tình hình thực tế triển khai thực hiện gói thầu, dự án.

2. Thẩm quyền xử lý tình huống trong đấu thầu:

a) Đối với lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu thuộc dự án, người quyết định xử lý tình huống là chủ đầu tư. Trong trường hợp phức tạp, chủ đầu tư quyết định xử lý tình huống sau khi có ý kiến của người có thẩm quyền;

b) Đối với lựa chọn nhà thầu trong mua sắm thường xuyên, mua sắm tập trung, người quyết định xử lý tình huống là bên mời thầu;

c) Đối với lựa chọn nhà đầu tư, người quyết định xử lý tình huống là người có thẩm quyền.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 19. Các hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu

1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.

2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động đấu thầu.

3. **Thông thầu** bao gồm các hành vi sau đây:

a) Thỏa thuận **để một hoặc các bên chuẩn bị hồ sơ dự thầu hoặc** rút khỏi việc tham dự thầu để một bên tham gia thỏa thuận trúng thầu;

b) Thỏa thuận về việc **không giao dịch**, từ chối cung cấp hàng hóa, **dịch vụ**, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc các hình thức gây khó khăn khác cho các bên không tham gia thỏa thuận **trong việc tham dự thầu**;

c) **Nhà thầu, nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm mục đích dàn xếp cho nhà thầu khác trúng thầu.**

4. Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây:

a) **Làm giả** hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào;

b) Nhà thầu, nhà đầu tư cố ý cung cấp các thông tin không trung thực, **không khách quan** trong hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất **nhằm** làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

5. Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây:

a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, quấy rối hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Các hành vi cản trở đối với người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu, nhà đầu tư **trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư**;

c) **Cản trở** cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán **trong quá trình thực hiện nhiệm vụ**.

6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu, nhà đầu tư đối với gói thầu, dự án do mình làm bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện các nhiệm vụ của bên mời thầu, chủ đầu tư;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với cùng một gói thầu, dự án;

c) Tham gia đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư đối với cùng một gói thầu, dự án;

d) Là cá nhân thuộc bên mời thầu, chủ đầu tư nhưng trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ chức thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư hoặc là người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu đối với các gói thầu, dự án do cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, nhà đầu tư tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, ***phi tư vấn*** do mình cung cấp dịch vụ tư vấn ***lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế FEED, dự toán, lập, thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, kiểm định hàng hóa, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, giám sát thực hiện hợp đồng và các dịch vụ tư vấn tương tự***;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác trong thời hạn 12 tháng, kể từ khi thôi việc tại cơ quan, tổ chức đó;

g) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do mình giám sát;

h) Áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư không phải là hình thức đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện theo quy định của Luật này;

i) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong hồ sơ mời thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp hoặc gói thầu hỗn hợp khi áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, ***chào hàng cạnh tranh, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 17 của Luật này***;

k) Chia dự án, dự toán được giao thành các gói thầu trái với quy định của Luật này nhằm mục đích chỉ định thầu hoặc hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.

7. Tiết lộ, tiếp nhận những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 8 và điểm đ khoản

9 Điều 73, khoản 12 Điều 74, điểm i khoản 1, điểm i khoản 2 và điểm m khoản 3 Điều 75, khoản 7 Điều 76, khoản 7 Điều 77, khoản 7 Điều 78 điểm d khoản 2 và điểm d khoản 4 Điều 90 của Luật này:

a) Nội dung hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; *nội dung yêu cầu làm rõ hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của bên mời thầu và trả lời của nhà thầu, nhà đầu tư trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; báo cáo của bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trước khi công khai theo quy định;*

c) Kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trước khi được công khai theo quy định;

d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư được *xác định chứa nội dung bí mật nhà nước* theo quy định của pháp luật.

8. Chuyển nhượng thầu, bao gồm các hành vi sau đây:

a) *Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc đã dành cho nhà thầu phụ đặc biệt nêu trong hợp đồng hoặc chuyển nhượng chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho thầu phụ đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất mà không được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;*

b) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc *quy định tại điểm a khoản này.*

9. Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi *chưa đáp ứng quy định về nguồn vốn quy định tại khoản 3 Điều 36 của Luật này* dẫn tới tình trạng nợ đọng vốn của nhà thầu.

Điều 20. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu *bị xử lý theo một hoặc các hình thức sau:*

a) *Cấm tham gia hoạt động đấu thầu được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật này;*

b) Xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật trong trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Thẩm quyền cấm tham gia hoạt động đấu thầu được quy định như sau:

a) Người có thẩm quyền ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với các dự án, dự toán được giao trong phạm vi quản lý của mình; trường hợp vi phạm nghiêm trọng thì đề nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương hoặc đề nghị Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên phạm vi cả nước;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương mình đối với những trường hợp do người có thẩm quyền đề nghị theo quy định tại điểm a khoản này;

c) Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành quyết định cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên phạm vi cả nước đối với những trường hợp do người có thẩm quyền đề nghị theo quy định tại điểm a khoản này.

3. Công khai xử lý vi phạm:

a) Quyết định xử lý vi phạm phải được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan, đồng thời phải được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, tổng hợp;

b) Quyết định xử lý vi phạm phải được đăng tải trên Báo đấu thầu, hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

CHƯƠNG II

HÌNH THỨC, PHƯƠNG THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU, NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1

HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU, NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 21. Đấu thầu rộng rãi

Đấu thầu rộng rãi được áp dụng cho các gói thầu, dự án thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này và không hạn chế số lượng nhà thầu, nhà đầu tư tham dự, trừ trường hợp quy định tại các Điều 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28 và 29 của Luật này.

Điều 22. Đấu thầu hạn chế

Đấu thầu hạn chế được áp dụng trong trường hợp gói thầu có yêu cầu cao về kỹ thuật hoặc kỹ thuật có tính đặc thù mà chỉ có một số nhà thầu đáp ứng yêu cầu của gói thầu *hoặc theo yêu cầu của nhà tài trợ nước ngoài đối với nguồn vốn sử dụng cho gói thầu.*

Điều 23. Chỉ định thầu

1. Chỉ định thầu đối với nhà thầu được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Gói thầu cần thực hiện để khắc phục ngay hoặc để xử lý kịp thời hậu quả gây ra do sự cố bất khả kháng; gói thầu cần thực hiện để bảo đảm bí mật nhà nước; gói thầu *cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, hàng hoá, xây lắp* cần triển khai ngay để tránh gây nguy hại trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của cộng đồng dân cư trên địa bàn hoặc để không ảnh hưởng nghiêm trọng đến công trình liền kề;

b) *Gói thầu trong trường hợp khẩn cấp do các sự kiện khách quan, không lường trước được mà chủ đầu tư không thể kịp thời thực hiện gói thầu nếu áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác;*

c) *Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, hàng hoá, xây lắp trong công tác phòng, chống dịch bệnh cần triển khai ngay để tránh gây nguy hại trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe mà không thể kịp thời thực hiện gói thầu nếu áp dụng các hình thức đấu thầu rộng rãi, hạn chế, chào hàng cạnh tranh;*

d) Gói thầu cấp bách cần triển khai nhằm mục tiêu bảo vệ chủ quyền quốc gia, biên giới quốc gia, hải đảo;

đ) *Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó để bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền mà không thể mua được từ nhà thầu khác; gói thầu mua sắm hàng hóa phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó hoặc nhà sản xuất, đại lý ủy quyền của hãng sản xuất để bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền;*

e) Gói thầu có tính chất nghiên cứu, thử nghiệm, mua bản quyền sở hữu trí tuệ;

g) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, mua sắm hàng hoá, xây lắp chỉ có thể thực hiện bởi một nhà thầu và không có hàng hoá, dịch vụ thay thế phù hợp vì yêu cầu đối với một tác phẩm nghệ thuật hoặc bảo hộ quyền đối với sáng chế, bảo hộ quyền tác giả hoặc các hình thức bảo hộ độc quyền khác hoặc không có sự cạnh tranh vì lý do về mặt kỹ thuật của gói thầu;

h) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng được chỉ định cho tác giả của thiết kế kiến trúc công trình trúng tuyển hoặc liên danh giữa tác giả và nhà thầu khác khi tác giả có đủ điều kiện năng lực theo quy định; gói thầu thi công xây dựng tượng đài, phù điêu, tranh hoành tráng, tác phẩm nghệ thuật gắn với quyền tác giả từ khâu sáng tác đến thi công công trình;

i) Gói thầu tư vấn, thi công di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng; các gói thầu tư vấn về khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công, giám sát thi công và phá bom mìn vật nổ; gói thầu thi công và phá bom mìn vật nổ để chuẩn bị mặt bằng thi công xây dựng công trình;

k) Gói thầu mua sắm hàng hóa mà hàng hóa được mua trên Sở Giao dịch hàng hóa trong nước;

l) Gói thầu được thực hiện trong các điều kiện đặc biệt thuận lợi và chỉ xuất hiện trong thời gian rất ngắn, bao gồm: mua sắm từ các hoạt động thanh lý không theo định kỳ, bán gấp hoặc phá sản;

m) Gói thầu theo yêu cầu của nhà tài trợ nước ngoài đối với nguồn vốn sử dụng cho gói thầu;

n) Gói thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, gói thầu có giá gói thầu trong hạn mức được áp dụng chỉ định thầu theo quy định của Chính phủ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

2. Khi áp dụng chỉ định thầu, chủ đầu tư, bên mời thầu phát hành hồ sơ yêu cầu cho một hoặc một số nhà thầu hoặc gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.

3. Việc thực hiện chỉ định thầu đối với gói thầu quy định tại các điểm d, đ, e, g, h, i, k, l, m và n khoản 1 Điều này phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có quyết định đầu tư được phê duyệt, trừ gói thầu tư vấn phục vụ công tác chuẩn bị dự án;

b) Có kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt;

c) Đã được bố trí vốn theo yêu cầu tiến độ thực hiện gói thầu;

d) Có dự toán được phê duyệt theo quy định, trừ trường hợp đối với gói thầu EP, EC, EPC, gói thầu chìa khóa trao tay;

đ) Có thời gian thực hiện chỉ định thầu kể từ ngày phê duyệt hồ sơ yêu cầu đến ngày ký kết hợp đồng không quá 45 ngày; trường hợp gói thầu có quy mô lớn, phức tạp không quá 90 ngày;

4. Nhà thầu được chỉ định thầu không phải đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6 của Luật này.

5. Đối với gói thầu thuộc trường hợp chỉ định thầu quy định tại khoản 1 Điều này và đáp ứng điều kiện chỉ định thầu quy định tại khoản 3 Điều này nhưng vẫn có thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác quy định tại các Điều 21, 22, 24 và 25 của Luật này thì khuyến khích áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu khác.

Điều 24. Chào hàng cạnh tranh

Chào hàng cạnh tranh được áp dụng đối với gói thầu có giá trị trong hạn mức theo quy định của Chính phủ và thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Gói thầu dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản;
2. Gói thầu mua sắm hàng hoá thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng;
3. Gói thầu xây lắp công trình đơn giản đã có thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt.

Điều 25. Mua sắm trực tiếp

1. Mua sắm trực tiếp được áp dụng trong trường hợp chủ đầu tư, bên mời thầu cần mua thêm hàng hóa, dịch vụ của gói thầu đã thực hiện trước đó. Mua sắm trực tiếp được thực hiện trong các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, chủ đầu tư, bên mời thầu có thể áp dụng cả khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Đối với hàng hóa, mua sắm trực tiếp được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Gói thầu có nội dung, tính chất tương tự và khối lượng **không vượt 30% so với gói thầu đã ký hợp đồng trước đó, không bao gồm khối lượng của tùy chọn mua thêm, nếu có;**

b) **Nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu trước đó;**

c) Đơn giá của các phần việc thuộc gói thầu áp dụng mua sắm trực tiếp không được vượt đơn giá của các phần việc tương ứng thuộc gói thầu đã ký hợp đồng trước đó;

d) Thời hạn từ khi ký hợp đồng của gói thầu trước đó đến ngày phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp không quá 12 tháng;

đ) Chỉ được áp dụng mua sắm trực tiếp một lần;

e) Gói thầu thuộc cùng hoặc khác chủ đầu tư đối với dự án, bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên với gói thầu trước đó.

3. Đối với hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm trực tiếp thuộc tùy chọn mua thêm của gói thầu trước đó được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Gói thầu ***trước đó*** được tổ chức đấu thầu rộng rãi và ***chưa sử dụng hoặc chưa mua đủ khối lượng thuộc tùy chọn mua thêm***;

b) Gói thầu có quy mô nhỏ hơn hoặc bằng khối lượng của phần tùy chọn mua thêm chưa mua bổ sung của gói thầu trước đó;

c) Hợp đồng của gói thầu trước đó đã hoàn thành và được thanh lý;

d) Đơn giá của các phần việc thuộc gói thầu áp dụng mua sắm trực tiếp không được vượt đơn giá của các phần việc tương ứng thuộc gói thầu đã ký hợp đồng trước đó;

đ) Thời hạn từ khi ký hợp đồng của gói thầu trước đó đến ngày phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp không quá 12 tháng;

e) Gói thầu thuộc cùng chủ đầu tư đối với dự án, bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên với gói thầu trước đó.

4. Trường hợp nhà thầu thực hiện hợp đồng trước đó không có khả năng tiếp tục thực hiện gói thầu mua sắm trực tiếp thì được áp dụng mua sắm trực tiếp đối với nhà thầu khác nếu đáp ứng các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật và giá theo hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó.

Điều 26. Tự thực hiện

1. Tự thực hiện được áp dụng đối với gói thầu thuộc dự án, dự toán được giao trong trường hợp tổ chức trực tiếp quản lý, **sử dụng** gói thầu có năng lực kỹ thuật, tài chính và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu.

2. Tự thực hiện được thực hiện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh phù hợp với yêu cầu của gói thầu;

b) Phải chứng minh và thể hiện trong phương án tự thực hiện về khả năng huy động nhân sự, máy móc, thiết bị đáp ứng yêu cầu về tiến độ thực hiện gói thầu;

c) Đơn vị thực hiện gói thầu thuộc một trong các đối tượng sau: tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng hoặc đơn vị hạch toán phụ thuộc của tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng hoặc phòng, ban thuộc tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng;

d) Đơn vị được giao thực hiện gói thầu không được chuyển nhượng khối lượng công việc có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 50 tỷ đồng (không bao gồm giá trị nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư để thực hiện gói thầu) tính trên giá hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giao việc.

Điều 27. Lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt

1. Lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt được áp dụng đối với gói thầu, dự án xuất hiện các điều kiện đặc thù, riêng biệt mà không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định áp dụng lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt trên cơ sở thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với một hoặc các trường hợp sau:

a) Dự án, gói thầu cụ thể do người có thẩm quyền đề xuất;

b) Các trường hợp đặc biệt đối với một số gói thầu, nội dung mua sắm sử dụng vốn nhà nước nhằm duy trì hoạt động thường xuyên quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 của Luật này;

c) Một số gói thầu, nội dung mua sắm áp dụng chung đối với dự án đầu tư phát triển thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 1 của Luật này do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ đề xuất.

3. Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ bao gồm các nội dung sau:

a) Thông tin cơ bản của dự án, gói thầu;

b) Thuyết minh về tính đặc thù, riêng biệt của dự án, gói thầu;

c) Phương án lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt bao gồm các bước thực hiện lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư để giải quyết được tính đặc thù, riêng biệt của gói thầu, dự án.

Điều 28. Tham gia thực hiện của cộng đồng

Cộng đồng dân cư, tổ chức, tổ, nhóm thợ tại địa phương nơi có gói thầu được giao thực hiện toàn bộ hoặc một phần gói thầu đó trong các trường hợp:

1. Gói thầu thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ xóa đói giảm nghèo cho các huyện, xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Gói thầu quy mô nhỏ mà cộng đồng dân cư, tổ chức, tổ, nhóm thợ tại địa phương có thể đảm nhiệm.

Điều 29. Lựa chọn tư vấn cá nhân

Lựa chọn tư vấn cá nhân được áp dụng khi công việc của gói thầu chỉ yêu cầu một hoặc một số chuyên gia có kinh nghiệm, năng lực thực hiện mà không cần sự tham gia của tổ chức, không yêu cầu các điều kiện để thực hiện công việc như đối với nhà thầu là tổ chức.

Mục 2

PHƯƠNG THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU, NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 30. Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ

1. Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp;

b) Chào hàng cạnh tranh đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp;

c) Chỉ định thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp;

d) Mua sắm trực tiếp đối với gói thầu mua sắm hàng hóa;

đ) Đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư.

2. Nhà thầu, nhà đầu tư nộp hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất gồm đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

3. Việc mở thầu được tiến hành một lần đối với toàn bộ hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

Điều 31. Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ

1. Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn;

b) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp ***phức tạp, kỹ thuật cao, đặc thù***.

2. Nhà thầu nộp đồng thời hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và hồ sơ đề xuất về tài chính riêng biệt theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

3. Việc mở thầu được tiến hành hai lần. Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật sẽ được mở ngay sau thời điểm đóng thầu. Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở hồ sơ đề xuất về tài chính để đánh giá.

Điều 32. Phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, hai túi hồ sơ

1. Phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, hai túi hồ sơ được áp dụng trong trường hợp đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với:

a) Lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu EPC, gói thầu xây lắp có quy mô lớn, phức tạp;

b) ***Lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu công nghệ thông tin phức tạp chịu ảnh hưởng bởi sự phát triển nhanh chóng của công nghệ và chưa xác định được chính xác các yêu cầu kỹ thuật cụ thể, đầy đủ cho gói thầu ngay từ ban đầu;***

c) ***Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có yêu cầu đặc thù phát triển kinh tế, xã hội của ngành, vùng, địa phương, phương án đầu tư kinh doanh mà có sự tham gia của người dân nhưng chưa xác định được cụ thể tiêu chuẩn về kỹ thuật, kinh tế, xã hội, môi trường.***

2. Quy trình lựa chọn nhà thầu trong giai đoạn một được thực hiện như sau:

Nhà thầu nộp hồ sơ đề xuất về kỹ thuật ***không bao gồm giá dự thầu*** theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, ***căn cứ thiết kế cơ sở hoặc thông số kỹ thuật của gói thầu. Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật sẽ được mở ngay sau thời điểm đóng thầu. Nhà thầu có hồ sơ đề xuất về kỹ thuật đạt yêu cầu giai đoạn một được*** mời tham dự thầu giai đoạn hai.

3. Quy trình lựa chọn nhà thầu trong giai đoạn hai đối với phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ được thực hiện như sau:

a) Nhà thầu trong danh sách đạt yêu cầu giai đoạn một được mời ***vào làm rõ hồ sơ đề xuất về kỹ thuật. Nội dung làm rõ đề xuất về kỹ thuật bao gồm việc chủ đầu tư, bên mời thầu yêu cầu nhà thầu điều chỉnh đề xuất về kỹ thuật giai đoạn một. Nhà thầu được đưa ra ý kiến góp ý về nội dung hồ sơ mời thầu;***

b) ***Trên cơ sở các cuộc làm rõ đề xuất về kỹ thuật với từng nhà thầu, hồ sơ mời thầu giai đoạn một được điều chỉnh, bổ sung về chỉ dẫn nhà thầu, tiêu chuẩn đánh giá, yêu cầu kỹ thuật, điều kiện hợp đồng và các nội dung khác để hình thành hồ sơ mời thầu giai đoạn hai, kể cả các sai lệch về kỹ thuật của nhà***

thầu đã được chấp nhận, đề xuất trong phương án thay thế của nhà thầu đã được chấp nhận;

c) Nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu bao gồm đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu giai đoạn hai, trong đó có giá dự thầu và bảo đảm dự thầu, trên cơ sở nội dung ***điều chỉnh đề xuất về kỹ thuật giai đoạn một theo quy định tại điểm a khoản này. Việc mở thầu được tiến hành một lần đối với toàn bộ hồ sơ dự thầu.***

4. Quy trình lựa chọn nhà thầu trong giai đoạn hai đối với phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ được thực hiện như sau:

a) Thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều này;

b) Nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu bao gồm đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính riêng biệt theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu ***giai đoạn hai, trong đó có giá dự thầu và bảo đảm dự thầu. Việc mở thầu được tiến hành hai lần.*** Hồ sơ đề xuất về kỹ thuật sẽ được mở ngay sau thời điểm đóng thầu. Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở hồ sơ đề xuất về tài chính để đánh giá.

5. Chính phủ quy định chi tiết về lựa chọn nhà đầu tư theo phương thức hai giai đoạn.

CHƯƠNG III

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 33. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể cho dự án đầu tư phát triển

1. Đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, căn cứ quy mô, tính chất phức tạp của công tác đấu thầu của dự án, chủ đầu tư hoặc cơ quan chuẩn bị dự án xem xét, trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể cho dự án hoặc tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án mà không lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể có các nội dung chính bao gồm xem xét tác động của bối cảnh thực hiện dự án đối với công tác đấu thầu; đánh giá năng lực, nguồn lực và kinh nghiệm của chủ đầu tư đối với việc thực hiện các hoạt động đấu thầu của dự án; phân tích thị trường; xác định các rủi ro trong đấu thầu; mục tiêu cụ thể của đấu thầu; khuyến nghị kế hoạch thực hiện

đấu thầu cho dự án như việc phân chia dự án thành các gói thầu, hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu, loại hợp đồng và tiến độ thực hiện gói thầu.

3. Chủ đầu tư hoặc cơ quan chuẩn bị dự án có thể nghiên cứu thị trường hoặc thuê tư vấn nghiên cứu thị trường để phục vụ việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể.

4. Đối với các dự án ngoài dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, chủ đầu tư hoặc cơ quan chuẩn bị dự án có thể trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 34. Nguyên tắc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập cho toàn bộ dự án, dự toán mua sắm. ***Đối với mua sắm thường xuyên, bao gồm mua sắm sử dụng nguồn chi thường xuyên nhằm thực hiện các hoạt động triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ, kế hoạch lựa chọn nhà thầu có thể được lập trên cơ sở dự toán được giao của năm này và dự kiến dự toán được giao của các năm tiếp theo.*** Trường hợp chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho toàn bộ dự án, dự toán được giao thì lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho một hoặc một số gói thầu để thực hiện trước.

2. ***Trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn một năm, trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ thời gian thực hiện hợp đồng, giá gói thầu trên cơ sở toàn bộ thời gian thực hiện hợp đồng. Người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu chịu trách nhiệm trong việc bảo đảm bố trí đầy đủ kinh phí để thanh toán hợp đồng trong từng năm.***

3. Trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ số lượng gói thầu và nội dung của từng gói thầu. Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể nghiên cứu thị trường hoặc thuê tư vấn nghiên cứu thị trường để phục vụ việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu.

4. Việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải căn cứ theo tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện; bảo đảm tính đồng bộ của dự án, dự toán được giao và ***phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể được duyệt (nếu có).***

5. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt sau khi có quyết định phê duyệt dự án ***đối với dự án đầu tư phát triển, dự toán được giao đối với mua sắm thường xuyên hoặc được phê duyệt đồng thời với quyết định phê duyệt dự án, dự toán được giao.***

Điều 35. Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án đầu tư phát triển:

a) Quyết định phê duyệt dự án hoặc Giấy chứng nhận đầu tư và các tài liệu có liên quan, trừ trường hợp đối với gói thầu đấu thầu trước và gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án. Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án thì căn cứ theo quyết định của người đứng đầu chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án trong trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư;

b) Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các gói thầu đấu thầu trước theo quy định tại Điều 39 của Luật này;

c) Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể trong trường hợp không tích hợp vào báo cáo nghiên cứu khả thi (nếu có);

d) Kế hoạch đầu tư công trung hạn được phê duyệt đối với dự án đầu tư công; kế hoạch bố trí vốn hoặc nguồn vốn thực hiện dự án đối với các dự án đầu tư khác, trừ trường hợp dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

đ) Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay giữa Việt Nam và nhà tài trợ đối với các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi, **trừ trường hợp nhà tài trợ vốn có yêu cầu khác;**

e) Các văn bản pháp lý liên quan.

2. Căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với mua sắm thường xuyên:

a) Tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị, phương tiện làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức;

b) Dự toán được giao hoặc nguồn vốn được xác định hoặc được phê duyệt;

c) Đề án mua sắm trang bị cho toàn ngành được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (nếu có).

Điều 36. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với từng gói thầu

1. Tên gói thầu:

Tên gói thầu thể hiện tính chất, nội dung và phạm vi công việc của gói thầu, phù hợp với **phạm vi công việc, phân chia gói thầu đã phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể đối với dự án (nếu có)**. Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt, trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu cần nêu tên thể hiện nội dung cơ bản của từng phần.

2. Giá gói thầu:

a) Giá gói thầu được tính đúng, tính đủ toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu, kể cả chi phí dự phòng, phí, lệ phí và thuế. ***Việc xác định chi phí dự phòng phải phù hợp với điều kiện, quy mô, tính chất của từng gói thầu trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành.*** Giá gói thầu được cập nhật trong thời hạn 28 ngày trước ngày mở thầu nếu cần thiết.

b) ***Đối với*** gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì ghi rõ giá ước tính cho từng phần trong giá gói thầu;

c) ***Đối với gói thầu áp dụng tùy chọn mua thêm quy định tại khoản 8 Điều này, giá gói thầu không bao gồm giá trị của tùy chọn mua thêm.***

d) ***Đối với gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn một năm, giá gói thầu được xác định trên cơ sở toàn bộ thời gian thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư, bên mời thầu phải nêu rõ giá trị dự kiến thanh toán cho nhà thầu trong các năm căn cứ dự kiến dự toán được giao từng năm.***

3. Nguồn vốn:

Đối với mỗi gói thầu phải nêu rõ nguồn vốn đã được xác định hoặc phê duyệt. Trường hợp sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi thì phải ghi rõ tên nhà tài trợ và cơ cấu nguồn vốn, bao gồm vốn tài trợ, vốn đối ứng trong nước. ***Đối với mua sắm thường xuyên, trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn một năm thì cần nêu rõ nguồn kinh phí dự kiến bố trí cho từng năm.***

4. Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu:

a) Đối với mỗi gói thầu phải nêu rõ hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu; lựa chọn nhà thầu trong nước hay quốc tế và có áp dụng hay không áp dụng đấu thầu qua mạng.

b) ***Đối với dự án áp dụng kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể, ghi theo nội dung tương ứng trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể.***

5. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu và thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu.

a) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu được tính từ khi phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, được ghi rõ theo tháng hoặc quý trong năm. Trường hợp đấu thầu rộng rãi có áp dụng thủ tục lựa chọn danh sách ngắn, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu được tính từ khi phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển.

b) Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: ghi rõ tổng số ngày thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu nhưng đảm bảo tiến độ thực hiện gói thầu, dự án.

6. Loại hợp đồng:

a) Trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải xác định rõ loại hợp đồng theo quy định tại Điều 50 của Luật này để làm căn cứ lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; ký kết hợp đồng.

b) Đối với dự án áp dụng kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể, ghi theo nội dung tương ứng trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể.

7. Thời gian thực hiện gói thầu:

Thời gian thực hiện gói thầu được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, hàng hóa (bao gồm cả dịch vụ liên quan, nếu có), dịch vụ phi tư vấn, tư vấn. Thời gian thực hiện gói thầu tính theo số ngày, số tuần, số tháng hoặc số năm và không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành (nếu có).

8. Tùy chọn mua thêm (nếu có):

Trường hợp gói thầu áp dụng tùy chọn mua thêm, trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ khối lượng, số lượng, giá trị ước tính của phần tùy chọn mua thêm. Tùy chọn mua thêm được áp dụng trong trường hợp đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh.

Điều 37. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án

1. Đối với dự án áp dụng kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể, chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Đối với dự án không áp dụng kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể, chủ đầu tư trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu lên người có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền xem xét, phê duyệt, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án, trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư thì người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án có trách nhiệm **tổ chức lập, thẩm định (nếu cần thiết) và phê duyệt** kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

3. **Đối với kế hoạch lựa chọn nhà thầu do người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án phê duyệt hoặc trong trường hợp áp dụng kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể, trường hợp cần thiết phải thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định tiến hành kiểm**

tra, đánh giá các nội dung theo quy định tại Điều 36 của Luật này và lập báo cáo thẩm định trình chủ đầu tư, người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án. Đối với kế hoạch lựa chọn nhà thầu do người có thẩm quyền ủy quyền cho cơ quan, đơn vị cấp dưới, chủ đầu tư phê duyệt, cơ quan, đơn vị cấp dưới, chủ đầu tư tổ chức thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

4. Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu bao gồm những nội dung sau đây:

a) Phần công việc đã thực hiện, bao gồm nội dung công việc liên quan đến chuẩn bị dự án, các gói thầu thực hiện trước với giá trị tương ứng và căn cứ pháp lý để thực hiện;

b) Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu;

c) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm nội dung công việc và giá trị tương ứng hình thành các gói thầu được thực hiện theo một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28 và 29 của Luật này.

d) Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có), trong đó nêu rõ nội dung và giá trị của phần công việc này;

đ) Phần tổng hợp giá trị của các phần công việc quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này. Tổng giá trị của phần này không được vượt tổng mức đầu tư của dự án hoặc dự toán được giao;

e) Các nội dung liên quan khác.

Điều 38. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự toán mua sắm thường xuyên

1. Bên mời thầu có trách nhiệm trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu *lên người có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền phê duyệt.*

2. Trường hợp cần thiết phải thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định tiến hành kiểm tra, đánh giá các nội dung theo quy định tại Điều 36 của Luật này và lập báo cáo thẩm định trình người có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền xem xét, phê duyệt.

3. Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu bao gồm những nội dung sau đây:

a) *Phần công việc đã thực hiện, bao gồm nội dung công việc của các gói thầu thực hiện trước với giá trị tương ứng và căn cứ pháp lý để thực hiện;*

b) Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu;

c) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm nội dung công việc và giá trị tương ứng hình thành các gói thầu được thực hiện theo một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28 và 29 của Luật này;

d) Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có), trong đó nêu rõ nội dung và giá trị của phần công việc này;

đ) Phần tổng hợp giá trị của các phần công việc quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản này. Tổng giá trị của phần này không được vượt dự toán được giao;

e) Các nội dung liên quan khác.

Điều 39. Đấu thầu trước

Trường hợp cần thiết để rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án chịu trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định (nếu cần thiết), phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thực hiện một hoặc một số công việc lựa chọn nhà thầu trước khi có quyết định đầu tư phê duyệt dự án như sau:

1. Đối với gói thầu dịch vụ tư vấn:

a) Xác định danh sách ngắn (nếu có);

b) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;

c) Đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;

d) Xét duyệt trúng thầu.

2. Đối với gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn, hỗn hợp, trừ gói thầu quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Xác định danh sách ngắn (nếu có);

b) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

3. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa đã xác định được phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ thuật; gói thầu dịch vụ phi tư vấn, xây lắp phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, di dời công trình hạ tầng, kỹ thuật, rà phá bom mìn, vật nổ, quy hoạch đất, tái định cư:

a) Xác định danh sách ngắn (nếu có);

b) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;

c) *Đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;*

d) *Xét duyệt trúng thầu.*

4. Trường hợp dự án không được phê duyệt thì chủ đầu tư, bên mời thầu không phải bồi hoàn chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.

CHƯƠNG IV

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU, HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ XÉT DUYỆT TRÚNG THẦU TRONG LỰA CHỌN NHÀ THẦU, NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU, HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ XÉT DUYỆT TRÚNG THẦU TRONG LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 40. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp

1. Phương pháp giá thấp nhất:

a) Phương pháp này áp dụng đối với các gói thầu mà các đề xuất về kỹ thuật, tài chính, thương mại được coi là cùng một mặt bằng khi đáp ứng các yêu cầu ghi trong hồ sơ mời thầu;

b) Nhà thầu có **hồ sơ dự thầu** đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp ***hạng thứ nhất***; *đối với gói thầu xây lắp áp dụng loại hợp đồng trọn gói, có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất* được xếp hạng thứ nhất.

2. Phương pháp giá đánh giá:

a) Phương pháp này áp dụng đối với gói thầu mà các chi phí quy đổi được trên cùng một mặt bằng về các yếu tố kỹ thuật, tài chính, thương mại cho cả vòng đời sử dụng của hàng hóa, công trình, ***dịch vụ phi tư vấn***;

b) Các yếu tố được quy đổi trên cùng một mặt bằng để xác định giá đánh giá bao gồm: chi phí cần thiết để vận hành, bảo dưỡng và các chi phí khác liên quan đến lãi vay, tiền độ, chất lượng của hàng hóa, dịch vụ hoặc công trình xây dựng thuộc gói thầu, ***uy tín của nhà thầu thông qua tiến độ và chất lượng thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó, thống kê kết quả thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó kể cả xem xét theo xuất xứ, đấu thầu bền vững và các yếu tố khác.***

c) Nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

3. Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:

a) Phương pháp này **thường** áp dụng đối với gói thầu công nghệ thông tin, viễn thông, bảo hiểm, gói thầu hàng hóa, xây lắp ***có những đặc thù, yêu cầu kỹ thuật cao mà không áp dụng được phương pháp giá đánh giá và gói thầu cần xem xét trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật và giá;***

b) Điểm tổng hợp được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa điểm kỹ thuật và điểm giá. Nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

4. Đối với tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, sử dụng phương pháp chấm điểm hoặc tiêu chí đạt, không đạt. Đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá quy định tại khoản 3 Điều này sử dụng phương pháp chấm điểm. Khi sử dụng phương pháp chấm điểm, phải quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật.

Điều 41. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn

1. Phương pháp giá thấp nhất

a) Phương pháp này được áp dụng đối với các gói thầu tư vấn đơn giản, ***gói thầu tư vấn có quy trình thực hiện rõ ràng theo các tiêu chuẩn có sẵn;***

b) Nhà thầu có hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất, ***đối với gói thầu tư vấn áp dụng loại hợp đồng trọn gói, có giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.***

2. Phương pháp giá cố định

a) Phương pháp này được áp dụng đối với các gói thầu tư vấn đơn giản, ***phạm vi công việc được xác định chính xác,*** chi phí thực hiện gói thầu được xác định hợp lý, cụ thể và cố định trong hồ sơ mời thầu.

b) Nhà thầu có hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) không vượt chi phí thực hiện gói thầu và có điểm kỹ thuật cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

3. Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá

a) Phương pháp này được áp dụng đối với gói thầu tư vấn chú trọng tới cả chất lượng và chi phí thực hiện gói thầu.

b) Điểm tổng hợp được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa điểm kỹ thuật và điểm giá. Khi xây dựng điểm tổng hợp phải bảo đảm nguyên tắc tỷ trọng điểm về kỹ thuật từ 70% đến 80%, điểm về giá từ 20% đến 30% tổng số điểm của thang điểm tổng hợp, tỷ trọng điểm về kỹ thuật cộng với tỷ trọng điểm về giá bằng 100%. Nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

4. Phương pháp dựa trên kỹ thuật

a) Phương pháp này được áp dụng đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù.

b) Nhà thầu có hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và đạt điểm kỹ thuật cao nhất được xếp hạng thứ nhất, được mời đến mở hồ sơ đề xuất tài chính, làm cơ sở để thương thảo hợp đồng.

Điều 42. Xét duyệt trúng thầu đối với đấu thầu cung cấp dịch vụ tư vấn

1. Nhà thầu tư vấn là tổ chức được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất hợp lệ;

b) Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng *yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu*;

c) Đối với phương pháp giá thấp nhất: có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất, *đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói, có giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất*; đối với phương pháp giá cố định và phương pháp dựa trên kỹ thuật: có điểm kỹ thuật cao nhất; đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá: có điểm tổng hợp cao nhất;

d) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.

2. Nhà thầu tư vấn là cá nhân được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có hồ sơ lý lịch khoa học, đề xuất kỹ thuật (nếu có) tốt nhất và đáp ứng yêu cầu của điều khoản tham chiếu;

b) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.

3. Đối với nhà thầu không được lựa chọn, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do nhà thầu không trúng thầu.

Điều 43. Xét duyệt trúng thầu đối với đấu thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp

1. Nhà thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất hợp lệ;
- b) Có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ đề xuất;
- c) Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ đề xuất;
- d) Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;

đ) Đối với phương pháp giá thấp nhất: có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất, đối với gói thầu xây lắp áp dụng loại hợp đồng trọn gói, có giá dự thầu sau hiệu chỉnh **sai lệch thừa**, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất; đối với phương pháp giá đánh giá: có giá đánh giá thấp nhất; đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá: có điểm tổng hợp cao nhất;

e) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.

2. Đối với nhà thầu không được lựa chọn, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do nhà thầu không trúng thầu.

Mục 2

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ XÉT DUYỆT TRÚNG THẦU TRONG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 44. Phương pháp, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

1. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu gồm:

a) Đối với dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Luật này: áp dụng phương pháp hiệu quả sử dụng đất;

b) Đối với dự án quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Luật này: áp dụng phương pháp hiệu quả đầu tư, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững của ngành;

2. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu gồm:

a) Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm: năng lực về tài chính, khả năng thu xếp vốn; kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự;

b) Tiêu chuẩn đánh giá phương án đầu tư kinh doanh, gồm tiêu chuẩn về kỹ thuật, tiêu chuẩn đánh giá về kinh tế, tiêu chuẩn đánh giá về xã hội, tiêu chuẩn đánh giá về môi trường;

c) Tiêu chuẩn đánh giá về hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư.

3. Sử dụng thang điểm 100 hoặc 1.000 để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu. **Điểm tổng hợp được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa điểm năng lực, kinh nghiệm, điểm phương án đầu tư kinh doanh và điểm hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư. Nhà đầu tư đáp ứng điểm tối thiểu của từng tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này và có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.**

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 45. Xét duyệt trúng thầu

1. Nhà đầu tư được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có hồ sơ dự thầu hợp lệ;

b) Đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm;

c) Đáp ứng yêu cầu về phương án đầu tư kinh doanh;

d) Đáp ứng yêu cầu về hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư;

đ) Có điểm tổng hợp về năng lực, kinh nghiệm, phương án đầu tư kinh doanh và hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư cao nhất.

2. Đối với nhà đầu tư không được lựa chọn, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư phải nêu rõ lý do nhà đầu tư không trúng thầu.

CHƯƠNG V

QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU, NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1

QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 46. Quy trình lựa chọn nhà thầu

1. Quy trình lựa chọn nhà thầu đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế gồm các bước sau:

a) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu;

b) Tổ chức lựa chọn nhà thầu;

c) Đánh giá hồ sơ dự thầu;

d) Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu và **giải thích lý do trong trường hợp nhà thầu có yêu cầu;**

đ) **Thương thảo hợp đồng đối với gói thầu có yêu cầu phức tạp về kỹ thuật, công nghệ mới;**

e) Hoàn thiện, ký kết và **quản lý thực hiện hợp đồng.**

2. Quy trình lựa chọn nhà thầu đối với chỉ định thầu được thực hiện như sau:

a) Đối với chỉ định thầu theo quy trình thông thường bao gồm các bước: chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu; đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo về đề xuất của nhà thầu (nếu có); trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; hoàn thiện, ký kết và **quản lý thực hiện hợp đồng;**

b) Đối với chỉ định thầu theo quy trình rút gọn bao gồm các bước: chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu; hoàn thiện hợp đồng; trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; ký kết và **quản lý thực hiện hợp đồng.**

3. Quy trình lựa chọn nhà thầu đối với chào hàng cạnh tranh **gồm các bước sau:**

a) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu;

b) Tổ chức lựa chọn nhà thầu;

c) Đánh giá **hồ sơ dự thầu;**

d) Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu và **giải thích lý do trong trường hợp nhà thầu có yêu cầu;**

đ) Hoàn thiện, ký kết và **quản lý thực hiện** hợp đồng.

4. Quy trình lựa chọn nhà thầu đối với mua sắm trực tiếp **gồm các bước sau:**

a) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu;

b) Tổ chức lựa chọn nhà thầu;

c) Đánh giá hồ sơ đề xuất và **thương thảo về đề xuất của nhà thầu;**

d) Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;

đ) Hoàn thiện, ký kết và **quản lý thực hiện** hợp đồng.

5. Quy trình lựa chọn nhà thầu đối với tự thực hiện ***gồm các bước*** sau:

a) Chuẩn bị phương án tự thực hiện, ***bao gồm dự thảo thỏa thuận giao việc hoặc*** hợp đồng;

b) Hoàn thiện phương án tự thực hiện;

c) Phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;

d) Ký kết thỏa thuận giao việc hoặc hợp đồng.

6. Quy trình lựa chọn nhà thầu đối với lựa chọn nhà thầu tư vấn cá nhân ***gồm các bước*** sau:

a) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu;

b) Tổ chức lựa chọn nhà thầu;

c) Đánh giá hồ sơ lý lịch khoa học của nhà thầu tư vấn cá nhân;

d) Thương thảo hợp đồng;

đ) Trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;

e) Ký kết ***và quản lý thực hiện*** hợp đồng.

7. Quy trình lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu có sự tham gia thực hiện của cộng đồng ***gồm các bước*** sau:

a) Chuẩn bị phương án lựa chọn cộng đồng dân cư, tổ chức, tổ, nhóm thợ tại địa phương để triển khai thực hiện gói thầu;

b) Tổ chức lựa chọn;

c) Phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn;

d) Hoàn thiện, ký kết ***và quản lý thực hiện*** hợp đồng.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 2

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ, QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 47. Danh mục dự án đầu tư

1. Căn cứ lập danh mục dự án đầu tư:

a) Chiến lược, kế hoạch, quy hoạch và các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định của pháp luật, phù hợp với lĩnh vực, chuyên ngành của dự án đầu tư

b) Dự án đầu tư thuộc trường hợp và đáp ứng điều kiện để giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời là văn bản quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư. Ngoài các nội dung theo quy định của pháp luật về đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư phải gồm nội dung quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.

3. Đối với dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, nội dung quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư gồm:

a) Tên dự án; mục tiêu; quy mô đầu tư; vốn đầu tư (sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án);

b) Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án, diện tích khu đất thực hiện dự án; mục đích sử dụng đất; các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt;

c) Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án đầu tư; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có); tiến độ thực hiện từng giai đoạn (nếu có)

d) Tên bên mời thầu; hình thức và phương thức lựa chọn nhà đầu tư; thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư;

đ) Nội dung cần thiết khác.

4. Nhà đầu tư được đề xuất thực hiện dự án đầu tư ngoài danh mục dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

Điều 48. Quy trình lựa chọn nhà đầu tư

1. Quy trình lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện như sau:

a) Chuẩn bị lựa chọn nhà đầu tư;

b) Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư;

c) Đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;

d) Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

đ) Thành lập doanh nghiệp dự án (nếu có);

e) Đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 49. Thành lập doanh nghiệp dự án

1. Nhà đầu tư tham dự thầu quyết định và đề xuất cụ thể trong hồ sơ dự thầu việc thành lập doanh nghiệp dự án để triển khai dự án đầu tư hoặc tự triển khai dự án đầu tư.

2. Trường hợp thành lập doanh nghiệp dự án, sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn, nhà đầu tư thực hiện thủ tục thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Doanh nghiệp dự án được kế thừa quyền và nghĩa vụ thực hiện dự án đầu tư mà nhà đầu tư trúng thầu đã cam kết tại hồ sơ dự thầu và phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư, xây dựng, đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản và pháp luật có liên quan (nếu có).

3. Việc tổ chức quản lý, hoạt động, giải thể, phá sản và các hoạt động có liên quan của doanh nghiệp dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và hợp đồng dự án đầu tư.

CHƯƠNG VI HỢP ĐỒNG

Mục 1

HỢP ĐỒNG VỚI NHÀ THẦU

Điều 50. Loại hợp đồng

1. Hợp đồng trọn gói

a) Đối với gói thầu xây lắp:

Hợp đồng trọn gói được áp dụng cho gói thầu xây dựng công trình khi phạm vi công việc tại thời điểm lựa chọn nhà thầu được xác định rõ, ít có khả năng thay đổi về khối lượng, đặc điểm kỹ thuật, ít có khả năng gặp phải các điều kiện địa điểm khó khăn hoặc không lường trước được; gói thầu chưa thể xác định được rõ khối lượng, đơn giá nhưng các bên tham gia hợp đồng xác định được khả năng quản lý rủi ro hoặc các tính chất, đặc điểm của sản phẩm đầu ra, bao gồm cả hợp đồng EPC và hợp đồng chìa khóa trao tay.

Việc thanh toán theo tỷ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với các giai đoạn thanh toán mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, khi thanh toán không đòi hỏi phải có xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết.

b) Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa:

Hợp đồng trọn gói được áp dụng khi đã xác định rõ phạm vi cung cấp, dịch vụ liên quan (nếu có) tại thời điểm lựa chọn nhà thầu;

c) Đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn:

Hợp đồng trọn gói được áp dụng khi đã xác định rõ nội dung công việc, thời gian thực hiện và yêu cầu đầu ra của gói thầu tại thời điểm lựa chọn nhà thầu;

d) Đối với gói thầu dịch vụ tư vấn:

Hợp đồng trọn gói được sử dụng cho những dịch vụ mà nội dung, thời gian thực hiện dịch vụ và yêu cầu đầu ra của gói thầu tại thời điểm lựa chọn nhà thầu đã được xác định rõ trong phạm vi công việc và điều khoản tham chiếu;

đ) Hợp đồng trọn gói có giá hợp đồng không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng trên cơ sở phạm vi công việc, chỉ dẫn, yêu cầu kỹ thuật và điều khoản quy định trong hợp đồng, trừ trường hợp sửa đổi hợp đồng quy định tại Điều 56 của Luật này dẫn đến giá hợp đồng thay đổi.

*e) Khi áp dụng hợp đồng trọn gói, giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu bao gồm chi phí cho các yếu tố rủi ro về khối lượng, trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng **tương ứng với phạm vi quản lý rủi ro giao cho nhà thầu**. Giá dự thầu phải bao gồm tất cả các chi phí cho các yếu tố rủi ro về khối lượng, chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng **tương ứng với trách nhiệm của nhà thầu trong việc thực hiện gói thầu**.*

2. Hợp đồng theo đơn giá cố định

a) Hợp đồng theo đơn giá cố định được áp dụng khi chưa xác định chính xác số lượng, khối lượng công việc tại thời điểm lựa chọn nhà thầu mà chỉ ước tính số lượng, khối lượng này. Giá hợp đồng ban đầu dựa trên số lượng, khối lượng công việc của đầu vào hoặc đầu ra cần thiết với đơn giá cố định theo hợp đồng và phân dự phòng cho số lượng, khối lượng công việc phát sinh theo quy định pháp luật liên quan;

b) Hợp đồng theo đơn giá cố định là hợp đồng có đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng. Nhà thầu được thanh toán theo số lượng, khối lượng công việc được nghiệm thu theo quy định của hợp đồng và đơn giá cố định trong hợp đồng;

c) Trường hợp số lượng, khối lượng thực tế thực hiện vượt quá số lượng, khối lượng công việc của hợp đồng bao gồm cả dự phòng thì thực hiện sửa đổi hợp đồng theo quy định tại Điều 56 của Luật này.

3. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

a) *Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh được áp dụng khi thời gian thực hiện hợp đồng dài và có rủi ro trượt giá đối với các chi phí đầu vào để thực hiện hợp đồng, có thể tác động tiêu cực đến việc thực hiện gói thầu nếu áp dụng đơn giá cố định. Giá hợp đồng ban đầu dựa trên số lượng, khối lượng công việc của đầu vào hoặc đầu ra cần thiết với đơn giá cơ sở theo hợp đồng, phần dự phòng trượt giá tương ứng và phương pháp tính trượt giá;*

b) *Nhà thầu được thanh toán theo số lượng, khối lượng công việc được nghiệm thu và giá trị hoàn thành tương ứng đã được tính trượt giá theo quy định trong hợp đồng. Trường hợp giá trị khối lượng nghiệm thu, trượt giá lớn hơn phần dự phòng đã nêu trong hợp đồng, hai bên phải thống nhất sửa đổi hợp đồng theo quy định tại Điều 56 của Luật này.*

4. Hợp đồng theo thời gian

a) *Hợp đồng theo thời gian áp dụng khi khó xác định phạm vi, thời gian thực hiện của dịch vụ tư vấn tại thời điểm lựa chọn nhà thầu. Việc thanh toán dựa trên đơn giá cho đơn vị thời gian, mức lương đã thỏa thuận theo giờ, ngày, tuần hoặc tháng nêu trong hợp đồng và các chi phí ngoài lương;*

b) *Trường hợp thời gian thực tế thực hiện vượt quá số lượng, khối lượng công việc của hợp đồng, bao gồm cả dự phòng thì hai bên phải thống nhất sửa đổi hợp đồng theo quy định tại Điều 56 của Luật này;*

5. Hợp đồng theo chi phí cộng phí

a) *Hợp đồng theo chi phí cộng phí là hợp đồng trong đó tại thời điểm lựa chọn nhà thầu chưa đủ cơ sở xác định phạm vi công việc, nhu cầu cần thiết về việc sử dụng vật liệu, nhân công, máy và thiết bị thi công để thực hiện các công việc dự kiến của hợp đồng.*

b) *Tại thời điểm ký kết hợp đồng, các bên chỉ thỏa thuận về chi phí quản lý, chi phí chung và lợi nhuận do chưa đủ cơ sở xác định phạm vi công việc và chi phí trực tiếp để thực hiện các công việc của hợp đồng.*

6. Hợp đồng theo kết quả đầu ra

Hợp đồng theo kết quả đầu ra được áp dụng cho các gói thầu mà việc thanh toán căn cứ vào kết quả thực hiện hợp đồng được nghiệm thu về chất lượng, số lượng và các yếu tố khác. Trong hợp đồng phải nêu rõ yêu cầu cụ thể về số lượng, chất lượng đầu ra, biện pháp kiểm tra, đánh giá, xác định mức độ đáp ứng về chất lượng đầu ra, mức giảm trừ thanh toán, mức tăng giá trị thanh toán (nếu có).

7. Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm

Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm áp dụng cho gói thầu dịch vụ phi tư vấn mà giá trị hợp đồng chỉ được xác định chính xác trên cơ sở giá trị công trình,

hàng hóa thực tế được nghiệm thu. Hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm có thể áp dụng cho gói thầu bảo hiểm công trình, gói thầu giám định và không áp dụng cho các gói thầu mà có thể áp dụng các loại hợp đồng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.

8. Hợp đồng hỗn hợp

Hợp đồng hỗn hợp là hợp đồng sử dụng kết hợp các loại hợp đồng quy định tại các khoản từ khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này. Khi sử dụng loại hợp đồng hỗn hợp phải quy định rõ phạm vi công việc áp dụng từng loại hợp đồng tương ứng và các nội dung bổ sung, điều chỉnh liên quan khi áp dụng đồng thời nhiều loại hợp đồng đối với một nội dung công việc, dịch vụ.

Điều 51. Hồ sơ hợp đồng

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau đây:

- a) Văn bản hợp đồng;
- b) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);
- c) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

2. Ngoài các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này, tùy theo quy mô, tính chất của gói thầu, hồ sơ hợp đồng có thể bao gồm một hoặc một số tài liệu sau đây:

- a) Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
- b) Văn bản thỏa thuận của các bên về điều kiện của hợp đồng, bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể;
- c) Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu được lựa chọn;
- d) Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi, bổ sung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;
- đ) Các tài liệu có liên quan.

Điều 52. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư đối với dự án, bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên, đơn vị mua sắm tập trung hoặc đơn vị có nhu cầu mua sắm đối với mua sắm tập trung tiến hành xác minh thông tin về năng lực của nhà thầu, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu

thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng.

3. Chủ đầu tư đối với dự án, bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên, đơn vị mua sắm tập trung hoặc đơn vị có nhu cầu mua sắm đối với mua sắm tập trung phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Điều 53. Hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn

1. Sau khi lựa chọn được nhà thầu, chủ đầu tư đối với dự án, bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên, đơn vị mua sắm tập trung hoặc đơn vị có nhu cầu mua sắm đối với mua sắm tập trung và nhà thầu được lựa chọn phải tiến hành ký kết hợp đồng thực hiện gói thầu. Đối với nhà thầu liên danh, tất cả thành viên tham gia liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào văn bản hợp đồng. Hợp đồng ký kết giữa các bên phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Một gói thầu được thực hiện theo một hợp đồng; trong một hợp đồng có thể áp dụng một hoặc nhiều loại hợp đồng quy định tại Điều 50 của Luật này; *đối với gói thầu mua sắm tập trung hoặc gói thầu chia thành nhiều phần, một gói thầu có thể thực hiện theo nhiều hợp đồng*. Trường hợp áp dụng nhiều loại hợp đồng thì phải quy định rõ loại hợp đồng tương ứng với từng nội dung công việc cụ thể.

3. Hợp đồng được ký kết giữa các bên phải phù hợp với nội dung trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, kết quả thương thảo hợp đồng (*nếu có*), quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 54. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng đối với nhà thầu được lựa chọn; trừ nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, nhà thầu được lựa chọn theo hình thức tự thực hiện và tham gia thực hiện của cộng đồng.

2. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực.

3. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo mức xác định từ 2% đến 10% giá trúng thầu.

4. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc ngày chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành đối với trường hợp có quy định về

bảo hành. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

5. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Điều 55. Điều chỉnh hợp đồng

1. Điều chỉnh hợp đồng là việc các bên quy định phương thức điều chỉnh và tiến hành điều chỉnh các nội dung trong phạm vi hợp đồng đã ký, bao gồm các trường hợp sau:

- a) **Trượt giá;**
- b) **Tăng, giảm khối lượng, phạm vi công việc đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh; tăng, giảm thời gian đối với hợp đồng theo thời gian; tăng, giảm chi phí thực tế thực hiện đối với hợp đồng chi phí cộng phí; tăng giảm giá trị cơ sở để tính phần trăm (%) chi phí đối với hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm (%);**
- c) **Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên.**

2. Chủ đầu tư và nhà thầu không phải ký phụ lục bổ sung hợp đồng khi hợp đồng đã quy định nội dung và phương thức điều chỉnh quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp việc tăng, giảm khối lượng và trượt giá dẫn tới phải sửa đổi hợp đồng quy định tại Điều 56 của Luật này.

Điều 56. Sửa đổi hợp đồng

1. Sửa đổi hợp đồng là việc các bên ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng để sửa đổi, bổ sung một hoặc một số nội dung so với quy định trong hợp đồng đã ký, do hoàn cảnh thực hiện hợp đồng có thay đổi. Nội dung phụ lục bổ sung hợp đồng phải được chủ đầu tư, bên mời thầu phê duyệt, bao gồm duyệt thiết kế, dự toán (nếu có) theo quy định của pháp luật trước khi phụ lục bổ sung hợp đồng có hiệu lực. Trường hợp khẩn cấp nếu chậm trễ thực hiện theo các hiệu chỉnh bổ sung này có thể gây ra hậu quả, thiệt hại nghiêm trọng cho gói thầu thì song song với việc hoàn thiện hồ sơ để ký phụ lục bổ sung hợp đồng, hai bên cần thống nhất nội dung và trình tự để thực hiện trước một số công việc liên quan. Trường hợp thay đổi thiết kế so với thiết kế cơ sở trong dự án đầu tư được duyệt thì hồ sơ thiết kế phải được người có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện.

2. Sửa đổi hợp đồng đối với gói thầu xây lắp

Việc sửa đổi hợp đồng đối với gói thầu xây lắp được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung hạng mục công việc phát sinh ngoài khối lượng công việc phải thực hiện theo thiết kế nhưng nằm trong mục tiêu của hồ sơ mời thầu, do các tình huống không lường trước được, cần thiết phải được thực hiện để hoàn thành gói thầu xây lắp theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu và tổng giá trị phần khối lượng xây lắp phát sinh không vượt quá 50% giá trị hợp đồng ban đầu. Trường hợp các bên không thỏa thuận được việc bổ sung khối lượng công việc này thì hình thành gói thầu mới và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định;

b) Thay đổi về các thông số của một hạng mục công việc nào đó nhưng không làm thay đổi cơ bản các chỉ tiêu của dự án đầu tư được duyệt hoặc mục tiêu mua sắm;

c) Thay đổi về thiết kế;

d) Thay đổi về tiến độ thực hiện hợp đồng theo Điều 57 của Luật này;

đ) Hoàn cảnh thực hiện hợp đồng có thay đổi căn bản quy định tại khoản 7 Điều này.

3. Sửa đổi hợp đồng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa

Việc sửa đổi hợp đồng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa được thực hiện trong trường hợp sau:

a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng được đặt hàng sản xuất cho riêng chủ đầu tư;

b) Bổ sung khối lượng, số lượng công việc thuộc tùy chọn mua thêm ngoài khối lượng, số lượng hàng hóa nêu trong hợp đồng;

c) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;

d) Thay đổi địa điểm giao hàng;

đ) Thay đổi dịch vụ liên quan;

e) Thay đổi về thời gian giao hàng theo Điều 57 của Luật này.

4. Sửa đổi hợp đồng đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn

Việc sửa đổi hợp đồng đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn được thực hiện trong trường hợp:

a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng và thuộc tùy chọn mua thêm của gói thầu;

b) Thay đổi tiến độ thực hiện hợp đồng theo Điều 57 của Luật này.

5. Sửa đổi hợp đồng đối với gói thầu dịch vụ tư vấn

Việc sửa đổi hợp đồng đối với gói thầu dịch vụ tư vấn được thực hiện trong trường hợp:

a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc nêu trong hợp đồng, điều khoản tham chiếu và thuộc tùy chọn mua thêm của gói thầu (nếu có); trường hợp không áp dụng tùy chọn mua thêm, việc bổ sung hạng mục công việc phải nằm trong mục tiêu của hồ sơ mời thầu, do các tình huống không lường trước được;

b) Thay đổi tiến độ thực hiện hợp đồng theo Điều 57 của Luật này.

6. Khi Nhà nước thay đổi các chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng, các bên được sửa đổi hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành, trừ trường hợp hợp đồng có thỏa thuận khác.

7. Hoàn cảnh thực hiện hợp đồng có thay đổi căn bản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Sự thay đổi hoàn cảnh do nguyên nhân khách quan xảy ra sau khi ký kết hợp đồng;

b) Tại thời điểm ký kết hợp đồng, các bên không thể lường trước được về sự thay đổi hoàn cảnh;

c) Hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu như các bên biết trước thì hợp đồng đã không được ký kết hoặc được ký kết nhưng với nội dung hoàn toàn khác;

d) Việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên;

đ) Bên có lợi ích bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, phù hợp với tính chất của hợp đồng mà không thể ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến lợi ích;

e) Chỉ số giá xây dựng được cơ quan có thẩm quyền công bố vượt quá 20%.

Sửa đổi hợp đồng do hoàn cảnh thực hiện hợp đồng có thay đổi căn bản áp dụng đối với gói thầu xây lắp, gói thầu EPC, gói thầu áp dụng hợp đồng chìa khóa trao tay theo quy định của Chính phủ.

8. Việc sửa đổi hợp đồng chỉ được thực hiện trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực và được áp dụng với mọi loại hợp đồng. Khi sửa đổi hợp đồng quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này, các bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

9. Trường hợp dự án, dự toán mua sắm gồm nhiều gói thầu, tổng giá hợp

đồng sau khi sửa đổi phải bảo đảm không vượt tổng mức đầu tư, dự toán mua sắm được phê duyệt.

Điều 57. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:

a) Trường hợp bất khả kháng **hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng** và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;

b) Thay đổi phạm vi công việc, **phạm vi cung cấp**, thiết kế, biện pháp thi công; **biện pháp cung cấp** do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;

c) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu gây ra.

2. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Mục 2

HỢP ĐỒNG VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 58. Ký kết hợp đồng dự án đầu tư

1. **Tại thời điểm ký kết, hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư được lựa chọn còn hiệu lực. Nhà đầu tư được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện dự án. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền tiến hành xác minh thông tin về năng lực của nhà đầu tư, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án thì mới tiến hành ký kết hợp đồng.**

2. **Cơ quan có thẩm quyền ký kết hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn hoặc với nhà đầu tư được lựa chọn và doanh nghiệp dự án. Đối với nhà đầu tư liên danh, tất cả các thành viên liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào văn bản hợp đồng. Hợp đồng ký kết giữa các bên phải tuân thủ các quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.**

3. **Hợp đồng được ký kết giữa các bên phải phù hợp với nội dung trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư và biên bản đàm phán hợp đồng.**

4. Cơ quan có thẩm quyền phải bảo đảm các điều kiện về mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ.

Điều 59. Hồ sơ hợp đồng dự án đầu tư

1. Hồ sơ hợp đồng dự án đầu tư bao gồm các tài liệu sau đây:

- a) Văn bản hợp đồng;
- b) Phụ lục hợp đồng (nếu có);
- c) Biên bản đàm phán hợp đồng;
- d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư;
- đ) Văn bản thỏa thuận của các bên về điều kiện của hợp đồng, bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể;
- e) Hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư được lựa chọn;
- g) Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi, bổ sung hồ sơ mời thầu;
- h) Các tài liệu có liên quan.

2. Khi có sự thay đổi các nội dung thuộc phạm vi của hợp đồng, các bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 60. Nội dung hợp đồng dự án đầu tư

1. Hợp đồng dự án đầu tư gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Thông tin về các bên ký kết hợp đồng; thời điểm có hiệu lực của hợp đồng; thời hạn hợp đồng;

b) Thông tin về dự án đầu tư, gồm: mục tiêu, địa điểm thực hiện dự án; quy mô và tổng chi phí thực hiện dự án; điều kiện sử dụng đất và tài nguyên khác; phương án, yêu cầu về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tổ chức xây dựng công trình phụ trợ; bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường; trường hợp bất khả kháng và phương án xử lý trong trường hợp bất khả kháng;

c) Trách nhiệm thực hiện các thủ tục xin cấp phép theo quy định của pháp luật có liên quan; giao đất, cho thuê đất (nếu có); thiết kế; tổ chức thi công; vận hành, sản xuất, kinh doanh của dự án;

d) Nghĩa vụ của nhà đầu tư trong việc thực hiện các cam kết đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu;

đ) Bảo đảm thực hiện hợp đồng; các nguyên tắc, điều kiện sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng; chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của các bên;

e) Ưu đãi, bảo đảm đầu tư;

g) Pháp luật điều chỉnh hợp đồng và cơ chế giải quyết tranh chấp.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 61. Thời hạn hợp đồng dự án đầu tư

1. Thời hạn hợp đồng dự án được xác định từ thời điểm hợp đồng dự án có hiệu lực cho đến khi nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án hoàn thành nghĩa vụ đầu tư, xây dựng công trình và các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng dự án.

2. Các bên ký kết hợp đồng được điều chỉnh thời hạn hợp đồng nhưng bảo đảm tổng thời hạn hợp đồng, bao gồm thời gian điều chỉnh không vượt quá thời hạn giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 62. Bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án đầu tư

1. Nhà đầu tư được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực.

2. Căn cứ quy mô, tính chất của dự án, giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng được quy định trong hồ sơ mời thầu theo mức xác định từ 1% đến 3% tổng mức đầu tư của dự án.

3. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng tính từ ngày hợp đồng được ký chính thức đến ngày công trình được hoàn thành và nghiệm thu hoặc ngày các điều kiện bảo đảm việc cung cấp dịch vụ được hoàn thành theo quy định của hợp đồng. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, phải yêu cầu nhà đầu tư gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

4. Nhà đầu tư không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Điều 63. Sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng dự án đầu tư

1. Hợp đồng dự án đầu tư được sửa đổi, bổ sung khi dự án đầu tư thuộc trường hợp phải điều chỉnh dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc điều chỉnh dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án.

2. Chấm dứt hợp đồng dự án đầu tư khi dự án đầu tư thuộc trường hợp chấm dứt hoạt động theo pháp luật về đầu tư.

CHƯƠNG VII

ĐẤU THẦU QUA MẠNG, MUA SẴM TẬP TRUNG, MUA THUỐC, CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

Mục 1

ĐẤU THẦU QUA MẠNG

Điều 64. Lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư qua mạng

1. Ngoài các hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư quy định tại chương II của Luật này, lựa chọn nhà thầu qua mạng còn áp dụng các hình thức chào giá ngược, mua sắm điện tử.

2. Các nội dung trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bao gồm:

- a) Đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;*
- b) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;*
- c) Lập, nộp hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ đề xuất, hồ sơ dự thầu;*
- d) Mở thầu;*
- đ) Đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ quan tâm, hồ sơ đề xuất, hồ sơ dự thầu;*
- e) Thỏa thuận liên danh, bảo lãnh dự thầu điện tử, bảo lãnh thực hiện hợp đồng điện tử;*
- g) Đề nghị làm rõ các nội dung trong đấu thầu;*
- g) Hợp đồng điện tử;*
- h) Thanh toán điện tử.*

3. Các thông tin về nhà thầu, nhà đầu tư được kết nối, chia sẻ từ Hệ thống quản lý đăng ký về doanh nghiệp, Hệ thống kê khai thuế điện tử và các Hệ thống khác.

4. Lựa chọn nhà thầu trong nước phải thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

5. Văn bản điện tử có giá trị pháp lý, làm cơ sở đối chiếu, so sánh, xác thực thông tin phục vụ công tác đánh giá, thẩm định, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và giải ngân.

6. Chính phủ quy định chi tiết về quy trình, lộ trình và thời gian lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư qua mạng.

Điều 65. Yêu cầu đối với Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

1. Công khai, không hạn chế truy cập, tiếp cận thông tin.
2. Người sử dụng nhận biết được thời gian thực khi truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thời gian trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia là thời gian thực và là thời gian chuẩn trong đấu thầu qua mạng.
3. Hoạt động liên tục, thống nhất, ổn định, an toàn thông tin, có khả năng xác thực người dùng, bảo mật và toàn vẹn dữ liệu.
4. Thực hiện ghi lại thông tin và truy xuất được lịch sử các giao dịch trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
5. Bảo đảm nhà thầu, nhà đầu tư không thể gửi hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất đến bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu.
6. Kết nối với các Cổng thông tin điện tử, Hệ thống công nghệ thông tin khác theo quy định của Chính phủ để trao đổi, chia sẻ dữ liệu, thông tin phục vụ đấu thầu qua mạng và quản lý nhà nước về đấu thầu.

Mục 2

MUA SẮM TẬP TRUNG

Điều 66. Quy định chung về mua sắm tập trung

1. Mua sắm tập trung là cách thức tập hợp nhu cầu của nhiều chủ đầu tư, bên mời thầu để lựa chọn nhà thầu thông qua đơn vị mua sắm tập trung nhằm giảm chi phí, thời gian, đầu mối tổ chức đấu thầu, tăng cường tính chuyên nghiệp trong đấu thầu, góp phần tăng hiệu quả kinh tế.
2. *Mua sắm tập trung được áp dụng trong trường hợp hàng hóa, dịch vụ cần mua sắm với số lượng nhiều, chủng loại tương tự, hạng mục, công trình xây lắp có tính chất tương tự ở một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc chủ đầu tư.*
3. *Mua sắm tập trung phải được thực hiện thông qua hình thức đấu thầu rộng rãi. Trường hợp hàng hóa cần mua sắm để phòng chống dịch theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 của Luật này thuộc danh mục mua sắm tập*

trung thì được đàm phán trực tiếp với nhà sản xuất hoặc đại lý được nhà sản xuất chỉ định; trường hợp chọn áp dụng đấu thầu rộng rãi qua mạng thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 10 ngày.

4. Mua sắm tập trung được thực hiện theo một trong hai cách sau đây:

a) Đơn vị mua sắm tập trung tập hợp nhu cầu mua sắm, tiến hành lựa chọn nhà thầu, trực tiếp ký hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn;

b) Đơn vị mua sắm tập trung tập hợp nhu cầu mua sắm, tiến hành lựa chọn nhà thầu, ký văn bản thỏa thuận khung với một hoặc nhiều nhà thầu được lựa chọn làm cơ sở để đơn vị có nhu cầu mua sắm trực tiếp ký hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.

5. Đơn vị mua sắm tập trung thực hiện việc lựa chọn nhà thầu trên cơ sở nhiệm vụ được giao hoặc hợp đồng ký với các đơn vị có nhu cầu.

6. Trường hợp gói thầu áp dụng tùy chọn mua thêm, trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ khối lượng, số lượng, giá trị của tùy chọn mua thêm.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 67. Thỏa thuận khung

1. Thỏa thuận khung trong mua sắm tập trung là thỏa thuận dài hạn giữa đơn vị mua sắm tập trung với một hoặc nhiều nhà thầu được lựa chọn, trong đó bao gồm các quy định và điều kiện để làm cơ sở cho việc mua sắm theo từng hợp đồng cụ thể.

2. Thỏa thuận khung bao gồm các loại hình sau:

a) Thỏa thuận khung đóng:

Thỏa thuận khung đóng áp dụng khi chỉ lựa chọn một nhà thầu trúng thầu đối với một phần hoặc đối với gói thầu không chia phần.

b) Thỏa thuận khung mở:

Thỏa thuận khung mở áp dụng khi lựa chọn nhiều hơn một nhà thầu trúng thầu đối với một phần hoặc đối với gói thầu không chia phần.

3. Việc bổ sung khối lượng, số lượng công việc trong thỏa thuận khung được thực hiện trong khối lượng, số lượng thuộc tùy chọn mua thêm. Tùy chọn mua thêm chỉ được áp dụng khi bố trí được nguồn vốn cho phần công việc này.

4. Thời hạn cho việc sử dụng thỏa thuận khung được quy định trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng không quá ba năm, ***trường hợp thỏa thuận khung có thời hạn lớn hơn một năm thì phải dự kiến được nguồn vốn bố trí cho từng năm.***

Mục 3

MUA THUỐC

Điều 68. Lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc

1. Việc lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc được thực hiện theo quy định tại các chương II, III, IV, V và VI của Luật này.

2. Ngoài các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại Chương II của Luật này, việc lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc còn được thực hiện theo hình thức đàm phán giá. *Người có thẩm quyền được phê duyệt hình thức đàm phán giá mà không phải áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các Điều 21, 22, 23, 24, 25, 26 và 27 Luật này nếu thuộc các trường hợp sau đây:*

- a) Gói thầu mua thuốc chỉ có từ một đến hai nhà sản xuất;
- b) Thuốc biệt dược gốc *còn hạn bảo hộ bản quyền*, thuốc hiếm, thuốc trong thời gian còn bản quyền;
- c) Các trường hợp đặc thù khác.

3. Nhà thầu được xem xét đề nghị trúng thầu cung cấp từng mặt hàng thuốc khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a) Các điều kiện quy định tại các điểm a, b, d, đ và e khoản 1 Điều 43 của Luật này;
- b) Có đề xuất về kỹ thuật được đánh giá đáp ứng yêu cầu về chất lượng, cung cấp, bảo quản và thời hạn sử dụng thuốc.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 69. Mua thuốc tập trung

- 1. Mua thuốc tập trung được thực hiện ở cấp quốc gia và cấp địa phương.
- 2. Mua thuốc tập trung và lộ trình thực hiện mua thuốc tập trung do Chính phủ quy định.

Điều 70. Ưu đãi trong mua thuốc

Việc ưu đãi trong mua thuốc được thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Luật này. Đối với thuốc sản xuất trong nước được Bộ Y tế công bố đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp thì trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải quy định nhà thầu không được chào thuốc nhập khẩu, trừ *trường hợp chỉ định thầu hoặc trường hợp cần mua thuốc nhập khẩu đáp ứng nhu cầu phục vụ hoạt động chuyên môn.*

Điều 71. Thanh toán chi phí mua thuốc

Trường hợp các cơ sở y tế ngoài công lập không chọn áp dụng quy định của Luật này đối với mua thuốc thì cơ sở y tế đó chỉ được thanh toán từ nguồn quỹ bảo hiểm y tế theo đúng mặt hàng thuốc và đơn giá thuốc đã trúng thầu của các cơ sở y tế công lập tuyển tỉnh trên cùng địa bàn.

Mục 4

CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

Điều 72. Nguyên tắc áp dụng

1. Việc lựa chọn nhà thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng vốn nhà nước được thực hiện theo quy định tại các chương II, III, IV, V và VI của Luật này.

2. Ngoài các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại chương II của Luật này, việc lựa chọn nhà thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng vốn nhà nước còn được thực hiện *theo hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ*.

CHƯƠNG VIII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU THẦU

Điều 73. Trách nhiệm của người có thẩm quyền

1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể theo quy định tại Điều 33 của Luật này.

2. Phê duyệt *hoặc ủy quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho cơ quan, đơn vị cấp dưới, chủ đầu tư đối với dự án không áp dụng kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể*, bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên.

3. Tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trong trường hợp không phân cấp.

4. Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

5. Xử lý vi phạm về đấu thầu theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. *Chịu trách nhiệm huỷ thầu đối với các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 và các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 15 của Luật này.*

7. Tổ chức kiểm tra, giám sát, theo dõi công tác đấu thầu, thực hiện hợp đồng.

8. Đối với lựa chọn nhà thầu, ngoài quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này, người có thẩm quyền còn có trách nhiệm sau đây:

a) Điều chỉnh nhiệm vụ và thẩm quyền của chủ đầu tư trong trường hợp không đáp ứng quy định của pháp luật về đấu thầu và các yêu cầu của dự án, gói thầu;

b) Yêu cầu chủ đầu tư, bên mời thầu cung cấp hồ sơ, tài liệu để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi, giải quyết kiến nghị, xử lý vi phạm về đấu thầu và công việc quy định tại các khoản 4, 5 và 7 Điều này;

c) Có ý kiến đối với việc xử lý tình huống trong trường hợp phức tạp theo đề nghị của chủ đầu tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 của Luật này.

9. Đối với lựa chọn nhà đầu tư, ngoài quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều này, người có thẩm quyền còn có trách nhiệm sau đây:

a) Phê duyệt danh mục dự án đầu tư;

b) Quyết định lựa chọn và thành lập bên mời thầu theo quy định tại khoản 10 Điều này;

c) Phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

c) Quyết định xử lý tình huống;

d) Ký kết và quản lý việc thực hiện hợp đồng;

đ) Yêu cầu bên mời thầu cung cấp hồ sơ, tài liệu để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi, giải quyết kiến nghị, xử lý vi phạm về đấu thầu và công việc quy định tại các khoản 4, 5 và 7 Điều này.

10. Quyết định thành lập bên mời thầu với nhân sự đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật này đối với lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp nhân sự không đáp ứng, phải tiến hành lựa chọn một tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp để làm bên mời thầu hoặc thực hiện một số nhiệm vụ của bên mời thầu.

11. Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật cho các bên liên quan nếu thiệt hại đó do lỗi của mình gây ra.

12. Giải trình việc thực hiện các quy định tại Điều này theo yêu cầu của cơ quan cấp trên, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.

13. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này.

Điều 74. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Phê duyệt các nội dung sau:

a) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong trường hợp gói thầu được thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án, ***dự án có kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể đã được phê duyệt hoặc trường hợp được ủy quyền;***

b) Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, danh sách ngắn;

c) Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;

d) Kết quả lựa chọn nhà thầu.

2. Tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ký kết hoặc ủy quyền ký kết và quản lý việc thực hiện hợp đồng với nhà thầu.

4. Quyết định thành lập bên mời thầu với nhân sự đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật này. Trường hợp nhân sự không đáp ứng, phải tiến hành lựa chọn ***nhà thầu tư vấn*** để làm bên mời thầu hoặc thực hiện một số nhiệm vụ của bên mời thầu.

5. Quyết định xử lý tình huống.

6. Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

7. Bảo mật các tài liệu liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

8. Lưu trữ các thông tin liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của Chính phủ.

9. Báo cáo công tác đấu thầu hàng năm.

10. Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật cho các bên liên quan nếu thiệt hại đó do lỗi của mình gây ra.

10. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm huỷ thầu đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 của Luật này.

11. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và người có thẩm quyền về quá trình lựa chọn nhà thầu.

12. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện các quy định tại Điều này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.

13. Trường hợp chủ đầu tư đồng thời là bên mời thầu thì còn phải thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 75 của Luật này.

14. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Luật này

Điều 75. Trách nhiệm của bên mời thầu

1. Đối với lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu thuộc dự án:

- a) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu, đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;
- b) Quyết định thành lập tổ chuyên gia;
- c) Yêu cầu nhà thầu làm rõ hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong quá trình đánh giá hồ sơ;
- d) Trình duyệt kết quả lựa chọn danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu;
- đ) Thương thảo (***nếu có***) và hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu;
- e) Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật cho các bên liên quan nếu thiệt hại đó do lỗi của mình gây ra;
- g) Bảo mật các tài liệu trong quá trình lựa chọn nhà thầu;
- h) Bảo đảm trung thực, khách quan, công bằng trong quá trình lựa chọn nhà thầu;
- i) Cung cấp các thông tin cho Báo đấu thầu và Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện các quy định tại khoản này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu;
- k) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về quá trình lựa chọn nhà thầu.

2. Đối với lựa chọn nhà thầu trong mua sắm thường xuyên, ngoài quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i và k khoản 1 Điều này, bên mời thầu còn phải thực hiện trách nhiệm sau đây:

- a) Phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;
- b) Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- c) Ký kết và quản lý việc thực hiện hợp đồng với nhà thầu;
- d) Quyết định xử lý tình huống;
- đ) Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu;
- e) Hủy thầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 của Luật này;
- g) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và người có thẩm quyền về quá trình lựa chọn nhà thầu;
- h) Lưu trữ các thông tin liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu theo

quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của Chính phủ;

i) Cung cấp các thông tin cho Báo đấu thầu và hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện các quy định tại khoản này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu;

k) Báo cáo công tác đấu thầu hằng năm.

3. Đối với lựa chọn nhà đầu tư, ngoài quy định tại các điểm e, g, h và i khoản 1 Điều này, bên mời thầu còn phải thực hiện trách nhiệm sau đây:

a) Chuẩn bị lựa chọn nhà đầu tư; tổ chức lựa chọn nhà đầu tư; tổ chức đánh giá hồ sơ dự thầu theo quy định của Luật này;

b) Quyết định thành lập tổ chuyên gia;

c) Yêu cầu nhà đầu tư làm rõ hồ sơ dự thầu trong quá trình đánh giá hồ sơ;

d) Trình duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

đ) Đàm phán hợp đồng với nhà đầu tư;

e) Hủy thầu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 của Luật này;

g) Lưu trữ các thông tin liên quan trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của Chính phủ;

h) Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư;

i) Báo cáo công tác đấu thầu hằng năm;

k) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và người có thẩm quyền về quá trình lựa chọn nhà đầu tư.

4. Ngoài các trách nhiệm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, bên mời thầu tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia còn có trách nhiệm sau đây:

a) Trang bị cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu đấu thầu qua mạng;

b) Quản lý và không tiết lộ khóa bí mật của chứng thư số được cấp. Trường hợp bên mời thầu bị mất chứng thư số hoặc phát hiện chứng thư số bị sử dụng trái phép thì phải thông báo ngay cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số để hủy bỏ và cấp mới chứng thư số; gia hạn thời hạn hiệu lực của chứng thư số bảo đảm chứng thư số còn hiệu lực trong suốt quá trình tổ chức đấu thầu;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của

các thông tin đã đăng ký, đăng tải lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia khi đăng nhập bằng chứng thư số của mình;

d) Kiểm tra và xác nhận việc đăng tải các thông tin của mình đã nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

5. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Luật này.

Điều 76. Trách nhiệm của tổ chuyên gia

1. Trung thực, khách quan, công bằng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
2. Lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất theo đúng yêu cầu.
3. Báo cáo bên mời thầu về kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất và danh sách xếp hạng nhà thầu, nhà đầu tư.
4. Bảo mật các tài liệu liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.
5. Bảo lưu ý kiến của mình.
6. Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật cho các bên liên quan nếu thiệt hại đó do lỗi của mình gây ra.
7. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện các quy định tại Điều này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.
8. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Luật này.

Điều 77. Trách nhiệm của nhà thầu, nhà đầu tư

1. Yêu cầu bên mời thầu làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.
2. Thực hiện các cam kết theo hợp đồng đã ký và cam kết với nhà thầu phụ, đối tác cùng thực hiện dự án đầu tư (nếu có).
3. Kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong quá trình tham dự thầu.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đấu thầu.
5. Bảo đảm trung thực, chính xác trong quá trình tham dự thầu, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo.
6. Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật cho các bên liên quan nếu thiệt hại đó do lỗi của mình gây ra.

7. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện các quy định tại Điều này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.

8. Ngoài các trách nhiệm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này, nhà thầu, nhà đầu tư tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia còn có trách nhiệm sau đây:

a) *Trang bị cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin khi tham gia đấu thầu qua mạng;*

b) *Quản lý và không tiết lộ khóa bí mật của chứng thư số được cấp. Trường hợp người sử dụng thuộc nhà thầu, nhà đầu tư bị mất hoặc phát hiện có một bên thứ ba đang sử dụng chứng thư số của đơn vị mình thì phải tiến hành ngay việc thay đổi khóa bí mật chứng thư số, hủy bỏ chứng thư số theo hướng dẫn của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số; gia hạn thời hạn hiệu lực của chứng thư số bảo đảm chứng thư số còn hiệu lực trong suốt quá trình tham gia đấu thầu;*

c) *Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của các thông tin đã đăng ký, đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia khi đăng nhập bằng chứng thư số của mình;*

d) *Chịu trách nhiệm về kết quả khi tham gia đấu thầu qua mạng trong trường hợp gặp sự cố do hệ thống mạng ở phía nhà thầu, nhà đầu tư làm cho tài liệu không mở và đọc được.*

9. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan .

Điều 78. Trách nhiệm của tổ chức thẩm định

1. Hoạt động độc lập, tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan khi tiến hành thẩm định.

2. Yêu cầu chủ đầu tư, bên mời thầu cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan.

3. Bảo mật các tài liệu trong quá trình thẩm định.

4. Trung thực, khách quan, công bằng trong quá trình thẩm định.

5. Bảo lưu ý kiến và chịu trách nhiệm về báo cáo thẩm định.

6. Bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật cho các bên liên quan nếu thiệt hại đó do lỗi của mình gây ra.

7. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện các quy định tại Điều này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, chủ đầu tư đối với dự

án, bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên, mua sắm tập trung, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.

8. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này.

CHƯƠNG IX

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC; THANH TRA, KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU

Mục 1

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤU THẦU

Điều 79. Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu

1. Ban hành, phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách về đấu thầu.
2. Tổng kết, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.
3. Quản lý hệ thống thông tin và các cơ sở dữ liệu về đấu thầu trên phạm vi cả nước.
4. Theo dõi, giám sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong đấu thầu và xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
5. Hợp tác quốc tế về đấu thầu.

Điều 80. Trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu trên phạm vi cả nước.
2. Thủ tướng Chính phủ thực hiện trách nhiệm sau đây:
 - a) Phân cấp, ủy quyền các nội dung về đấu thầu quy định tại Điều 73 của Luật này đối với các dự án thuộc thẩm quyền;
 - b) *Phê duyệt phương án* lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt;
 - c) Chỉ đạo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong đấu thầu theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - d) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 81. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu trên phạm vi cả nước theo quy định tại Điều 79 của Luật này.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm sau đây:

a) Thẩm định phương án ***lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt đối với gói thầu, dự án do Thủ tướng Chính phủ*** xem xét, quyết định;

b) Xây dựng, quản lý, hướng dẫn sử dụng Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và Báo đấu thầu;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác về đấu thầu được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

Điều 82. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các cấp

Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:

1. Thực hiện quản lý công tác đấu thầu;

2. Tổng kết, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

3. Giải quyết kiến nghị trong hoạt động đấu thầu;

4. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu;

5. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức về đấu thầu cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác đấu thầu;

6. Trường hợp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp là người có thẩm quyền thì còn phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 73 của Luật này; trường hợp là chủ đầu tư thì còn phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 74 của Luật này.

Điều 83. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong đấu thầu thuốc

1. Bộ Y tế có trách nhiệm ban hành danh mục thuốc đấu thầu tập trung ***cấp quốc gia***; danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá.

2. Chính phủ quy định trách nhiệm của các bộ, ngành trong đấu thầu thuốc và việc công khai giá thuốc theo kết quả lựa chọn nhà thầu.

Điều 84. Trách nhiệm của tổ chức vận hành Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Tổ chức vận hành Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia có trách nhiệm:

1. Bảo đảm an toàn thông tin, *bảo mật cơ sở dữ liệu của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.*
2. *Bảo đảm tính toàn vẹn của các hồ sơ trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, bao gồm cả việc ngăn chặn hành vi truy cập trái phép, hành vi thay thế hồ sơ bất hợp pháp.*
3. *Bảo đảm an toàn, an ninh bảo mật cho người dùng và quản lý hồ sơ người dùng; bảo đảm Hệ thống có cơ chế lưu vết theo thời gian, theo hành động trên Hệ thống.*
4. *Xây dựng Hệ thống đảm bảo tương thích với các hệ thống khác; giao diện thân thiện, đáp ứng tiêu chuẩn trong lĩnh vực công nghệ thông tin;*
5. *Có cơ chế quản trị rủi ro hệ thống.*
6. *Không được sử dụng các thông tin về dự án, gói thầu, nhà thầu, chủ đầu tư, bên mời thầu và các thông tin khác trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để phục vụ cho các mục đích ngoài mục đích xây dựng, vận hành Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.*
7. *Bảo đảm hệ thống phản ứng đáp ứng yêu cầu.*

Mục 2

THANH TRA, KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU

Điều 85. Thanh tra, kiểm tra và giám sát hoạt động đấu thầu

1. Thanh tra hoạt động đấu thầu:
 - a) Thanh tra hoạt động đấu thầu được tiến hành đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đấu thầu quy định tại Luật này;
 - b) Thanh tra hoạt động đấu thầu là thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực đấu thầu. Tổ chức và hoạt động của thanh tra về đấu thầu được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.
2. Kiểm tra hoạt động đấu thầu:
 - a) *Kiểm tra hoạt động đấu thầu được tiến hành theo kế hoạch định kỳ hoặc đột xuất theo quyết định của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.*

b) Nội dung kiểm tra hoạt động đấu thầu bao gồm một hoặc các hoạt động sau: kiểm tra việc ban hành văn bản hướng dẫn, **chỉ đạo thực hiện công tác đấu thầu**; kiểm tra việc **trình, thẩm định**, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, **chuẩn bị lựa chọn** nhà thầu, nhà đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư **quản lý và thực hiện** hợp đồng; **kiểm tra việc kiểm tra, giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu**; các hoạt động khác liên quan đến hoạt động đấu thầu.

3. Giám sát, **theo dõi** hoạt động đấu thầu:

a) Việc giám sát, **theo dõi** hoạt động đấu thầu là công việc của người có thẩm quyền nhằm bảo đảm quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư tuân thủ theo quy định của Luật này.

b) Người có thẩm quyền cử cá nhân hoặc đơn vị có chức năng quản lý về hoạt động đấu thầu tham gia giám sát, theo dõi việc thực hiện của chủ đầu tư, bên mời thầu trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư để bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu.

c) Người có thẩm quyền quyết định và chỉ đạo việc giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu đối với các gói thầu thuộc dự án, dự toán được giao do mình quyết định khi thấy cần thiết; tập trung giám sát, theo dõi đối với các chủ đầu tư, bên mời thầu có thắc mắc, kiến nghị, đối với các gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, các gói thầu có giá trị lớn, đặc thù, yêu cầu cao về kỹ thuật.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 3

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ TRONG ĐẤU THẦU

Điều 86. Khiếu nại, tố cáo

1. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo về đấu thầu được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. **Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, nhà đầu tư tham dự thầu được quyền chọn một trong những cách thức sau:**

a) **Kiến nghị trong đấu thầu theo quy định tại Điều 87 của Luật này;**

b) **Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.**

2. **Trường hợp nhà thầu, nhà đầu tư khiếu nại, tố cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì không thực hiện quy trình giải quyết kiến nghị theo quy định tại Điều 87 của Luật này.**

Điều 87. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu, nhà đầu tư có quyền:

a) Kiến nghị với **chủ đầu tư đối với dự án**, bên mời thầu **đối với mua sắm thường xuyên**, mua sắm tập trung, người có thẩm quyền về **nội dung hồ sơ mời thầu** và các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu theo quy trình giải quyết kiến nghị quy định tại khoản 1 Điều 90 của Luật này; kiến nghị với bên mời thầu, người có thẩm quyền về **nội dung hồ sơ mời thầu** và các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư theo quy trình giải quyết kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều 90 của Luật này;

b) Kiến nghị với **chủ đầu tư đối với dự án**, bên mời thầu **đối với mua sắm thường xuyên**, mua sắm tập trung, **Hội đồng giải quyết kiến nghị** về kết quả **sơ tuyển, kết quả mời quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật đối với gói thầu một giai đoạn hai túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ**, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy trình giải quyết kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều 90 của Luật này; kiến nghị với **bên mời thầu**, người có thẩm quyền, **Hội đồng giải quyết kiến nghị** về kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy trình giải quyết kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 90 của Luật này.

c) Khởi kiện ra Tòa án vào bất kỳ thời gian nào, kể cả đang trong quá trình giải quyết kiến nghị hoặc sau khi đã có kết quả giải quyết kiến nghị.

2. Nhà thầu, nhà đầu tư đã khởi kiện ra Tòa án thì không gửi kiến nghị đến chủ đầu tư, bên mời thầu, người có thẩm quyền, **Hội đồng giải quyết kiến nghị**. Trường hợp đang trong quá trình giải quyết kiến nghị mà nhà thầu, nhà đầu tư khởi kiện ra Tòa án thì việc giải quyết kiến nghị được chấm dứt ngay.

Điều 88. Hội đồng giải quyết kiến nghị

1. Chủ trì điều phối Hội đồng giải quyết kiến nghị:

a) **Chủ trì điều phối Hội đồng giải quyết kiến nghị do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chỉ định.**

b) **Chủ trì điều phối Hội đồng giải quyết kiến nghị được chỉ định Chủ tịch và thành viên Hội đồng giải quyết kiến nghị. Chủ trì điều phối không tham gia Hội đồng giải quyết kiến nghị.**

2. Thành viên Hội đồng giải quyết kiến nghị:

Số lượng thành viên Hội đồng giải quyết kiến nghị là số lẻ. Thành viên Hội đồng giải quyết kiến nghị là chuyên gia trong lĩnh vực liên quan tới nội dung kiến nghị, bao gồm đấu thầu, pháp lý, kỹ thuật, tài chính, xây dựng, công

nghệ và các lĩnh vực khác. Thành viên Hội đồng giải quyết kiến nghị không được là thân nhân (cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột) của người ký đơn kiến nghị, của các cá nhân trực tiếp tham gia đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, các cá nhân trực tiếp thẩm định kết quả mời quan tâm, kết quả sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu, người phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

3. Hoạt động của Hội đồng giải quyết kiến nghị:

a) Chủ trì điều phối Hội đồng giải quyết kiến nghị ra quyết định thành lập Hội đồng giải quyết kiến nghị trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, nhà đầu tư. Hội đồng giải quyết kiến nghị hoạt động theo từng vụ việc;

b) Hội đồng giải quyết kiến nghị làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số để hình thành Quyết định giải quyết kiến nghị; từng thành viên được quyền bảo lưu ý kiến và chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến của mình.

4. Bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng giải quyết kiến nghị:

a) Bộ phận thường trực giúp việc là đơn vị được giao quản lý về hoạt động đấu thầu nhưng không gồm các cá nhân tham gia trực tiếp thẩm định gói thầu, dự án mà nhà thầu, nhà đầu tư có kiến nghị;

b) Bộ phận thường trực giúp việc thực hiện các nhiệm vụ về hành chính do Chủ trì điều phối Hội đồng giải quyết kiến nghị quy định; tiếp nhận và quản lý chi phí do nhà thầu, nhà đầu tư có kiến nghị nộp.

5. Quyết định giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị có hiệu lực thi hành với chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu, nhà đầu tư. Trường hợp không đồng ý với Quyết định giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu, nhà đầu tư có quyền gửi đơn yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét lại quyết định của Hội đồng giải quyết kiến nghị. Bên khiếu nại phải đồng thời thông báo việc khiếu nại cho Hội đồng giải quyết kiến nghị.

Điều 89. Điều kiện xem xét, giải quyết kiến nghị

1. Đối với kiến nghị về nội dung hồ sơ mời thầu và các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu:

a) Đơn kiến nghị là của nhà thầu, nhà đầu tư tham dự thầu;

b) Đơn kiến nghị phải có chữ ký của người ký đơn dự thầu hoặc đại diện hợp pháp của nhà thầu, nhà đầu tư được đóng dấu (nếu có) hoặc phải gửi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

c) Nội dung kiến nghị đó chưa được nhà thầu, nhà đầu tư khởi kiện ra Tòa án;

d) Đơn kiến nghị được gửi trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu.

2. Đối với kiến nghị về kết quả sơ tuyển, kết quả mời quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật đối với gói thầu một giai đoạn hai túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ, kết quả lựa chọn nhà thầu:

a) Đơn kiến nghị là của nhà thầu, nhà đầu tư tham dự thầu;

b) Đơn kiến nghị phải có chữ ký của người ký đơn dự thầu hoặc đại diện hợp pháp của nhà thầu, nhà đầu tư được đóng dấu (nếu có) hoặc phải gửi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

c) Nội dung kiến nghị đó chưa được nhà thầu, nhà đầu tư khởi kiện ra Tòa án;

d) Nội dung kiến nghị liên quan trực tiếp đến kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu của nhà thầu, nhà đầu tư có đơn kiến nghị;

đ) Chi phí giải quyết kiến nghị theo quy định của Chính phủ được nhà thầu, nhà đầu tư có kiến nghị nộp cho bộ phận giúp việc của Hội đồng giải quyết kiến nghị trong vòng 10 ngày kể từ ngày đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

e) Nhà thầu, nhà đầu tư phải gửi văn bản kiến nghị trong vòng 10 ngày kể từ ngày đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Điều 90. Quy trình giải quyết kiến nghị

1. Quy trình giải quyết kiến nghị về nội dung hồ sơ mời thầu và các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu như sau:

a) Nhà thầu được gửi văn bản kiến nghị đến chủ đầu tư đối với dự án; bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên, mua sắm tập trung từ khi xảy ra sự việc đến trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu;

b) Chủ đầu tư, bên mời thầu phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị

của nhà thầu;

c) Trường hợp chủ đầu tư, bên mời thầu không có văn bản giải quyết kiến nghị hoặc nhà thầu không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà thầu có quyền gửi văn bản kiến nghị đến người có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư, bên mời thầu;

d) Người có thẩm quyền phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu.

2. Quy trình giải quyết kiến nghị về ***kết quả sơ tuyển, kết quả mời quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật đối với gói thầu một giai đoạn hai túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ***, kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

a) Nhà thầu gửi văn bản kiến nghị đến chủ đầu tư đối với dự án; bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên, mua sắm tập trung trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ***đăng tải kết quả sơ tuyển, kết quả mời quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật đối với gói thầu một giai đoạn hai túi hồ sơ, hai giai đoạn hai túi hồ sơ***, kết quả lựa chọn nhà thầu ***trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia***;

b) Chủ đầu tư, bên mời thầu phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi nhà thầu trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu;

c) Trường hợp chủ đầu tư, bên mời thầu không có văn bản trả lời hoặc nhà thầu không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà thầu có quyền gửi văn bản kiến nghị đến ***Chủ trì điều phối*** Hội đồng giải quyết kiến nghị trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư, bên mời thầu;

d) Khi nhận được văn bản kiến nghị, Hội đồng giải quyết kiến nghị có quyền yêu cầu nhà thầu, chủ đầu tư, bên mời thầu và các cơ quan liên quan cung cấp thông tin để xem xét. ***Hội đồng giải quyết kiến nghị có quyết định giải quyết kiến nghị*** trong thời hạn ***tối đa 30 ngày***, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu. ***Quyết định giải quyết kiến nghị có giá trị pháp lý ràng buộc trách nhiệm các bên, trừ trường hợp nhà thầu không đồng ý với quyết định giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị, khởi kiện ra Tòa án và phán quyết của Tòa án khác với quyết định giải quyết kiến nghị***;

đ) Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng giải quyết kiến nghị có văn bản thông báo tạm dừng ***việc tổ chức lựa chọn nhà thầu*** gửi đến chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra văn bản thông báo.

Thời gian tạm dừng **việc tổ chức lựa chọn nhà thầu** được tính từ ngày chủ đầu tư, bên mời thầu nhận được thông báo tạm dừng đến khi **Hội đồng giải quyết kiến nghị** ban hành văn bản giải quyết kiến nghị.

3. Quy trình giải quyết kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư như sau:

a) Nhà đầu tư gửi văn bản kiến nghị đến bên mời thầu từ khi xảy ra sự việc đến trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

b) Bên mời thầu phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư;

c) Trường hợp bên mời thầu không có văn bản giải quyết kiến nghị hoặc nhà đầu tư không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà đầu tư có quyền gửi văn bản kiến nghị đến người có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu;

d) Người có thẩm quyền phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư.

4. Quy trình giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư như sau:

a) Nhà đầu tư gửi văn bản kiến nghị đến bên mời thầu trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày **đăng tải** kết quả lựa chọn nhà đầu tư **trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia**;

b) Bên mời thầu phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư;

c) Trường hợp bên mời thầu không có văn bản trả lời hoặc nhà đầu tư không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị thì nhà đầu tư có quyền gửi văn bản kiến nghị **đến Chủ trì điều phối Hội đồng giải quyết kiến nghị** trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn trả lời hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của bên mời thầu;

d) Khi nhận được văn bản kiến nghị, Hội đồng giải quyết kiến nghị có quyền yêu cầu nhà đầu tư, bên mời thầu và các cơ quan liên quan cung cấp thông tin để xem xét. **Hội đồng giải quyết kiến nghị có quyết định giải quyết kiến nghị** trong thời hạn **tối đa 45 ngày**, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư. **Quyết định giải quyết kiến nghị có giá trị pháp lý ràng buộc trách nhiệm các bên, trừ trường hợp nhà đầu tư không đồng ý với quyết định giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị, khởi kiện ra Tòa án và phán quyết của Tòa án khác với quyết định giải quyết kiến nghị**;

đ) Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng giải quyết kiến nghị căn cứ văn bản kiến nghị của nhà đầu tư xem xét tạm dừng cuộc thầu. Văn bản tạm dừng cuộc thầu phải được gửi đến bên mời thầu, nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra văn bản thông báo tạm dừng cuộc thầu. Thời gian tạm dừng cuộc thầu được tính từ ngày bên mời thầu nhận được thông báo tạm dừng đến khi ban hành văn bản giải quyết kiến nghị;

5. Trường hợp nhà thầu, nhà đầu tư gửi văn bản kiến nghị trực tiếp đến người có thẩm quyền mà không tuân thủ theo quy trình giải quyết kiến nghị quy định tại Điều này thì văn bản kiến nghị không được xem xét, giải quyết.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 91. Nguyên tắc xử lý kiến nghị trong đấu thầu tại Tòa án

1. Việc xử lý kiến nghị trong đấu thầu tại Tòa án được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Khi khởi kiện, các bên có quyền yêu cầu Tòa án tạm dừng ngay việc đóng thầu; phê duyệt danh sách ngắn; phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; ký kết hợp đồng; thực hiện hợp đồng và các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 92. Quy định chuyển tiếp

1. Các gói thầu, dự án đầu tư đã phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, lựa chọn nhà đầu tư, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13.

2. Các gói thầu, dự án đầu tư đã phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, lựa chọn nhà đầu tư, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13.

3. Để bảo đảm tính liên tục của hoạt động đấu thầu qua mạng, trong thời gian hoàn chỉnh các chức năng của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định của Luật này, việc đấu thầu qua mạng thực hiện theo các quy định của Luật

Đấu thầu số 43/2013/QH13, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn về đấu thầu qua mạng.

Điều 93. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm
2. Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày tháng năm 2023.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI



BẢNG TỔNG HỢP
NỘI DUNG GÓP Ý DỰ THẢO LUẬT ĐẦU THẦU (SỬA ĐỔI) CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG NƯỚC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4994/TTTr-BKHĐT ngày 22/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

<i>TT</i>	<i>Điều, khoản</i>	<i>Nội dung góp ý</i>	<i>Đơn vị góp ý</i>	<i>Ý kiến tiếp thu/không tiếp thu</i>
<i>I</i>	<i>Vấn đề chung</i>	- Về giải thích từ ngữ: Về nguyên tắc chỉ quy định về những khái niệm mới, không quy định lại những khái niệm, thuật ngữ đã được quy định tại pháp luật chuyên ngành. - Về thời gian trong đấu thầu: Dự thảo chưa có cơ sở xác định thời gian trong đấu thầu, đề nghị nghiên cứu, lấy ý kiến rộng rãi về nội dung này để điều chỉnh, cập nhật các khoảng thời gian cho phù hợp. - Về đấu thầu hạn chế và mua sắm trực tiếp: Đề nghị giữ hình thức đấu thầu hạn chế và mua sắm trực tiếp theo hướng bổ sung điều kiện, tiêu chí và các yêu cầu cần thiết khi nghiên cứu, áp dụng các hình thức này. - Về chiến lược đấu thầu: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung các điều kiện, tiêu chí và các yêu cầu cụ thể đối với việc áp dụng Chiến lược đấu thầu đảm bảo tính khả thi trong thực tiễn. Các nội dung cụ thể khác Bộ Xây dựng sẽ góp ý trong quá trình xây dựng và hoàn thiện dự thảo Luật Đấu thầu	Bộ Xây dựng	Tiếp thu và đã chỉnh sửa các nội dung tương ứng trong Dự thảo Luật
	Sự cần thiết ban hành Luật	Thống nhất với Dự thảo Tập đoàn công nghiệp Than - khoáng sản VN, TCT Hàng không Việt Nam, VNPT, VINCONS, Hội Cựu Chiến Binh VN, Quảng Trị, Bộ Công thương, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Lao động, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao		Tiếp thu
	Nội dung chung của Luật	Thống nhất với Dự thảo		Tiếp thu

		Tập đoàn hóa chất Việt Nam, TCT hàng hải Việt Nam – CTCP, TCT giấy Việt Nam, Tổng liên đoàn Lao động VN, Hậu Giang, Ninh Thuận, Tây Ninh, Lâm Đồng, Bộ Ngoại giao		
	Thể thức, kỹ thuật văn bản	- Tại các chương của dự thảo Luật Đấu thầu: Đề nghị trình bày từ “Chương” bằng chữ in thường để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước. - Tại các Điều 10, Điều 62 dự thảo Luật Đấu thầu: Đề nghị bỏ dấu gạch ngang đầu dòng “-” trước các ý để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14. - Phần cuối của dự thảo Luật đề nghị sửa lại như sau “Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2023.” để phù hợp với mẫu 2 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14. - Phụ lục kèm theo dự thảo Luật Đầu tư chưa được trình bày theo đúng mẫu số 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14. Đề nghị nghiên cứu để chỉnh sửa cho đúng quy định	Quảng Trị	Tiếp thu
II	Nội dung cụ thể			
	Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh)	Điểm b khoản 1 Điều 1 - Phương án 1: TCT Hàng không Việt Nam, Đà Nẵng, Bình Định; Bộ Khoa học công nghệ, Ban Quản lý lăng, Bộ Nội vụ, Ủy ban dân tộc, Thông tấn xã VN, QPTDNN Viện Hàn lâm KH-CN, Hậu Giang, Đồng Tháp, Trà Vinh, Hà Giang, Nam Định, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Thừa Thiên Huế, Gia Lai, Đồng Nai, Bộ Tài chính, Bộ Công An, Bảo hiểm xã hội, Cục PTHTX		Tiếp thu
		- Phương án 2: VNPT, VINCONS, TCT đường sắt Việt Nam, Tập đoàn hóa chất Việt Nam (để tạo sự linh hoạt, chủ động, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp); TCT Hàng Hải Việt Nam, TCT giấy Việt Nam, TCT Xi măng Việt		

	Nam; Quảng Trị, Khánh Hòa, Phú Yên, Nghệ An, Quảng Ngãi; Ban CPTW, Viện HLKHCN, HLHPNVN, Đài tiếng nói VN, CIEM, KTNN, Bộ Thông tin truyền thông, Tổng Cục đường bộ, Cà Mau, Bình Dương, KonTum, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Thanh Hóa, Lào Cai, Lạng Sơn, Ninh Bình, Sơn La, Bắc Kạn, Hưng Yên, Bắc Ninh, Hà Nội, Yên Bái, Điện Biên, Viettel, PVN, Tây Ninh, Bình Thuận, EVN, Bộ Công thương, Bộ Giao thông vận tải, NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC - Cần nghiên cứu kỹ 2 trường hợp DNNN 100% và DNNN có vốn >51% <100%: Bộ QP.		
	Điểm c khoản 1: Đề nghị bỏ hoặc xem xét sửa đổi theo hướng làm rõ các dự án quy định tại khoản này là các dự án do DNNN tham gia góp vốn đầu tư trực tiếp Lý do: Theo chỉ đạo tại NQ số 12-NQ/TW thì các DNNN hoạt động theo cơ chế thị trường, lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác theo quy định của pháp luật.	TCT Xi măng Việt Nam	Tiếp thu và đã làm rõ phạm vi áp dụng theo hướng quy định rõ phạm vi điều chỉnh đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có hàm lượng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước
	Điểm c khoản 1: “Các chi phí sử dụng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước từ 30% trở lên hoặc dưới 30% nhưng trên 500 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư của Dự án đầu tư phát triển không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản này”.	Bộ Giao thông vận tải	
	Nâng lên 35% cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp (Điều 148 trên 35% quyền phủ quyết doanh nghiệp):	KTNN	Giữ nguyên 30%

	Điểm d khoản 1: Bổ sung “dự toán mua sắm sử dụng vốn nhà nước nhằm thực hiện các hoạt động triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước” Bổ các nội dung liên quan đến nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước trong phần “ dự án đầu tư phát triển” để phù hợp với Luật KH&CN và Luật Ngân sách nhà nước (như giải thích ở nội dung 1 của Công văn này)	Bộ Khoa học công nghệ	Tiếp thu
	Phương án 1: Dự án đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước và đề nghị viết rõ hơn thành “<i>Dự án đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật doanh nghiệp</i>”. Lý do: (i) Theo quy định tại khoản 11 Điều 4 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021) thì DNNN gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định tại Điều 88 của Luật này (gồm: Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Công ty TNHH 2 thành viên trở lên do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (gọi tắt là Công ty TNHH 2 thành viên trở lên), Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (gọi tắt là Công ty cổ phần); (ii) Thực tế hiện nay, số doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ còn rất ít, phần lớn doanh nghiệp là công ty cổ phần, ví dụ: trong số doanh nghiệp thuộc diện nhà nước tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ, cổ phần của nhà nước trong doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ trong lĩnh vực hàng không cũng chỉ có 01 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước là Tổng công ty Quản lý bay; lĩnh vực đường sắt có Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.	Bộ Tài chính	Không tiếp thu
	Tại điểm g khoản 1 Điều 1 đề nghị thay cụm từ “vật tư y tế” thành “trang thiết bị y tế”	Bắc Giang	Tiếp thu

	Tại điểm g khoản 1 Điều 1 đề nghị thay cụm từ “vật tư y tế” thành “trang thiết bị y tế”. Lý do: Trang thiết bị y tế gồm hóa chất, vật tư, thiết bị y tế theo NĐ 98/2021	SYT Bình Phước.	Tiếp thu
	- Điểm e khoản 1: đề nghị sửa thành: “Dự án, dự toán mua sắm hàng dự trữ quốc gia và thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia sử dụng vốn nhà nước” Khoản 2: cần làm rõ các khái niệm chưa rõ ràng, để phát sinh nhiều cách hiểu khác nhau như: “công trình thương mại, dịch vụ”...	Bộ Nông nghiệp và PTNT	
	(Cục TCDN) Đối với tiết c khoản 1 Điều 1 dự thảo Luật: Nội dung quy định tại khoản này là đối tượng không thuộc quy định tại điểm a và điểm b có vốn đầu tư tại dự án từ 30% trở lên hoặc dưới 30% nhưng trên 500 tỷ đồng. Theo đó đối tượng được xem xét là doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống. Vì vậy, đề nghị dự thảo Luật sửa lại như sau: “ <i>Dự án đầu tư phát triển không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản này có sử dụng vốn nhà nước, <u>vốn của doanh nghiệp có vốn góp của nhà nước</u> từ 30% trở lên hoặc dưới 30% nhưng trên 500 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư của dự án.</i> ” 1.3. Khoản 3 Điều 1: Đề nghị ghép nội dung điểm a (Dự án đối tác công tư (PPP) và g (Hoạt động lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư PPP của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án) vì cùng một nội dung liên quan tới Dự án đối tác công tư (PPP) (TCDT) ;	Bộ Tài chính	Không tiếp thu
	Tại Điều 4 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 quy định: “Doanh nghiệp nhà nước bao gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định tại Điều 88 của Luật này”. Đề đảm bảo tính nhất quán, nghiên cứu, xem xét xác định phạm vi điều chỉnh Dự thảo Luật Đấu thầu (sửa đổi) phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và các luật khác liên quan. - Đối với điểm b, khoản 2, Điều 1: Đề nghị xây dựng quy định chi tiết các loại hình thuộc công trình thương mại dịch vụ, cụ thể:	Bộ Công thương	Tiếp thu

	+ Nghị quyết 973/2020/UBTVQH ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 có quy định các loại hình hạ tầng thương mại được đầu tư công bao gồm: “<i>chợ dân sinh; chợ đầu mối; trung tâm logistic; trung tâm hội trợ triển lãm; kết cấu hạ tầng xuất khẩu, nhập khẩu</i>”. + Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, quy định: “Công trình thương mại, dịch vụ bao gồm: trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, cửa hàng; nhà hàng, cửa hàng ăn uống, giải khát và các công trình thương mại khác”. Do vậy, đề nghị dự thảo xây dựng quy định “<i>Công trình thương mại dịch vụ gồm: chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, trung tâm logistic, trung tâm hội chợ triển lãm, cửa hàng; nhà hàng, cửa hàng ăn uống, giải khát và các công trình thương mại khác</i>”.		
	Khoản 2 Điều 1: Đề nghị bổ sung thêm dự án khu dân cư như sau: “ <i>Dự án đầu tư xây dựng các công trình: khu đô thị, khu dân cư...</i> ”.	Quảng Ngãi	Tiếp thu
	Đề nghị quý Cục rà soát lại quy định về doanh nghiệp nhà nước tại Điều 88 Luật Doanh nghiệp để có sự thống nhất trong các văn bản quy phạm pháp luật khi ban hành (do Phụ lục kèm theo văn bản số 3975/BKHĐTQLĐT có nêu “doanh nghiệp nhà nước ... không phân biệt tỷ lệ góp vốn của nhà nước trong doanh nghiệp”) Thông nhất không đưa hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí vào phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu do Luật Dầu khí sửa đổi đang được Bộ Công Thương hoàn thiện trình Quốc hội sẽ có quy định về nội dung này.	VKTCN	Tiếp thu
	Khoản 3: Nâng lên thành 35% cho phù hợp với Điều 148 Luật DN, quyền phủ quyết trong đại hội cổ đông	KTNN	Giữ nguyên 30%
	- Khoản 1(b) nên chọn phương án 1 để tránh có các diễn giải thiếu nhất quán và lý do như cột bên, duy trì cơ bản như quy định trong Luật Đấu thầu 2013 đã có.	Ông Ninh Viết Định	Tiếp thu

	Để cho rõ hơn đề nghị đưa nội dung diễn giải về Doanh nghiệp nhà nước ngay trong Luật này hoặc dẫn chiếu tên Luật quy định chuyên ngành để thống nhất áp dụng. - Tương ứng trong phụ lục về cách tính vốn Nhà nước tại mục 4 kiến nghị chọn phương án 1 Các nội dung khác thống nhất như dự thảo		
	Tại điểm e Khoản 3 Điều 1 của Dự thảo 1- Luật Đấu thầu (sửa đổi) đã có quy định: “<i>Lựa chọn nhà thầu, đối tác để trực tiếp thực hiện hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí theo quy định của pháp luật về dầu khí</i>” là trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu (sửa đổi). Tuy nhiên, đối với quy định: “<i>Lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ dầu khí liên quan trực tiếp đến hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí theo quy định của pháp luật về dầu khí</i>” hiện đang được quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 lại bị loại bỏ khỏi các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu nêu tại Khoản 3 Điều 1 của Dự thảo 1- Luật Đấu thầu (sửa đổi) là chưa phù hợp với loại hình cung cấp dịch vụ dầu khí phục vụ trực tiếp cho hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí. Để việc lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ dầu khí liên quan trực tiếp đến hoạt động hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ, khai thác dầu khí và thu dọn công trình dầu khí phù hợp với đặc thù của ngành dầu khí và trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Dự thảo 1- Luật Đấu thầu (sửa đổi) như sau: - Đề nghị xem xét, điều chỉnh nội dung nêu tại điểm e Khoản 3 Điều 1 của Dự thảo 1- Luật Đấu thầu (sửa đổi) như sau: “<i>Lựa chọn nhà thầu, đối tác để trực tiếp thực hiện hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ, khai thác dầu khí và thu dọn công trình dầu khí theo quy định của pháp luật về dầu khí</i>”.	PVN	Không tiếp thu

	- Đề nghị xem xét, hiệu chỉnh lại nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 như sau: <i>“Lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ dầu khí liên quan trực tiếp đến hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ, khai thác dầu khí và thu dọn công trình dầu khí theo quy định của pháp luật về dầu khí”</i> và chuyển tiếp nội dung nêu trên thành một Điểm trong Khoản 3 Điều 1 của Dự thảo 1- Luật Đấu thầu (sửa đổi) về các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu. - Bổ sung các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật đấu thầu gồm: i) <i>Lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ dầu khí liên quan trực tiếp đến hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ, khai thác dầu khí và thu dọn công trình dầu khí theo quy định của pháp luật về dầu khí.</i> k) Dự án đầu tư mua, đóng mới tàu biển, phương tiện nổi (FSO/FPSO/MUPU/FSRU, sà lan, tàu cầu, tàu công trình biển ...) theo quy định của Bộ Luật Hàng hải.		
	- Đề nghị xem xét bổ sung thêm <i>“Hoạt động mua sắm sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp”</i> vào danh mục các hoạt động không thuộc phạm vi điều chỉnh của luật đấu thầu tại khoản 3 Điều 1 Dự thảo. Lý do: Để phù hợp với nội hàm khái niệm “Đấu thầu” quy định tại khoản 12 Điều 4 Dự thảo Luật <i>“Đấu thầu là quá trình lựa chọn nhà thầu ...không nhằm mục đích bán hay bán lại mang tính thương mại hoặc sử dụng trong việc sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ vì mục đích bán hay bán lại mang tính thương mại”</i> - Điểm h khoản 3 đề nghị xem xét bổ sung như sau: <i>“Lựa chọn thành viên trong ban hòa giải, ban trọng tài, luật sư để xử lý tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng; thành viên trong hội đồng giải quyết kiến nghị”.</i> Lý do: Thuê luật sư tư vấn pháp lý, tham gia tố tụng giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài là hoạt động đặc thù. Chi phí luật sư thường được các công ty luật tính theo giờ hoặc theo vụ việc tùy theo tính chất và mức độ phức	EVN	

	tạp của vụ việc. Do vậy, việc yêu cầu các công ty luật, hoặc luật sư có uy tín, trình độ cao phải đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, phải lập hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của bên mời thầu thường khó khả thi.		
	Đề nghị nghiên cứu xây dựng quy định mang tính chất đặc thù về đấu thầu đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, cụ thể như sau (QLN&TCĐN)	Bộ Tài chính	Tiếp thu
	Dự thảo Luật Đấu thầu sửa đổi đang xây dựng theo hướng khi Điều ước Quốc tế, thỏa thuận có quy định khác thì theo Điều ước quốc tế, thỏa thuận đó	Bộ Tài chính	Tiếp thu
	Tuy nhiên, trước khi Điều ước quốc tế (ĐUQT), thỏa thuận được phê duyệt để ký kết và triển khai thực hiện thì việc đàm phán ĐUQT, thỏa thuận đó phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, trong đó có Luật Đấu thầu. Như vậy, để có thể ký kết ĐUQT, thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật thì Luật Đấu thầu phải có các quy định cho phép thực hiện có tính tới tính chất đặc thù của việc sử dụng vốn ODA ràng buộc của các nhà tài trợ nước ngoài. Tại khoản 3 Điều 1 quy định các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật, đề nghị gộp điểm a và điểm g để không trùng lặp về nội dung (KBNN).	Bộ Tài chính	Tiếp thu
	Luật Đấu thầu là quy định pháp luật quan trọng có phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng rộng, điều tiết các hoạt động kinh tế trong nhiều lĩnh vực từ trung ương đến địa phương. Do đó, Luật Đấu thầu nên xây dựng dưới dạng luật khung, quy định những nội dung trực tiếp trong hoạt động đấu thầu, các nội dung khác nên dẫn chiếu đến quy định pháp luật chuyên ngành để đảm bảo tính đồng bộ, tránh việc một nội dung được nghiên cứu, xây dựng bởi nhiều cơ quan. Dự thảo Luật Đấu thầu được xây dựng trên cơ sở 05 nhóm chính sách đã được thông qua, tuy nhiên nội hàm tại dự thảo Luật Đấu thầu còn mờ nhạt, chưa giải quyết được mục tiêu đặt ra và khắc phục được những tồn tại, bất cập, chưa triển khai được định hướng, yêu cầu trong bối cảnh mới.	Bộ Xây dựng	Tiếp thu
	Đề nghị bổ sung quy định đối với các gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn đầu tư	TCTK	

		công từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, vốn đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật; đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗn hợp (như vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn tự có hợp pháp (nguồn thu sự nghiệp) theo quy định của Luật Đầu tư công. Dự thảo xem xét đến thuật ngữ, khái niệm “Đầu tư công” thay cho “Đầu tư phát triển” để phù hợp với một số Luật đã sửa đổi		
		Đề nghị đối chiếu với Hiệp định đã ký kết để Luật không trái	Bộ Ngoại giao	Tiếp thu
		khái niệm “vốn nhà nước” đang có sự sai khác so với Luật Đầu tư công năm 2019 (sử dụng khái niệm “vốn đầu tư công”) và Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020 (sử dụng khái niệm “vốn đầu tư công”, “vốn nhà nước ngoài đầu tư công”, “vốn khác”). Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo chủ trì, lấy ý kiến Bộ ngành liên quan để thống nhất về khái niệm nguồn vốn làm cơ sở bổ sung giải thích từ ngữ tại Điều 4 của dự thảo.	Bộ Giao thông vận tải	
	Điều 2 (Đối tượng áp dụng)	- Đề nghị bỏ khoản 2 vì nội dung này sẽ gây khó khăn và tiêu hao nguồn lực về nhân sự, thời gian khi thực hiện lựa chọn nhà thầu áp dụng Luật đấu thầu, dẫn đến việc áp dụng có thể kém khả thi	VNPT, Bình Dương	Không tiếp thu
		Thống nhất với quy định bổ sung về việc khi các tổ chức, cá nhân có hoạt động đấu thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật được chọn áp dụng và phải xác định cụ thể điều, khoản, điểm sẽ thực hiện theo Luật ĐT	TCT Xi măng Việt Nam	Tiếp thu
		Nhất trí, đảm bảo sự rõ ràng, thống nhất trong thực hiện	Quảng Trị	Tiếp thu
		Đề nghị bỏ cụm từ “xác định cụ thể các Điều, Khoản, Điểm sẽ”, vì như vậy sẽ gây khó khăn và việc căn cứ Luật không đầy đủ, chặt chẽ. Sẽ làm giảm tính đồng bộ khi áp dụng văn bản quy phạm pháp luật. Và điều chỉnh thành: “2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động đấu thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu chọn áp dụng Luật Đấu thầu, khi chọn áp dụng quy định của Luật Đấu thầu phải thực hiện theo quy định của Luật này.”	Đắk Lắk	Không tiếp thu

		Đề nghị sửa quy định khoản 2, Điều 2 Dự thảo như nội dung tại khoản 2 Điều 2 Luật Đấu thầu 2013	Vĩnh Phúc	Không tiếp thu
		Bỏ quy định tại khoản 2 (tổ chức, cá nhân phải xác định cụ thể điều khoản điểm sẽ thực hiện theo Luật đấu thầu)	Bộ Nông nghiệp và PTNT	
	Điều 3 (Nguyên tắc áp dụng Luật) Điều 4 (Giải thích từ ngữ)	Đề nghị xem xét bổ sung quy định nguyên tắc <i>“Đối với dự án đầu tư mua tài sản sau khi chủ đầu tư đã áp dụng đầy đủ các quy định của pháp luật về đấu thầu mà vẫn không lựa chọn được nhà thầu thì chủ đầu tư thực hiện bằng hình thức chào hàng cạnh tranh theo thông lệ quốc tế với ít nhất 03 người chào hàng là người trực tiếp bán tài sản hoặc người môi giới”</i> hoặc <i>“Đối với dự án mua tài sản có tính chất đặc thù mà việc mua, bán được thực hiện theo thông lệ quốc tế thì chủ đầu tư được thực hiện mua tài sản theo thông lệ quốc tế.”</i> nhằm tháo gỡ khó khăn cho DNNN khi đầu tư mua tài sản có tính chất đặc thù như tàu biển, tàu bay do người bán nước ngoài không am hiểu pháp luật về đấu thầu của Việt Nam cũng như không đáp ứng được yêu cầu về tính hợp lệ của nhà thầu nên không tham gia đấu thầu.	TCT Hàng hải Việt Nam	Không tiếp thu
		Đề nghị xem xét bổ sung thêm cho phù hợp với thực tiễn trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, phục vụ các hoạt động liên tục tại các DNNN cho thấy cần thiết mua sắm cả “hàng hóa”	TCT Xi măng Việt Nam	
		Khoản 4 Điều 3 về Áp dụng Luật đấu thầu, điều ước quốc tế, thỏa thuận giữa Việt Nam và nhà tài trợ (KHTC): Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: <i>“... doanh nghiệp phải ban hành quy định về lựa chọn nhà thầu để áp dụng thống nhất trong doanh nghiệp và phù với quy định của Pháp luật về đấu thầu trên cơ sở đảm bảo mục tiêu công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế”</i> .	Bộ Tài chính	Không tiếp thu, nếu phải theo PL về đấu thầu thì phải thuộc PVĐC của Luật
		Đề nghị Điều 3 bổ sung thêm "Áp dụng... với nước ngoài"	Bộ Ngoại giao	
		Đối với nhà tài trợ sửa thành "nhà tài trợ nước ngoài"	Bộ Ngoại giao	

	"Trường hợp... trừ các trường hợp đã được quy định tại khoản 3 Điều 1 của Luật này		
	Nhất trí, đảm bảo sự rõ ràng, thống nhất trong thực hiện	Quảng Trị	Tiếp thu
	Khi DN ban hành thì không được trái Luật ĐT	KTNN	Tiếp thu
	Khoản 5: Trường hợp PL khác có quy định thì phải tuân thủ theo quy định của LĐT	KTNN	Tiếp thu
	Khoản 5: Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: 5. Trường hợp pháp luật khác có quy định về đấu thầu nhưng <u>không có quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư thì việc tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư phải tuân thủ theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật này.</u> Vi: Nội dung bổ sung để áp dụng trong trường hợp sau: - Pháp luật chuyên ngành có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư thì ưu tiên thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.	PVN	Đã bỏ khoản này
	- Đề nghị kiểm tra sự trùng lặp nội dung theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 1 và khoản 2 Điều 3; - Đề nghị bỏ quy định tại khoản 5 Điều 3 Dự thảo	Vĩnh Phúc	Tiếp thu
	Khoản 5: Trường hợp PL khác có quy định thì phải tuân thủ theo quy định của LĐT chưa phù hợp với Luật ban hành vb quy phạm pl, vb nào ra sau áp dụng vb đó	Bộ Công an	Không tiếp thu
	- Về Áp dụng Luật đấu thầu, điều ước quốc tế, thỏa thuận giữa Việt Nam và nhà tài trợ, khoản 3, Điều 3 quy định " <i>Trường hợp gói thầu gồm cả phần mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu và phần mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc ký kết thì việc lựa chọn nhà thầu của gói thầu thực hiện theo quy định của Điều ước quốc tế đó.</i> " Đề nghị bỏ cụm từ " hoặc ký kết " để đảm bảo sự chính xác và thống nhất cách trình bày ở toàn bộ Dự thảo Luật. - Nghị định số 114/2021/NĐ-CP về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển	Bộ Công thương	

	chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, quy định về “Chủ chương trình, dự án” , đề nghị bổ sung quy định đối với “chủ chương trình, dự án” tại Dự thảo Luật Đấu thầu.		
	Khoản 4 Điều 3: Đề nghị làm rõ việc doanh nghiệp xây dựng quy định riêng để lựa chọn nhà thầu có phải thực hiện theo các quy định của pháp luật đấu thầu hay không?	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	
	Giải thích từ ngữ dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa: đề nghị quy định theo hướng thể hiện tính bao quát để tranh sự trùng lặp hoặc không đầy đủ.	Quảng Trị	Không tiếp thu
	- Khoản 1, khoản 2 Điều 4: Đề nghị xem xét bỏ hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng <i>“nộp Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam”</i>. Lý do: Các quy định pháp luật hiện nay vẫn chưa hướng dẫn cụ thể về việc bảo hiểm bảo lãnh của các công ty bảo hiểm (hiệu lực pháp lý, tính ràng buộc trách nhiệm, các điều kiện chi trả bảo lãnh...). Đồng thời việc áp dụng bảo hiểm bảo lãnh có thể sẽ gây khó khăn cho bên mời thầu trong trường hợp tịch thu bảo đảm dự thầu của nhà thầu, do ngoài các điều kiện tịch thu bảo đảm dự thầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu, bên mời thầu sẽ phải đáp ứng các điều kiện khác mà Bên bảo hiểm đưa ra. - điểm b khoản 3 Điều 4: Kiến nghị hiệu chỉnh như sau: <i>“b) Đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng nguồn vốn nhà nước để mua sắm thường xuyên”</i> Lý do: Kiến nghị hiệu chỉnh để rõ ràng về đối tượng và thống nhất với phạm vi điều chỉnh của luật như quy định tại Điều 1 Dự thảo Luật.	EVN	Không tiếp thu
	Đề nghị bổ sung vào Điều 4 - “Giải thích từ ngữ” một số thuật ngữ mới quy định trong dự thảo để thuận tiện cho việc nghiên cứu và áp dụng thống nhất trong quá trình thực hiện như: <i>“Đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên”</i> (quy định tại khoản 7,	Bộ Tài chính	Tiếp thu

	8 Điều 17); “<i>Tham vấn thị trường</i>” (quy định tại Điều 35); “<i>Chiến lược đấu thầu</i>” (quy định tại Điều 36); “<i>Đấu thầu trước</i>” (quy định tại Điều 42)... (KBNN) 3.2. Tại Điều 80 sử dụng thuật ngữ “<i>Tổ chức thẩm định</i>”, trong khi điểm d khoản 6 Điều 89 lại sử dụng thuật ngữ “<i>Tổ thẩm định</i>”, tại khoản 1 điều 40 và khoản 2 Điều 41 lại sử dụng thuật ngữ “<i>Đơn vị thẩm định</i>”. Đề nghị quy định thống nhất một thuật ngữ cho dễ sử dụng và tránh nhầm lẫn cho các đơn vị thực hiện. Đồng thời bổ sung giải thích thuật ngữ này tại Điều 4. (KBNN) 3.3. Đối với “<i>Bảo đảm dự thầu</i>” (quy định tại khoản 1) và “<i>Bảo đảm thực hiện hợp đồng</i>” (quy định tại khoản 2): Đề nghị có quy định loại trừ (không áp dụng) trong trường hợp Đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm tham gia các gói thầu cung cấp dịch vụ bảo hiểm đồng thời tự cấp “<i>Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh</i>” cho chính gói thầu mà mình tham gia đấu thầu. Do việc cung cấp bảo đảm dự thầu cần được thực hiện bởi bên thứ 3 với vai trò trung gian (như các ngân hàng), nếu Nhà thầu tự cấp bảo lãnh cho chính mình sẽ không đảm bảo an toàn khi xảy ra trường hợp Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng. (KBNN)		
	Bổ sung quy định đấu giá ngược và hình thức e-catalog	Phú Yên	Tiếp thu
	- Khoản 4 Chủ đầu tư: đề nghị rà soát, đảm bảo thống nhất		
	- Khoản 8: dịch vụ phi tư vấn + Phương án 1: Quảng Trị, Lào Cai, Thừa Thiên Huế, Bộ Công an, Bảo hiểm xã hội, NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC. Ngoài ra đề nghị làm rõ hoạt động Thuê ngoài (cả con người + hàng hóa) để thực hiện một phần công việc trong chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, dịch vụ bảo trì có nằm trong dịch vụ phi tư vấn? (NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC) + Phương án 2: TCT Hàng Không Việt Nam; VINCONS; TCT Hàng Hải Việt Nam, TCT Xi măng Việt Nam, Khánh Hòa; Phú Yên, Đà Nẵng, Bình Định; HLHPNVN, CQLĐKKD, Đài tiếng nói VN, Bộ Khoa học công nghệ, KTNN, Bộ		Tiếp thu theo Phương án 2

	Nội vụ Bộ Thông tin truyền thông Ủy ban dân tộc QPTDNN Viện Hàn lâm KHCN, Hậu Giang, Đồng Tháp, Bình Dương, Trà Vinh, Ninh Thuận, Lạng Sơn, Hà Giang, Tây Ninh, EVN, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và PTNT Sửa lại thành, Bắc Kạn, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Bình Thuận, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Dịch vụ phi tư vấn là hoạt động liên quan chủ yếu tới các yếu tố vật lý hoặc hoạt động có tính chất lặp đi lặp lại theo tiêu chuẩn nhất định. Dịch vụ phi tư vấn là một hoặc một số hoạt động bao gồm: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, lắp đặt không thuộc quy định tại khoản 50 Điều này, nghiệm thu chạy thử, tổ chức đào tạo, bảo trì, bảo dưỡng, vẽ bản đồ, chụp ảnh vệ tinh và hoạt động khác không phải là dịch vụ tư vấn quy định tại khoản 9 Điều này (Tổng Cục đường bộ) Tuy nhiên cần tránh liệt kê do không đầy đủ hoặc dễ nhầm lẫn (khảo sát xây dựng không phải dịch vụ tư vấn thuần túy) (Bộ Nông nghiệp và PTNT)		
	- Khoản 9: dịch vụ phi tư vấn + Phương án 1: Phú Yên, CQLĐKKD, Bộ Thông tin truyền thông, Thừa Thiên Huế, NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC + Phương án 2: TCT Hàng không Việt Nam; VINCONS; TCT Hàng Hải Việt Nam, TCT Xi măng Việt Nam, Quảng Trị, Khánh Hòa, Đà Nẵng, Hà Tĩnh, Bình Định; HLHPNVN, Đài tiếng nói VN, Bộ Khoa học công nghệ, KTNN, Bộ Nội vụ Ủy ban dân tộc Tổng Cục đường bộ QPTDNN Viện Hàn lâm KHCN, Hậu Giang, Đồng Tháp, Bình Dương, Trà Vinh, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Bình Dương, Lào Cai, Hà Giang, Bắc Kạn, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Tây Ninh, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Lao động, Bảo hiểm xã hội, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và PTNT + Giữ nguyên như Luật: Nghệ An, Lào Cai, Hà Giang + Tích hợp cả 02 phương án: Lạng Sơn; Bắc Giang, EVN (Kiến nghị hiệu chỉnh theo hướng gộp nội dung Phương án 1 và Phương án 2 thành một định nghĩa thống nhất:		Tiếp thu theo Phương án 2

	<i>“Dịch vụ tư vấn là hoạt động đòi hỏi kiến thức, kinh nghiệm của chuyên gia để thực hiện các dịch vụ có tính chất tư vấn, hành nghề hoặc hoạt động cần sự tham gia của cả chuyên gia cũng như máy móc, thiết bị cần thiết. Dịch vụ tư vấn bao gồm tư vấn chính sách, tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đánh giá tác động môi trường, tư vấn quản lý dự án, tư vấn tài chính kế toán, tư vấn đào tạo, các dịch vụ tư vấn khác”</i> + Các thuật ngữ sau được sử dụng nhiều lần trong dự thảo Luật với cùng ý nghĩa: Gói thầu tư vấn – 13 lần, Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn – 11 lần, Gói thầu dịch vụ tư vấn – 4 lần. Do đó, đề nghị thống nhất chung về cách gọi là “Gói thầu dịch vụ tư vấn”; tương tự đối với “Gói thầu dịch vụ phi tư vấn” (Bộ Giao thông vận tải)		
	Khoản 11: Dự án đầu tư phát triển + Phương án 1: TCT Hàng không VN; VINCONS, Quảng Trị, Khánh Hòa; Phú Yên, Nghệ An, CQLĐKKD, Đài tiếng nói VN Ủy ban dân tộc Tổng Cục đường bộ, Hậu Giang, Đồng Tháp, Bình Dương, Sơn La, Bắc Kạn, Bắc Ninh, Thừa Thiên Huế, Bình Thuận, Bộ Tài chính, Bảo hiểm xã hội, EVN, Bộ Giao thông vận tải + Phương án 2: VNPT; TCT Hàng Hải Việt Nam, Bộ Thông tin truyền thông, Viettel, Tây Ninh <i>(các định nghĩa ko nên viết theo hướng liệt kê cụ thể mà nên mô tả theo đúng tính chất đối tượng)</i>. + Phương án 3: TCT Xi măng Việt Nam, Bộ Khoa học công nghệ, KTNN, Bộ Nội vụ QPTDNN Viện Hàn lâm KHCN, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Tuyên Quang, Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và PTNT Kết hợp 03 phương án (Đà Nẵng) - Ngoài ra đề nghị quy định rõ trong Dự thảo Luật, đối với các “<i>Dự án, đề tài nghiên cứu khoa học</i>” sử dụng nguồn kinh phí từ Quỹ nghiên cứu khoa học của doanh nghiệp nhà nước thì có thuộc phạm vi điều chỉnh trực tiếp của Luật Đấu thầu hay không. (EVN)		Giữ theo án 1 nguyên Phương

	Nghiên cứu bổ sung nội dung: dự án đầu tư phát triển bao gồm cả “<i>dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển theo quy định của Luật ngân sách nhà nước</i>” (Bộ Nông nghiệp và PTNT) - Khoản 11: Dự thảo đưa ra 03 phương án nhưng đang hướng đến các khái niệm khác nhau, không rõ ràng. Nếu theo Phương án 2: “Dự án đầu tư phát triển là hoạt động tạo tài sản cố định phục vụ mục đích đầu tư phát triển” thì chỉ có trường hợp tạo tài sản cố định phục vụ cho mục đích đầu tư phát triển thì mới là Dự án đầu tư phát triển. Đề nghị đưa ra các tiêu chí cụ thể để xác định dự án đầu tư phát triển qua đó tạo thuận lợi trong việc xác định phạm vi áp dụng luật đấu thầu (NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC)		
	- Định nghĩa dịch vụ phi tư vấn tại khoản 8 Điều 4 dự thảo quy định “<i>Dịch vụ phi tư vấn là hoạt động liên quan chủ yếu tới các yếu tố vật lý hoặc hoạt động có tính chất lặp đi lặp lại theo tiêu chuẩn nhất định...</i>”, như vậy các dịch vụ phi tư vấn được liệt kê không đáp ứng điều kiện này sẽ không có cơ sở xếp vào dịch vụ nào theo quy định. VNPT kiến nghị làm rõ thêm nội dung này. - Định nghĩa dịch vụ tư vấn tại khoản 9 Điều 4 dự thảo quy định “<i>Dịch vụ tư vấn là hoạt động có tính chất tư vấn, tính chuyên môn cao...</i>” trên thực tế không có cơ sở để xác định được nội dung này.	VNPT	Tiếp thu, dự thảo đã liệt kê các công việc
	- Khoản 14: Đề nghị bổ sung “nội khối” - Khoản 36: Giải thích nội dung “bất khả kháng”, “công trình đơn giản”, “gói thầu quy mô lớn, phức tạp”	Sơn La	Tiếp thu Khái niệm “bất khả kháng” theo PL dân sự nên không liệt kê ở Luật này
	- Khoản 37: Đề nghị hiệu chỉnh như sau:	EVN	Tiếp thu

	“37. Nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về đầu tư, gồm nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.” Lý do: Hiệu chỉnh để phù hợp với quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Đầu tư - Khoản 49: Kiến nghị xem xét hiệu chỉnh, bổ sung như sau. “Vốn nhà nước bao gồm vốn ngân sách nhà nước; công trái quốc gia, trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương; vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ; vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh; vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của Nhà nước; vốn từ quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước; giá trị quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước...” Lý do: Dự thảo Luật sử dụng thuật ngữ “vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước” tuy nhiên pháp luật hiện chưa có quy định rõ ràng những nguồn vốn nào thì nằm trong cơ cấu vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp. Xét ở góc độ tài chính, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp có thể bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, vốn đầu tư do doanh nghiệp tự huy động và nguồn vốn đầu tư khác của doanh nghiệp. Do đó, việc Dự thảo Luật đồng nhất tất cả nguồn vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước vào nội hàm khái niệm vốn nhà nước là chưa thống nhất với quy định về vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo khoản 8 Điều 3 Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69).		
	Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 48 như sau: 48. Tùy chọn mua thêm là khả năng mua bổ sung hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn của gói thầu <u>ngoài phạm vi công việc hoặc</u> ngoài khối lượng nêu trong hợp đồng.	PVN	Không tiếp thu
	- Khoản 49: Bỏ câu : « Việc xác định phần vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước.....kèm theo luật này » mà nên đưa vào Nghị định hoặc thông tư hướng dẫn	VINCONS	Tiếp thu

	Khoản 11 Điều 4 Dự thảo: - Đề nghị làm rõ hơn đối với công trình dự án cải tạo, nâng cấp (không mở rộng) nhưng có thay đổi về công năng sử dụng, nhưng không làm thay đổi nhiệm vụ của công trình (<i>cụ thể: Trường hợp sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc có làm thay đổi công năng một số phòng làm việc thành phòng họp, nhà kho, ...</i>) thì có thuộc trường hợp dự án đầu tư phát triển hay là dự án bảo trì; - Bổ sung giải thích từ ngữ đối với các cụm từ: “Tham vấn thị trường”, “khảo sát thị trường”, “chiến lược đấu thầu”, “tùy chọn mua thêm”.	Vĩnh Phúc	Không tiếp thu
	Đề nghị xem xét giữ nguyên khoản 28 như khoản 26 Điều 4 Luật ĐT số 43	TCT Xi măng Việt Nam	Bổ sung địa chỉ trang web theo Hệ thống mới
	Bộ KH&CN tiếp tục có ý kiến kiến nghị tới Quý Bộ <i>không đưa các cụm từ liên quan đến các nhiệm vụ KH&CN theo quy định của Luật KH&CN và Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27/1/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN trong phạm vi giải thích của “dự án đầu tư phát triển”,</i> đồng thời hoàn thiện lại giải thích phạm vi của “dự án đầu tư phát triển” phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng Tài sản công; <i>Đồng thời sửa lại điểm d Khoản 1 Điều 1 Dự thảo 1. Phạm vi điều chỉnh như sau:</i> <i>“Dự toán mua sắm sử dụng vốn nhà nước nhằm thực hiện các hoạt động triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước, duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập”.</i>	Bộ Khoa học công nghệ, Viettel (<i>đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ của DNNN</i>)	Tiếp thu
	<i>Định nghĩa Bên mời thầu:</i>	Đà Nẵng	Không tiếp thu

	- Theo khoản 1 Điều 66 Văn bản hợp nhất Luật Xây dựng số 02/VBHNVPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội có quy định: “Nội dung quản lý dự án đầu tư xây dựng gồm quản lý về phạm vi, kế hoạch công việc; khối lượng công việc; chất lượng xây dựng; tiến độ thực hiện; chi phí đầu tư xây dựng; an toàn trong thi công xây dựng; bảo vệ môi trường trong xây dựng; lựa chọn nhà thầu và hợp đồng xây dựng; quản lý rủi ro; quản lý hệ thống thông tin công trình và các nội dung cần thiết khác được thực hiện theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan”. Do đó, để tránh các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện đối với các dự án do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực thực hiện công tác Quản lý dự án do Người quyết định đầu tư giao nhiệm vụ, kính đề nghị điều chỉnh định nghĩa về bên mời thầu tại khoản 3 Điều 4 Luật đấu thầu (sửa đổi), như sau: “Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức có chuyên môn và năng lực để thực hiện các hoạt động đấu thầu, bao gồm: a) Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực hoặc tổ chức do chủ đầu tư quyết định thành lập hoặc lựa chọn; b) Đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng nguồn vốn mua sắm thường xuyên; c) Đơn vị mua sắm tập trung; d) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức trực thuộc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lựa chọn”. Khái niệm Vốn Nhà nước: Tại khoản 49 Điều 4 dự thảo Luật về khái niệm “Vốn nhà nước”: Hiện nay phạm vi và khái niệm về vốn nhà nước còn chưa được thống nhất tại Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và Luật Đấu thầu. Để thuận tiện trong quá trình thực hiện, kiến nghị cơ quan soạn thảo xem xét, nghiên cứu để có quy định cho thống nhất về nguồn vốn nhà nước.		Tiếp thu
	Khoản 1, 2 Điều 4 dự thảo Luật: “...<i>một trong các biện pháp đặt cọc hoặc nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam...</i>” nên bổ sung cụm từ “trong nước”		Tiếp thu

	Khoản 6 Điều 4 dự thảo Luật quy định “Cơ quan có thẩm quyền là các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai dự án đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Luật này” trong khi dự thảo Luật không điều chỉnh đối với quy định tại khoản 3 Điều 1.		
	Điều chỉnh khoản 14 và khoản 15 do ĐT quốc tế có phạm vi rộng hơn đấu thầu nội khối	KTNN	
	Khoản 27: Kiến nghị xem xét bổ sung Hàng hóa gồm ... <u>ấn phẩm, ấn chỉ</u> , phụ tùng, phương tiện, hàng tiêu dùng; thuốc, vật tư y tế dùng cho các cơ sở y tế. Việc quy định cụ thể trong Luật sẽ giúp các chủ thể xác định loại hàng hóa được thuận lợi, phù hợp với quy định hơn.	Tổng Cục đường bộ	Không tiếp thu
	Đề nghị bổ sung tư vấn lập báo cáo KTKT, thiết kế, giám sát, đấu thầu Đề nghị bỏ từ chuyên môn cao	Bình Dương, Trà Vinh	Tiếp thu
	- Đề nghị giữ nguyên định nghĩa về “đấu thầu” quy định tại khoản 12, Điều 4 như Luật hiện hành vì đã đủ bao quát, dễ hiểu - Về định nghĩa “ Người có thẩm quyền ”: Đề nghị xem xét thống nhất với Luật số 69/2014 về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư sản xuất kinh doanh vào doanh nghiệp vì theo Luật số 69 thì người có thẩm quyền phê duyệt dự án khác người có thẩm quyền quyết định đầu tư. Theo đó, Viettel đề nghị người có thẩm quyền là người có thẩm quyền quyết định đầu tư - Về “ nhà thầu phụ ”: đề nghị bỏ từ “liên quan” để tránh hiểu lầm trong trường hợp mua sắm vật tư, linh kiện đầu vào thì nhà cung cấp cũng được coi nhà là thầu phụ. - Về “ vốn nhà nước ”: đề nghị làm rõ khái niệm “vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước” là gì? Hiện tại chưa ở đâu định nghĩa	Viettel	Tiếp thu
	Đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ “vật tư y tế” trong Luật và hướng dẫn quy định mua sắm vật tư y tế	Bắc Ninh	Tiếp thu
	Khoản 39 Điều 4 đề nghị sửa lại: Nhà thầu phụ là nhà thầu tham gia thực hiện công việc có giá trị nhỏ hơn giá trị nhà thầu chính đảm nhận liên quan của gói thầu theo hợp đồng được ký với nhà thầu chính. Nhà thầu phụ đặc biệt là nhà	Thừa Thiên Huế	

		<i>thầu phụ thực hiện công việc quan trọng của gói thầu do nhà thầu chính đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trên cơ sở yêu cầu ghi trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu</i>		
		Khoản 27 Điều 4 về Giải thích từ ngữ “Hàng hóa”: - Đề nghị thống nhất giải thích từ hàng hóa với Luật giá (QLG). - Đề nghị bổ sung thêm “các tài sản hữu hình và vô hình khác” cho đầy đủ và thuận tiện trong quá trình triển khai. (KHTC) - Đề nghị bổ sung loại hàng hóa là “sản phẩm phần mềm thương mại” để có sự phân loại tách biệt đối với sản phẩm phần mềm không có sẵn trên thị trường. (KBNN)	Bộ Tài chính	Tiếp thu
	Khoản 48	Đối với “Tùy chọn mua thêm” (quy định tại khoản 48): Đề nghị bổ sung quy định về khối lượng tối thiểu, tối đa và thời gian thực hiện đối với phần mua thêm để nhà thầu có cơ sở cân đối và quyết định đơn giá chào thầu cho phù hợp với khả năng cung cấp của mình (như: thỏa thuận, ký hợp đồng với đối tác là nhà sản xuất hoặc hãng, nhà phân phối...) (KBNN)	Bộ Tài chính	Tiếp thu
	Khoản 49	(Vụ NSNN) Về giải thích từ ngữ “Vốn nhà nước” tại khoản 49 Điều 4 Dự thảo Luật, đề nghị sửa lại để phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công, cụ thể: “ <i>Vốn nhà nước bao gồm vốn ngân sách nhà nước; công trái quốc gia, trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương; vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ; vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh; vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của Nhà nước; vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước; giá trị quyền sử dụng đất giao cho các cơ quan, tổ chức thuộc bộ máy nhà nước quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật. Việc xác định phần vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước trong dự án đầu tư phát triển thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Luật này.</i> ”	Bộ Tài chính	Tiếp thu

		Về phạm vi điều chỉnh và giải thích từ ngữ (Điều 4) Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Luật mở rộng phạm vi điều chỉnh về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư công trình thương mại, dịch vụ nhưng chưa có quy định giải thích cụ thể về công trình thương mại, dịch vụ là những loại công trình nào. Do đó, để đảm bảo thi hành, đề nghị cân nhắc nghiên cứu bổ sung vào Điều 4 giải thích từ ngữ về “ <i>công trình thương mại, dịch vụ</i> ” hoặc dẫn chiếu đến tiêu chuẩn, quy chuẩn được quy định tại pháp luật chuyên ngành (TCNH).	Bộ Tài chính	Không tiếp thu
		Bảo đảm dự thầu và bảo đảm thực hiện hợp đồng đề nghị giữ nguyên như Luật Đấu thầu 2013 – Không bổ sung Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh.		
		- Khoản 14, Điều 4: Đề nghị làm rõ cụm từ “nội khối” được hiểu như thế nào và quy định rõ thế nào là “nội khối”; - Khoản 1, Điều 21: Đề nghị làm rõ “<i>Gói thầu dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản</i>” là các gói thầu như thế nào, quy định rõ về “<i>thông dụng, đơn giản</i>”; - Điểm b, Khoản 2, Phương án 3, Điều 22: Đề nghị quy định rõ “<i>quy mô nhỏ hơn 130%</i>” được hiểu như thế nào, quy định rõ về cụm từ “<i>quy mô</i>”; Tại các điểm e khoản 2 Điều 7, Điều 70, Điều 71, 72, 73, 74 dự thảo Luật sử dụng không thống nhất cụm từ “ <i>hợp đồng</i> ”, “ <i>hợp đồng dự án</i> ” và “ <i>hợp đồng dự án đầu tư</i> ”. Do đó, đề nghị rà soát, sử dụng thống nhất (TCNH).	Bộ Tài chính	Tiếp thu
		- Về giải thích từ ngữ: Khoản 41, Điều 4 quy định “<i>Nhà thầu nội khối là tổ chức được thành lập theo pháp luật của Nước thành viên hoặc là cá nhân mang quốc tịch Nước thành viên thuộc Hiệp định mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tham gia hoặc ký kết tham dự thầu.</i>” Để đảm bảo sự chính xác và thống nhất cách trình bày ở toàn bộ Dự thảo Luật, Đề nghị điều chỉnh lại như sau: “ <i>Nhà thầu nội khối là tổ chức tham dự thầu được thành lập theo pháp luật của Nước thành viên hoặc là cá nhân tham dự thầu mang quốc tịch Nước thành viên thuộc Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</i> ”	Bộ Công thương	Tiếp thu

	- Khoản 4-Chủ đầu tư: đề nghị rà soát, đảm bảo thống nhất với khái niệm “Chủ đầu tư” tại Luật đầu tư công, Luật xây dựng. - Khoản 17-Đơn vị chuẩn bị dự án đầu tư: đề nghị giải thích đảm bảo nhất quán với khái niệm “nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư” tại Luật đầu tư công. - Khoản 49-Vốn nhà nước: đề nghị giải thích đảm bảo thống nhất với Luật ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công, Luật xây dựng, Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, tránh liệt kê không đầy đủ hoặc thừa (chẳng hạn vốn trái phiếu, vốn ODA đều nằm trong vốn ngân sách nhà nước...) - Đề nghị thống nhất sử dụng thuật ngữ: “cơ quan nhà nước có thẩm quyền”, “cơ quan có thẩm quyền”, “đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên”, “đơn vị quản lý cấp trên”, “cơ quan cấp trên”... trong dự thảo Luật. - Đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ: “<i>Gói thầu xây lắp công trình đơn giản</i>”.	Bộ Nông nghiệp và PTNT	
	Điều 4: Đề nghị bổ sung khái niệm “đơn vị được giao nhiệm vụ về quản lý đấu thầu”, “đơn vị quản lý về đấu thầu” đề cập tại khoản 7, 8 Điều 17 dự thảo Luật. - Khoản 1, 2 Điều 4 Luật Đấu thầu 2013 quy định biện pháp bảo đảm dự thầu và bảo đảm thực hiện hợp đồng là việc nhà thầu, nhà đầu tư thực hiện một trong các biện pháp đặt cọc, ký quỹ hoặc nộp thư bảo lãnh...Tuy nhiên tại dự thảo Luật bỏ hình thức bảo đảm “ký quỹ”. Đề nghị có giải trình cho nội dung này. + Đề nghị có giải thích về khái niệm Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Theo nội dung dự thảo Luật, bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng là các biện pháp để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ tham dự thầu và thực hiện hợp đồng của nhà thầu, nhà đầu tư. Theo đó,	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	

		về nguyên tắc các biện pháp bảo đảm được quy định phải phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật Dân sự 2015. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Dân sự 2015, Bảo hiểm bảo lãnh không phải là một trong các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. - Khoản 6: Đề nghị xem lại dẫn chiếu “khoản 3 Điều 1 của Luật này” để đảm bảo chính xác vì khoản 3 Điều 1 dự thảo Luật quy định về các trường hợp không chịu sự điều chỉnh của Luật đấu thầu. - Khoản 12: Đề nghị quy định rõ nội dung "vì mục đích công" để làm cơ sở thực hiện. Trên thực tế chủ đầu tư tổ chức “đấu thầu” còn nhằm mục đích mua sắm được các hàng hóa/dịch vụ phù hợp để phục vụ hoạt động phát triển của chủ đầu tư. Ngoài ra, trường hợp lựa chọn nhà thầu cung cấp các vật tư để sử dụng trong việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng (ví dụ vật tư thẻ, token, các thiết bị, phần mềm ứng dụng cung cấp các sản phẩm/dịch vụ Ngân hàng...) có thuộc phạm vi Luật Đấu thầu không? Bên cạnh đó, đề nghị làm rõ đoạn “trách nhiệm giải trình, tính liêm chính, không phân biệt đối xử” là muốn đề cập đến vấn đề gì? - Khoản 27: Đề nghị bổ sung “phần mềm” trong giải thích từ “hàng hóa”		
	Điều 5 (Tư cách hợp lệ)	- Khoản 1 điểm e: + Phương án 1: TCT Hàng không VN, TCT giấy Việt Nam, TCT Xi măng Việt Nam, Tổng liên đoàn lao động VN; Quảng Trị, Khánh Hòa; Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Hậu Giang, Bình Dương, Ninh Thuận, Hà Nội, Tuyên Quang, Tây Ninh, Bộ Nội vụ, QPTDNN, Bình thuận, Gia Lai, Bộ Công an		Phương án 1, giữ nguyên như Luật cũ
		+ Phương án 2: VNPT; VINCONS (Nâng phạm vi cấm để tránh nhà thầu tham dự ở các dự án khác, địa phương khác trong cả nước), TCT Đường sắt Việt Nam, Tập đoàn hóa chất Việt Nam, Phú Yên, Bình Định, Đồng Tháp, Cà Mau, KonTum, Đắk Lắk, Ủy ban dân tộc Lào Cai, Lạng Sơn, Hà Giang, Ninh Bình, Bắc Giang, Nam Định, Sơn La, Bắc Kạn, Hưng Yên, Bắc Ninh, Yên Bái, Vĩnh		

	Phúc, Điện Biên, Bà Rịa VT, Đồng Nai, Bảo hiểm xã hội, Thừa Thiên Huế, Bộ Giao thông vận tải, NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC		
	- Đối với nhà thầu là tổ chức, tại điểm a khoản 1 quy định “<i>a) Có Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (đối với hộ kinh doanh cá thể) hoặc các tài liệu tương đương khác</i>”. Hiện nay, để được phê duyệt danh sách nhà thầu “<i>Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia</i>” theo quy định tại điểm d khoản 1, Nhà thầu phải nộp đầy đủ hồ sơ có liên quan nêu tại điểm a, mặt khác Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đã kết nối trực tiếp với Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để chia sẻ thông tin giữa 2 hệ thống nên việc quy định nêu tại điểm a là không cần thiết. - Đối với nội dung quy định về tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư là tổ chức quy định tại điểm e khoản 1 “<i>e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu</i>”, <u>đề xuất chọn phương án 2</u> “<i>bị cấm được coi là bị cấm trên cả nước</i>” để đảm bảo công bằng cho các nhà thầu, nhà đầu tư khác khi tham gia đấu thầu trên phạm vi toàn quốc, đồng thời hạn chế được tối đa hành vi gian lận, vi phạm pháp luật về đấu thầu của nhà thầu (KBNN, TCDT).	Bộ Tài chính	Không tiếp thu
	Bổ sung: Không nợ nghĩa vụ tài chính với nhà nước	Hà Nội	
	Bổ sung giải thích từ “độc lập pháp lý” và độc lập tài chính	Tiền Giang	
	- Điểm e khoản 1 Điều 5: xem xét quy định cả 02 trường hợp nêu trên, nghĩa là có thể bị cấm tham dự các gói thầu do người có thẩm quyền ra quyết định cấm thuộc phạm vi quản lý của mình; hoặc bị cấm trên cả nước, tùy vào tính chất, mức độ của hành vi vi phạm.	Đà Nẵng	
	- Thống nhất bãi bỏ quy định nhà thầu phải hạch toán tài chính độc lập. Tuy nhiên, VNPT đề nghị làm rõ điều kiện nhà thầu là “doanh nghiệp” thì chi nhánh của doanh nghiệp có tư cách hợp lệ không, nếu có cần quy định rõ (tại Điều 6 dự thảo về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu có đề cập đến việc cung cấp dịch vụ của chi nhánh, đơn vị hạch toán phụ thuộc).	VNPT	

	Tại khoản 1: Dự thảo Luật đã bỏ điều kiện nhà thầu, nhà đầu tư phải hạch toán tài chính độc lập, do đó, đề nghị làm rõ các chi nhánh của doanh nghiệp có đủ tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư hay không. - Tại điểm e khoản 1: Đề nghị chọn Phương án 2	CQLĐKKD, Đài tiếng nói VN, Bộ Khoa học công nghệ, KTTN, Bộ Thông tin truyền thông, Ủy ban dân tộc Tổng Cục đường bộ, Viện Hàn lâm KHCN	Tiếp thu
	Khoản 4: - Bổ sung thêm nhà thầu là doanh nghiệp khoa học và công nghệ bên cạnh doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; <i>- Bổ sung thêm trường hợp được hưởng ưu đãi trong hoạt động đấu thầu: sản phẩm công nghệ mới, sản phẩm được phát triển từ kết quả nghiên cứu KH&CN trong nước, sản phẩm lần đầu xuất hiện trên thị trường thay thế hàng nhập khẩu</i> Quy định các chính sách ưu đãi trong hoạt động đấu thầu sẽ khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các doanh nghiệp doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Đồng thời, tạo thuận lợi cho các kết quả nghiên cứu KH&CN trong nước được thương mại hóa.	Bộ Khoa học công nghệ	
	Cần cân nhắc thêm các quy định của điều khoản này đã được sửa nhiều so với LĐT 2013. Kiến nghị cần duy trì nội dung quy định từ LĐT 2103 chỉ hiệu chỉnh với một số nội dung sau: - Duy trì quy định phải có Hạch toán tài chính độc lập Đ5.1(b)	Ông Ninh Viết Định	

	- Mục 5.1(d) Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước thời điểm xét duyệt trúng thầu đóng thầu. - Mục 5.1(e) viết chọn phương án 1 và viết lại như sau: Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu trong phạm vi quy định của quyết định cấm tham dự thầu. - Điều 5.3. Nhà thầu, nhà đầu tư có tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh; trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên, trong đó quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh trong việc thực hiện toàn bộ nội dung của hợp đồng (bổ sung thêm đoạn viết đậm này).		
	- Điểm e khoản 1: Kiến nghị hiệu chỉnh theo hướng gộp 02 phương án thành một phương án chung như sau: <i>“Bị cấm được coi là cấm tham dự các gói thầu do người có thẩm quyền ra quyết định cấm thuộc phạm vi quản lý của mình hoặc bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên phạm vi cả nước”</i> Lý do: Kiến nghị hiệu chỉnh để bao quát hết các trường hợp nhà thầu bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu do vi phạm pháp luật về đấu thầu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 90 Dự thảo Luật. - Điểm h khoản 1: Đề nghị xem xét bổ sung vào cuối điểm h khoản 1 Điều 5 nội dung như sau: <i>“... Căn cứ tính chất của gói thầu và năng lực của nhà thầu trong nước tại các dự án, gói thầu tương tự, chủ đầu tư, bên mời thầu quyết định việc nhà thầu phải liên danh hoặc sử dụng thầu phụ trong nước trong tiêu chuẩn đánh giá tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư tại Hồ sơ mời thầu”</i> Lý do: Quy định tại điểm h khoản 1 Điều 5 Dự thảo Luật cho phép nhà thầu nước ngoài được lựa chọn liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước. Thực tế, các nhà thầu nước ngoài thường lựa chọn phương án sử dụng nhà thầu phụ trong nước thay vì theo hình thức liên danh.	EVN	Không tiếp thu

	Đối với nhà thầu trong nước khi tham gia các gói thầu có quy mô lớn với tư cách nhà thầu phụ thì sẽ không thể sử dụng năng lực, kinh nghiệm tại gói thầu này để tham gia các gói thầu có quy mô tương tự khác với tư cách nhà thầu chính hoặc nhà thầu liên danh, do quy định pháp luật đấu thầu hiện tại không tính năng lực kinh nghiệm của nhà thầu phụ vào nhà thầu chính. Điều này dẫn đến hạn chế cho nhà thầu trong nước khi cạnh tranh với nhà thầu nước ngoài trong cùng phạm vi công việc vốn đã có kinh nghiệm thực hiện trước đó. Vì vậy, để tạo điều kiện cho nhà thầu trong nước tích lũy kinh nghiệm, đủ năng lực để tham gia các gói thầu lớn, yêu cầu cao về kỹ thuật, đề nghị xem xét bổ sung thêm nội dung về quyền của chủ đầu tư, bên mời thầu được yêu cầu nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu trong nước cho những phần công việc mà nhà thầu trong nước vốn có thế mạnh.		
	- Điểm d khoản 1: đề nghị sửa thành “<i>có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước thời điểm đóng thầu</i>”. - Điểm e khoản 1: Đề nghị quy định nhà thầu, nhà đầu tư bị cấm đấu thầu ở lĩnh vực, vùng nhất định đều được coi là không đủ tư cách hợp lệ để tham gia đấu thầu trên cả nước. - Điểm h khoản 1: Cần quy định tỷ lệ tối thiểu liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ.	Bộ Nông nghiệp và PTNT	
	Khoản 1 Điều 5 - Đề nghị xem lại đối tượng “Hộ kinh doanh cá thể” vì theo Luật Luật doanh nghiệp 2020, Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về Đăng ký doanh nghiệp thì chỉ còn quy định về hộ kinh doanh, không có thuật ngữ “hộ kinh doanh cá thể”. Ngoài ra, việc giao dịch dân sự của hộ kinh doanh cá thể trong đấu thầu sẽ được thực hiện bởi các cá nhân là đại diện, không phải là “tổ chức có tư cách hợp lệ” như quy định tại khoản 1 điều 5 dự thảo Luật. - Điểm h: Đề nghị sửa cụm từ “thầu quốc tế” thành “đấu thầu quốc tế”	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	

	Điều 6 (Bảo đảm cạnh tranh)	- Phương án 1: TCT Xi măng Việt Nam; Quảng Trị, Đà Nẵng, Hà Tĩnh, Khánh Hòa, CQLĐKKD, Đài tiếng nói VN, Bộ Khoa học công nghệ, Bộ Nội vụ Ủy ban dân tộc Tổng Cục đường bộ QPĐNN Viện Hàn lâm KHCN, Cà Mau, Bình Dương, Đắk Lắk, Hà Giang, Bắc Ninh, Bình Thuận, Bảo hiểm xã hội, EVN, Thừa Thiên Huế, Bộ Nông nghiệp và PTNT		
		- Phương án 2: TCT Hàng không VN; VNPT; TCT Hàng Hải Việt Nam, Bộ Thông tin truyền thông, Đồng Tháp, Ninh Thuận (cần ghi rõ hơn đối với gói thầu hỗn hợp: xem xét quy định rõ nếu nhà thầu phụ thực hiện công tác tư vấn là nhà thầu tham gia lập báo cáo NCKT); Phú Yên, Bình Định, Lào Cai, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Hưng Yên, Yên Bái, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Tây Ninh, NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC Đề nghị ghi rõ khoản 5, 6, 7 là các trường hợp “đảm bảo cạnh tranh” hay “không đảm bảo cạnh tranh” (NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC)		Phương án 1
		Đề nghị bổ sung đối tượng nhà thầu tư vấn quản lý dự án bảo đảm cạnh tranh với nhà thầu thực hiện hợp đồng	TCT Hàng không Việt Nam	Tiếp thu
		Đối với các Tập đoàn kinh tế nhà nước mà trong đó có Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có các đơn vị thành viên của Tập đoàn được thành lập để chuyên cung cấp một số dịch vụ đặc thù của ngành Dầu khí. Đây là các dịch vụ đặc thù và thế mạnh của các doanh nghiệp ngành Dầu khí mà nếu các doanh nghiệp này không được tham gia đấu thầu thì phải thuê nhà thầu nước ngoài thực hiện. Do vậy, việc luật hóa các quy định nêu tại Điều 2 Nghị định số 63/63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 là cần thiết cho để đảm bảo quyền được tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí của các doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Ngoài ra, đề nghị các quy định đối với “Nhà thầu độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính” trong Dự thảo Luật Đấu thầu cần có sự thống nhất với quy định này tại Bộ Luật Dân sự 2015, Luật Doanh nghiệp 2020.	PVN	Tiếp thu, sẽ quy định tại Nghị định

	→ Đề nghị xem xét, chuyển tải các nội dung quy định tại Khoản 5 Điều 2 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP thành một Khoản trong Điều 6 của dự thảo Luật Đấu thầu, cụ thể như sau: - Trường hợp đối với Tập đoàn kinh tế nhà nước, nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu là ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn và là đầu ra của công ty này đồng thời là đầu vào của công ty kia trong tập đoàn thì tập đoàn, các công ty con của tập đoàn được phép tham dự quá trình lựa chọn nhà thầu của nhau. - Trường hợp sản phẩm dịch vụ, dịch vụ thuộc gói thầu là đầu ra của công ty này, đồng thời là đầu vào của công ty kia trong tập đoàn và là duy nhất trên thị trường thì áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt được quy định tại Điều 24 Dự thảo Luật này.		
	Đề nghị bổ sung 01 khoản với nội dung “<i>Cho phép công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu là ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn, tổng công ty và là đầu ra của công ty này, đồng thời là đầu vào của công ty kia trong tập đoàn, tổng công ty thì tập đoàn, tổng công ty và các công ty con được phép tham dự quá trình lựa chọn nhà thầu của nhau</i>” Lý do: Nhằm cụ thể hóa cơ chế đấu thầu trong phạm vi tập đoàn kinh tế nhà nước, Công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của TCT nhà nước; từ đó phát huy vai trò điều tiết của các DNNN, đồng thời cụ thể hóa, bổ sung các nội dung đã được quy định tại khoản 5 Điều 2 NĐ số 63/2014	TCT Xi măng Việt Nam	Không tiếp thu
	- Về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu (Điều 6 Dự thảo luật): Quy định tại Điều 6 dự thảo Luật sẽ gây khó khăn cho các công ty dịch vụ dầu khí hoặc các công ty thành viên có vốn của PVN; các công ty than hoặc các công ty thành viên của TKV trong việc tham gia đấu thầu những dự án mà PVN và TKV là chủ đầu tư.	Bộ Công thương	Không tiếp thu
	Bộ GTVT kiến nghị về cơ bản nên giữ và kết hợp các quy định tại Điều 6 Luật Đấu thầu và Điều 2 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP kèm theo các chỉnh sửa, bổ	Bộ Giao thông vận tải	Không tiếp thu

	sung để phù hợp với thực tiễn. Ngoài ra đề nghị xem xét, bãi bỏ quy định “Nhà thầu và chủ đầu tư, bên mời thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý, hoặc trực tiếp quản lý đối với đơn vị sự nghiệp” với lý do sau: + Quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu chủ yếu hướng tới các gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi và không có nhiều ý nghĩa đối với hình thức chỉ định thầu (như quy định tại khoản 10 của Phương án 2). Hiện nay, tỷ lệ đấu thầu rộng rãi qua mạng đang ngày càng phổ biến, chiếm tỷ trọng lớn trong các hình thức lựa chọn nhà thầu; chủ đầu tư, bên mời thầu chỉ biết được số lượng nhà thầu tham gia đấu thầu khi mở thầu nên đã hạn chế nhiều sự tiêu cực, nhũng nhiễu trong đấu thầu. Do đó, việc quy định trên là không cần thiết do tính độc lập giữa các chủ thể tham gia trong quá trình lựa chọn nhà thầu vẫn cơ bản được đảm bảo (các nhà thầu được tiếp cận HSYC/HSMT như nhau; tổ chuyên gia đấu thầu, bên mời thầu, đơn vị thẩm định, chủ đầu tư thực hiện theo thẩm quyền, trách nhiệm độc lập). + Bãi bỏ quy định trên sẽ tạo điều kiện cho các nhà thầu đã có năng lực, kinh nghiệm làm việc với các chủ đầu tư khác và đáp ứng điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành có thể tham gia đấu thầu tại gói thầu mà nhà thầu và chủ đầu tư, bên mời thầu cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý, hoặc trực tiếp quản lý đối với đơn vị sự nghiệp. Tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong đấu thầu về cơ bản vẫn được đảm bảo. + Đối với các trường hợp cụ thể khác, đề nghị trong dự thảo Luật bổ sung nội dung giao Chính phủ hướng dẫn thêm. - Phương án 2 có thể xuất hiện những khó khăn, vướng mắc trong cách hiểu, áp dụng khi thực thi Luật. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ thêm một số nội dung đối với Phương án 2 như sau: + Xem xét sự cần thiết trong việc tổng kết, đánh giá kết quả thực thi quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu thời gian qua; đánh giá tác động chính sách của Phương án 2 làm cơ sở lựa chọn phương án tối ưu về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.		
--	--	--	--

		+ Khoản 8 của Phương án 2 có thể gây khó khăn trong cách hiểu, cách xác định “quyền có ý kiến với hoạt động của nhà thầu” là như thế nào và kể cả khi có “vốn góp, cổ phần từ 30% trở lên” thì cũng không có đủ cơ sở khẳng định doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh cá thể có quyền có ý kiến với hoạt động của nhà thầu. + Theo khoản 9 của Phương án 2 quy định: Trường hợp gói thầu đặc thù mà áp dụng quy định tại khoản 1, khoản 2 hoặc khoản 7 Điều này dẫn đến không chọn được nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì chủ đầu tư trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định không phải đáp ứng các quy định này đối với gói thầu đó. Trong văn bản trình phải nêu rõ lý do. “Văn bản trình” như trong dự thảo chưa rõ là văn bản trình trong giai đoạn nào. Ngoài ra, đối với gói thầu đặc thù thì chủ đầu tư có thể xác định được ngay việc “không chọn được nhà thầu đáp ứng yêu cầu” trước khi tổ chức lựa chọn nhà thầu. Do đó, đề nghị xem xét cho phép chủ đầu tư có thể trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định không phải đáp ứng các quy định này đối với gói thầu trong nội dung Tờ trình phê duyệt hoặc điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu.		
	Điều 7. Thông tin về đấu thầu	Kiến nghị xem xét bổ sung quy định các thông tin chủ yếu/cơ bản về hợp đồng như Tên nhà thầu; giá hợp đồng; thời gian thực hiện hợp đồng; điều chỉnh hợp đồng....	Tổng Cục đường bộ	Tiếp thu
		Đề nghị bỏ điểm h K1, điểm e K2 Đề nghị không quy định phải đăng tải thông tin tại điểm h khoản 1: “<i>thông tin chủ yếu về hợp đồng của các dự án, gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này</i>”; điểm e khoản 2: “<i>Nội dung cơ bản của hợp đồng dự án</i>;” Vì hợp đồng là ký kết dân sự giữa các bên, các điều khoản trong hợp đồng không nhất thiết bắt buộc phải được công khai. Việc đăng thông tin hợp đồng không có ý nghĩa trong quản lý nhà nước.	Bình Dương Đắc Lắc	Không tiếp thu
		Đề nghị bổ sung thêm đối với dự án trên 800 tỷ đồng đăng tải Tiếng Anh trên Hệ thống MDT	Yên Bái	Không tiếp thu

		Khoản 3 Điều 7: chỉ xem xét, đăng tải trên Báo Đấu thầu các thông tin như “Thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu” để giảm chi phí và các thông tin còn lại đã được đăng tải trên Hệ thống MĐTQG.	Son La	Dự thảo quy định đăng tải thông tin trên Hệ thống và Báo đấu thầu
		Khoản 1 Điều 7 Đề nghị làm rõ và bổ sung quy định đối với trường hợp gói thầu không phải là dự án thì thông tin về lựa chọn nhà thầu phải đăng tải như thế nào? Trên thực tế, không phải gói thầu nào cũng hình thành dự án. Do đó cần có hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp này khi đăng tải thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	
	Điều 8 Ngôn ngữ sử dụng	Tại khoản 2 Điều 8 dự thảo Luật có quy định: “Ngôn ngữ sử dụng đối với đấu thầu quốc tế, đấu thầu nội khối là tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh . Nhà thầu, nhà đầu tư được lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để chuẩn bị hồ sơ dự thầu”. Đấu thầu quốc tế, đấu thầu nội khối là đấu thầu mà nhà thầu, nhà đầu tư nước ngoài được tham dự thầu, nhưng đồng thời vẫn có nhà thầu, nhà đầu tư trong nước tham dự; bên cạnh đó, các chủ thể khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư (người quyết có thẩm quyền, chủ đầu tư, cơ quan thẩm định, bên mời thầu, Tổ chuyên gia) và cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước cũng đều là các tổ chức, cá nhân trong nước; do vậy nếu quy định nhà thầu, nhà đầu tư được lựa chọn chỉ sử dụng tiếng Anh sẽ có phần gây bất tiện. Do vậy kiến nghị cơ quan soạn thảo cần quy định thống nhất sử dụng đồng thời cả tiếng Anh và tiếng Việt đối với đấu thầu quốc tế, đấu thầu nội khối .	Đà Nẵng	Không tiếp thu, nguyên như Luật cũ
		Khoản 2: Đề nghị xem xét lại quy định “ <i>Nhà thầu, nhà đầu tư được lựa chọn tiếng Anh hoặc tiếng Việt để chuẩn bị hồ sơ dự thầu</i> ”. Lý do: Dự thảo Luật cho phép nhà thầu, nhà đầu tư được lựa chọn tiếng Việt hoặc tiếng Anh để chuẩn bị hồ sơ dự thầu. Tuy nhiên, việc các nhà thầu sử dụng ngôn ngữ khác nhau khi tham dự thầu có thể dẫn đến cách hiểu, giải thích khác nhau về cùng một vấn đề do sự đa nghĩa của ngôn từ. Vì vậy, nên quy định ngôn ngữ của	EVN	Tiếp thu

	hồ sơ dự thầu phải phù hợp và thống nhất với yêu cầu của hồ sơ mời thầu để tạo thuận lợi cho quá trình sửa đổi, làm rõ và đánh giá hồ sơ dự thầu.		
	Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng: Theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 83 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP , các tổ chức khi tham gia vào các hoạt động xây dựng phải có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng tương ứng. Tuy nhiên, theo quy định về công tác lập hồ sơ mời thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư không cho phép yêu cầu về chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng mà cho phép cung cấp trước thời điểm ký kết hợp đồng và không có chế tài đối với các trường hợp không cung cấp được chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng trước khi ký kết hợp đồng làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án. Do đó, kính đề nghị bổ sung nội dung “ <i>Nhà thầu không cung cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng trước ngày ký kết hợp đồng xây dựng</i> ” vào các trường hợp không được hoàn trả Bảo đảm dự thầu quy định tại khoản 8 Điều 9 Dự thảo Luật đấu thầu (sửa đổi).	Đà Nẵng	Tiếp thu, sẽ quy định tại Thông tư
	điểm d, khoản 8: Đề nghị bổ sung quy định áp dụng đối với đấu thầu nội khối	CQLĐKKD	Không tiếp thu
	Đổi từ không được hoàn trả thành từ tịch thu để răn đe nhà thầu	KTNN	
	Điểm a, khoản 3: Kiến nghị Chính phủ xem xét quy định cụ thể các mức bảo đảm dự thầu căn cứ quy mô và tính chất của từng gói thầu cụ thể.	Tổng Cục đường bộ	
	Tại điểm b quy định đối với trường hợp “ <i>b) Nhà thầu, nhà đầu tư vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật này</i> ”. Tuy nhiên, đề nghị tham chiếu cụ thể hơn vào điểm đ khoản 2 Điều 15. Vì tại khoản 2 Điều 15 chỉ có điểm đ liên quan đến trường hợp hủy thầu mà nguyên nhân do nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu “ <i>đ) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu</i> ” (các nội dung còn lại chủ yếu nguyên nhân hủy thầu do bên mời thầu). Đề nghị bổ sung “bảo đảm dự thầu không được hoàn trả” đối với Nhà thầu đã tiến hành thương thảo hợp đồng với bên mời thầu, nhưng sau đó nhà thầu có văn bản	Bộ Tài chính	Tiếp thu

	từ chối không thực hiện gói thầu trước khi Chủ đầu tư ban hành quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Lý do: để đảm bảo công bằng với các nhà thầu rút hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất không được hoàn trả bảo đảm dự thầu (quy định điểm a khoản 8 Điều 9 dự thảo Luật đấu thầu sửa đổi) (TCDT).		
	6.1. Điểm a khoản 3: “Đối với lựa chọn nhà thầu, giá trị bảo đảm dự thầu được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo một mức xác định từ 1% đến 3% giá gói thầu căn cứ quy mô và tính chất của từng gói thầu cụ thể”. Với quy định mức trần bảo đảm dự thầu như trên (3%) không có gì thay đổi với quy định tại Luật Đấu thầu hiện hành và với mức trần như vậy không đủ để ràng buộc nhà thầu trúng thầu, nhà thầu trúng thầu dễ dàng chấp nhận mất bảo đảm dự thầu khi thị trường có biến động (thực tế đã xảy ra khi thực hiện đấu thầu mua gạo dự trữ quốc gia đầu năm 2020). Do vậy, đề xuất điều chỉnh <u>nâng mức trần bảo đảm dự thầu từ 3% lên 4- 5% giá gói thầu</u> nhằm tăng cường trách nhiệm của nhà thầu khi tham gia thực hiện đấu thầu (<i>nội dung đề xuất sửa đổi trên đã được Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 87/BC- Bộ Tài chính ngày 09/7/2020 về rà soát khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách trong đấu thầu mua gạo dự trữ quốc gia và kiến nghị giải pháp hoàn thiện</i>) (TCDT). Đề nghị bổ sung quy định cụ thể về việc xử lý đối với khoản tiền bảo đảm dự thầu trong trường hợp bảo đảm dự thầu không hoàn trả cho nhà thầu, nhà đầu tư hoặc bổ sung giao Chính phủ hướng dẫn cụ thể nội dung này.	Bộ Tài chính	Tiếp thu, sẽ quy định cụ thể tại Nghị định
	Điểm e khoản 1: Kiến nghị xem xét bổ sung “Thời gian Nhà thầu gửi đề nghị làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đến Bên mời thầu tối thiểu 03 ngày làm việc đối với đấu thầu trong nước và 05 ngày....”	Tổng Cục đường bộ	Tiếp thu
Điều 9	Khoản 7: Đề nghị hiệu chỉnh, bổ sung như sau:	EVN	Tiếp thu

	<i>“7. Bên mời thầu có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu, nhà đầu tư không được lựa chọn theo thời hạn quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu nhưng không quá 20 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư được phê duyệt. Đối với nhà thầu, nhà đầu tư được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu, nhà đầu tư thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 66, Điều 74 của Luật này và hợp đồng có hiệu lực”.</i> Lý do: Theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Dự thảo Luật, nhà thầu phải thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi hợp đồng có hiệu lực. Như vậy, tại thời điểm nhà thầu nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư sẽ phải giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu, trong khi đó hợp đồng chưa có hiệu lực nên bảo đảm thực hiện hợp đồng cũng chưa có hiệu lực. Trong trường hợp này, nếu nhà thầu từ chối thực hiện hợp đồng thì sẽ rủi ro cho chủ đầu tư do biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ chưa có hiệu lực. Vì vậy, đề nghị xem xét bổ sung điều kiện về thời điểm hoàn trả bảo lãnh dự thầu logic với thời gian có hiệu lực của hợp đồng. - Điểm a khoản 8: + Đề nghị bổ sung quy định làm rõ thế nào được coi là rút hồ sơ dự thầu. + Trường hợp nhà thầu từ chối thực hiện một phần các nội dung đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì có được coi là rút hồ sơ dự thầu không, nếu không thì chủ đầu tư phải xử lý thế nào. Đề nghị xem xét bổ sung quy định điều chỉnh trong trường hợp này. Lý do: Thực tế, có một số gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu đã vượt qua bước đánh giá kỹ thuật, tài chính và được mời vào thương thảo hợp đồng. Tuy nhiên, tại giai đoạn thương thảo hợp đồng, do giá cả thị trường có biến động lớn so với thời điểm đóng thầu nên nhà thầu tìm cách trì hoãn hoặc cố ý đưa ra một số yêu cầu thay đổi bất lợi (như điều chỉnh tiến độ cấp hàng, thay đổi xuất xứ hàng hóa...) để nhằm mục đích thương thảo không thành công, qua đó tránh được việc bị chủ đầu tư, bên mời thầu tịch thu bảo lãnh dự thầu.		
--	---	--	--

		Về nguyên tắc, người có thẩm quyền khó có thể phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu khi giữa chủ đầu tư/bên mời thầu và nhà thầu vẫn chưa thống nhất được các nội dung cơ bản trong quá trình thương thảo hợp đồng. Do vậy, Dự thảo Luật cần xem xét bổ sung quy định về xử lý bảo lãnh dự thầu khi nhà thầu cố tình trì hoãn hoặc từ chối thực hiện một số nội dung đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu trước đó.		
		Qua thực tiễn cho thấy, đã có một số trường hợp nhà thầu tư vấn được mời vào thương thảo hợp đồng đã cố tình không thương thảo, hoặc đặt điều kiện dẫn đến thương thảo không thành công làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện gói thầu, dự án. Tuy nhiên, bên mời thầu không có chế tài xử lý do quy định của Luật không yêu cầu bảo đảm dự thầu áp dụng đối với gói thầu tư vấn. Ngoài ra, thời gian qua đã có những gói thầu tư vấn trong ngành GTVT có giá trị tương đối lớn (có giá trị từ vài tỷ đồng đến hàng chục tỷ đồng) nhưng lại không được áp dụng bảo đảm dự thầu; trong khi có những gói thầu phi tư vấn giá trị không lớn (từ vài chục triệu đến vài trăm triệu đồng) lại yêu cầu nhà thầu phải nộp bảo đảm dự thầu. Từ những nội dung trên, để nâng cao trách nhiệm của nhà thầu tư vấn và để đảm bảo mục tiêu công bằng trong đấu thầu như các loại gói thầu khác, đề nghị nghiên cứu sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 9 theo hướng sau: “Bảo đảm dự thầu áp dụng trong các trường hợp sau đây: a) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, tư vấn , mua sắm hàng hóa, xây lắp và gói thầu hỗn hợp. Tùy theo tính chất, mức độ quan trọng của gói thầu, trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 30 triệu đồng thì không bắt buộc áp dụng hình thức bảo đảm dự thầu”.	Bộ Giao thông vận tải	Tiếp thu một phần
	Điều 10 (Thời gian trong quá trình	- Đề nghị bổ sung qui định về thời gian chuẩn bị HSYC. - Bổ sung qui định về thời gian thẩm định các nội dung trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu	TCT Hàng không Việt Nam	Tiếp thu
		Đề nghị chia làm 2 trường hợp, nhằm đẩy nhanh tiến độ lựa chọn nhà thầu, trong đó trường hợp 1 là gói thầu mua sắm hàng hóa “ <i>tối thiểu là 15 ngày đối với đấu thầu trong nước và 30 ngày đối với đấu thầu quốc tế, kể từ ngày đầu tiên hồ sơ</i>	Tập đoàn công nghiệp Than -	Tiếp thu quy định chi tiết ở Nghị định

	LCNT, NĐT)	mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu; trường hợp 2 là các gói thầu khác “tối thiểu là 18 ngày đối với đấu thầu trong nước và 35 ngày đối với đấu thầu quốc tế, kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu” (như dự thảo)	khoáng sản VN	
		Điểm đ khoản 1 Điều 10 quy định: “Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu kể từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu đến ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu được xác định trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu” là chưa rõ, Luật Đấu thầu 2013 chỉ quy định thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Đề nghị điều chỉnh quy định về thời gian thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại điểm b khoản 1 dự thảo Luật như sau “Thời gian thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có) tối đa là 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình”. Khoản 1 Điều 11: chọn phương án 2.	Quảng Trị	Không tiếp thu
		7.1. Đề nghị bổ sung quy định về thời gian đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư để đảm bảo việc công khai, minh bạch (KBNN). 7.2. Điểm đ Khoản 1 Điều 10: - Do phần lớn các gói thầu hiện nay được tổ chức đấu thầu qua mạng (năng lực, kinh nghiệm đã được nhà thầu khai báo, cập nhật thường xuyên...) nên đã giảm được rất nhiều khối lượng công việc cần chuẩn bị cho HSĐT, vì vậy, đề nghị xem xét giảm hơn nữa thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu (như đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, tối thiểu là 15 ngày đối với đấu thầu trong nước và 30 ngày đối với đấu thầu quốc tế, ...). Ngoài ra, để đảm bảo kiểm soát quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, đề nghị bổ sung quy định thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất như quy định tại Luật đấu thầu 2013 (KHTC). - Tại gạch đầu dòng thứ 7 điểm đ khoản 1 quy định về “<i>Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu</i>”, đề nghị tách nội dung “<i>Thời gian cơ quan quản lý về đấu thầu có ý kiến trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về hồ sơ mời thầu là không quá 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo hồ sơ mời thầu của chủ đầu tư</i>”	Bộ Tài chính	Tiếp thu quy định chi tiết ở Nghị định

	thành mục riêng vì điểm d chỉ quy định về thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu, còn việc tham gia ý kiến về hồ sơ mời thầu của cơ quan quản lý về đấu thầu thuộc giai đoạn chuẩn bị hồ sơ mời thầu (trước khi phát hành hồ sơ mời thầu). Đồng thời, đề nghị sửa đoạn gạch chân nêu trên thành <u>“... đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 17...”</u> để thống nhất với quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 17 của dự thảo Luật (KBNN).		
	Điểm d Khoản 1 Điều 10 : Đề nghị bỏ nội dung này cho thống nhất với quy định tại Điều 17- Nội dung Hồ sơ mời thầu Do: Do tại Điều 17 không còn yêu cầu về việc HSMT phải lấy ý kiến trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Điểm g Khoản 1 Điều 10 : Đề nghị làm rõ thời gian được tính theo dấu bưu điện (nơi đi hay nơi đến) hay đến khi Bên mời thầu/Chủ đầu tư nhận được được văn bản, tài liệu của nhà thầu.	PVN	Tiếp thu quy định chi tiết ở Nghị định
	Điểm d khoản 1 Điều 10: đề nghị bỏ nội dung <i>“Thời gian cơ quan quản lý về đấu thầu có ý kiến trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về hồ sơ mời thầu là không quá 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo hồ sơ mời thầu của chủ đầu tư”</i>	Hà Tĩnh	Tiếp thu quy định chi tiết ở Nghị định
	điểm d khoản 1 Điều 10; khoản 7 và khoản 8 Điều 17: bỏ vì tạo ra khối lượng công việc rất lớn, gây áp lực cho các đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên và chưa phù hợp với trách nhiệm của chủ đầu tư quy định tại Điều 76 Dự thảo Luật Đấu thầu (sửa đổi)	Quảng Nam	Tiếp thu quy định chi tiết ở Nghị định
	Đề xuất bổ sung nội dung về thời gian thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; thời gian đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đề xuất, hồ sơ dự thầu; thời gian thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.	Khánh Hòa	Tiếp thu quy định chi tiết ở Nghị định
	Kiến nghị bỏ nội dung <i>“Thời gian cơ quan quản lý về đấu thầu có ý kiến trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về hồ sơ mời thầu là không quá 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo hồ sơ mời thầu của chủ đầu tư”</i> (điểm d	Bình Dương:	Tiếp thu quy định chi tiết ở Nghị định

		khoản 1). Đồng thời kiến nghị bổ sung quy định về thời gian thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu tối đa là bao nhiêu ngày		
		- Không bổ sung quy định cơ quan quản lý về đấu thầu thuộc người có thẩm quyền chịu trách nhiệm xem xét sự phù hợp của nội dung hồ sơ mời thầu; - Bổ sung quy định về thời gian chuẩn bị hồ sơ đề xuất đối với trường hợp chỉ định thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư theo hướng chỉ quy định thời gian tối đa.	Thanh Hóa	Tiếp thu quy định chi tiết ở Nghị định
		+ Giữ nội dung quy định tại Luật Đấu thầu năm 2013 về thời gian đánh giá của bên mời thầu, thời gian thẩm định, thời gian phê duyệt của chủ đầu tư (có thể xem xét rút ngắn thời gian cho phù hợp); trong đó cần quy định rõ hơn về thời gian đánh giá của bên mời thầu tính từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt các bước đánh giá hoặc thời gian lấy ý kiến các cơ quan liên quan). + Xóa khổ (i) tại điểm đ khoản 1 Điều 10 và điểm b khoản 5 Điều 39. + Với kiến nghị nêu tại mục 4 dưới đây (đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên rà soát cho ý kiến về sự phù hợp của nội dung HSMT do chủ đầu tư gửi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc gửi qua đường công văn), đề nghị sửa nội dung của khổ (ii) tại điểm đ khoản 1 Điều 10 như sau: “Thời gian cơ quan quản lý về đấu thầu có ý kiến trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc bằng văn bản về hồ sơ mời thầu là không quá 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo hồ sơ mời thầu của chủ đầu tư”	Bộ Giao thông vận tải	Tiếp thu
		- Điểm k khoản 1: đề nghị giảm thời gian có hiệu lực tối đa của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất. - Đề nghị bổ sung quy định thời gian tối đa đánh giá hồ sơ đề xuất, hồ sơ mời thầu.	Bộ Nông nghiệp và PTNT	
		- Dự thảo không có quy định về thời gian đánh giá Hồ sơ Dự thầu, Hồ sơ đề xuất. Vậy các đơn vị cần căn cứ vào quy định nào? Trường hợp kéo dài quá lâu dẫn đến chậm tiến độ, tốn kém chi phí và thời gian, không đảm bảo mục tiêu ban đầu của	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	

		gói thầu, thì Chủ đầu tư có quyền hủy thầu không? Việc thay đổi mục tiêu, phạm vi của gói thầu Chủ đầu tư có quyền tự đánh giá, tự thực hiện hay cần phải giải trình hay báo cáo cơ quan nào không? Đề nghị bổ sung quy định cụ thể. - Điểm đ khoản 1 Điều 10: + Đề nghị có hướng dẫn cụ thể trong trường hợp thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu vượt quá thời gian đã được xác định trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì Chủ đầu tư có được điều chỉnh không? Việc điều chỉnh thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia sẽ thực hiện như thế nào? + Dự thảo quy định thời gian cơ quan quản lý về đấu thầu có ý kiến trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về HSMT không quá 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được dự thảo HSMT của chủ đầu tư là tương đối ngắn. Do đó, đề nghị cân nhắc quy định thời hạn dài hơn để đảm bảo khả thi. + Đề nghị làm rõ nội dung “gói thầu tư vấn có tính chất đơn giản” để có cơ sở áp dụng mốc thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.		
	Điều 11 (Chi phí trong lựa chọn nhà thầu, NĐT)	- Phương án 1: CQLĐKKD, Bộ Khoa học công nghệ, Bộ Thông tin truyền thông Ủy ban dân tộc, Bình Dương, Đắk Lắk, Tuyên Quang, Bình Thuận, Thừa Thiên Huế.		
		- Phương án 2: TCT Hàng không Việt Nam; VINCONS, TCT Xi măng Việt Nam; Khánh Hòa, Phú Yên, Đà Nẵng, Nghệ An, Đài tiếng nói VN, Bộ Quốc phòng, HLHPNVN, KTNN Bộ Nội vụ Tổng Cục đường bộ QPTDNN Viện Hàn lâm KHCN, Đồng Tháp, Ninh Thuận, Lào Cai, Hà Giang, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Bắc Ninh, Tây Ninh, EVN, Bộ giao thông vận tải, NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC Đề nghị có giải trình việc đối với đấu thầu quốc tế, nhà thầu “nộp tiền mua bản điện tử hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu” khi nộp hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất (NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC).		
		- Khoản 1: Đề nghị lựa chọn Phương án 1 (Cục KHTC).	Bộ Tài chính	Tiếp thu

		- Tại điểm đ khoản 1 quy định “đ) <i>Chi phí liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định trong tổng mức đầu tư hoặc dự toán mua sắm</i> ”. Đề nghị sửa thành “... <i>được xác định trong tổng mức đầu tư đối với dự án hoặc dự toán được giao</i> ” để linh hoạt, thuận tiện trong việc theo dõi, hạch toán, quyết toán của Bên mời thầu. Do trong mua sắm thường xuyên chưa thể xác định đầy đủ các chi phí hợp lý khác phát sinh có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu (như: chi phí tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, chi phí văn phòng phẩm, họp tổ chuyên gia, thẩm định...). Nếu mỗi gói thầu đều xác định chi phí lựa chọn nhà thầu, cộng chung vào dự toán của nội dung đó, sau đó quyết toán đối với từng nội dung mua sắm thường xuyên rất phức tạp.(KBNN)		
		- điểm a khoản 2 Điều 11: Không bố trí chi phí lựa chọn nhà đầu tư từ vốn đầu tư công; - điểm b khoản 2 Điều 11: quy định lại như sau “ <i>nhà đầu tư được lựa chọn chịu trách nhiệm hoàn trả lại chi phí chuẩn bị đầu tư và các chi phí liên quan trong quá trình LCNĐT</i> ”	Son La	- Đã làm rõ chi phí lựa chọn nhà đầu tư được bố trí từ nguồn chi thường xuyên; - Đã bỏ quy định về cơ chế hoàn trả
	Điều 12 (Ưu đãi trong LNNT)	- nhất trí nguyên tắc bổ sung các quy định về ưu tiên, ưu đãi trong đấu thầu. - đề nghị quy định cụ thể về “doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo” để chủ đầu tư, bên mời thầu có cơ sở thực hiện đánh giá hồ sơ dự thầu. - đề xuất bổ sung quy định cơ quan ban hành văn bản về tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư, bên mời thầu xác định tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước khi đánh giá hồ sơ dự thầu.	VNPT	Tiếp thu
		Khoản 3 và 4: Đề nghị quy định cụ thể về xác định thế nào là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và sản phẩm đổi mới sáng tạo để tạo thuận lợi cho quá trình thi hành.	EVN	

	Điểm a, b Khoản 3 Điều 12: Xem xét điều chỉnh lại ưu đãi này trong lĩnh vực xây dựng, hỗn hợp	Bộ Khoa học công nghệ	Tiếp thu
	Điểm c Khoản 3 Điều 12: Xem xét điều chỉnh lại Việc có những chính sách ưu đãi để khuyến khích, tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ là phù hợp. Tuy nhiên, cần phải quy định cụ thể các trường hợp ưu đãi cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ vì các gói thầu phức tạp, quy mô lớn thì việc ưu đãi cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ có thể sẽ ko lựa chọn được nhà thầu tốt nhất thực hiện gói thầu	Bộ Khoa học công nghệ	Tiếp thu, bổ sung xử lý tình huống tại Nghị định
	Điểm d Khoản 3 Điều 12: - Bỏ quy định rằng buộc doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phải là doanh nghiệp nhỏ, vừa nhỏ, siêu nhỏ mới được hưởng ưu đãi; - <i>Bổ sung ưu đãi đối với đối tượng là doanh nghiệp khoa học và công nghệ</i> Quy định các chính sách ưu đãi trong hoạt động đấu thầu sẽ khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các doanh nghiệp doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	Bộ Khoa học công nghệ	Tiếp thu
	Khoản 4 điều 12 được bổ sung đoạn cuối như sau: 4. Nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo chào sản phẩm đổi mới sáng tạo, sản phẩm thay thế nhập khẩu được hưởng ưu đãi khi tham gia đấu thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn. Đối với các sản phẩm sản xuất mới được phát triển và/hoặc chuyển giao công nghệ từ các hãng sản xuất có uy tín thì ngoài các ưu đãi trên, việc chứng minh kinh nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật, kiểm soát chất lượng được phép sử dụng các dữ liệu của hãng chuyển giao công nghệ đó để đưa vào Hồ sơ dự thầu làm hồ sơ chứng minh kinh nghiệm của nhà thầu dự thầu.	Ông Ninh Viết Định	Tiếp thu
	Về nội dung ưu tiên, ưu đãi trong đấu thầu (Điều 12 Dự thảo Luật Đấu thầu sửa đổi), các quy định hiện hành chưa có quy định về tiêu chí xác định “hàng xuất xứ trong nước” nên thiếu cơ sở để xác định thế nào là “hàng xuất xứ trong nước”. Do vậy, đề nghị xây dựng quy định về “hàng xuất xứ trong nước” trong Dự thảo Luật sửa đổi.	Bộ Công thương	

		Đề nghị đối chiếu với Hiệp định đã ký kết để Luật không trái	Bộ Ngoại giao	Tiếp thu, hướng dẫn tại Nghị định
		- Khoản 1: Đề xuất bổ sung quy định/hướng dẫn về tài liệu chứng minh đối với chi phí sản xuất trong nước để có cơ sở đánh giá hồ sơ dự thầu của nhà thầu, thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu. - Khoản 4: Đề nghị quy định rõ căn cứ để xác định Nhà thầu thuộc doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	
	Điều 13 Đấu thầu quốc tế, đấu thầu nội khối	khoản 2 Điều 13 dự thảo Luật: “ <i>Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và công tác khảo sát thị trường, người có thẩm quyền quyết định lựa chọn áp dụng đấu thầu quốc tế hoặc đấu thầu nội khối</i> ”, việc này phải do đề xuất của Chủ đầu tư/Bên mời thầu để người có thẩm quyền quyết định lựa chọn.	Quảng Trị	Tiếp thu, hướng dẫn tại Nghị định
		Dự thảo Luật quy định về các điều kiện được phép tổ chức đấu thầu quốc tế, đấu thầu nội khối. Tuy nhiên nội dung tại dự thảo chưa quy định trường hợp thực hiện đấu thầu nội khối đối với việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, dịch vụ xây dựng thuộc phạm vi cam kết trong các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là một bên ký kết để làm cơ sở cho Chính phủ ban hành hướng dẫn cụ thể (như đã được hướng dẫn tại Nghị định số 95/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương và Nghị định 09/2022/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 95/2020/NĐ-CP). Đề nghị nghiên cứu bổ sung.	Bộ Tài chính	Đã sửa đổi nội dung này
		Đối với Điều 13. Chương I đang quy định về việc tổ chức đấu thầu (đấu thầu quốc tế, nội khối) và các Điều thuộc Mục 1 Chương II đang quy định về các hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư (đấu thầu rộng rãi, hạn chế, chỉ định thầu.v.v.). Tuy nhiên đối với các dự án ODA, vay ưu đãi thì hai nội dung này gắn bó chặt chẽ với nhau (có thể đấu thầu hạn chế trong các nhà thầu nội khối). Dự thảo Luật	Bộ Tài chính	Tiếp thu

		đấu thầu đang dự kiến phương án bỏ hình thức đấu thầu hạn chế. Như vậy, các dự án ODA, vay ưu đãi mà các nhà tài trợ có yêu cầu này sẽ bị vướng trong triển khai. Vì vậy, đối với các dự án ODA, vay ưu đãi đề nghị thực hiện theo phương án 1 của Điều 19 Tại Phụ lục công văn số 3975/BKHĐT-QLĐT ngày 15/6/2022 của BKHĐT, tại điểm d) mục 2 về đấu thầu quốc tế, đấu thầu nội khối (Điều 13 dự thảo Luật) có đề cập tới các trường hợp áp dụng. Tuy nhiên, nội dung này cần bổ sung giải thích về điểm a khoản 1 Điều 13 của dự thảo Luật sửa đổi khi báo cáo Quốc hội		
	Điều 14 (Điều kiện đối với cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu)	- Phương án 1: TCT Hàng không Việt Nam (<i>cần viết lại nội dung khoản 3 để làm rõ đối tượng cần phải có chứng chỉ hành nghề đấu thầu</i>); TCT Hàng Hải Việt Nam (<i>cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu phải có chứng chỉ đấu thầu</i>); Quảng Trị, Khánh Hòa, Phú Yên, Đà Nẵng, Hà Tĩnh; CQLĐKKD Bộ Nội vụ Bộ Thông tin truyền thông Ủy ban dân tộc QP TDNN Viện Hàn lâm KHCN, Đồng Tháp, Bình Dương, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Lạng Sơn, Sơn La, Bắc Kạn, Bắc Ninh, Tuyên Quang, PVN, Bộ Công an, Bộ Lao động, EVN, Thừa Thiên Huế. (<i>Nhằm nâng cao chất lượng công tác lựa chọn nhà thầu, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và giảm thiểu tối đa rủi ro, trách nhiệm pháp lý phát sinh trong và sau quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu</i>), Bình Thuận, Bộ Nông nghiệp và PTNT		
		- Phương án 2: VNPT; VINCONS, TCT Xi măng Việt Nam, Đài tiếng nói VN, Bộ Thông tin truyền thông, Cà Mau, Trà Vinh, Lào Cai, Hà Giang, Điện Biên Nghệ An, Bình Định Quảng Ngãi, Tây Ninh, Cục PTHTX, Bộ Giao thông vận tải		Tiếp thu
		Giữ nguyên như LĐT 43, để bảo đảm TCG có năng lực, chịu trách nhiệm trong khi chấm thầu	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	
		- (KBNN) Đề xuất chọn phương án 2 là bỏ quy định này do thực tế hiện nay, các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đấu thầu quy định khá chi tiết về quy	Bộ Tài chính	

	trình, thủ tục, vì vậy các cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu có thể tự nghiên cứu để áp dụng vào công việc thực tế do mình đảm nhiệm hoặc tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu để cập nhật thêm quy định mới (kể cả thành viên của Ban quản lý dự án hay đơn vị mua sắm tập trung). - Cục QLCS nghiêng về Phương án 1, Luật Đấu thầu 2013 cũng đã quy định về nội dung này, tuy nhiên theo Dự thảo Luật Đấu thầu (sửa đổi) việc bổ sung điều kiện đối với cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu là hợp lý, không thể bỏ nội dung này. - Ý kiến Vụ Đầu tư: Chọn phương án 1 tuy nhiên đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần có đánh giá cụ thể việc tổ chức cấp chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu trong thời gian qua để có quy định cho phù hợp, đảm bảo việc tổ chức đào tạo cấp chứng chỉ nâng cao trình độ chuyên môn về đấu thầu đối với các cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu đồng thời tiết kiệm chi phí cho đơn vị.		
	Đề nghị điều chỉnh lại khoản 1 điều này như sau: Khoản 1 theo Dự thảo “... <i>trừ cá nhân thuộc nhà thầu tham gia gói thầu phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp, cá nhân thuộc nhà đầu tư</i>” điều chỉnh thành: “... <i>trừ cá nhân thuộc nhà thầu, nhà đầu tư tham gia gói thầu</i>”.	Đắc Lắc	
	Đề nghị Dự thảo Luật bãi bỏ quy định về chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu vì làm phát sinh thêm điều kiện kinh doanh, gây khó khăn cho doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay chưa có quy định cụ thể về ban quản lý dự án chuyên nghiệp trong tất cả các ngành, lĩnh vực. Bản thân trong Luật Đấu thầu đã có quy định cụ thể về phân cấp và tự chịu trách nhiệm của các đơn vị tham gia đấu thầu	CIEM VKTCN	Tiếp thu
	Việc yêu cầu có Chứng chỉ đào tạo về đấu thầu cơ bản/Chứng chỉ hành nghề đấu thầu là cần thiết đối với các cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu. Tuy nhiên, quy định Chứng chỉ hành nghề đấu thầu chỉ nên yêu cầu đối các cá nhân thuộc doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tư vấn đấu thầu, các đơn vị mua sắm tập trung chuyên trách còn cá nhân khác tham gia hoạt động đấu thầu chỉ cần có Chứng chỉ đào tạo về đấu thầu cơ bản. Theo đó, đề nghị giữ nguyên như quy	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	

		định tại Điều 16 Luật đấu thầu năm 2013.		
	Điều 15 (Hủy thầu)	Việc hủy thầu đối với các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều này, đề nghị giao cho chủ đầu tư, là cơ quan trực tiếp tổ chức lựa chọn, xử lý kiến nghị trong đấu thầu; phù hợp với phân cấp trong đấu thầu. Nội dung này đề nghị giữ nguyên như dự thảo vì đã hợp lý.	Quảng Trị	Tiếp thu
		Chưa quy định cụ thể thời gian được phép hủy thầu của người có thẩm quyền khi có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. Do đó, đề nghị bổ sung thêm nội dung thời gian người có thẩm quyền được phép hủy thầu khi theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 15 Dự thảo Luật Đấu thầu (sửa đổi) hoặc định nghĩa thêm khái niệm “hoạt động đấu thầu” vào phần giải thích từ ngữ quy định tại Điều 4 Dự thảo Luật Đấu thầu (sửa đổi).	Quảng Nam	
		Khoản 2 Điều 15 bỏ điểm a vì đây ko phải là trường hợp có vi phạm	Bộ Lao động	
		Đề nghị bổ sung thêm trường hợp không có nhà thầu tham gia dự thầu . Đà Nẵng: Do trong quá trình thực hiện có một số gói thầu đăng tải đấu thầu rộng rãi qua mạng hai lần, đều không có nhà thầu tham dự. Do vậy, đề nghị bổ sung thêm để có cơ sở hủy thầu, và tiến hành thực hiện lại các thủ tục lựa chọn nhà thầu	Đà Nẵng, Bình Thuận	Không tiếp thu
		Kiến nghị xem xét sửa đổi “Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư <u>ảnh hưởng lớn</u> tới hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu”.	Tổng Cục đường bộ	Tiếp thu
		Khoản 2: Kiến nghị sửa thành cụm từ: “Tất cả hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất không đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu hoặc tại thời điểm đóng thầu, không có nhà thầu tham dự”.	Bình Dương,	Tiếp thu
		Đề nghị làm rõ phạm vi của biện pháp Hủy thầu quy định tại Điều này, chỉ Hủy thầu trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu (từ bước Chuẩn bị lựa chọn nhà	Đắk Lắk	Tiếp thu

		thầu đến Hoàn thiện, ký kết hợp đồng.). Như vậy, sau khi đã ký kết hợp đồng, nếu có phát sinh thay đổi gì thì cũng không thuộc trường hợp Hủy thầu.		
		- Để phù hợp với trách nhiệm của bên mời thầu trong việc hủy thầu đối với lựa chọn nhà thầu trong mua sắm thường xuyên, đề nghị nghiên cứu sửa khoản 3 Điều 15 như sau: Người có thẩm quyền chịu trách nhiệm hủy thầu đối với các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều này. Chủ đầu tư đối với dự án đầu tư và Bên mời thầu đối với dự toán mua sắm chịu trách nhiệm hủy thầu đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. - Trên cơ sở sửa đổi nêu trên, đề nghị sửa điểm e khoản 2 Điều 77 như sau: Hủy thầu theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật này.	Bộ Giao thông vận tải	Tiếp thu
		Điểm a khoản 2: đề nghị sửa thành: “ <i>Tất cả hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất không đáp ứng được các yêu cầu ơ bản của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu</i> ”.	Bộ Nông nghiệp và PTNT	
		Khoản 1 Điều 15 quy định “1. Hủy thầu là biện pháp của người có thẩm quyền, chủ đầu tư và bên mời thầu...”. Tuy nhiên, <i>trách nhiệm hủy thầu quy định tại khoản 3 Điều này không quy định trách nhiệm hủy thầu của bên mời thầu. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung cho đầy đủ.</i>	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	
	Điều 16. Đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu	Đề nghị chuyển khoản 3 Điều 16 lên Điều 4 cho phù hợp	KTNN	Tiếp thu

Điều 17 (Nội dung trong HSMT)	đề nghị làm rõ về “ <i>đơn vị có chuyên môn về đấu thầu</i> ” trong doanh nghiệp đối với qui định “ <i>Trước khi phát hành HSMT, Chủ đầu tư gửi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên cho ý kiến về sự phù hợp của nội dung hồ sơ mời thầu như sau: Đối với các gói thầu do Chủ tịch HĐQT là người có thẩm quyền, đơn vị có chuyên môn về đấu thầu chịu trách nhiệm rà soát</i> ”.	TCT Hàng không Việt Nam	Tiếp thu
	Đề nghị gộp khoản 2 và khoản 5 của Điều 17	Bộ Công an	
	- Khoản 7: đề nghị xem xét bỏ nội dung này hoặc xem xét bỏ quy định này đối với các gói thầu do “Chủ tịch Hội đồng quản trị của doanh nghiệp là người có thẩm quyền, đơn vị có chuyên môn về đấu thầu chịu trách nhiệm rà soát”. Việc đưa nội dung này vào Luật sửa đổi sẽ kéo theo việc thành lập các tổ chức liên quan đến kiểm soát nội dung HSMT đồng thời kéo dài thêm quá trình lập, thẩm định HSMT, ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư dự án.	Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	Tiếp thu
	Bỏ khoản 7	Bộ Lao động, Bộ Ngoại giao	
	12.1. Đề nghị sửa nội dung quy định tại khoản 1 “ <i>Hồ sơ mời thầu theo quy định tại khoản 30 Điều 4...</i> ” thành “ <i>Hồ sơ mời thầu theo quy định tại khoản 31 Điều 4...</i> ” cho thống nhất với dự thảo Luật. (KBNN) 12.2. Khoản 3 “ <i>Đối với gói thầu mua sắm hàng hoá được tổ chức đấu thầu nội khối, nhà thầu chỉ được chào hàng hoá xuất xứ từ các nước thành viên.</i> ” đề nghị sửa thành: “ <i>Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa được tổ chức đấu thầu nội khối, nhà thầu chỉ được chào hàng hóa xuất xứ từ các nước thành viên phù hợp với hiệp định khối</i> ”. (TCĐT) 12.3. Tại khoản 4 quy định “ <i>4. Đối với gói thầu mua sắm hàng hoá được tổ chức đấu thầu trong nước mà có ít nhất ba hãng sản xuất cho ba mặt hàng xuất xứ trong nước đáp ứng về kỹ thuật, chất lượng, giá thì người có thẩm quyền quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào hàng hoá xuất xứ trong nước</i> ”.	Bộ Tài chính	Tiếp thu

	- Đề nghị có dẫn chiếu đến các quy định về hàng hóa sản xuất trong nước (như: tiêu chí xác định, danh mục được công bố đối với hàng hóa sản xuất trong nước...) hoặc Bên mời thầu, Chủ đầu tư tham chiếu vào khoản 1 Điều 12 quy định về hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên. (KBNN) - Thực tế việc mua hàng dự trữ quốc gia trong thời gian qua của Tổng cục Dự trữ Nhà nước, mỗi gói thầu chỉ mua 01 mặt hàng cụ thể (ví dụ: nhà bạt, phao tròn, phao áo,...), việc quy định 3 mặt hàng nêu trên sẽ khó khăn cho người có thẩm quyền quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào xuất xứ trong nước (chưa hỗ trợ được sản xuất trong nước tham gia cung cấp hàng hóa). Do vậy, đề nghị điều chỉnh như sau: <i>“Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa được tổ chức đấu thầu trong nước mà có ít nhất ba hãng sản xuất cho một mặt hàng trở lên xuất xứ trong nước đáp ứng về kỹ thuật, chất lượng, giá thì người có thẩm quyền quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào hàng hóa xuất xứ trong nước”</i>. (TCĐT) 12.4. Đối với khoản 6: - Khoản 6 quy định <i>“6. Trường hợp hồ sơ mời thầu có các nội dung vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này thì các nội dung này sẽ bị coi là vô hiệu, không phải là căn cứ để đánh giá hồ sơ dự thầu”</i>. Đề nghị quy định cụ thể người có thẩm quyền quyết định nội dung bị coi là vô hiệu là người có thẩm quyền hay chủ đầu tư/bên mời thầu? (KBNN) - Đề nghị rà soát và quy định rõ khoản 6 vì <i>“...điều kiện nào nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng”</i> rất khó xác định. Trường hợp giữ nguyên thì cần quy định cụ thể những nội dung nào là hạn chế hoặc tạo lợi thế cho nhà thầu gây ra <i>“sự cạnh tranh không bình đẳng”</i>. (KHTC) 12.5. Đối với khoản 7 - Đề nghị cân nhắc việc bổ sung quy định cơ quan quản lý về đấu thầu thuộc người có thẩm quyền chịu trách nhiệm xem xét sự phù hợp của nội dung hồ sơ mời thầu đối với một số gói thầu nhất định trước khi bên mời thầu phát hành hồ sơ mời thầu.		
--	--	--	--

	Lý do: (i) tránh phát sinh các thủ tục hành chính không cần thiết làm chậm quá trình mời thầu; (ii) việc xin ý kiến trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia với thời hạn nhất định và theo ý tưởng của Bộ KHĐT là dự kiến không quá 06 ngày làm việc là khó khả thi trong thực tế; (iii) việc dự kiến quy định nếu không nhận được ý kiến sau thời hạn nêu trên thì được coi là cơ quan quản lý về đấu thầu cấp trên đã thống nhất với nội dung của hồ sơ mời thầu là vướng về trách nhiệm của các cơ quan liên quan. (QLN); (iv) đồng thời quy định tại khoản 7 chưa rõ cơ quan có trách nhiệm thẩm định làm cơ sở cho đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên cho ý kiến đối với hồ sơ mời thầu. 12.6. Tại khoản 8 quy định “8. Đối với hồ sơ mời thầu được đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên cho ý kiến, chủ đầu tư, bên mời thầu không cần tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu”. Theo quy định nêu trên thì ý kiến tham gia vào hồ sơ mời thầu của đơn vị quản lý đấu thầu cấp trên thay cho việc Chủ đầu tư, Bên mời thầu thực hiện thẩm định. Tuy nhiên, tại khoản 7 chưa có quy định cơ quan có trách nhiệm thẩm định để làm cơ sở cho đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên cho ý kiến đối với hồ sơ mời thầu. Do vậy, đề nghị bổ sung quy định về đơn vị chịu trách nhiệm thẩm định trong trường hợp này. Như vậy, đề nghị thay quy định là “tham gia ý kiến” đối với hồ sơ mời thầu bằng “thẩm định hồ sơ mời thầu” để phân định rõ nhiệm vụ và trách nhiệm của đơn vị thẩm định. (KBNN)		
	Khoản 4: Đề nghị xem xét, sửa đổi nội dung như sau: “...mà có ít nhất ba hãng sản xuất <i>cho ba mặt hàng</i> xuất xứ trong nước...” sửa thành: “...mà có ít nhất ba hãng sản xuất <i>cho cùng một mặt hàng</i> xuất xứ trong nước...”	PVN	Tiếp thu
	Điểm d khoản 7: Đề nghị hiệu chỉnh, bổ sung như sau: “Đối với các gói thầu do Chủ tịch Hội đồng thành viên/Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ tịch công ty của doanh nghiệp là người có thẩm quyền, đơn vị có chuyên môn về đấu thầu chịu trách nhiệm rà soát”	EVN	Tiếp thu

	<i>Lý do:</i> Bổ sung chức danh để phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý của các loại hình doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp		
	Đề nghị bỏ nội dung tại khoản 7 vì việc đưa nội dung này vào Luật sửa đổi chắc chắn sẽ làm tăng thời gian công tác chuẩn bị đấu thầu (lập, thẩm định, phê duyệt HSMT), ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư dự án	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin, Bà Rịa VT	Tiếp thu
	Để đảm bảo độc lập về công tác thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu và công tác Thanh tra, kiểm tra và giám sát hoạt động đấu thầu và giải quyết kiến nghị trong đấu thầu, kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, nghiên cứu không quy định về việc đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên cho ý kiến về sự phù hợp của nội dung hồ sơ mời thầu trước khi phát hành hồ sơ mời thầu theo khoản 7, 8 Điều 17 dự thảo Luật Đấu thầu (sửa đổi)	Lâm Đồng	Tiếp thu
	- khoản 7: kiến nghị quy định nguyên tắc các gói thầu cần được đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên cho ý kiến chỉ trong trường hợp cần thiết, đồng thời quy định rõ phạm vi các gói thầu này hoặc trao quyền cho người có thẩm quyền quyết định. - khoản 4: kiến nghị làm rõ quy định áp dụng với tất cả các hàng hóa theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu hay không, nếu có cần quy định rõ. Trên thực tế, phạm vi cung cấp trong hồ sơ mời thầu có thể bao gồm nhiều loại hàng hóa.	VNPT	Tiếp thu
	- Đề nghị giữ nguyên (không cắt bỏ) khâu thẩm định, phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu, thương thảo hợp đồng trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu (Do đây là khâu quan trọng trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu). - Đề nghị bỏ khoản 7 và khoản 8 Điều 17: Do phát sinh thêm thủ tục, thời gian trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu.	Ninh Bình	Tiếp thu
	Đề nghị bỏ khoản 7 và khoản 8 Điều 17.	Son La	Tiếp thu
	Đề nghị bỏ khoản 7 và khoản 8 Điều 17.	Bắc Ninh	Tiếp thu
	Đề nghị bỏ khoản 7 Điều 17.	Hà Nội	Tiếp thu

	Đề xuất quy định nội dung hồ sơ mời thầu do chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt và chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung, trình tự thực hiện.	Vĩnh Phúc	
	Tại Khoản 7 Điều 17 Dự thảo quy định “Trước khi phát hành hồ sơ mời thầu, chủ đầu tư gửi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đề đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên cho ý kiến về sự phù hợp của nội dung hồ sơ mời thầu”. Đề nghị xem xét lại nội dung này, lý do: + Nếu quy định đây là thủ tục hành chính phải thực hiện thì sẽ không không phù hợp trình tự thực hiện vì thẩm quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu của chủ đầu tư; cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu cấp trung ương, tỉnh, huyện không thể rà soát để chủ đầu tư phê duyệt. + Nếu không coi đây là thủ tục hành chính, chỉ là ý kiến tham vấn thì không nên vào quy định của Luật vì không ràng buộc trách nhiệm.	Bắc Giang	Tiếp thu
	Tại Khoản 7, Điều 17, đề nghị sửa đổi theo phương án: đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên được lựa chọn một số gói thầu để cho ý kiến về sự phù hợp của nội dung HSMT trước khi đăng tải lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	Tuyên Quang	Tiếp thu
	Đề nghị bỏ khoản 7 và khoản 8 Điều này vì đây là trách nhiệm của Chủ đầu tư/Bên mời thầu, đảm bảo phù hợp với phân cấp trong đấu thầu, nâng cao trách nhiệm trong công tác đấu thầu. Mặt khác, nhân lực trong quản lý nhà nước về đấu thầu tại các địa phương còn thiếu (thông thường từ 01 đến 02 nhân lực), phải xử lý nhiều công việc chuyên môn khác nhau nên việc thực hiện thêm nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của các Chủ đầu tư/Bên mời thầu là không phù hợp. hoặc chỉ quy định đối với những gói thầu có quy mô rất lớn và tính chất phức tạp.	Quảng Trị, Hà Tĩnh	Tiếp thu
	Khoản 7 Điều 17 sẽ gây khó khăn khi triển khai thực hiện vì Với khối lượng công việc chuyên môn của phòng rất nhiều; đồng thời hằng năm thành phố có hơn 350 dự án mới triển khai do UBND thành phố Đà Nẵng là cấp quyết định đầu tư thì phòng không có đủ nhân sự có chuyên môn để có thể kiểm tra, rà soát và có ý kiến về hồ sơ mời thầu đảm bảo có chất lượng và đúng thời hạn (không quá 06 ngày làm việc) theo như quy định nêu trên. Hơn nữa, trong tương lai, thành phố ngày càng phát triển, dự án đầu tư ngày càng nhiều về số lượng, lĩnh vực và càng phức	Đà Nẵng, Tiền Giang	Tiếp thu

	tạp, tuy nhiên, nhân sự phụ trách sẽ giảm xuống theo quy định về tinh giảm biên chế nên việc thực hiện theo quy định nêu trên sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, Theo nội dung tại khoản 7 Điều 17 dự thảo Luật thì toàn bộ các gói thầu sẽ được chủ đầu tư gửi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên cho ý kiến. Tuy nhiên theo tiết 2 điểm c khoản 3 Công văn số 3975/BKHĐT-QLĐT thì chỉ đối với một số gói thầu nhất định. Do vậy kiến nghị cơ quan soạn thảo cần bổ sung, làm rõ thêm (hoặc giao Chính phủ quy định chi tiết) nội dung này. Kiến nghị: - Tiếp tục giao chủ đầu tư thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu theo quy định của Luật Đấu thầu hiện hành (không quy định việc Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị khác thực hiện việc kiểm tra, rà soát như quy định tại dự thảo nêu trên). Bên cạnh đó, nghiên cứu, ban hành các mẫu hồ sơ mời thầu đảm bảo tính chặt chẽ; trong đó có thể bổ sung thêm một số bộ tiêu chí mẫu cho các dự án như: Trụ sở, nhà ở, trường học, công trình, cầu, đường, cây xanh, y tế, v.v... để chủ đầu tư có thể căn cứ áp dụng, từ đó góp phần giảm thiểu tình trạng cài cắm, hạn chế nhà thầu. - Tăng cường phân cấp quyền và trách nhiệm cho chủ đầu tư trong công tác lựa chọn nhà thầu trên cơ sở các quy định của Luật Đấu thầu hiện hành để phù hợp với mô hình chính quyền đô thị; đồng thời tăng cường và thường xuyên tổ chức công tác tập huấn, nâng cao năng lực về đấu thầu cho các chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án.		
	Khoản 7 Điều 17 đề nghị sửa như sau: “<i>Trước khi phát hành hồ sơ mời thầu, chủ đầu tư gửi hồ sơ mời thầu đến đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên để theo dõi</i>” Điểm a, b, c, d khoản 7 và khoản 8 Điều 17 đề nghị bỏ, đưa vào Nghị định hướng dẫn	Nghệ An	Tiếp thu
	Đề nghị không bổ sung nội dung xem xét nội dung hồ sơ mời thầu trước khi phát hành của cơ quan quản lý về đấu thầu của người có thẩm quyền, vì đi ngược	Quảng Ngãi	Tiếp thu

	với chủ trương đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền của Chính phủ, làm phát sinh thêm thủ tục và thời gian trong công tác đấu thầu		
	Đề nghị bỏ mục 7 và 8 “Trước khi phát hành hồ sơ mời thầu, chủ đầu tư gửi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên cho ý kiến về sự phù hợp của nội dung hồ sơ mời thầu...” và “Đối với hồ sơ mời thầu được đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên cho ý kiến, chủ đầu tư, bên mời thầu không cần tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu”. Vì cơ quan quản lý không thể đủ người và thời gian để xem xét. Những nội dung này cần để đơn vị tư vấn và chủ đầu tư chịu trách nhiệm. Trường hợp cần thiết nên quy định gói thầu nào cần phải có ý kiến của cơ quan quản lý về đấu thầu cấp trên	Bộ Tài nguyên môi trường	Tiếp thu
	Khoản 7: Bỏ quy định này Hiện nay “đơn vị được giao quản lý về hoạt động đấu thầu” tại các Bộ, ngành, địa phương còn chưa có quy định rõ ràng, đồng thời, về nội dung của hồ sơ mời thầu nên phân cấp cho đơn vị dự toán trực tiếp thực hiện để đảm bảo rút ngắn thời gian và thủ tục trình duyệt.	Bộ Khoa học công nghệ	Tiếp thu
	- Kiến nghị xem xét bỏ mục này với lý do kéo dài thời gian trong đấu thầu (06 ngày), tăng thêm thủ tục hành chính. Mặt khác, các gói thầu hiện nay đang đấu thầu công khai trên mạng, nếu cần thiết kiểm tra thì cập nhật vào hệ thống mạng để xem xét, việc kiểm tra chỉ nên quy định ở bước hậu kiểm (kiểm tra, thanh tra nếu có). - Kiến nghị xem xét bỏ mục này với lý do như đã nêu ở mục 7 và giữa mục 7 và mục 8 có sự mâu thuẫn	Tổng Cục đường bộ	Tiếp thu
	Khoản 5: Xem xét việc thay đổi quy định trong hồ sơ mời thầu không cho phép nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa (Khoản 5 Điều 17 dự thảo Luật đấu thầu sửa đổi). Nếu vẫn giữ quy định đó thì cần thiết phải có các mức hay tiêu chuẩn cụ thể hàng hóa để dễ áp dụng. Trên thực tế, quy định này có thể dẫn đến việc khi thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa có thể không bảo đảm chất lượng song vẫn đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của Hồ sơ mời thầu.	TCTK	Tiếp thu

	Kiến nghị bỏ nội dung “<i>Trước khi phát hành hồ sơ mời thầu, chủ đầu tư gửi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên cho ý kiến về sự phù hợp của nội dung hồ sơ mời thầu</i>” (khoản 7 Điều 17). Vì đơn vị quản lý về đấu thầu (tại địa phương) khó có khả năng thực hiện, việc thẩm định hồ sơ mời thầu đòi hỏi phải có chuyên môn, nghiệp vụ trong khi nhân sự còn quá ít chưa thể đáp ứng khối lượng công việc ngày càng nhiều như hiện nay. Đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu giao chủ đầu tư thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu nhằm tăng trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn giản hóa trình tự thủ tục trong đấu thầu Đề nghị làm rõ hơn cụm từ “...<i>có ít nhất ba hãng sản xuất cho ba mặt hàng xuất xứ trong nước..</i>”, ba hãng sản xuất cho ba mặt hàng hay ba hãng sản xuất cho một mặt hàng?	Bình Dương	Tiếp thu
	/đề nghị quy định rõ là xem xét gói thầu gì, hạn mức bao nhiêu, xem xét nội dung nào	Bình Thuận	Tiếp thu
	1) Mục 4 kiến nghị viết hiệu chỉnh, bổ sung như sau: 4. Đối với gói thầu mua sắm hàng hoá được tổ chức đấu thầu trong nước mà có ít nhất ba hãng sản xuất cho ba mặt hàng xuất xứ trong nước đáp ứng về kỹ thuật, chất lượng, giá (bỏ) thì người có thẩm quyền chủ đầu tư quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào hàng hoá xuất xứ trong nước khi phê duyệt HSMT. <i>Trường hợp chưa nêu yêu cầu trên trong HSMT nhưng trong quá trình đánh giá thầu thấy có ít nhất 3 mặt hàng xuất xứ trong nước được chào đáp ứng về kỹ thuật, chất lượng thì việc đánh giá xếp hạng chỉ thực hiện đối với bản chào có hàng hóa xuất xứ trong nước.</i> 2) Mục 6. Mục này cần quy định về quy trình và thủ tục để xác định việc vi phạm mục 2 3) Mục 7. Đề nghị bỏ nội dung này trong dự thảo và quy định về thời điểm phải gửi HSMT để đăng công khai trên mạng đấu thầu quốc gia để các bên liên quan giám sát, kiểm tra kịp thời.	Ông Ninh Viết Định	Tiếp thu

	Quy định này sẽ khiến đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về hoạt động đấu thầu thuộc Bộ quá tải về khối lượng công việc và không đủ nguồn lực, thời gian thực hiện nhiệm vụ trên và các nhiệm vụ khác được giao. Ngoài ra, trường hợp có đưa quy định việc đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên cho ý kiến về sự phù hợp của nội dung HSMT (trương tự cơ chế xét duyệt trước trong các dự án sử dụng vốn ODA) thì ý kiến rà soát đó không thể thay thế cho việc thẩm định HSMT của chủ đầu tư, bên mời thầu. Tuy nhiên, Bộ GTVT thống nhất với quan điểm của Bộ KH&ĐT về việc cần nâng cao chất lượng của HSMT, tránh tình trạng “cài cắm” trong HSMT; do đó đề nghị nghiên cứu sửa khoản 7 Điều 17 theo nguyên tắc sau: <i>Tùy theo tính chất, quy mô của gói thầu/dự án/dự toán mua sắm, năng lực của chủ đầu tư và bên mời thầu, người có thẩm quyền xác định gói thầu cụ thể cần được đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên rà soát cho ý kiến về sự phù hợp của nội dung HSMT thông qua yêu cầu thể hiện tại Quyết định phê duyệt, điều chỉnh bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc Văn bản chỉ đạo. Chủ đầu tư, bên mời thầu có trách nhiệm thông báo kịp thời tới đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên được biết về thời điểm gửi HSMT trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc gửi qua đường công văn trước khi phê duyệt HSMT. Ý kiến rà soát của đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên không thay thế và không làm giảm trách nhiệm về kết quả thẩm định, phê duyệt HSMT do chủ đầu tư, bên mời thầu thực hiện.</i>	Bộ Giao thông vận tải	Đã bỏ khoản này
	Theo nội dung dự thảo Luật có thể xảy ra bất cập đối với trường hợp trong danh mục nhiều hàng hóa cần mua sắm thì hàng hóa chính yếu không có xuất xứ trong nước nhưng lại có “ít nhất ba hãng sản xuất cho ba mặt hàng xuất xứ trong nước đáp ứng về kỹ thuật, chất lượng, giá”. Do đó, đề nghị nghiên cứu giải thích, làm rõ thêm “việc yêu cầu nhà thầu chào hàng hoá xuất xứ trong nước” là chào hàng đối với các mặt hàng có xuất xứ trong nước nêu trên hay là yêu cầu chào hàng đối với cả gói thầu.	Bộ Giao thông vận tải	Tiếp thu

	- Khoản 2: Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo quy định rõ những điều kiện nào bị xem là hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho 1 hoặc 1 số nhà thầu, để tránh tranh chấp khiếu kiện khi quy định không rõ ràng, và có nhiều cách hiểu khác nhau. - Khoản 4 + Đề nghị quy định rõ trong các trường hợp cụ thể nào thì chủ đầu tư phải xin ý kiến của đơn vị quản lý đấu thầu cấp trên trước khi phát hành HSMT; cho ý kiến về sự phù hợp của những nội dung cụ thể nào? Trách nhiệm của đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên? Quy định như Dự thảo thì bất kỳ HSMT nào cũng phải xin ý kiến của đơn vị quản lý đấu thầu cấp trên trước khi phát hành HSMT. Thực tế trước khi HSMT được duyệt thì đã có đơn vị đầu mối thẩm định HSMT và HSMT được duyệt đã được đóng dấu, ký ban hành nên khi phát hành lên hệ thống mạng quốc gia để cơ quan quản lý về đấu thầu cấp trên cho ý kiến về sự phù hợp của nội dung HSMT là không cần thiết. + Điểm d: Đề nghị thay cụm từ “Chủ tịch Hội đồng quản trị” bằng thuật ngữ khác do Chức danh này chưa bao hàm được cho các loại hình doanh nghiệp khác như DNNN mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, Công ty TNHH,...khi cấp có thẩm quyền cao nhất trong đấu thầu không phải là Chủ tịch HĐQT - Khoản 8 Khoản này quy định trường hợp HSMT được đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên cho ý kiến thì chủ đầu tư, bên mời thầu không cần tổ chức thẩm định HSMT. Theo quy định này, ý kiến của đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên đối với HSMT thay thế cho ý kiến thẩm định của tổ chức/đơn vị thẩm định. Như vậy, đơn vị quản lý đấu thầu cấp trên đang làm thay công việc của đơn vị/tổ chức thẩm định?. Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh cơ sở quy định việc cơ quan quản lý đấu thầu có ý kiến về HSMT có thể thay thế quá trình thẩm định HSMT như quy định hiện hành.	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	
Điều 18	Để có cơ sở thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu có áp dụng lựa chọn danh sách ngắn, đề nghị nghiên cứu sửa đổi, làm rõ thêm khoản 1 Điều 18 như	Bộ Giao thông vận tải	

		sau: Đấu thầu rộng rãi (bao gồm lựa chọn danh sách ngắn nếu cần thiết) là hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong đó không hạn chế số lượng nhà thầu, nhà đầu tư tham dự.		
	Điều 19 (Đấu thầu hạn chế)	- Phương án 1: VNPT, TCT Xi măng Việt Nam; Bình Định, HLHPNVN, Đài tiếng nói VN, Bộ Thông tin truyền thông QPTDNN Viện Hàn lâm KHCN, Cà Mau, Bình Dương, Ninh Thuận, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, PVN, Bình Thuận, Bộ Công an, Bảo hiểm xã hội, EVN, NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC		Tiếp thu
		- Phương án 2: TCT hàng không Việt Nam; Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam; VINCONS; TCT Đường sắt Việt Nam; Hội Cựu chiến Binh Việt Nam, Khánh Hòa; Phú Yên, Đà Nẵng, Nghệ An, Bộ Tài nguyên môi trường, Bộ Khoa học công nghệ, KTNN, Bộ Nội vụ Ủy ban dân tộc Tổng Cục đường bộ HCCB, Hậu Giang, Đồng Tháp, Trà Vinh, Đắk Lắk, Lào Cai, Hà Giang, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Tây Ninh, Bộ Lao động, Thừa Thiên Huế, Cục PTHTX Nên bỏ hình thức đấu thầu hạn chế, vì rất khó xác định có một hoặc một vài nhà thầu đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm (vấn đề này không xác định được tính thực tiễn về mặt pháp lý), Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và PTNT <i>(do dự thảo Luật sửa đổi đã sửa và bổ sung hình thức chỉ định thầu là hình thức lựa chọn nhà thầu sẽ phát hành HSYC cho một hoặc một số nhà thầu do vậy hình thức đấu thầu hạn chế là không cần nữa)</i> <i>(trường hợp gói thầu có yêu cầu cao về kỹ thuật mà chỉ có một số nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì các nhà thầu không đủ tiêu chí đáp ứng cũng sẽ bị loại khi tham gia)</i>		
		Kiến nghị chọn PA 1 và viết bổ sung đoạn chữ đậm cuối câu: Đấu thầu hạn chế được áp dụng trong trường hợp gói thầu có yêu cầu cao về kỹ thuật hoặc kỹ thuật có tính đặc thù mà chỉ có một số nhà thầu đáp ứng yêu cầu của gói thầu và nêu rõ được ưu điểm hơn so với đấu thầu rộng rãi.	Ông Ninh Viết Định	Tiếp thu

		Đấu thầu hạn chế giữa các nhà thầu của nước tài trợ vốn: Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm rõ và khẳng định quy định tại dự thảo Luật Đấu thầu sửa đổi (quy định về đấu thầu nội khối tại điểm a khoản 1 Điều 13) đã cho phép thực hiện Bộ Tài chính nghiêng về chọn Phương án 1 (để có thể áp dụng đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi) tuy nhiên đề nghị cần nghiên cứu để bổ sung các quy định nhằm đảm bảo tính cạnh tranh, công khai và minh bạch trong đấu thầu (giải trình lại với LĐ Vụ)	Bộ Tài chính	Tiếp thu
		điểm b khoản 2: Thay “ hóa chất, vật tư, thiết bị y tế” thành trang thiết bị y tế cho phù hợp định nghĩa tại NDD/2021	Sơ Y tế Bình Phước	Tiếp thu
		13.1. Đề nghị bổ sung thêm mới hình thức Mua sắm thông thường quy định những nội dung không nhất thiết phải tổ chức lựa chọn nhà thầu (ví dụ như hạn mức dưới 50 triệu), để đáp ứng duy trì hoạt động thường xuyên và tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị tự chủ tổ chức thực hiện (KHTC) (không tiếp thu nội dung này, lý do: không nên bổ sung do hiện nay quy định của Luật đấu thầu đã quy định đầy đủ các hình thức lựa chọn nhà thầu để áp dụng). - Tại điểm a khoản 2 đề nghị nghiên cứu sửa thành: “a) Gói thầu cần thực hiện để khắc phục ngay hoặc để xử lý kịp thời hậu quả gây ra do sự cố bất khả kháng hoặc thiên tai, dịch bệnh gây ra;...” (QLG) - Tại điểm b khoản 2 Điều 20 đề nghị xem xét sửa như sau: “b) Gói thầu trong trường hợp khẩn cấp do các sự kiện khách quan, không lường trước được, bao gồm gói thầu mua thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế để triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh mà chủ đầu tư không thể kịp thời thực hiện gói thầu nếu áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác” (QLG) - Điểm e khoản 2 Điều 20 - Chỉ định thầu: Đề nghị giữ nguyên quy định như Luật Đấu thầu 2013 (Phương án 1) (Cục QLCS). - Khoản 4 Điều 20 dự thảo Luật Đấu thầu: đề nghị bỏ quy định này do nội dung quy định không rõ ràng, mang tính chủ quan “có thể áp dụng” dẫn đến việc áp dụng không thống nhất, thậm chí lạm dụng hình thức này, không đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch trong đấu thầu. đang quy định không rõ ràng trường hợp	Bộ Tài chính	

		nào là có thể áp dụng hình thức chỉ định thầu mà không phải áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác. Nên quy định theo nguyên tắc chỉ áp dụng hình thức lựa chọn chỉ định thầu khi không thể áp dụng các hình thức khác (Không tiếp thu ý kiến Cục QLNN, lý do: vì trường hợp không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác đã được Luật quy định áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt) (Cục QLNN).		
	Điều 20 (Chỉ định thầu)	Điểm e khoản 2: - Phương án 1: Bình Định, Đài tiếng nói VN, KTTN, QPTDNN, Bắc Kạn, Cà Mau, Bình Dương, Bình Định, Bình Thuận, Bảo hiểm xã hội, Thừa Thiên Huế.		
		- Phương án 2: TCT Hàng không Việt Nam; VINCONS; VNPT, TCT đường sắt Việt Nam; TCT Hàng Hải Việt Nam, TCT Xi măng Việt Nam; Quảng Trị, Khánh Hòa, Phú Yên, Đà Nẵng, Nghệ An, Hà Tĩnh, Bộ Nội vụ, Bộ Thông tin truyền thông Ủy ban dân tộc Viện Hàn lâm KHCN, Lào Cai, Hà Giang, Lạng Sơn, Hưng Yên, Sơn La, Bắc Ninh, Hà Nội, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Điện Biên, Đồng Tháp, Kon Tum, Ninh Thuận, Đắk Lắk: Tây Ninh, EVN		
		Đề nghị mở rộng phạm vi chỉ định thầu, điều chỉnh hạn mức chỉ định thầu tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư thực hiện công tác tư vấn thiết kế giai đoạn chuẩn bị đầu tư nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án	TCT công nghiệp tàu thủy	
		Đề xuất làm rõ hoặc sửa đổi cụm từ “ <i>bán tổng, bán tháo</i> ” tại điểm h khoản 2	TCT Xi măng Việt Nam	Tiếp thu
		- Đề nghị bổ sung yêu cầu về thời gian chỉ định thầu đối với trường hợp gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.	TCT hàng không Việt Nam	
		- Khoản 1 Điều 20: Kiến nghị quy định nguyên tắc thực hiện phát hành hồ sơ yêu cầu cho một số nhà thầu và quy định chi tiết quy trình thực hiện trong Nghị định hướng dẫn. - Điểm b khoản 2 Điều 20: kiến nghị không chỉ giới hạn với gói thầu mua thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế mà mở rộng cả các gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch	VNPT	Tiếp thu một phần

	vụ khác. Trên thực tế, việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ để cung cấp hệ thống công nghệ thông tin cũng thuộc trường hợp khẩn cấp cần thực hiện trong giai đoạn phòng chống dịch COVID-19 vừa qua. - điểm c khoản 2: kiến nghị bổ sung quy định, định nghĩa nội hàm, phạm vi về “tính tương thích về công nghệ, bản quyền” để các chủ đầu tư, bên mời thầu có cơ sở để xác định cho phù hợp. - khoản 3 Điều 20: đề xuất điều chỉnh điểm e theo hướng nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ, ngoại trừ yêu cầu về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu. - kiến nghị bổ sung nguyên tắc trong Luật hoặc quy định cụ thể trong Nghị định hướng dẫn đối với nội dung quy định về trường hợp chỉ định thầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa mà hàng hóa được mua trên Sở Giao dịch hàng hóa trong nước, nội dung “...bảo hộ quyền tác giả hoặc các hình thức bảo hộ độc quyền khác hoặc không có sự cạnh tranh vì lý do về mặt kỹ thuật của gói thầu”		
	Đề nghị thêm điều kiện để chỉ định thầu tại khoản 2 như sau: Gói thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, xây lắp cho các dự án đáp ứng điều kiện: Chủ đầu tư là doanh nghiệp có vốn nhà nước nắm giữ trên 30%; dự án là một trong những dự án nằm trong chiến lược phát triển ngành có giá trị đầu tư lớn (tổng các dự án đầu tư có giá trị lớn hơn 20 tỷ USD trong giai đoạn từ nay đến năm 2035); Doanh nghiệp Việt Nam cần làm chủ công nghệ để đảm bảo tự chủ trong thực hiện triển khai dự án; Các điều kiện cụ thể do Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của các Bộ, ngành	Hiệp hội doanh nghiệp cơ khí Việt Nam	
	Điểm a khoản 2 Điều 20: Sửa “Gói thầu cần thực hiện để khắc phục ngay hoặc để xử lý kịp thời hậu quả gây ra do sự cố bất khả kháng;...” thành “Gói thầu cần thực hiện trong dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật Đầu tư công, pháp luật Xây dựng;...” để tránh chồng chéo trong quy định và phù hợp với các quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng; phù hợp với thực tế và thuận lợi trong quá trình áp dụng.	Quảng Nam	Tiếp thu

	Khoản 3 Điều 20: đề nghị sửa lại thành: “Việc thực hiện chỉ định thầu đối với gói thầu quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h và € khoản 2 Điều này phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:” (bỏ Điểm b (theo Dự thảo tại khoản này có 2 điểm b) vì 2 Điểm này quy định gói thầu trong trường hợp khẩn cấp, cấp bách nên cũng cần phải thực hiện ngay không thể chờ đủ các điều kiện, thủ tục khác theo quy định).	Phú Yên	Tiếp thu
	1. Tại điểm b khoản 2 Điều 20 dự thảo về chỉ định thầu có nêu: “Gói thầu trong trường hợp khẩn cấp do các sự kiện khách quan, không lường trước được, bao gồm gói thầu mua thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế để triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh mà chủ đầu tư không thể kịp thời thực hiện gói thầu nếu áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác;”. Tuy nhiên thực tế thời gian qua, trong tình hình dịch bệnh Covid 19 ngoài việc mua hóa chất, vật tư, thiết bị y tế để triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh còn mua sắm hàng hóa khác như lương thực, thực phẩm và hàng hóa khác (gạo, suất ăn cho bệnh nhân tại Bệnh viện dã chiến, khẩu trang...) cấp bách nhằm kịp thời trong cung cấp để phòng chống dịch. Do đó, đề nghị bổ sung nội dung hoàn chỉnh như sau: “Gói thầu trong trường hợp khẩn cấp do các sự kiện khách quan, không lường trước được, bao gồm gói thầu mua thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế, lương thực thực phẩm, suất ăn cho bệnh nhân tại các Bệnh viện dã chiến... để triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh mà chủ đầu tư không thể kịp thời thực hiện gói thầu nếu áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác;”. 2. Tại điểm e khoản 2 Điều 20 quy định: “Gói thầu rà phá bom, mìn, vật nổ để chuẩn bị mặt bằng thi công xây dựng công trình được phép chỉ định thầu.”. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định về gói thầu rà phá bom, mìn, vật nổ có bao gồm các gói thầu tư vấn khảo sát, lập phương án kỹ thuật rà phá bom mìn, gói thầu tư vấn giám sát rà phá bom mìn hay không?	Đà Nẵng	Tiếp thu
	bổ sung các trường hợp áp dụng chỉ định thầu trong các trường hợp khẩn cấp, cấp bách hoặc cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án như gói (i), (ii), (iii), (iv) và gói (v)	Viện HLKHXHVN	

	Bổ sung thêm trường hợp gói thầu thiên tai, lũ lụt cần hỗ trợ dân ngay để phục hồi sản xuất		Tiếp thu
	Đề nghị đối chiếu với Hiệp định đã ký kết để Luật không trái	Bộ Ngoại giao	Tiếp thu
	Khi dịch bệnh xảy ra thì nhiều loại hh cần thiết không chỉ thuốc và vật tư y tế, đề nghị mở rộng	Bộ Quốc phòng	Tiếp thu
	Kiến nghị bổ sung thêm “Gói thầu di dời công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp) để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng” (Bình Dương) đề nghị cần làm rõ khái niệm công trình khẩn cấp, cấp bách được chỉ định thầu (Đắc Lắc)	Bình Dương, Đắc Lắc	Tiếp thu
	- Tại điểm a khoản 2 Điều 20: Đề nghị thêm cụm từ “nhằm ngăn ngừa sự cố” vào sau đoạn “gói thầu cần thực hiện để khắc phục ngay” (nội dung sau đề nghị: “gói thầu cần thực hiện để khắc phục ngay nhằm ngăn ngừa sự cố”). - Tại điểm e khoản 2 Điều 20: Lựa chọn phương án 2. Đồng thời, đề nghị bổ sung cụm từ “trừ gói thầu hoàn trả” vào sau cụm từ “Gói thầu di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật” (nội dung sau đề nghị: “Gói thầu di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật trừ gói thầu hoàn trả”).	Ninh Bình	Không tiếp thu
	Đề nghị làm rõ khái niệm sự cố bất khả kháng tại điểm a khoản 2 Điều 20 Dự thảo	Thanh Hóa	
	1) Mục 1 kiến nghị hiệu chỉnh và bổ sung đoạn cuối in đậm như sau: 1. Chỉ định thầu là hình thức lựa chọn nhà thầu trong đó chủ đầu tư, bên mời thầu phát hành hồ sơ yêu cầu hoặc gửi dự thảo hợp đồng cho một hoặc một số nhà thầu hoặc gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm để thương thảo hoàn thiện và ký kết hợp đồng thực hiện gói thầu. Trường hợp thương thảo không thành công thì mời nhà thầu tiềm năng khác hoặc đề xuất hình thức lựa chọn nhà thầu khác phù hợp hơn. 2). Mục €). Kiến nghị chọn phương án 1. 3) mục 2(g). Nên chuyển thành một hình thức lựa chọn nhà thầu riêng “ mua sắm trên sở giao dịch”, không nên ghép vào hình thức chỉ định thầu,	Ông Ninh Viết Định	

		Khoản 2 Điều 20 chưa quy định trường hợp được chỉ định thầu trong trường hợp phải thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ vốn ODA. Bên cạnh đó, điểm e khoản 3 Điều 20 cũng quy định nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu phải có tên trong cơ sở dữ liệu về nhà thầu của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu. Điều này là không thể áp dụng đối với các nhà thầu nước ngoài thực hiện các dự án ODA, vay ưu đãi. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về chỉ định thầu đối với các dự án ODA, vay ưu đãi hoặc quy định rõ đây là trường hợp đặc biệt phải trình Thủ tướng Chính phủ quyết định theo Điều 24	Bộ Tài chính	Tiếp thu
		- Phương án 1 giữ nguyên theo Luật Đấu thầu năm 2013 và đã được Bộ GTVT phân tích một số tồn tại, bất cập, đề xuất sửa đổi tại Văn bản số 3089/BGTVT/CQLXD ngày 08/4/2021 gửi Bộ KH&ĐT về việc tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Đấu thầu. Phương án 2 đã được cơ quan soạn thảo tiếp thu, chỉnh sửa đối với gói thầu di dời công trình hạ tầng kỹ thuật. Tuy nhiên, nếu quy định như Phương án 2 vẫn có thể tạo ra cách hiểu khác nhau hoặc không giải quyết đầy đủ mục tiêu của việc chỉ định thầu đối với các công tác này, với các lý do như sau: + Có thể dẫn đến cách hiểu chỉ các gói thầu mà nhà thầu trực tiếp thi công di dời công trình hạ tầng kỹ thuật, trực tiếp rà phá bom mìn, vật nổ mới được áp dụng chỉ định thầu (như ý kiến kết luận của một số cơ quan thanh tra, kiểm toán). Trong khi đó, để có nhà thầu trực tiếp thi công trên, phải hình thành và tổ chức các gói thầu liên quan trước đó như: Tư vấn thiết kế/thi công xây dựng khu tái định cư; Tư vấn khảo sát, lập phương án, dự toán, giám sát thi công rà phá bom mìn, vật nổ... + Việc chỉ định thầu các gói thầu phục vụ công tác di dời công trình hạ tầng kỹ thuật và rà phá bom mìn, vật nổ nói riêng và các gói thầu liên quan đến công tác GPMB nói chung là cần thiết nhằm tháo gỡ nút thắt về tiến độ trong quá trình triển khai các dự án đầu tư xây dựng, mang lại hiệu quả đầu tư tổng thể lớn hơn như (đẩy nhanh công tác giải ngân, phát huy hiệu quả nguồn lực tài chính, tạo ổn định	Bộ Giao thông vận tải	

	an sinh xã hội, đưa công trình vào khai thác sử dụng sớm giúp phát triển kinh tế - xã hội...). Từ những nội dung trên, đề nghị nghiên cứu sửa Phương án 2 theo hướng như sau: “Các gói thầu phục vụ công tác: Đền bù, giải phóng mặt bằng, di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật, rà phá bom mìn, vật nổ để chuẩn bị mặt bằng thi công xây dựng công trình”. - Việc áp dụng hình thức chỉ định thầu, giao thầu theo quy định pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan: Khoản 8 Điều 15, khoản 3 Điều 58 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng có nội dung quy định được áp dụng hình thức chỉ định thầu, giao thầu để lựa chọn tổ chức, cá nhân thẩm tra thiết kế xây dựng, thực hiện các công việc khảo sát, thiết kế và thi công xây dựng và các công việc cần thiết khác phục vụ xây dựng công trình khẩn cấp. Do vậy, đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung Điều 20 dự thảo Luật Đấu thầu để quy định rõ các trường hợp này cũng được áp dụng hình thức chỉ định thầu để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ. - Một trong các điều kiện để chỉ định thầu theo điểm a khoản 3 Điều 20 là “Có quyết định đầu tư được phê duyệt, trừ gói thầu tư vấn chuẩn bị dự án”. Việc loại trừ “gói thầu tư vấn chuẩn bị dự án” có thể dẫn đến cách hiểu chỉ gói thầu “tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi” mới được áp dụng chỉ định thầu, trong khi ở giai đoạn này còn có các gói thầu khác như: Tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi, Tư vấn lập ĐTM, khung chính sách GPMB. Do đó, đề nghị nghiên cứu sửa điểm a khoản 3 Điều 20 như sau: “Có quyết định đầu tư được phê duyệt, trừ các gói thầu tư vấn phục vụ công tác chuẩn bị dự án”		
	Điểm i khoản 2: cần rà soát đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về việc quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.	Bộ Nông nghiệp và PTNT	

		Đề nghị đơn vị soạn thảo thuyết minh rõ cơ sở thay đổi quy định về chỉ định thầu, đảm bảo quy định chặt chẽ, minh bạch và giao Người có thẩm quyền quyết định đầu tư chịu trách nhiệm.	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	
	Điều 21 (Chào hàng cạnh tranh)	Đề nghị làm rõ tiêu chí đánh giá/căn cứ xác định thế nào là Gói thầu xây lắp công trình đơn giản để đảm bảo tính rõ ràng khi thực hiện.	TCT hàng không Việt Nam	Tiếp thu
		Chào hàng cạnh tranh: Nên quy định cụ thể, không nên dùng từ “đơn giản” tránh trường hợp mỗi chủ đầu tư khác nhau có cách hiểu khác nhau	Bình Định	Tiếp thu
	Điều 22 (Mua sắm trực tiếp)	- Phương án 1: Hội cựu chiến binh Việt Nam; Quảng Trị, Khánh Hòa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Hậu Giang, Đồng Tháp, Bắc Giang - Phương án 2: TCT Hàng không Việt Nam; Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam; TCT đường sắt Việt Nam; Tập đoàn hóa chất Việt Nam, TCT giấy Việt Nam, Tổng liên đoàn lao động VN; Phú Yên, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Bình dương, KonTum, Trà Vinh, Thanh Hóa, Hà Giang, Nam Định, Bắc Ninh, Hà Nội, Yên Bái, Tuyên Quang, Điện Biên, Tây Ninh, PVN, Đồng Nai, Bộ Công an, Bảo hiểm xã hội, EVN, Thừa Thiên Huế, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và PTNT, NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC Đồng Nai: đề nghị tăng thời gian áp dụng các gói thầu mua sắm hàng hóa tương tự từ 12 tháng thành 24 tháng (từ khi ký hợp đồng của gói thầu trước đó đến ngày phê duyệt kết quả mua sắm trực tiếp) để tạo điều kiện cho các gói thầu của dự toán năm sau sử dụng kết quả đấu thầu của năm trước để áp dụng mua sắm trực tiếp, tiết kiệm thời gian đấu thầu, nhất là đối với đấu thầu lựa chọn nhà thầu xử lý, vận chuyển rác thải sinh hoạt hàng năm tại các địa phương (gói thầu phải thực hiện thường xuyên, liên tục, không thể tạm dừng để chờ kết quả đấu thầu). (đề nghị chỉnh sửa Khoản 1 thành “<i>Mua sắm trực tiếp là việc Chủ đầu tư ký hợp đồng thuộc tùy chọn mua thêm của gói thầu trước đó</i>” thay vì “<i>Mua sắm trực tiếp là việc Chủ đầu tư ký hợp đồng thuộc tùy chọn mua thêm của gói thầu trước đó khi hợp đồng cho gói thầu trước đó đã được thanh lý</i>”)		Phương án 2

	PVN (và đề nghị bổ sung thêm nội dung “<u>hoặc chào hàng cạnh tranh</u>” nêu tại điểm a khoản 3) - Phương án 3: VNPT, TCT Xi măng Việt Nam, Ban CPTW, Hội nông dân, HLHPNVN, Bộ Khoa học công nghệ, Ban Quản lý lăng Bộ Thông tin truyền thông Tổng Cục đường bộ, Ninh thuận, Đắk Lắk, Lào Cai, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Vĩnh Phúc, Bình Thuận, Bộ Tài chính VNPT (bỏ điều kiện tại khoản 1 (yêu cầu tính đồng bộ, tương thích; dịch vụ lắp đặt đã mua trong gói thầu trước; do điều kiện bảo hành của nhà thầu ban đầu) để tạo sự thông thoáng và tiết kiệm thời gian trong triển khai thực hiện)		
	Đề nghị bỏ vì đã có tùy chọn mua thêm	Bộ Quốc phòng Ủy ban dân tộc HCCB	Không tiếp thu
	- Đề nghị quy định cụ thể nội dung gạch chân sau “1. Mua sắm trực tiếp được áp dụng đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, <u>dịch vụ...</u> ” là dịch vụ tư vấn hay dịch vụ phi tư vấn hay cả hai loại dịch vụ do các nội dung quy định tại điểm a, b, c tại khoản này chỉ liên quan đến hàng hóa và dịch vụ phi tư vấn (KBNN).	Bộ Tài chính	Tiếp thu
	chọn Phương án 3. Tuy nhiên, tại khoản 1 quy định “Mua sắm trực tiếp được áp dụng đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ từ nhà thầu đã trúng thầu hoặc các đại lý được ủy quyền của nhà thầu đó mà hàng hóa, dịch vụ 2 không nằm trong phạm vi của gói thầu ban đầu”, điều này đang mâu thuẫn với quy định tại điểm b khoản 2 “Gói thầu có nội dung, tính chất tương tự và quy mô nhỏ hơn 130% quy mô của hàng hóa, dịch vụ cùng loại thuộc gói thầu đã ký hợp đồng trước đó” và điểm c khoản 2 “Đơn giá của các phần việc thuộc gói thầu áp dụng mua sắm trực tiếp không được vượt đơn giá của các phần việc tương ứng thuộc gói thầu tương tự đã ký hợp đồng trước đó”. Do đó, đề nghị xem xét lại các quy định nêu trên cho thống nhất.	CQLĐKKD, Đài tiếng nói VN, KTNN, Bộ Nội vụ Thông tấn xã VN QPTDNN Viện Hàn lâm KHCN	Không tiếp thu

		Đề nghị giữ nguyên như Luật hiện hành đối với các gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển của DNNN quy định tại mục b mục c Khoản 1 Điều 1 để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phản ứng nhanh với thị trường	Viettel, Bộ Lao động	
		- Cần duy trì hình thức này trong Luật như một giải pháp kỹ thuật để lựa chọn. - Duy trì hình thức này sẽ ưu điểm hơn và khi đó không cần thêm (bỏ) Mục “Điều 4.48, Tùy chọn mua thêm” - Nội dung cần hiệu chỉnh lại trên cơ sở tổng hợp yêu cầu của PA2, 3 và thay thế cho quy định “ tùy chọn mua thêm”	Ông Ninh Viết Định	Không tiếp thu
		Đề xuất phương án sửa đổi quy định cũ để khắc phục hạn chế	Gia Lai	
		- Theo khoản 8 Điều 39: Tùy chọn mua thêm (nếu có): Trường hợp gói thầu áp dụng tùy chọn mua thêm, trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ giá trị của phần tùy chọn mua thêm. Tùy chọn mua thêm chỉ được áp dụng khi bố trí được nguồn vốn cho phần công việc này. Quy định tại khoản 8 Điều 39 được hiểu khi duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu áp dụng hình thức mua sắm trực tiếp phải đưa nội dung về tùy chọn mua thêm (nếu có) làm cơ sở sau này cho phép chủ đầu tư ký hợp đồng bổ sung với nhà thầu thực hiện gói thầu trên để cung cấp tùy chọn mua thêm. Do đó sẽ không còn khái niệm về “gói thầu” như nêu tại điểm b khoản 3 Điều 22 (Phương án 2). Vì vậy đề nghị nghiên cứu sửa lại điểm b theo hướng sau: <i>“Số lượng, khối lượng mua thêm có quy mô nhỏ hơn hoặc bằng giá trị của tùy chọn mua thêm của gói thầu tương tự đã ký hợp đồng và được thanh lý trước đó”</i> .		
		- Khái niệm “tùy chọn mua thêm” là nội dung mới tại Dự thảo. Tuy nhiên mới được định nghĩa tại Điều 4 mà chưa có quy định cụ thể về trường hợp áp dụng, nguyên tắc thực hiện, căn cứ xác định để bố trí vốn,...dẫn đến khó thực hiện. Do đó, đề nghị đơn vị soạn thảo làm rõ hơn nội dung này hoặc bổ sung quy định giao Chính phủ hướng dẫn.	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	
	Điều 23 (Tự thực hiện)	- điểm c khoản 2: Đề xuất bổ sung đơn vị thực hiện gói thầu bao gồm cả các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong cùng công ty mẹ của doanh nghiệp.	VNPT	
		- điểm c khoản 2: đề nghị hiệu chỉnh bổ sung như sau:	EVN	

	“ c) Đơn vị thực hiện gói thầu thuộc một trong các đối tượng sau: tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng hoặc đơn vị hạch toán phụ thuộc của tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng hoặc đơn vị hạch toán phụ thuộc cùng công ty mẹ với tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng hoặc phòng, ban thuộc tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng;” Lý do: để tạo điều kiện cho các chi nhánh, đơn vị hạch toán phụ thuộc trong cùng một doanh nghiệp được tham gia, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh chung của doanh nghiệp, qua đó huy động được nguồn lực nội tại cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.		
	Điểm b và Điểm d khoản 2 Đề xuất sửa đổi, bổ sung như sau: b) Đơn vị thực hiện gói thầu thuộc một trong các đối tượng sau: <u>Chủ đầu tư hoặc tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng hoặc đơn vị hạch toán phụ thuộc của tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng hoặc phòng, ban thuộc tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng;</u> d) Đơn vị được giao thực hiện gói thầu không được chuyển nhượng, khối lượng công việc có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 50 tỷ đồng (không bao gồm giá trị nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, <u>các chi phí thử nghiệm, kiểm định thiết bị và các thí nghiệm, thử nghiệm chuyên ngành liên quan khác...</u> để thực hiện gói thầu) tính trên giá hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giao việc.”	PVN	Không tiếp thu
	Đề nghị bổ sung tiêu chí về năng lực tài chính của đơn vị cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này (Cục QLCS).	Bộ Tài chính	
	- điểm c khoản 2: Kiến nghị làm rõ khái niệm tổ chức trực tiếp quản lý, (VD hiện nay các Ban QLDA làm các nhiệm vụ lập HSMT, khảo sát thiết kế, hoặc TVGS ... có được coi là tổ chức trực tiếp quản lý?) - Điều chỉnh lại theo hướng đối tượng là Ban QLDA thực hiện và đồng thời bổ sung khoản giao Chính phủ quy định chi tiết điều này.	Tổng Cục đường bộ	Không tiếp thu
	Đề nghị có hướng dẫn với trường hợp chủ đầu tư có khả năng tự thực hiện sản xuất hàng hóa, thiết bị sử dụng trong các dự án đầu tư phát triển để tăng cường khả năng tự chủ về nghiên cứu, phát triển và sản xuất hàng hóa trong nước (Hiện	Viettel	

		tại khi DN tự sản xuất được hàng hóa, thiết bị để sử dụng trong dự án đầu tư phát triển thì chưa có các hướng dẫn chuyên ngành cụ thể để đảm bảo việc tự thực hiện được tuân thủ pháp luật về đấu thầu)		
		Đề nghị bổ sung nội dung <i>Trường hợp Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của TCT nhà nước, nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu là ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn, tổng công ty và là đầu ra của công ty này, đồng thời là đầu vào của công ty kia trong tập đoàn, tổng công ty thì tập đoàn, tổng công ty và các công ty con của tập đoàn, tổng công ty được phép áp dụng hình thức tự thực hiện</i>	TCT Xi măng Việt Nam	Không tiếp thu
		Kiến nghị mục c) và d) viết lại như sau: c) Đơn vị thực hiện gói thầu thuộc một trong các đối tượng sau: - Tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng sản phẩm của gói thầu đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên hoặc - Đơn vị hạch toán phụ thuộc của chủ đầu tư dự án đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển. d) Đơn vị được giao thực hiện gói thầu không được chuyển nhượng khối lượng công việc có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 50 tỷ đồng (không bao gồm giá trị nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư để thực hiện gói thầu) tính trên giá hợp đồng nội bộ được ký kết.	Ông Ninh Viết Định	
		- Đề nghị xem xét bổ sung tiêu chí cụ thể (giá trị, quy mô gói thầu...) đối với các gói thầu được phép tự thực hiện ở Điều 23.	Bộ Công thương	Không tiếp thu
		- Khái niệm “chuyển nhượng” có thể dẫn đến cách hiểu là giao nhà thầu khác thực hiện công việc không qua việc ký kết hợp đồng thầu phụ. Đề nghị nghiên cứu bổ sung, làm rõ thêm khái niệm này như góp ý tại mục 14 của Phụ lục 2. - Để có cơ sở tổ chức thực hiện Điều 23, đề nghị nghiên cứu xem xét, quy định theo phương án sau:	Bộ Giao thông vận tải	

		+ Phương án 1 (kiến nghị chọn): Đưa vào dự thảo Luật nội dung quy định tại Điều 62 (Quy trình tự thực hiện) của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP kèm theo các sửa đổi, bổ sung phù hợp thực tiễn để tổ chức thực hiện; trong đó đề nghị lưu ý nội dung sau: Gói thầu tự thực hiện là do chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao trực tiếp quản lý dự án thực hiện. Do vậy, tại Điều 62 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP quy định về việc “thương thảo, hoàn thiện hợp đồng” là không phù hợp (chủ đầu tư ký hợp đồng với chính mình). Trường hợp này nên quy định theo hướng chi phí thực hiện gói thầu được thanh toán cho chủ đầu tư, đơn vị thực hiện theo dự toán được duyệt. + Phương án 2: Bổ sung khoản 3 giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết Điều này		
		Đề nghị quy định về điều kiện tỷ lệ tối thiểu nhân sự thuộc biên chế của “tổ chức trực tiếp quản lý, sử dụng gói thầu” so với tổng nhân sự yêu cầu của gói thầu.	Bộ Nông nghiệp và PTNT	
	Điều 24 (Lựa chọn nhà thầu trong TH đặc biệt)	Đề nghị bổ sung điều khoản trong đó liệt kê các gói thầu cũng như quy trình lựa chọn nhà thầu đã quy định tại Quyết định 17/2019 của Thủ tướng vào danh mục các gói thầu được lựa chọn trong TH đặc biệt để không cần xin ý kiến thủ tướng - Bổ sung hình thức mua sắm online trên các trang web thương mại điện tử của nước ngoài vào lựa chọn nhà thầu trong TH đặc biệt do thương mại điện tử đã trở nên phổ biến và trở thành kênh mua sắm thường xuyên của một bộ phận đáng kể người tiêu dùng và là xu hướng mua sắm trên thế giới.	Viettel	Không tiếp thu
		Tại điểm a khoản 2 Điều 24 đề nghị sửa thành: “ <i>Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định áp dụng lựa chọn nhà thầu,...các trường hợp sau: a) Dự án, gói thầu cụ thể do người có thẩm quyền Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ đề xuất...</i> ” (QLG)	Bộ Tài chính	
		- Đề nghị đổi với “Trường hợp sản phẩm dịch vụ, dịch vụ thuộc gói thầu là đầu ra của công ty này, đồng thời là đầu vào của công ty kia trong tập đoàn và là duy nhất trên thị trường” được quy định tại Khoản 5 Điều 2 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 là gói thầu trong trường hợp đặc biệt được quy định tại Điều 24 Dự thảo Luật này.	PVN	Không tiếp thu

		- Đề nghị quy định rõ “ <i>điều kiện đặc thù, riêng biệt</i> ” ở Khoản 1 Điều 24 là gì.	Bộ Công thương	Tiếp thu
	Điều 25	Đề nghị bổ sung quy định về quyền lợi, trách nhiệm của “Cộng đồng dân cư, tổ chức, tổ, nhóm thợ tại địa phương nơi có gói thầu”, làm rõ đối tượng này được tham gia vào khâu nào trong quá trình đấu thầu.	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	
	Điều 26 Lựa chọn tư vấn cá nhân	Kiến nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung thêm nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này nhằm cụ thể hóa các trường hợp được phép lựa chọn tư vấn cá nhân để có sự thống nhất, tránh tùy tiện trong quá trình thực hiện.	Đà Nẵng	Tiếp thu
		Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 quy định tại các Điều từ 20 đến 27 về hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, không quy định hình thức lựa chọn nhà thầu “ Tư vấn cá nhân ”. Tuy nhiên tại khoản 6, Điều 38 quy định Quy trình lựa chọn nhà thầu đối với lựa chọn nhà thầu tư vấn cá nhân. Để thống nhất trong áp dụng, đề nghị cơ quan chủ trì dự thảo Luật sửa đổi bổ sung hình thức lựa chọn nhà thầu “ Tư vấn cá nhân ”.	Bộ Công thương	Tiếp thu
	Điều 27	- Tại khoản 1 Điều 27 - Các hình thức lựa chọn nhà thầu khác: Tại dự thảo Luật không có nội dung giải thích từ ngữ về “e-catalog”, do đó đề nghị phiên dịch cụm từ tiếng anh “e-catalog” hoặc bổ sung giải thích từ ngữ tại Luật để đảm bảo dễ hiểu cho các đối tượng sử dụng (QLG). - Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định hình thức lựa chọn nhà thầu có trình tự, thủ tục đơn giản (không phải lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu... tương tự như quy trình thủ tục quy định tại Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/4/2019 của Thủ tướng) để áp dụng cho các trường hợp mua sắm nhỏ, lẻ để duy trì hoạt động thường xuyên, mua sắm hàng hóa, dịch vụ mà không phải áp dụng hình thức chỉ định thầu quy định tại điểm i khoản 2 Điều 20 và đáp ứng đủ điều kiện để thực hiện chỉ định thầu quy định tại khoản 3 Điều 20. (KBNN)	Bộ Tài chính	Tiếp thu
		Để đảm bảo sự điều tiết linh hoạt, kịp thời của Chính phủ đối với các hình thức lựa chọn nhà thầu khác có thể phát sinh, đề nghị nghiên cứu sửa khoản 1 như sau:	Bộ Giao thông vận tải	Tiếp thu

		“Các hình thức lựa chọn nhà thầu khác được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia”.		
	Điều 28 (1 giai đoạn 1 túi hồ sơ)	Điểm d Khoản 1 Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: d) Mua sắm trực tiếp đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, <u>dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn</u> . Việc sửa đổi, bổ sung thêm nội dung “dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn” cho phù hợp với quy định tại Phương án 2 nêu tại Điều 22- Mua sắm trực tiếp của Dự thảo Luật.	PVN	Tiếp thu
		Tại điểm d khoản 1 quy định trường hợp được áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ là “d) <i>Mua sắm trực tiếp đối với gói thầu mua sắm hàng hóa</i> ”. Trường hợp áp dụng quy định này, đề nghị bổ sung nội dung “... <i>mua sắm hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn</i> ” cho thống nhất với khoản 2 phương án 2 hoặc khoản 1 phương án 3 quy định tại Điều 22.	Bộ Tài chính	Tiếp thu
	Điều 29 (1 giai đoạn 2 túi hồ sơ)	- Phương án 1: Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam; VNPT; Nghệ An, QPTDNN, Tuyên Quang, Điện Biên, Bộ Nông nghiệp và PTNT - Phương án 2: TCT Hàng không Việt Nam (cần làm rõ khái niệm “ <i>mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho gói thầu so với việc áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ</i> ” để thuận tiện khi vận dụng); TCT Xi măng Việt Nam; Quảng Trị, Khánh Hòa, Phú Yên, Đà Nẵng, Hà Tĩnh, Bình Định; CQLĐKKD, Đài tiếng nói VN, Bộ Khoa học công nghệ Bộ Nội vụ, Bộ Thông tin truyền thông Ủy ban dân tộc Tổng Cục đường bộ Viện Hàn lâm KHCN, Đồng Tháp, Bình Dương, Trà Vinh, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Lào Cai, Hà Giang, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Bắc Ninh, Yên Bái, Tây Ninh, PVN, Bình Thuận, Bộ Công an, EVN, Bộ Giao thông vận tải, NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC Đề nghị hướng dẫn chi tiết về gói thầu hỗn hợp có kỹ thuật cao hoặc đặc thù để thuận lợi trong quá trình áp dụng (NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC).		
		- Đề nghị giữ nguyên theo quy định của Luật Đấu thầu năm 2013.	Ninh Bình	

		Điều 29. Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ, đề nghị nghiên cứu sửa đổi thành: “ <i>Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ được áp dụng trong trường hợp đấu thầu rộng rãi</i> ” lý do đã kiến nghị bỏ quy định đấu thầu hạn chế.	Thừa Thiên Huế	
		- Đề xuất chọn phương án 2 để Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể lựa chọn phương thức lựa chọn nhà thầu phù hợp với tính chất, quy mô của gói thầu (KHTC, KBNN). - Tại điểm b, khoản 1, Phương án 2 quy định “<i>Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp có kỹ thuật cao hoặc đặc thù mà mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho gói thầu so với việc áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ</i>”. Đề nghị sửa thành: “<i>Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp có <u>chú trọng đến các yếu tố kỹ thuật và giá</u></i>” để thống nhất với nội dung quy định tại Điều 31. Mặt khác, rất khó để xác định hiệu quả kinh tế dựa vào phương thức lựa chọn nhà thầu (cả 2 phương thức đều có thể áp dụng phương pháp giá thấp nhất).	Bộ Tài chính	
		Đề nghị cho phép áp dụng thêm phương thức 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ đối với gói thầu tư vấn thông dụng hoặc có giá gói thầu dưới 05 tỷ đồng nhằm rút ngắn thủ tục, thời gian lựa chọn nhà thầu, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, với các lý do như sau: Hiện có nhiều gói thầu tư vấn thông dụng, đơn giản được mời thầu với nhiệm vụ, đề cương, phạm vi công việc, tiến độ yêu cầu rõ ràng; không đòi hỏi mức độ yêu cầu cao về giải pháp kỹ thuật; khoản 1 Điều 32 cho phép gói thầu tư vấn được áp dụng phương pháp đánh giá theo giá thấp nhất tương tự như gói thầu xây lắp, phi tư vấn. - Ngoài ra đối với điểm b khoản 1 của Phương án 2, những khái niệm “kỹ thuật cao hoặc đặc thù, kinh tế cao” mang nhiều tính chất định tính, gây khó khăn trong việc tổ chức thực hiện; ngoài ra, tại khoản 3 Điều 31 cho phép các gói thầu cung	Bộ Giao thông vận tải	Không tiếp thu

		cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp được áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá nên vẫn cần giữ lại phương thức 01 giai đoạn 02 túi hồ sơ cho các gói thầu này. Do đó, Bộ GTVT đề nghị nghiên cứu sửa đổi nội dung này như sau: <i>“Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp do người có thẩm quyền xem xét, quyết định nếu hồ sơ dự thầu được đánh giá theo theo phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá”</i>.		
	Điều 30. Phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ, hai túi hồ sơ	Kiến nghị sử dụng phương án 2 và có hiệu chỉnh như sau đối với mục 1.b): b) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp có yêu cầu kỹ thuật cao hoặc giá gói thầu có quy mô lớn (Chính phủ có hướng dẫn tiêu chí cụ thể để xác định quy mô) đặc thù mà mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho gói thầu so với việc áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.	Ông Ninh Viết Định	
	Điều 31 (PP đánh giá)	- Phương pháp giá đánh giá quy định tại khoản 2 Điều 31 dự thảo quy định <i>“Các yếu tố được quy đổi trên cùng một mặt bằng để xác định giá đánh giá bao gồm: chi phí cần thiết để vận hành, bảo dưỡng và các chi phí khác liên quan đến lãi vay, tiến độ, chất lượng của hàng hóa, dịch vụ hoặc công trình xây dựng thuộc gói thầu, uy tín của nhà thầu thông qua tiến độ và chất lượng thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó, thống kê kết quả thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó kể cả xem xét theo xuất xứ, đấu thầu bền vững và các yếu tố khác”</i>. VNPT kiến nghị quy định rõ nội dung này để các chủ đầu tư, bên mời thầu có cơ sở thực hiện theo đúng quy định.	VNPT	
		- Đề nghị bổ sung thêm một điểm vào các khoản 1, 2, 3 nội dung <i>“Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu bao gồm...”</i> như quy định tại điểm b khoản 1, 2, 3 Điều 39 Luật Đấu thầu năm 2013.	Lào Cai	

		Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về tình hình thực hiện của nhà thầu đối với các kết luận của Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước, cần có quy định về uy tín nhà thầu đối với các Nhà thầu không thực hiện kết luận của Thanh Tra, Kiểm toán Nhà nước đối với việc thu hồi nộp NSNN (TCĐT).	Bộ Tài chính	Tiếp thu, quy định cụ thể tại Nghị định
		- Đề nghị xem xét bổ sung nội dung “Chính phủ quy định chi tiết điều này” để quy định cụ thể cách thức sử dụng các phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu. Đề xuất tương tự đối với quy định tại Điều 32. - Điểm a khoản 3: Đề nghị cân nhắc áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn (như dịch vụ thiết kế ẩn phẩm) vì trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu cần đánh giá cả tiêu chí về kỹ thuật (kỹ thuật đồ họa, thiết kế...) cũng như về giá. Có thể nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn nhiều các nhà thầu còn lại nhưng giá chỉ cao hơn không đáng kể thì cần phải có sự kết hợp đánh giá giữa kỹ thuật và giá để lựa chọn được nhà thầu có chất lượng tốt nhất.	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	
	Điều 32. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn	- Kiến nghị sử dụng nội dung cơ bản đã quy định trong Luật Đấu thầu 2013 với một số hiệu chỉnh như sau. - Tương tự như đã nêu hiệu chỉnh trong Điều 4, mục 1.a) được hiệu chỉnh như sau: a) Phương pháp này áp dụng đối với gói thầu mà các chi phí được quy đổi về cùng một mặt bằng về các yếu tố kỹ thuật, tài chính, thương mại trên cơ sở mục tiêu hiệu quả cao nhất (bổ sung đoạn chữ đậm này) cho cả vòng đời sử dụng của hàng hóa, công trình, dịch vụ phi tư vấn; - Nội dung mục 3.a) được hiệu chỉnh để rõ hơn như sau: a) Phương pháp này thường áp dụng đối với gói thầu công nghệ thông tin, viễn thông, bảo hiểm, gói thầu hàng hóa, xây lắp có những đặc thù, yêu cầu kỹ thuật cao mà không áp dụng được phương pháp giá đánh giá và gói thầu cần xem xét trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật và giá;	Ông Ninh Viết Định	

	Điều 33	Trong thực tế triển khai các dự án sử dụng vốn vay WB, ADB hiện nay có phát sinh một số nội dung về đấu thầu khác với quy định trong nước như: (i) quy định của nhà tài trợ không được loại nhà thầu chỉ vì giá dự thầu vượt dự toán (trong khi Điều 33 và 34 dự thảo Luật Đấu thầu sửa đổi quy định giá đề nghị trúng thầu không vượt quá giá gói thầu được phê duyệt); (ii) các nhà thầu nước ngoài cũng được tham gia đấu thầu trong nước (Điều 4 dự thảo Luật Đấu thầu sửa đổi quy định đấu thầu trong nước là đấu thầu mà chỉ có nhà thầu trong nước được tham dự thầu) Do vậy, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, sửa đổi bổ sung Luật Đấu thầu để có phương án xử lý đối với các khác biệt giữa quy định của nhà tài trợ và pháp luật trong nước nêu trên	Bộ Tài chính	Tiếp thu
		Về “<i>Xét duyệt trúng thầu đối với đấu thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp</i>” (Điều 34) (KBNN) (báo cáo lại LĐ Vụ) Tại điểm e khoản 1 quy định về điều kiện được xem xét, đề nghị trúng thầu đối với nhà thầu “e) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt”. Tuy nhiên, trường hợp một hoặc một số hạng mục chi tiết do nhà thầu chào vượt dự toán chi tiết hoặc vượt tiêu chuẩn, định mức hiện hành (nhưng không vượt giá gói thầu) thì nhà thầu vẫn không được thanh toán hạng mục vượt tiêu chuẩn, định mức do không đảm bảo nguyên tắc về quản lý ngân sách nhà nước quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước “4. Các khoản chi ngân sách chỉ được thực hiện khi có dự toán được cấp có thẩm quyền giao và phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định”. Các quy định hiện hành không thống nhất đã làm khó cho nhà thầu mặc dù họ không vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu. Vì vậy, để thống nhất với các quy định đã ban hành, đề nghị bổ sung nội dung quy định về điều kiện xét duyệt trúng thầu như sau “e) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt và tuân thủ tiêu chuẩn, định mức của cấp có thẩm quyền ban hành”.	Bộ Tài chính	

		Đồng thời, quy định bổ sung nội dung nêu trên đối với “ <i>Giá dự thầu</i> ”, “ <i>Giá đánh giá</i> ”, “ <i>Giá trúng thầu</i> ” và “ <i>Giá hợp đồng</i> ”.		
	Điều 35 (Tham vấn thị trường)	- Khoản 3: kiến nghị bổ sung cách tham vấn thị trường theo hình thức chủ đầu tư tự thực hiện nếu có đủ nguồn lực và đảm bảo thực hiện đủ các nội dung tham vấn thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 35, nhằm không tạo điểm nghẽn gây chậm tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, đặc biệt với các dự án đầu tư giá trị nhỏ	VNPT	Đã bỏ nội dung này
		Kiến nghị bổ sung quy định rõ trong Dự thảo Luật Đấu thầu sửa đổi: -Việc tham vấn thị trường là yêu cầu bắt buộc hay cho phép chủ đầu tư chủ động quyết định tùy theo tính chất của gói thầu, dự án. -Những gói thầu, dự án nào phải thực hiện tham vấn thị trường để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp phạm vi gói thầu chỉ bao gồm các hàng hóa, dịch vụ thông dụng, sẵn có trên thị trường thì chủ đầu tư có cần thực hiện tham vấn thị trường không. -Trường hợp chủ đầu tư thuê tư vấn thực hiện tham vấn thị trường thì sẽ phát sinh thêm chi phí tư vấn, trong khi nếu chủ đầu tư tự thực hiện thì lại không đủ thông tin về thị trường để cho ra kết quả tin cậy. Trong trường hợp này, trách nhiệm của chủ đầu tư đối với kết quả tham vấn thị trường do mình thực hiện sẽ thế nào. Lý do: Về nguyên tắc, việc tham vấn thị trường đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi cung cấp của các gói thầu là cần thiết. Tuy nhiên, thực tế không phải chủ đầu tư nào cũng có đủ nguồn cơ sở dữ liệu nhà thầu, thông tin thị trường để đưa ra một kết quả tham vấn thị trường chính xác, đáng tin cậy. Do đó, nếu Dự thảo Luật quy định tham vấn thị trường là yêu cầu bắt buộc và ràng buộc trách nhiệm của chủ đầu tư trong công tác đấu thầu thì có thể sẽ tạo khó khăn cho các chủ đầu tư dự án trong công tác giải trình với cơ quan thanh, kiểm tra sau này.	EVN	Tiếp thu, quy định chi tiết tại Nghị định
		Kiến nghị hiệu chỉnh nội dung mục 2.a) như sau:		

	2. Phương pháp giá cố định a) Phương pháp này được áp dụng đối với các gói thầu tư vấn đơn giản, phạm vi công việc được xác định chính xác, chi phí thực hiện gói thầu được xác định hợp lý, cụ thể và cố định trong hồ sơ mời thầu hoặc gói thầu tư vấn để tìm giải pháp, chiến lược tổng quát hay phương án thực hiện cho một mục tiêu đặt ra trước, như đề xuất về chiến lược và kế hoạch thực hiện chuyển đổi số cho doanh nghiệp, phương án cải tổ doanh nghiệp, phương án nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học và cải tiến sản xuất, quản lý dự án đầu tư v.v...		
	Đề nghị cần quy định rõ đối tượng thực hiện đồng thời đánh giá tác động của quy định này trong quá trình triển khai lựa chọn nhà thầu đối với Chủ đầu tư, bên mời thầu. Quy định này có thể dẫn đến phát sinh về thủ tục hành chính, phát sinh chi phí, kéo dài thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu, dẫn đến giảm hiệu quả công tác mua sắm hàng hóa từ nguồn NSNN và thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm ngân sách. Trường hợp cần thiết phải quy định, đề nghị cần bổ sung nội dung định nghĩa về “Tham vấn thị trường” tại Điều 4 Dự thảo Luật đấu thầu (sửa đổi) (TCDT).	Bộ Tài chính	Tiếp thu, quy định cụ thể tại Nghị định
	Đề nghị cân nhắc, quy định mang tính chủ quan	Bộ Ngoại giao	
	Việc tham vấn thị trường nên được thực hiện ở bước cập nhật giá gói thầu hoặc lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu vì lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được quy định tại các Điều 37, 38 và 39 dự thảo Luật, trong đó Giá gói thầu được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư hoặc dự toán (nếu có) đối với dự án; dự toán mua sắm đối với mua sắm thường xuyên. Mặt khác, có những gói thầu thời gian phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trước thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu khá dài, khả năng giá cả thị trường thay đổi theo thời gian là rất lớn	Quảng Trị	Tiếp thu, quy định chi tiết tại Nghị định
	Đề nghị không bổ sung nội dung này, vì làm phát sinh thêm thủ tục và thời gian trong công tác đấu thầu	Quảng Ngãi	Tiếp thu

		Đề nghị quy định rõ gói thầu nào phải tham vấn thị trường	Sơn La	
		Cần nghiên cứu kỹ quy định này, khi áp dụng bảo đảm tính khả thi	Bộ Quốc phòng	
		Đề nghị bỏ Điều này	Bắc Ninh	Tiếp thu
		Đề nghị để bước này là tùy chọn cùng với chiến lược đấu thầu để ko bị kéo dài thời gian thẩm định dự án	Viettel	
		Việc tham vấn thị trường để lập chiến lược đấu thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu rất thiếu cơ sở pháp lý. Vì vậy, người có thẩm quyền khó căn cứ để quyết định	Bộ Tài nguyên môi trường	
		Rà soát lại các quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công Liên quan đến trách nhiệm, phương thức thực hiện, thời gian thực hiện, chi phí thực hiện các công việc, và có khả năng ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.	Bộ Khoa học công nghệ	
		Quy định về Tham vấn thị trường: Việc bổ sung nội dung này là cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý cho chủ đầu tư, người có thẩm quyền chịu trách nhiệm tìm hiểu thông tin thị trường. Tuy nhiên đơn vị soạn thảo lưu ý quy định rõ đơn vị thực hiện, trình tự thực hiện và chi phí tổ chức tham vấn thị trường nhằm tạo sự thuận tiện trong quá trình thực hiện.	Bình Dương:	
	Điều 36 (Chiến lược đấu thầu)	Đề nghị xem xét không cần lập “Chiến lược đấu thầu cho dự án đầu tư phát triển”	Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam; Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	
		Quy định rõ quy mô, tính chất phức tạp nào cần phải lập chiến lược	Bộ Công an	

	- Việc quy định lập Chiến lược đấu thầu của dự án thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư là không phù hợp; công tác lập Chiến lược Đấu thầu dự án sẽ phát sinh về thủ tục hành chính, phát sinh chi phí, kéo dài thời gian trong triển khai thực hiện dự án. Bên cạnh đó, dự thảo chưa nêu ra được ưu điểm và cơ sở đề xuất đối với quy định việc lập Chiến lược đấu thầu tại Dự thảo Luật Đấu thầu (sửa đổi). Đề nghị báo cáo rõ cơ sở đề xuất, đánh giá tác động của quy định này trong quá trình triển khai lựa chọn nhà thầu, chi phí cho việc thực hiện lập Chiến lược đấu thầu, nguồn kinh phí cho lập và phê duyệt Chiến lược đấu thầu. Trong trường hợp cần thiết phải bổ sung quy định này, đề nghị bổ sung nội dung định nghĩa về “Chiến lược Đấu thầu” (TCDT). - Đề nghị nghiên cứu kỹ và đồng bộ với pháp luật có liên quan (Luật đầu tư, Luật Công nghệ thông tin, ...) khi quy định về chiến lược đấu thầu, tích hợp chiến lược đấu thầu vào báo cáo nghiên cứu khả thi. Lý do: Tại thời điểm phê duyệt BCNCKT, việc xác định chiến lược đấu thầu là rất khó và chưa phù hợp (KHTC).	Bộ Tài chính	Tiếp thu, quy định chi tiết tại Nghị định
	Việc quy định “<i>Căn cứ quy mô, tính chất phức tạp của công tác đấu thầu của dự án, người có thẩm quyền quyết định tổ chức lập, phê duyệt chiến lược đấu thầu cho dự án hoặc tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án mà không lập chiến lược đấu thầu. Trường hợp lập chiến lược đấu thầu thì lập đồng thời với quyết định phê duyệt dự án, hoặc tích hợp chiến lược đấu thầu vào báo cáo nghiên cứu khả thi làm cơ sở để chủ đầu tư lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu</i>” cần nghiên cứu thêm, cụ thể: Các cơ quan chuyên môn về xây dựng là cơ quan tham mưu phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu là cơ quan tham mưu về chiến lược đấu thầu, theo đó nên lập đồng thời hoặc tích hợp chiến lược đấu thầu vào báo cáo nghiên cứu khả thi . Điều 36, 37 dự thảo Luật, đề nghị bỏ nội dung “<i>xây dựng chiến lược đấu thầu</i>” vì nội dung phê duyệt của người có thẩm quyền về phạm vi, quy mô gói thầu, loại hợp đồng, hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu... là những nội dung	Quảng Trị, Hà Tĩnh Bà Rịa VT	

		cơ bản của kế hoạch lựa chọn nhà thầu nên không cần thiết phải bổ sung nội dung này.		
		Dự thảo chưa quy định việc quyết định tổ chức lập chiến lược đấu thầu cho dự án được xác định ở bước nào; cơ quan, đơn vị đề xuất việc này; cơ quan, đơn vị thẩm định chiến lược đấu thầu . Do vậy, đề nghị nghiên cứu bổ sung để có cơ sở thực hiện	Phú Yên	Tiếp thu, quy định chi tiết tại Nghị định
		Đề nghị không bổ sung nội dung này, vì đi ngược với chủ trương đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền của Chính phủ, làm phát sinh thêm thủ tục và thời gian trong công tác đấu thầu . Hoặc nghiên cứu quy định chỉ nên áp dụng Chiến lược đấu thầu cho dự án nhóm A	Quảng Ngãi	
		Đề nghị bỏ Điều này	Bắc Ninh, Bộ Lao động	
		Nên quy định những dự án như thế nào phải phê duyệt chiến lược đấu thầu, vì nếu quy định như dự thảo sẽ không biết dự án nào phải phê duyệt chiến lược, dự án nào là phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Bộ Tài nguyên môi trường	
		Rà soát lại các quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công liên quan đến trách nhiệm, phương thức thực hiện, thời gian thực hiện, chi phí thực hiện các công việc, và có khả năng ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.	Bộ Khoa học công nghệ	
		Đề nghị quý Cục đánh giá sự cần thiết xuất hiện quy định về chiến lược đấu thầu, việc xuất hiện quy định mới sẽ làm phức tạp thêm quy trình đấu thầu	VKTCN	
		Điều 35, 36 - Đối với trường hợp không lập chiến lược đấu thầu, khoản 1 Điều 35 được hiểu chủ đầu tư phải tiến hành tham vấn thị trường, tuy nhiên khoản 3 Điều 36 được hiểu chủ đầu tư có thể làm hoặc không làm việc tham vấn thị trường. Căn cứ quy mô, tính chất phức tạp của công tác đấu thầu của dự án và để đảm bảo sự thống nhất trong cách hiểu, tổ chức thực hiện, đề nghị sửa đổi khoản 1 Điều 35 và	Bộ Giao thông vận tải	

		khoản 3 Điều 36 theo hướng: “Trường hợp không lập chiến lược đầu thầu, chủ đầu tư có thể tiến hành hoặc không tiến hành việc tham vấn thị trường”.		
		Việc giao “chủ đầu tư lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu phù hợp với chiến lược đầu thầu được duyệt” sẽ làm phát sinh thủ tục và không cần thiết. Do đó, đề nghị nghiên cứu chỉ giao người có thẩm quyền phê duyệt, điều chỉnh chiến lược đầu thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu để đảm bảo một đầu mối kiểm soát tổng thể (gói thầu được duyệt cần phù hợp về phạm vi, giá trị, cơ cấu tổng mức đầu tư, thời gian hoàn thành dự án...). Trên cơ sở sửa đổi theo đề xuất trên, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, đánh giá thêm về sự cần thiết của việc quy định nội dung “chiến lược đầu thầu” do việc trình, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thời gian qua không gặp nhiều vướng mắc bởi các quy định pháp luật về đầu thầu đã khá rõ ràng, có tính ổn định và dễ áp dụng triển khai. Trên cơ sở đó, đề nghị <i>sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 36 thành: “Chủ đầu tư tổ chức lập và trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 38, 39 và 40 của Luật này”</i> .	Bộ Giao thông vận tải	
	Điều 37. Nguyên tắc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Sửa đổi lại thành: <i>1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập cho toàn bộ dự án, dự toán mua sắm. Đối với mua sắm thường xuyên, <u>mua sắm sử dụng vốn nhà nước nhằm thực hiện các hoạt động triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước</u>, Cương nghiên cứu, làm việc với Booh TC, KHCN kế hoạch lựa chọn nhà thầu có thể được lập trên cơ sở mua sắm của năm này và dự kiến dự toán mua sắm của các năm tiếp theo. Trường hợp chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho toàn bộ dự án, dự án mua sắm, <u>nhiệm vụ KH&CN</u> thì lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho một hoặc một số gói thầu thực hiện trước”</i>	Bộ Khoa học công nghệ	Tiếp thu
		Đề xuất bổ sung nội dung “hoặc theo giai đoạn thực hiện dự án” của khoản 1, cụ thể “Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập cho toàn bộ dự án hoặc theo giai đoạn thực hiện dự án... ” do nhiều dự án được thực hiện trong thời gian dài, có phân đoạn đầu tư. theo đó việc lập KHLCNT theo giai đoạn sẽ phù hợp hơn, bám sát quá trình thực tế triển khai dự án	Viettel	

		Khoản 1 Điều 37: Đề nghị bỏ từ ngữ: “ <i>và dự kiến dự toán mua sắm của các năm tiếp theo</i> ” do dự kiến dự toán chỉ là dự kiến chưa được phê duyệt mà căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với mua sắm thường xuyên tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 38 dự thảo gồm: Quyết định mua sắm được phê duyệt, nguồn vốn, dự toán mua sắm thường xuyên được xác định hoặc phê duyệt.	Bắc ninh	Không tiếp thu
		Khoản 1 Điều 37: Đề nghị quy định rõ tiêu chí xác định đủ điều kiện, không đủ điều kiện lập KHLCNT cho toàn bộ dự án, dự toán.	Sơn La	
		Đối với “ <i>Tùy chọn mua thêm</i> ”(KBNN): + Để đảm bảo tính khả thi đối với tùy chọn mua thêm, đề nghị quy định chế tài xử lý khi nhà thầu không thực hiện theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu khi phát sinh khối lượng cần mua sắm thêm. + Bổ sung quy định về trình tự, thủ tục cho phần khối lượng mua thêm.	Bộ Tài chính	Tiếp thu, quy định chi tiết tại Nghị định
	Điều 38 (Lập KHLCN T)	- Đề xuất bổ sung quy định kế hoạch lựa chọn nhà thầu có thể phê duyệt đồng thời với quyết định đầu tư để giảm thời gian thực hiện thủ tục đầu tư. - Tại điểm d quy định căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu gồm “ <i>Kế hoạch đầu tư công trung hạn được phê duyệt đối với dự án đầu tư công; kế hoạch bố trí vốn đối với các dự án đầu tư khác</i> ”. VNPT kiến nghị điều chỉnh thành “ <i>Kế hoạch đầu tư công trung hạn được phê duyệt đối với dự án đầu tư công; kế hoạch bố trí vốn hoặc nguồn vốn đối với các dự án đầu tư khác</i> ”, do các dự án đầu tư nhỏ có thể thực hiện linh hoạt trong nguồn vốn được phê duyệt.	VNPT	
		- Đề nghị nghiên cứu bỏ điểm a vì khi phê duyệt quyết định mua sắm, Bên mời thầu đã phải căn cứ vào tiêu chuẩn định mức trang thiết bị,... Đồng thời nội dung của kế hoạch mua sắm (nếu có) (điểm đ) cần được lồng ghép trong Quyết định mua sắm nhằm giảm thiểu thủ tục mua sắm, đấu thầu (KHTC). - Tại điểm b khoản 1 quy định về căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án “ <i>b) Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các gói thầu nêu tại Điều 42 của Luật này (nếu có)</i> ” và “ <i>d) Kế hoạch đầu tư công trung hạn được phê duyệt đối với dự án đầu tư công; kế hoạch bố trí vốn đối với các dự án đầu tư</i>	Bộ Tài chính	Tiếp thu

	<i>khác</i>". Đề nghị loại trừ đối với trường hợp dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 18 Luật Đầu tư công (KBNN). - Tại điểm b khoản 2 quy định căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với mua sắm thường xuyên là "<i>b) Quyết định mua sắm được phê duyệt</i>". Nội dung chủ yếu của Quyết định mua sắm tài sản công đã được quy định cụ thể tại Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Tuy nhiên, đối với hàng hóa khác, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn thì chưa có quy định cụ thể về <u>nội dung của Quyết định mua sắm</u> cũng như <u>thẩm quyền quyết định mua sắm</u>, vì vậy đề nghị bổ sung quy định cụ thể của vấn đề này (KBNN) - Tại điểm c khoản 2 quy định căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với mua sắm thường xuyên là "<i>c) Nguồn vốn, dự toán mua sắm thường xuyên được xác định hoặc phê duyệt</i>". Đề nghị sửa thành "<i>c) Nguồn vốn, dự toán mua sắm thường xuyên được phê duyệt</i>" để tránh tình trạng nợ đọng vốn của nhà thầu như quy định về các hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu tại khoản 9 Điều 89 của dự thảo Luật (KBNN). - Tại điểm d khoản 2 quy định căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với mua sắm thường xuyên "<i>Kế hoạch sử dụng hàng hóa, dịch vụ đối với các hàng hóa, dịch vụ cần cam kết sử dụng với nhà cung cấp trong thời gian trên 01 năm nhằm bảo đảm tính liên tục trong việc duy trì hoạt động của các cơ quan, tổ chức quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Luật này.</i>" Đề nghị sửa thành "<i>Kế hoạch sử dụng hàng hóa, dịch vụ được phê duyệt...</i>" vì là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu nên cần được phê duyệt để đảm bảo tính pháp lý (KBNN).		
	Bổ sung khoản 3 "3. Căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong hoạt động sử dụng vốn nhà nước nhằm thực hiện các hoạt động triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước: a) Quyết định phê duyệt kinh phí nhiệm vụ; b) Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ; c) Quyết định giao dự toán nhiệm vụ;	Bộ Khoa học công nghệ	Tiếp thu

		d) Các văn bản pháp lý có liên quan”		
		Điều 38 về Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu: hiện nay một trong các căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu là điều ước quốc tế, thỏa thuận vay giữa Việt Nam và nhà tài trợ đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi. Điều này chỉ đúng trong các trường hợp thông thường theo đó việc tổ chức đấu thầu được thực hiện sau khi Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay đã được ký kết. Tuy nhiên, hầu hết các nhà tài trợ châu Âu tài trợ theo hình thức tín dụng xuất khẩu có hỗ trợ của Chính phủ nước tài trợ đều yêu cầu hợp đồng thương mại phải được ký kết trước khi ký thỏa thuận vay. Điều này có nghĩa là việc đấu thầu và ký kết hợp đồng thương mại phải được thực hiện trước khi ký thỏa thuận vay. Luật Đấu thầu hiện nay và dự thảo Luật Đấu thầu sửa đổi đều chưa quy định về nội dung này dẫn đến vướng mắc trong quá trình đàm phán Hiệp định khung, thỏa thuận vay với nhà tài trợ: nếu quy định này được nêu trong Hiệp định khung hoặc thỏa thuận vay sẽ là trái với quy định của Luật Đấu thầu (vì hiện chưa cho phép) và Chính phủ muốn ký kết Hiệp định khung, thỏa thuận vay phải báo cáo Quốc hội phê duyệt đối với từng trường hợp cụ thể. Điều này dẫn đến việc tăng thủ tục hành chính và mất nhiều thời gian cho việc trình duyệt Hiệp định khung, thỏa thuận vay. Vì vậy, để xử lý vướng mắc đặc thù này đối với việc đấu thầu mua sắm đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vay ưu đãi, đề nghị: - Nghiên cứu bổ sung quy định tại điểm d khoản 1 Điều 38 như sau: “Điều ước quốc tế, thỏa thuận vay giữa Việt Nam và nhà tài trợ đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi; trừ trường hợp nhà tài trợ vốn có yêu cầu khác” (nghĩa là nhà tài trợ yêu cầu ký kết hợp đồng thương mại trước khi ký kết thỏa thuận vay và do đó đây không nhất thiết là một căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu). - Đồng thời, đề nghị bổ sung vào Điều 42 (Đấu thầu trước) một nội dung riêng quy định về việc có thể thực hiện đấu thầu trước để lựa chọn nhà thầu (đến	Bộ Tài chính	Tiếp thu

	<i>bước ký kết hợp đồng theo quy trình lựa chọn nhà thầu) trước khi điều ước quốc tế, thỏa thuận vay vốn ODA, vốn vay ưu đãi giữa Việt Nam và nhà tài trợ được ký kết theo yêu cầu của nhà tài trợ.</i> <i>Những quy định bổ sung này nhằm đảm bảo Chính phủ có thể ký kết Hiệp định khung với nhà tài trợ có yêu cầu ràng buộc tài trợ theo hợp đồng thương mại (phải có hợp đồng thương mại mới cam kết tài trợ vốn chính thức) là phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu; cũng đồng nghĩa với việc các chủ dự án thực hiện đấu thầu mua sắm trước khi ký kết thỏa thuận vay trên cơ sở yêu cầu của nhà tài trợ là phù hợp với Luật Đấu thầu</i>		
	- Kiến nghị xem xét bổ sung trường hợp lựa chọn tư vấn trước khi phê duyệt đề xuất dự án, đề xuất chủ trương đầu tư thì bị vướng mắc, đề nghị làm rõ nội dung này. - Kiến nghị xem xét quy định như Luật Đấu thầu số 43/2012/QH13, Nguồn vốn cho dự án;	Tổng Cục đường bộ	Tiếp thu, quy định chi tiết tại Nghị định
	Theo điểm d “<i>Kế hoạch đầu tư công trung hạn được phê duyệt đối với dự án đầu tư công; kế hoạch bố trí vốn đối với các dự án đầu tư khác.</i>” Đề nghị bổ sung thêm cụm từ “<i>quyết định bố trí vốn thực hiện dự án</i>”, để đảm bảo dự án có vốn triển khai, tránh gây ra việc lạm dụng vốn của các nhà thầu.	Đắc Lắc	
	Tại điểm a và điểm d, khoản 1, Điều 38 quy định căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án bao gồm <i>Quyết định dự án</i> và <i>Kế hoạch đầu tư công trung hạn được phê duyệt đối với dự án đầu tư công</i>. Tuy nhiên, theo quy định Luật Đầu tư công thì để có quyết định phê duyệt dự án thì dự án phải thuộc danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn được duyệt, đồng thời tránh tình trạng phát hành hồ sơ mời thầu, quyết định chỉ thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn và nhà thầu triển khai thực hiện các công việc hợp đồng trong khi nguồn vốn chưa được bố trí cho gói thầu, đề nghị chỉnh sửa điểm d như sau: “<i>d) Kế hoạch bố trí vốn theo yêu cầu tiến độ thực hiện gói thầu</i>”.	Bắc Kan	Tiếp thu

		- Tại Điểm d khoản 1 Điều 38: Đề nghị sửa lại thành “Kế hoạch vốn bố trí đối với dự án”	Ninh Bình	
		Điểm c khoản 1 Điều 38: đề nghị bỏ nội dung này	Bắc Ninh	
		Điều 38, 39, 40 Tương tự nội dung góp ý trên, đề nghị thống nhất trong cách quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 2 Điều 36 để cho phép “chủ đầu tư có thể tiến hành hoặc không tiến hành việc tham vấn thị trường để lập chiến lược đấu thầu”.	Bộ Giao thông vận tải	
		- Điểm a khoản 1: đề nghị nêu rõ đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án thì căn cứ vào quyết định <i>phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền</i> . - Điểm b khoản 1: đề nghị sửa thành: “ <i>Văn bản đồng ý chủ trương thực hiện của người có thẩm quyền đối với các gói thầu nêu tại Điều 42 Luật này</i> ”. Trường hợp vẫn giữ hình thức văn bản là “quyết định” thì cần nêu rõ tên quyết định, trình tự lập, phê duyệt chủ trương thực hiện.	Bộ Nông nghiệp và PTNT	
		Đề xuất quy định/hướng dẫn chi tiết về lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án và lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối mua sắm thường xuyên để có cơ sở áp dụng thống nhất trên thực tế.	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	
	Điều 39 (Nội dung KHLCT)	- Điểm b khoản 5: kiến nghị bổ sung quy định theo hướng chỉ quy định tổng thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu, trường hợp bắt buộc quy định chi tiết mốc thời gian thì cho phép có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế nhưng không vượt tổng thời gian. - Khoản 7: kiến nghị điều chỉnh thành thời gian thực hiện hợp đồng; đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, VNPT kiến nghị điều chỉnh “ <i>Thời gian thực hiện gói thầu là thời gian giao hàng</i> ” thành khoảng thời gian từ khi hợp đồng có hiệu lực đến khi hoàn thành nghiệm thu hàng hóa đưa vào sử dụng, nhằm đảm bảo toàn trình trách nhiệm của nhà thầu theo hợp đồng; ngoài ra, thời gian thực hiện các hợp đồng gói thầu khác đề xuất điều chỉnh quy định thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc cho rõ nghĩa.	VNPT	Tiếp thu một phần

	Khoản 2: Đề nghị bổ sung như sau: <i>“a) Đối với gói thầu xây lắp có thời gian thực hiện hợp đồng dưới 12 tháng, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí dự phòng trượt giá được tính bằng không, chi phí dự phòng khối lượng không vượt quá 5%. Chi phí dự phòng do chủ đầu tư xác định theo tính chất từng gói thầu nhưng không được vượt mức tối đa do pháp luật chuyên ngành quy định. Giá gói thầu được cập nhật trong thời hạn 28 ngày trước ngày mở thầu nếu cần thiết. Dự toán lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, dự toán được lập trên cơ sở căn cứ vào ít nhất một trong các tài liệu sau: báo giá, kết quả đấu thầu rộng rãi qua mạng, chào hàng cạnh tranh qua mạng đối với hàng hóa tương tự (nếu có) trong vòng 12 tháng, giá thị trường tại thời điểm mua sắm do nhà thầu, nhà sản xuất công bố công khai qua mạng, hoặc giá công khai, niêm yết trên trang thông tin điện tử theo quy định của pháp luật. Trường hợp bối cảnh thực hiện dự án đặc thù mà các căn cứ này không thể xác định, chủ đầu tư, bên mời thầu được căn cứ vào gói thầu tương tự trước đó cộng thêm trượt giá qua các năm hoặc căn cứ vào giá gói thầu ở một quốc gia khác, cộng thêm các chi phí, lợi nhuận để đưa hàng hóa về Việt Nam và trượt giá (nếu có)”.</i> Lý do: Đối với các công trình ĐTXD của ngành điện, có những gói thầu xây lắp mặc dù thời thực hiện hợp đồng dưới 12 tháng nhưng vẫn có những thay đổi do điều chỉnh hướng tuyến, giải phóng mặt bằng...do đó dẫn đến phát sinh về khối lượng công việc. Vì vậy, chi phí dự phòng trượt giá có thể bằng 0 nhưng vẫn cần có chi phí cho dự phòng về khối lượng.	EVN	Tiếp thu, quy định chi tiết tại Nghị định
	Điều 39 dự thảo Luật, đề nghị bỏ nội dung “<i>giao cho người có thẩm quyền phê duyệt tổng thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu phù hợp với quy mô, tính chất của từng gói thầu cụ thể</i>” vì theo lộ trình đấu thầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, dự kiến sau khi Luật Đấu thầu sửa đổi có hiệu lực thì tất cả các gói thầu đều tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia. Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu và phê duyệt các nội dung trong quá trình tổ chức lựa	Bà Rịa VT	Tiếp thu

	chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của Chủ đầu tư nên nếu bổ sung nội dung này sẽ làm phát sinh thủ tục và không cần thiết.		
	- Bổ sung điểm a mục 2 “Đối với các gói thầu tư vấn , xây lắp thời gian thực hiện hợp đồng dưới 12 tháng, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí dự phòng được tính bằng không »	VINCONS	Tiếp thu
	1. Khoản 5 Điều 39: đề nghị không quy định quá chi tiết để tránh trường hợp phải điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu quá nhiều lần.	Phú Yên	
	- Khoản 2: Đề nghị bổ sung giá gói thầu đối với mua sắm tập trung; làm rõ cách lập “giá ước tính cho từng phần trong gói thầu”. - Khoản 3 dự thảo quy định: “ <i>Đối với mỗi gói thầu phải nêu rõ nguồn vốn đã được xác định hoặc phê duyệt</i> ”, và tại điểm c khoản 2 Điều 38 Dự thảo quy định: “ <i>Nguồn vốn, dự toán mua sắm thường xuyên được xác định hoặc phê duyệt</i> ”. Đề nghị Dự thảo làm rõ hoặc giao Chính phủ quy định cụ thể về khái niệm “ dự toán mua sắm được xác định ” hoặc “ dự toán mua sắm được phê duyệt ”; “ nguồn vốn được xác định ” hoặc “ nguồn vốn được phê duyệt ”, quy định rõ về thẩm quyền phê duyệt dự toán. Vì, theo Luật Ngân sách hiện hành không có quy định về phê duyệt dự toán, mà chỉ quy định về giao dự toán. - Khoản 4, Khoản 6: đề nghị bỏ nội dung này - Khoản 8: đề nghị bỏ nội dung này	Bắc Ninh	Tiếp thu, quy định chi tiết tại Nghị định
	Tại khoản 2 Điều 39 dự thảo Luật Đấu thầu về giá gói thầu có nêu: “....Trường hợp dự toán đã được phê duyệt trước khi lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì căn cứ dự toán để lập giá gói thầu”. Tuy nhiên, đối với việc mua sắm thường xuyên, hiện nay giá gói thầu khi lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu căn cứ một trong các nội dung: 03 báo giá, chứng thư thẩm định giá, giá dự toán, giá tham khảo của trang thiết bị y tế... (theo quy định tại Thông tư 58/2016/TT- Bộ Tài chính của Bộ Tài chính và quy định tại Thông tư số 14/2020/TT-BYT của Bộ Y tế). Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo cần xây dựng định nghĩa cụ thể và thống nhất đối với giá gói thầu đối với dự án đầu tư xây dựng và giá gói thầu mua sắm thường xuyên ,	Đà Nẵng	Tiếp thu, quy định chi tiết tại Nghị định

	giá gói thầu mua sắm vật tư, trang thiết bị y tế để có căn cứ xây dựng giá gói thầu cho phù hợp theo quy định. 2. Tại khoản 4, khoản 6 Điều 39 về hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu, loại hợp đồng: ghi theo nội dung tương ứng trong quyết định phê duyệt chiến lược đầu thầu/quyết định phê duyệt dự án đầu tư (trong trường hợp tích hợp) (đối với dự án). Tuy nhiên, đối với mua sắm thường xuyên, không có quyết định phê duyệt chiến lược đầu thầu/quyết định phê duyệt dự án đầu tư thì đề nghị cơ quan soạn thảo hướng dẫn nội dung ghi tương ứng.		
	- Điểm a khoản 2 Điều 39: Đề nghị sửa lại thành “Đối với gói thầu xây lắp có thời gian thực hiện hợp đồng dưới 12 tháng thì chi phí dự phòng do yếu tố trượt giá được tính bằng không”. - Đề nghị bỏ điểm b khoản 5 Điều 39: Do nội dung này được quy định cụ thể trong Luật, Nghị định hướng dẫn.	Ninh Bình	Tiếp thu
	- Đề nghị bỏ điểm b khoản 5 Điều 39	Bắc Kan	
	- Khoản 4 và khoản 6 Điều 39: quy định rõ hình thức, phương thức và loại hợp đồng trong trường hợp không lập Chiến lược đầu thầu; - Giữ nguyên “thời gian thực hiện hợp đồng” như quy định Luật ĐT 2013	Son La	Tiếp thu một phần
	Khoản 8 Điều 39 Dự thảo: Đề nghị làm rõ hơn các điều kiện để áp dụng tùy chọn mua thêm, tránh tình trạng cố tình áp dụng để đưa gói thầu về hạn mức chỉ định thầu và áp dụng tùy chọn mua thêm	Vĩnh Phúc	Tiếp thu, quy định chi tiết tại Nghị định
	Giá gói thầu các gói của Quốc phòng thường ko có thuế VAT, thuế nhập khẩu nhưng luôn đầu thầu trong nước do đặc thù. Đề nghị bổ sung quy định giá gói thầu miễn thuế	Bộ Quốc phòng	Không thể hướng dẫn trường hợp cá biệt trong Luật
	Khoản 7 Điều 39: Đề nghị bổ sung thêm quy định đối với thời gian thực hiện gói thầu hỗn hợp. Vì: Thời gian thực hiện gói thầu là thời gian giao hàng (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa): là chưa bao gồm thời gian lắp đặt hàng hóa, nội dung này cần xem xét, bổ sung cho phù hợp.	PVN	Tiếp thu, quy định chi tiết tại Nghị định

		Dự thảo quy định trong kế hoạch đấu thầu phải ghi rõ số ngày thẩm định HSMT, đánh giá, thẩm định kết quả, phê duyệt là không khả thi, rất khó để xác định chính xác số ngày, phụ thuộc nhiều yếu tố trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, trường hợp không đúng hoặc vượt quá sẽ phải điều chỉnh kế hoạch hoặc không đảm bảo theo kế hoạch đã phê duyệt. Kiến nghị xem xét bỏ điểm b, khoản 5	Tổng Cục đường bộ	Tiếp thu
		d) Bỏ quy định hoặc quy định rõ đối với trường hợp nào thì được phép đưa phần dự phòng vào giá gói thầu.	TCTK	Tiếp thu
		1. Khoản 2. Giá gói thầu. Hiệu chỉnh một số nội dung như sau: - Mục a) được viết lại như sau: a) Chi phí dự phòng trong giá gói thầu do chủ đầu tư xác định theo tính chất từng gói thầu trên cơ sở phân bổ dự phòng dự toán tương ứng cho phần dự kiến chuyển giao rủi ro cho nhà thầu quản lý và không được vượt mức tối đa do pháp luật chuyên ngành quy định tính cho dự toán gói thầu. Giá gói thầu được cập nhật trong thời hạn 28 ngày trước ngày mở thầu nếu cần thiết và khi được phê duyệt theo quy định sẽ tự động thay thế cho giá gói thầu trong KHLCNT đã được duyệt. - Mục b) được hiệu chỉnh như sau: b) Trường hợp gói thầu gồm nhiều phần riêng biệt thì ghi rõ giá ước tính cho từng phần trong giá gói thầu; - Mục d) Mục này đề nghị bỏ vì có thể xử lý trong việc quy định quy định cụ thể về quản lý hợp đồng tương tự như cách tiếp cận tại mục c và phần quy định khác về quản lý hợp đồng. 2. Khoản 4. Khoản này đề nghị hiệu chỉnh như sau: 4. Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu: ghi theo nội dung tương ứng được chọn phù hợp với nội dung phân tích, đánh giá, kiến nghị trong phần quyết định phê duyệt chiến lược đấu thầu (/tham chiếu thị trường nếu chọn để lại nội dung này)/quyết định phê duyệt của dự án đầu tư được duyệt. 3. Khoản 6. về loại hợp đồng hiệu chỉnh lại như sau:	anh Định	Tiếp thu một phần

	6. Loại hợp đồng. Ghi theo loại hợp đồng tương ứng được chọn phù hợp với nội dung phân tích, đánh giá, kiến nghị trong phần quyết định phê duyệt chiến lược đầu thầu (/tham chiếu thị trường nếu chọn để lại nội dung này)/quyết định phê duyệt của dự án đầu tư được duyệt. 4. Khoản 7. Thời gian thực hiện gói thầu. Kiến nghị hiệu chỉnh như sau: 7. Thời gian thực hiện gói thầu là thời gian tính từ ngày bắt đầu thực hiện cho đến khi hoàn thành tất cả các phạm vi công việc của gói thầu được bên mua/chủ đầu tư nghiệm thu hoàn thành theo quy định trong hợp đồng, trừ thời gian bảo hành nếu có. giao hàng (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa), thời gian nghiệm thu hoàn thành công trình, dịch vụ phi tư vấn (đối với gói thầu xây lắp, dịch vụ phi tư vấn), thời gian nghiệm thu hoàn thành các công việc theo Điều khoản tham chiếu (đối với gói thầu dịch vụ tư vấn) 5. Khoản 8. Kiến nghị bỏ đoạn cuối liên quan điều kiện phải có bố trí vốn. 6. Khoản X (Bổ sung). Gói thầu hỗn hợp. Trường hợp thấy cần thiết phải hình thành gói thầu với phạm vi công việc hỗn hợp gồm cả phần đã xác định rõ trong gói thầu, phần tùy chọn mua thêm của dự án và /hoặc phần dịch vụ, phụ tùng phục vụ trong giai đoạn vận hành, và/hoặc dịch vụ nâng cấp cải tạo, tháo dỡ khôi phục lại hiện trạng...		
	- (QLG) Tại khoản 2 về giá gói thầu: Đề nghị bổ sung quy định về mặt nguyên tắc cách xác định giá hàng hóa/dịch vụ, chi phí của các hạng mục cấu thành toàn bộ giá gói thầu, trong đó có hướng dẫn rõ về giá hàng hóa/dịch vụ trong trường hợp cấp bách, chưa có giá trên thị trường. Đồng thời, đề nghị bổ sung vào điểm a khoản 2 Điều 39 dự thảo đề nghị bổ sung nội dung “<i>thông tin dữ liệu giá</i>”, cụ thể: “... căn cứ vào ít nhất một trong các tài liệu sau: báo giá, thông tin dữ liệu giá,...” - Tại khoản 3 quy định về nguồn vốn “<i>Đối với mỗi gói thầu phải nêu rõ nguồn vốn đã được xác định hoặc phê duyệt... Đối với mua sắm thường xuyên, trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm thì cần nêu rõ kinh phí dự</i>	Bộ Tài chính	Tiếp thu

	<i>kiến bố trí cho từng năm”. Đề nghị bổ sung phần gạch chân “...Đối với mua sắm thường xuyên, trường hợp gói thầu có thời gian thực hiện dài hơn 01 năm thì cần nêu rõ <u>nguồn kinh phí dự kiến bố trí cho từng năm</u>” để không bị trùng lặp với quy định tại điểm d khoản 2 quy định “Đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn thuộc dự toán mua sắm thường xuyên ... thì phải nêu rõ giá gói thầu (dự trù kinh phí cho toàn bộ hợp đồng), <u>giá trị dự kiến thanh toán cho nhà thầu trong các năm</u>”.(KBNN)</i> - Tại khoản 4 chỉ quy định hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu đối với dự án. Vì vậy, đề nghị bổ sung quy định hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm thường xuyên.(KBNN) - Tại khoản 5 quy định “Trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu...”, tại điểm b khoản 5 quy định “b) Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: ghi rõ số ngày thẩm định hồ sơ mời thầu (nếu có), đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu”. Việc quy định như trên khó khả thi do tại thời điểm lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu chưa lường trước được những vướng mắc, phát sinh trong khâu tổ chức lựa chọn nhà thầu, nếu quy định như vậy thì người có thẩm quyền sẽ phải thường xuyên điều chỉnh thời gian lựa chọn nhà thầu, đặc biệt đối với các gói thầu phức tạp, có nhiều nhà thầu tham gia, phải làm rõ nhiều lần trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu...(KBNN) - Tại điểm b khoản 5 quy định “Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: <u>ghi rõ số ngày thẩm định hồ sơ mời thầu (nếu có), đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu</u>” + Thực tế quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu có thể có những giai đoạn phát sinh tình huống gây kéo dài thời gian triển khai (như: đánh giá hồ sơ dự thầu, làm rõ hồ sơ dự thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu...). Do đó, việc quy định quá cụ thể các khoảng thời gian này trong kế hoạch lựa chọn nhà		
--	--	--	--

	thầu sẽ gây khó khăn cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu. Vì vậy, đề nghị không quy định cụ thể thời gian thực hiện các nội dung này trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Nếu có thì đề nghị nêu phương án xử lý tình huống trong trường hợp thực tế thay đổi so với kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt.(KBNN, KHTC) + Đề nghị không quy định nội dung <u><i>“ghi rõ số ngày thẩm định hồ sơ mời thầu (nếu có)”</i></u> do tại điểm a quy định <i>“a) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu được tính từ khi phát hành hồ sơ mời thầu...”</i>. Như vậy, thời gian thẩm định hồ sơ mời thầu không nằm trong khoảng thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu (trước khi phát hành hồ sơ mời thầu) (KBNN). - Tại khoản 6 chỉ quy định loại hợp đồng đối với của dự án. Vì vậy, đề nghị bổ sung quy định cho gói thầu mua sắm thường xuyên (KBNN). - Tại khoản 7. Thời gian thực hiện gói thầu: + Đối với quy định “Thời gian thực hiện gói thầu là thời gian giao hàng (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)...” đề nghị điều chỉnh thành <i>“Thời gian thực hiện gói thầu là thời gian nghiệm thu hoàn thành giao hàng và các dịch vụ liên quan (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)...”</i> để đảm bảo đầy đủ nội dung áp dụng cho gói thầu mua sắm hàng hóa (KBNN). + Đối với quy định <i>“Thời gian thực hiện gói thầu tính theo số ngày, số tuần, số tháng và không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành (nếu có)”</i> đề nghị sửa thành <i>“Thời gian thực hiện gói thầu tính theo số ngày, số tháng hoặc năm và không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành (nếu có).”</i> (KHTC) 20. Về <i>“Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc dự án”</i> (Điều 40): - Khoản 1: Đề nghị bổ sung quy định người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án (người quyết định đầu tư) để đảm bảo công tác quản lý và theo dõi giám sát (phù hợp với quy định tại Điều 75) (KHTC).	
--	--	--

	- Tại khoản 1 quy định “1. Chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu”. Nội dung này không thống nhất với quy định tại khoản 3 Điều 36 “3. Trường hợp không lập chiến lược đấu thầu, chủ đầu tư có thể tiến hành tham vấn thị trường theo quy định tại Điều 35 của Luật này và <u>lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 38, 39 và 40 của Luật này trình người có thẩm quyền tổ chức thẩm định, phê duyệt</u>”.(KBNN) - Tại khoản 2 quy định “2. Trường hợp cần thiết phải thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, <u>đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định tiến hành kiểm tra, đánh giá các nội dung theo quy định tại Điều 39 của Luật này và lập báo cáo thẩm định trình chủ đầu tư</u>”. Để bố trí linh hoạt nhân sự thực hiện nhiệm vụ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu phù hợp với nhiệm vụ chuyên môn, cơ cấu tổ chức của các đơn vị, đề nghị không quy định cứng là “đơn vị” mà bổ sung quy định cho phép Chủ đầu tư được thành lập Tổ thẩm định để thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu (cá nhân lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải độc lập với cá nhân tham gia thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu). Không tiếp thu, lý do: việc quy định đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định tiến hành kiểm tra, đánh giá các nội dung theo quy định tại Điều 39 và lập báo cáo thẩm định trình chủ đầu tư sẽ huy động được nguồn nhân lực và xác định rõ được trách nhiệm trong việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư.(KBNN) - Khoản 4: + Tại điểm đ khoản 4 quy định nội dung của Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu là “<u>Phần tổng hợp giá trị của các phần công việc quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này. Tổng giá trị của phần này không được vượt tổng mức đầu tư của dự án hoặc dự toán mua sắm được phê duyệt</u>”. Đề nghị bỏ phần gạch chân vì tại khoản 1 Điều 38 không quy định phải căn cứ vào dự toán mua sắm được phê duyệt (nội dung này chỉ phù hợp với kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu sử dụng dự toán mua sắm thường xuyên).(KBNN) đồng thời nội dung này đã được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 41 dự thảo	
--	---	--

		Luật. + Đề nghị quy định nội dung của Quyết định ngắn gọn, đủ thông tin (bỏ các điểm a, b, d khoản 4) (KHTC).		
		Khoản 7 Điều 39 kiến nghị: - Giữ nguyên khái niệm “thời gian thực hiện hợp đồng”. - Thời gian thực hiện hợp đồng được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành việc nghiệm thu, bàn giao, đưa công trình, sản phẩm vào sử dụng (không bao gồm thời gian thực hiện nghĩa vụ bảo hành, quyết toán, thanh lý hợp đồng). - Thời gian có hiệu lực của hợp đồng được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký (bao gồm thời gian thực hiện hợp đồng, bảo hành, quyết toán, thanh lý hợp đồng). - Việc điều chỉnh hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng. - Chủ đầu tư chịu trách nhiệm điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng đảm bảo không vượt thời gian thực hiện dự án; trường hợp việc điều chỉnh trên làm vượt thời gian thực hiện dự án thì Chủ đầu tư phải báo cáo Người có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Bộ Giao thông vận tải	
		Chi phí dự phòng (cho phần khối lượng, trượt giá) của gói thầu xây lắp được xác định trong dự toán, do đó không nên quy định gói thầu có thời gian thực hiện hợp đồng dưới 12 tháng không được tính chi phí dự phòng bởi yếu tố rủi ro hoặc phát sinh khối lượng đều có thể xảy ra.	Bộ Giao thông vận tải	
		- Khoản 1-Tên gói thầu: đề nghị bổ sung nội dung số hiệu/số thứ tự/ký hiệu gói thầu vào quy định tên gói thầu. - Khoản 2-Giá gói thầu: đề nghị:	Bộ Nông nghiệp và PTNT	

	+ Bổ sung quy định trong trường hợp giá trị hạng mục tại tổng mức đầu tư là tạm tính thì giá gói thầu tại kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải căn cứ vào dự toán. + Quy định rõ cấp có thẩm quyền cập nhật giá gói thầu trong thời hạn 28 ngày trước ngày mở thầu. + Bổ sung “kết quả thẩm định giá” là một trong các căn cứ để lập dự toán đối với gói thầu cung cấp hàng hóa. - Khoản 5-Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: + Bỏ nội dung “số ngày thẩm định HSMT” + Đề nghị trong kế hoạch LCNT chỉ nêu rõ: “thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu tối đa” mà không cần nêu chi tiết thời gian của từng bước. - Khoản 7: đề nghị sửa thành: “<i>Thời gian thực hiện gói thầu tính theo số ngày, số tuần, số tháng và không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành (nếu có), thời gian giám sát tác giả (đối với gói thầu tư vấn theo quy định của pháp luật về xây dựng)</i>” phù hợp với quy định của Luật xây dựng.		
	- Điểm a khoản 2: + Đề nghị bổ sung quy định về căn cứ lập dự toán đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn và dịch vụ phi tư vấn. + Quy định cụ thể cách thức lấy báo giá để đảm bảo sự minh bạch của căn cứ xây dựng dự toán gói thầu. Đồng thời xem xét phương án các đơn vị có nhu cầu lấy báo giá công khai có thể gửi yêu cầu và thu thập báo giá qua mạng, trên trang muasamcong.mpi.gov.vn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Điểm b khoản 5: + Điểm d khoản 1 Điều 10 quy định thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu kể từ ngày phát hành HSMT đến ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu được xác định trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Điểm b khoản 5 Điều 39 quy định “Thời gian	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	

		tổ chức lựa chọn nhà thầu: ghi rõ số ngày thẩm định HSMT (nếu có), đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu”. Như vậy, theo điểm b khoản 5 Điều 39 thì thời gian lựa chọn nhà thầu bao gồm thời gian thẩm định HSMT (trước khi phát hành HSMT). Đề nghị rà soát quy định tại Điều 39, đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 10. + Ngoài ra, đề xuất không nên quy định cụ thể về thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu do trong quá trình đấu thầu có thể xảy ra nhiều tình huống chủ đầu tư/bên mời thầu phải xử lý nên không lượng hóa được thời gian thực hiện. Do đó Luật chỉ nên quy định thời gian “dự kiến”. - Khoản 7: Đề nghị bổ sung quy định về thời điểm bắt đầu tính thời gian thực hiện gói thầu.		
	Điều 40 (Phê duyệt KHLCN	- Đề nghị làm rõ qui định “ <i>Trường hợp cần thiết phải thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu</i> ” để làm cơ sở triển khai thực hiện.	TCT Hàng không Việt Nam	
	T gói thầu thuộc dự án)	Đề nghị khoản 4 quy định lại như Luật ĐT hiện hành	Bộ Lao động	
		Đề nghị sửa đổi lại nội dung tại khoản 1 cho thống nhất với quy định tại Khoản 1 Điều 75 và Điểm a Khoản 1 Điều 76 của Dự thảo Luật. Lý do: Quy định tại Khoản 1 Điều 40: “<i>Chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu</i>” không thống nhất với quy định tại Khoản 1 Điều 75: “<i>Trách nhiệm của người có thẩm quyền: 1. Phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 76 của Luật này</i>” và quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 76: “<i>Trách nhiệm của chủ đầu tư: 1. Phê duyệt các nội dung trong quá trình lựa chọn nhà thầu, bao gồm:</i> a) <i>Kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong trường hợp gói thầu được thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án, gói thầu có chiến lược đấu thầu đã được phê duyệt;</i>	PVN	

	(QLG) Ngoài ra, Bộ Tài chính có ý kiến đề nghị lưu ý về một số quy định giữa 2 dự án Luật đấu thầu (sửa đổi) và Luật giá (sửa đổi). Theo đó, tại dự thảo Luật giá (sửa đổi) dự kiến quy định về phạm vi thẩm định giá nhà nước gồm: <i>“Điều 66. Phạm vi thẩm định giá của Nhà nước</i> <i>1. Việc thẩm định giá của Nhà nước do Hội đồng thẩm định giá nhà nước thực hiện nhằm giúp cho cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt giá tài sản.</i> <i>2. Thẩm định giá của Nhà nước thực hiện trong các trường hợp sau:</i> <i>a. Bán, cho thuê, liên doanh, liên kết tài sản công mà pháp luật quản lý sử dụng tài sản công quy định phải thẩm định giá của Nhà nước;</i> <i>b. Mua, đi thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước trừ trường hợp pháp luật về ngân sách nhà nước có quy định phương thức xác định giá khác;</i> <i>c. Mua, bán tài sản thuộc bí mật nhà nước và các trường hợp Luật khác quy định phải thẩm định giá của Nhà nước.”</i> Như vậy, việc thẩm định giá của nhà nước cũng có thể được thực hiện nhằm xác định giá gói thầu khi phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong một số trường hợp (trừ trường hợp pháp luật về ngân sách nhà nước có quy định phương thức xác định giá khác). Do vậy đề nghị rà soát các quy định về việc xác định giá gói thầu (Điều 40 dự thảo Luật đấu thầu sửa đổi) và các quy định có liên quan để đảm bảo đồng bộ, thống nhất.	Bộ Tài chính	Không tiếp thu
	- Kiến nghị bổ sung quy định có thể gom nhiều gói thầu có tính chất tương tự thuộc nhiều dự án hoặc các nội dung giống nhau thuộc nhiều dự án để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (định nghĩa gói thầu tại khoản 24 Điều 4 dự thảo cũng thể hiện tinh thần này nhưng chưa được quy định cụ thể trong nội dung về kế hoạch lựa chọn nhà thầu).	VNPT	Tiếp thu
	Tại Điều 42 Dự thảo có quy định về Đấu thầu trước, theo đó: Trường hợp cần thiết để rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu, người có thẩm quyền được tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao chuẩn bị dự án thực hiện một hoặc một số công việc tổ chức lựa chọn nhà thầu trước khi có quyết định đầu tư phê duyệt dự án, dự	Phú Yên	

	toán mua sắm. Trong khi đó, tại Khoản 1 Điều 40 Dự thảo quy định trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án thuộc chủ đầu tư hoặc người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án. Đồng thời, Dự thảo chưa quy định cơ quan, đơn vị lập, thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thực hiện Đấu thầu trước. Do vậy, đề nghị nghiên cứu quy định cụ thể về việc Đấu thầu trước để không gặp vướng mắc khi triển khai thực hiện.		
	Khoản 4 Điều 40 dự thảo Luật: Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu chỉ nên gồm nội dung: “<i>Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm nội dung công việc và giá trị tương ứng hình thành các gói thầu được thực hiện theo một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu</i>”. Các nội dung khác đã được nêu trong báo cáo thẩm định, là cơ sở để phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 42 dự thảo Luật: Kiến nghị bỏ	Hà Tĩnh	Tiếp thu, quy định chi tiết tại Nghị định
	Điểm b khoản 4 Điều 40: quy định cụ thể, chi tiết các nhiệm vụ trong GPMB trong phân công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu.	Son La	
	- Do ở trên đề nghị bỏ quy định về chiến lược đấu thầu nên đề nghị xem xét, sửa đổi, bổ sung điều này thành thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc dự án. - Khoản 1, khoản 2 đề nghị sửa đổi và quy định cụ thể: Các trường hợp phải thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Tổ chức\đơn vị được giao thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (người có thẩm quyền\ người đứng đầu chủ đầu tư\người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án). - Khoản 4: Đề nghị xem xét sửa đổi quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu chỉ gồm nội dung tại điểm c, điểm e khoản 4 Điều này, không gồm nội dung tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 4 Điều này (không gồm phần công việc đã thực hiện, phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu,...).	Bắc Ninh	Không tiếp thu

		- Đề nghị nghiên cứu rà soát trong việc trình bày văn bản: + Trường hợp “Chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.” thì không phù hợp với quy định về trách nhiệm của người có thẩm quyền (phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo khoản 1 Điều 75); + Trường hợp “Chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu cần thực hiện trước...” thì phù hợp với quy định về trách nhiệm của chủ đầu tư (điểm a khoản 1 Điều 76) và nội dung tại khoản 2 Điều 40. - Khoản 2 Điều 40 quy định về “Trường hợp cần thiết phải thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu” sẽ dẫn đến cách hiểu trong phần lớn các trường hợp khác thì không phải thẩm định nội dung này. Tuy nhiên, với các nội dung về kế hoạch lựa chọn nhà thầu được quy định khá chặt chẽ tại khoản 3 Điều 36 và các Điều 37, 38, 39, đề nghị phải thực hiện thủ tục thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu trước khi phê duyệt.	Bộ Giao thông vận tải	
		- Khoản 1: bổ sung quy định trường hợp không lập chiến lược đấu thầu thì “Người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu”, tương ứng sửa quy định tại khoản 2. - Khoản 4: đề nghị quy định Quyết định phê duyệt kế hoạch LCNT chỉ bao gồm phần công việc thuộc kế hoạch LCNT.	Bộ Nông nghiệp và PTNT	
	Điều 41. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	<i>Sửa đổi tên Điều 41 như sau: “ Điều 41. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu dự toán mua sắm thường xuyên, gói thầu sử dụng vốn nhà nước nhằm thực hiện các hoạt động triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước”</i>	Bộ Khoa học công nghệ	Tiếp thu
	đối với gói thầu dự toán mua sắm thường xuyên	<i>Về “Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu dự toán mua sắm thường xuyên” (Điều 41) (KBNN):</i> <i>Tại khoản 2 quy định “2. Trường hợp cần thiết phải thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định tiến hành kiểm tra, đánh giá các nội dung theo quy định tại Điều 39 và lập báo cáo thẩm định trình người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt”. Để bố trí linh hoạt nhân sự thực hiện nhiệm vụ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu phù hợp với nhiệm vụ chuyên môn,</i>	Bộ Tài chính	<i>Không tiếp thu</i>

		<i>ơ cấu tổ chức của các đơn vị, đề nghị không quy định cứng là “đơn vị” mà bổ sung quy định cho phép Người có thẩm quyền được thành lập Tổ thẩm định để thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu (cá nhân lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải độc lập với cá nhân tham gia thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu).</i>		
		- Đề nghị quy định cụ thể: Các trường hợp phải thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Tổ chức\đơn vị được giao thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu - Đề nghị xem xét sửa đổi quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu chỉ gồm nội dung tại điểm c, điểm e khoản 3 Điều này, không gồm nội dung tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 3 Điều này (không gồm phần công việc đã thực hiện, phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu,...).	Bắc Ninh	Tiếp thu, quy định chi tiết ở Nghị định
	Điều 42. Đấu thầu trước	Cần nghiên cứu lại vì rất thiếu tính pháp lý, nhất là đối với gói thầu xây lắp, hàng hóa, phi tư vấn, hỗn hợp, vì tại thời điểm đấu thầu trước dự án, dự toán mua sắm thường xuyên chưa được phê duyệt	Bộ Tài nguyên môi trường	Không tiếp thu
		Hiện nay dự thảo mới chỉ cho phép đấu thầu trước đối với dịch vụ tư vấn ☐ bổ sung thêm các bước đấu thầu trước đối với gói thầu mua sắm hàng hóa mà phạm vi gói thầu đã nằm trong kế hoạch đầu tư năm đã được phê duyệt tương tự gói thầu tư vấn. Việc ký hợp đồng với nhà thầu chỉ được thực hiện sau khi dự án được duyệt Lý do: tạo điều kiện cho DNNN thích nghi nhanh với thị trường, đảm bảo cạnh tranh với doanh nghiệp ngoài Nhà nước do thời gian lập, thẩm định, phê duyệt dự án thường mất 3-6 tháng.	Vietel	Tiếp thu
		- Cần nhắc trong việc bổ sung quy định về đấu thầu trước do: Việc lựa chọn nhà thầu trước khi có quyết định đầu tư phê duyệt dự án, dự toán mua sắm có thể dẫn đến rò rỉ thông tin thầu, “cài cắm” hồ sơ thầu. Trường hợp việc đầu tư thầu trước là thật sự cần thiết, đề nghị ban soạn thảo có thuyết minh chi tiết, đưa ra ví dụ cụ	Bộ Tài chính	

	thể, đồng thời phải bổ sung điều kiện ràng buộc (nếu có) trong tổ chức thực hiện (NSNN, TCDT). - Đề nghị điều chỉnh nội dung “<i>Đấu thầu trước</i>” thành “<i>Chuẩn bị tổ chức lựa chọn nhà thầu trước khi có quyết định phê duyệt dự án</i>” cho phù hợp với quy định tại khoản 12 Điều 4 “<i>12. Đấu thầu là quá trình lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm và giải pháp khả thi để ký kết và thực hiện hợp đồng</i>”. (KBNN) Như vậy, việc đấu thầu sẽ bắt đầu từ khâu chuẩn bị đến khâu hoàn thành việc tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết, thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, tại khoản 2 của Điều này chỉ quy định các nội dung công việc từ khâu lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời quan tâm... đến khâu lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (chưa đến giai đoạn tổ chức lựa chọn nhà thầu). - Đề nghị điều chỉnh bỏ nội dung gạch chân “...<i>trước khi có quyết định đầu tư phê duyệt dự án, dự toán mua sắm như sau...</i>” cho phù hợp với quy trình, thủ tục của dự án. (KBNN) - Tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 quy định việc “<i>b) Lấy ý kiến của đơn vị quản lý cấp trên về hồ sơ mời thầu (đối với gói thầu cần lấy ý kiến)</i>”. Để thống nhất với quy định tại khoản 7 Điều 17, đề nghị điều chỉnh nội dung này như sau “<i>b) Lấy ý kiến của đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên về hồ sơ mời thầu (đối với gói thầu cần lấy ý kiến quy định tại khoản 7 Điều 17)</i>”. (KBNN). Trong trường hợp nếu bỏ quy định tại khoản 7 Điều 17 thì đề nghị bỏ nội dung này.		tiếp thu
	- Bỏ Điều 42 vì thực tế các nội dung tại điều này không cần thiết và được hướng dẫn tại các Điều 40, 41.	Thanh Hóa	
	- Điều 42 (Đấu thầu trước): Đề nghị giữ nguyên theo quy định tại Điều 36 Luật Đấu thầu năm 2013.	Ninh Bình	
	Đề nghị bỏ Điều này	Bắc Ninh	
	Kiến nghị xem xét bỏ khoản 4 do trong các báo cáo thẩm định đã ghi đầy đủ các nội dung như trong dự thảo; dự thảo không có khoản 3 đề nghị xem xét lại	Tổng Cục đường bộ	
	Yêu cầu hợp đồng thương mại phải được ký kết trước khi ký thỏa thuận vay (có	Bộ Tài chính	Tiếp thu

		nghĩa là chỉ có thể đàm phán, ký thỏa thuận vay khi đã xác định được nhà thầu và giá trị trúng thầu theo hợp đồng thương mại đã ký): Hiện nay chưa có quy định về điều này trong dự thảo Luật Đấu thầu, chỉ cho phép đấu thầu trước đối với tư vấn mà chưa áp dụng đối với xây lắp hoặc mua sắm thiết bị máy móc. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu bổ sung		
		Tại Điều 42 quy định “<i>Trường hợp cần thiết để rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu, người có thẩm quyền được tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để chủ đầu tư hoặc đơn vị được giao chuẩn bị dự án thực hiện một hoặc một số công việc tổ chức lựa chọn nhà thầu trước khi có quyết định đầu tư phê duyệt dự án, dự toán mua sắm như sau</i>” đề nghị sửa đổi nội dung trên theo phương án: “<i>Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với những công việc trước khi có quyết định đầu tư phê duyệt dự án</i>”.	Tuyên Quang	Không tiếp thu
		- Điều 42 cho phép thực hiện các thủ tục trước khi phê duyệt dự án đầu tư, dự toán mua sắm gồm các bước như: Xác định danh sách ngắn; lập, thẩm định, phê duyệt HSMT/HSYC (phí tư vấn, tư vấn, xây lắp, hàng hóa, hỗn hợp); đánh giá HSDT, xét duyệt trúng thầu đối với gói thầu tư vấn. Theo khoản 1 Điều 17, HSMT bao gồm các nội dung như: Tiêu chuẩn đánh giá HSDT, phạm vi cung cấp, yêu cầu về kỹ thuật... Tuy nhiên, khi dự án đầu tư, dự toán mua sắm chưa được phê duyệt thì chưa có đủ cơ sở lập, phê duyệt đề cương nhiệm vụ, dự toán, thiết kế gói thầu... nên không thể xác định chính xác phạm vi cung cấp, khối lượng mời thầu trong HSMT/HSYC. Do đó, việc tổ chức đấu thầu trước chỉ nên dừng lại ở bước xác định danh sách ngắn. Ngoài ra, chủ đầu tư, bên mời thầu hoàn toàn có thể chủ động chuẩn bị trước các tài liệu, hồ sơ để tổ chức thực hiện ngay theo các trình tự, thủ tục gói thầu sau khi dự án đầu tư, dự toán mua sắm được phê duyệt mà không nhất thiết phải áp dụng đấu thầu trước (phụ thuộc chính vào năng lực tổ chức, quản lý của chủ đầu tư). - Điều 42 cho phép lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trước khi có quyết định dự toán mua sắm; tuy nhiên, điều này mâu thuẫn với điểm b	Bộ Giao thông vận tải	

		khoản 2 Điều 38 quy định về căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với mua sắm thường xuyên: “Quyết định mua sắm được phê duyệt. Trường hợp cần rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu có thể phê duyệt đồng thời với quyết định mua sắm”		
		Đề nghị quy định thẩm quyền như Luật đấu thầu 2013, giao Chủ đầu tư phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt dự án để thuận tiện hơn cho quá trình chuẩn bị dự án. Đồng thời, quy định này cũng mâu thuẫn với quy định tại Khoản 1 Điều 76 Luật này về Trách nhiệm của Chủ đầu tư. Theo đó, chủ đầu tư là người phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong trường hợp gói thầu được thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án, gói thầu có chiến lược đấu thầu đã được phê duyệt.	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	
	Điều 43 (Quy trình LCNT)	- Khoản 3: Đối với Chào hàng cạnh tranh đề nghị thay từ đánh giá HSDX bằng đánh giá HSDT	TCT Hàng không Việt Nam	Tiếp thu
		- Khoản 1: Đề nghị bổ sung quy định rõ việc thương thảo hợp đồng sẽ được thực hiện ở bước nào trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thực hiện trước hay sau khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Lý do: Theo quy định tại Điều 38 Luật Đấu thầu 2013 thì việc thương thảo hợp đồng được thực hiện sau bước đánh giá hồ sơ dự thầu và trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Bước hoàn thiện, ký kết hợp đồng được thực hiện sau khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 43 Dự thảo Luật Đấu thầu sửa đổi hiện chưa có quy định về bước thương thảo hợp đồng. Do đó, đề nghị xem xét bổ sung làm rõ. Trường hợp bước “hoàn thiện hợp đồng” đã bao gồm cả nội dung “thương thảo hợp đồng” thì đề nghị hiệu chỉnh điểm đ khoản 1 Điều 43 như sau: “đ) <i>Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng</i> ”. - Điểm a khoản 5: Đề nghị bỏ đoạn “và dự thảo hợp đồng (nếu có)” Lý do: Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 23 thì đơn vị được giao tự thực hiện chỉ bao gồm tổ chức trực tiếp quản lý sử dụng gói thầu hoặc đơn vị hạch toán phụ	EVN	Tiếp thu

	thuộc của tổ chức đó. Do vậy, việc yêu cầu đơn vị hạch toán phụ thuộc ký kết hợp đồng với doanh nghiệp chủ quản là chưa phù hợp về mặt chủ thể pháp lý hợp đồng (các chi nhánh, đơn vị hạch toán phụ thuộc không có tư cách pháp nhân nên không thể nhân danh chính mình ký kết hợp đồng).		
	- khoản 1: Bổ sung nội dung thương thảo hợp đồng vào trước giai đoạn phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	VINCONS	Tiếp thu
	- điểm b khoản 2: kiến nghị bổ sung nội dung xác định nhà thầu được chỉ định thầu	VNPT	
	Đề nghị vẫn giữ nội dung thương thảo hợp đồng trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng	Vĩnh Phúc	
	Quy định lại nội dung Thương thảo hợp đồng	Bộ Công an, Bảo hiểm xã hội	Tiếp thu
	Tại khoản 3 Điều 43 quy định quy trình tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với chào hàng cạnh tranh gồm các bước sau: chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu; đánh giá hồ sơ đề xuất ; trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 31 Điều 4 dự thảo Luật quy định Hồ sơ mời thầu là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh ... Do vậy, đề nghị xem xét, điều chỉnh lại nội dung nêu trên như sau: “Quy định quy trình tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với chào hàng cạnh tranh gồm các bước sau: chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu ; trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.”	Đà Nẵng	Tiếp thu
	23.1. Đề nghị đưa nội dung quy định tại điểm c “ <i>Đánh giá hồ sơ dự thầu</i> ” và nội dung quy định tại điểm d “ <i>Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu</i> ” vào điểm b “ <i>Tổ chức lựa chọn nhà thầu</i> ” do 2 nội dung công việc này nằm trong giai đoạn tổ chức lựa chọn nhà thầu (thống nhất với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 39 “ <i>Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu được tính từ khi phát hành hồ sơ mời thầu...</i> ”) (KBNN).	Bộ Tài chính	Không tiếp thu

		23.2. Đề nghị bổ sung quy trình mua sắm thông thường, tương ứng với yêu cầu bổ sung hình thức mua sắm thông thường nêu trên (KHTC).		
		Đề nghị nghiên cứu bổ sung hướng dẫn về quy trình chào hàng cạnh tranh rút gọn như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 38 Luật Đấu thầu năm 2013 làm cơ sở tổ chức thực hiện phù hợp với tính chất của gói thầu đơn giản, giá trị thấp.	Bộ Giao thông vận tải	
	Điều 44, 45 (Mua sắm tập trung)	- Nhất trí bổ sung các hình thức lựa chọn nhà thầu khác ngoài hình thức đấu thầu rộng rãi. - Điểm b khoản 2 Điều 45: đề xuất quy định về nguyên tắc thực hiện lựa chọn nhà thầu đối với nội dung này, đồng thời quy định cụ thể trình tự thực hiện tại Nghị định hướng dẫn.	VNPT	Tiếp thu
		Đề nghị bỏ điểm c Khoản 2 Điều 44, lý do: Mua sắm tập trung không có chỉ định thầu.	Bộ Tài chính	Tiếp thu
		- Bổ sung khoản 4 Điều 44 như sau: “Đơn vị mua sắm tập trung thực hiện việc lựa chọn nhà thầu trên cơ sở nhiệm vụ được giao phù hợp với nhiệm vụ quản lý chuyên ngành hoặc hợp đồng ký với các đơn vị có nhu cầu”.	Lào Cai	
		- Đề nghị bỏ khoản 2 Điều 45 Lý do: Căn cứ tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện, tính hợp lý và quy mô để phân chia các gói thầu mua sắm tài sản theo phương thức tập trung, với mỗi gói thầu sau khi tổ chức đấu thầu chỉ lựa chọn một đơn vị trúng thầu để ký thỏa thuận khung, do đó không cần thiết chi tiết loại hình đóng hay mở như dự thảo	Lào Cai	
		mua sắm tập trung theo hướng cho phép áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác ngoài hình thức đấu thầu rộng rãi để tận dụng lợi thế về mua sắm với quy mô lớn; Bổ sung quy định về thỏa thuận khung mở để có thể lựa chọn nhiều hơn một nhà thầu trúng thầu, tăng tính cạnh tranh và hiệu quả kinh tế trong đấu thầu	Viện HLKHXH	Tiếp thu
		Kiến nghị hiệu chỉnh điều 44 như sau: Điều 44. Quy định chung về mua sắm tập trung 1. Mua sắm tập trung là cách thức tập hợp nhu cầu của nhiều dự án, dự toán mua sắm thường xuyên của các chủ đầu tư, bên mời thầu để lựa chọn nhà thầu thông qua đơn vị mua sắm tập trung nhằm giảm chi phí, thời gian, đầu mỗi tổ chức đấu	anh Định	Tiếp thu và sẽ quy định tại Nghị định

	thầu, tăng cường tính chuyên nghiệp trong đấu thầu, góp phần tăng hiệu quả kinh tế. Đơn vị được giao thực hiện mua sắm tập trung có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu mua sắm để có kế hoạch tổ chức lựa chọn nhà thầu phù hợp quy mô, thời điểm đấu thầu. Danh mục các mặt hàng mua sắm tập trung do các cơ quan quản lý nhà nước, Hội đồng thành viên của các tập đoàn kinh tế nhà nước ban hành để áp dụng chung và danh mục cụ thể do người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư, dự toán mua sắm tập trung quyết định trong từng trường hợp cụ thể. 2. Mua sắm tập trung chỉ được áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu rộng rãi sau cho gói thầu dịch vụ tư vấn, hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn: a) Đấu thầu rộng rãi; b) Chào hàng cạnh tranh đối với gói thầu đáp ứng quy định tại Điều 21 của Luật này; c) Chỉ định thầu đối với gói thầu đáp ứng quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 20 của Luật này; 3. Mua sắm tập trung được thực hiện theo một trong hai cách sau đây: a) Đơn vị mua sắm tập trung tập hợp nhu cầu mua sắm, tiến hành lựa chọn nhà thầu, trực tiếp ký hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn; b) Đơn vị mua sắm tập trung tập hợp nhu cầu mua sắm, tiến hành lựa chọn nhà thầu, ký hợp đồng khung với một hoặc nhiều nhà thầu được lựa chọn làm cơ sở để đơn vị có nhu cầu mua sắm trực tiếp ký hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn cụ thể nội dung cung cấp cho đơn vị mình; 4. Đơn vị mua sắm tập trung thực hiện việc lựa chọn nhà thầu trên cơ sở nhiệm vụ được giao hoặc hợp đồng ký với các đơn vị có nhu cầu. 5. Trường hợp gói thầu áp dụng tùy chọn mua thêm, trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu phải ghi rõ giá trị tùy chọn mua thêm. Tùy chọn mua thêm chỉ được áp dụng khi đã bố trí được nguồn vốn để thanh toán cho khối lượng này.		
--	--	--	--

		6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.		
		Khoản 3 Điều 44 Khoản này đưa ra trường hợp “nhiều nhà thầu trúng thầu”. Đề nghị đơn vị soạn thảo làm rõ trường hợp này, hướng dẫn quy trình lựa chọn nhiều nhà thầu trúng thầu và quy trình “tổ chức đấu thầu trong số nhà thầu trúng thầu” tại Dự thảo hoặc giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết để có thể triển khai trong thực tế. - Khoản 1 Điều 45: Khoản này quy định thỏa thuận khung trong mua sắm tập trung là thỏa thuận dài hạn giữa đơn vị mua sắm tập trung với một hoặc nhiều nhà thầu được lựa chọn. Khoản 3 Điều này quy định thời hạn cho việc sử dụng thỏa thuận khung được quy định trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng không quá 03 năm. Đề nghị đơn vị soạn thảo làm rõ khái niệm “dài hạn” và thời gian tối thiểu được sử dụng thỏa thuận khung. - Khoản 2 Điều 45: Đề nghị đơn vị soạn thảo làm rõ chủ đầu tư, bên mời thầu ở đây là ai? Đơn vị mua sắm tập trung hoặc đơn vị có nhu cầu mua sắm có phải chủ đầu tư không?	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	
	Điều 51	đề nghị có quy định cụ thể về việc thực hiện theo hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ áp dụng cho việc lựa chọn nhà thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, vì hiện nay một số đơn vị nhà nước có các đơn vị trực thuộc có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện gói thầu, họ muốn đặt hàng, giao nhiệm vụ nhưng chưa có điều khoản quy định cụ thể, cơ chế áp dụng nên còn vướng mắc trong quá trình thực hiện và thanh toán các chi phí liên quan	Đồng Nai	Tiếp thu, quy định chi tiết tại Nghị định
	Điều 52 (Lập, phê duyệt danh mục dự án)	Đề nghị bổ sung nội dung thẩm quyền phê duyệt danh mục dự án đầu tư của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế đối với dự án đầu tư tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật đầu tư năm 2020	Bình Định	Tiếp thu
	Điều 53, 54 (Yêu	Theo Dự thảo Luật tại Điều 53, 54 là trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đầu mối có chức năng kế hoạch tại Bộ, cơ quan ngang Bộ: Đề nghị nghiên cứu,	Quảng Ngãi	Dự thảo dự kiến lược bỏ

	cầu sơ bộ và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư	quy định thuê đơn vị tư vấn thực hiện và bổ sung chi phí để thực hiện công tác này, nhất là chi phí dịch thuật đối với Yêu cầu sơ bộ về năng lực kinh nghiệm của nhà đầu tư phải đăng tải bằng tiếng Anh đối với dự án có sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) từ 800 tỷ đồng trở lên		bước yêu cầu sơ bộ năng lực kinh nghiệm
		- Tại dự thảo Luật quy định đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, sau khi quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hoặc đầu mối có chức năng kế hoạch tại Bộ chịu trách nhiệm xác định yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, trình Bộ trưởng, Chủ tịch UBND cấp phê duyệt danh sách nhà đầu tư nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ năng lực, kinh nghiệm và phương án tổ chức lựa chọn nhà đầu tư. - Theo quy định tại Luật Đầu tư, đối với các dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư phải được cơ quan đăng ký đầu tư thẩm định về năng lực tài chính, kinh nghiệm của nhà đầu tư để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư (khoản 1 Điều 33); việc thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện sau khi chấp thuận chủ trương đầu tư (khoản 2 Điều 29). Do đó, đề nghị nghiên cứu, cân nhắc việc lập yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư đối với các dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư để tránh trùng lặp, phát sinh thủ tục. - Ngoài ra, tại khoản 3 Điều 3 và khoản 3 Điều 77 dự thảo Luật quy định bên mời thầu là cơ quan, tổ chức có chuyên môn và năng lực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lựa chọn để thực hiện các nhiệm vụ trong đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, gồm: Chủ đầu tư hoặc tổ chức do chủ đầu tư quyết định thành lập hoặc lựa chọn; Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức trực thuộc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lựa chọn.	Bộ Tài chính	Dự thảo dự kiến lược bỏ bước yêu cầu sơ bộ năng lực kinh nghiệm

		Do đó, đề nghị cân nhắc việc quy định cố định đầu mỗi có chức năng kế hoạch tại Bộ lập và trình Bộ trưởng có Quyết định yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.		
Điều 55		Đề nghị nghiên cứu xem xét lại quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này. Lý do: Theo quy định tại Điều 31, Điều 32 Luật Đầu tư, các dự án khu đô thị, dự án nhà ở thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư. Do đó, các dự án không phải là dự án khu đô thị, dự án nhà ở thì khi lập danh mục dự án không nên yêu cầu căn cứ vào chương trình phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở.	Bắc Giang	Tiếp thu
		Dự thảo quy định cụ thể về quy trình lựa chọn nhà đầu tư tuy nhiên không có quy định về kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư. Trong khi đó, tại khoản 1 Điều 76 dự thảo Luật quy định trách nhiệm của người có thẩm quyền là phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư và tại điểm c khoản 2 Điều 7 dự thảo Luật quy định trách nhiệm của bên mời thầu phải đăng tải công khai kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư. Do đó, đề nghị rà soát, hoàn thiện đảm bảo thống nhất (TCNH).	Bộ Tài chính	Tiếp thu, đã lược bỏ kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư
Điều 60		Tại Điều 60 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 đã quy định trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất; xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Tuy nhiên, theo Luật Đất đai năm 2013 chưa có quy định về trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất; xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với trường hợp đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Do vậy, đề nghị bổ sung quy định về trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất; xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tại Dự thảo Luật Đấu thầu (sửa đổi).	Bắc Kan	Không tiếp thu. Việc giao đất, cho thuê đất phải được quy định tại Luật Đất đai (hiện cũng đang được sửa đổi, bổ sung)
		Đề nghị sửa lại chỉ quy định chung về hệ thống đấu thầu điện tử (không quy định cụ thể các phân hệ trong Luật).	Bộ Tài chính	Tiếp thu
Điều 62		Bảo đảm thống nhất với Qđ của Luật xây dựng	Bộ Quốc phòng	Tiếp thu

	(Quy định về hợp đồng)	Tất cả các quy định về hợp đồng nên để Chính phủ quy định chi tiết đảm bảo tính thống nhất	Bộ Tài nguyên môi trường	Tiếp thu, quy định chi tiết tại Nghị định
		Về hợp đồng, đề nghị giới hạn phạm vi quy định tại Luật Đấu thầu theo nguyên tắc chỉ quy định thông tin hợp đồng kèm theo hồ sơ đấu thầu, không quy định các nội dung thuộc quá trình thực hiện hợp đồng và dẫn chiếu đến các nội dung đã được quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành. Đối với lĩnh vực xây dựng, dự thảo Luật Đấu thầu vẫn được xây dựng theo hình thức triển khai dự án truyền thống, chưa thiết lập được hành lang pháp lý cho việc triển khai, áp dụng các thông lệ quốc tế tiên tiến trong triển khai dự án theo hình thức tích hợp (Integrated Project Delivery - IPD), Chia khóa trao tay (Turnkey), Thiết kế - Mua sắm vật tư, thiết bị - Thi công xây dựng công trình (EPC)...	Bộ Xây dựng	
		Đề nghị xem xét các quy định liên quan đến hợp đồng (trong đó quy định các loại hợp đồng và điều chỉnh hợp đồng) tại Luật sửa đổi cần có sự phù hợp và thống nhất với các Luật, Nghị định khác về hợp đồng, tránh xảy vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.	Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	Tiếp thu
		Đối với “ <i>các chi phí ngoài lương chuyên gia</i> ” (quy định tại điểm a khoản 4 đối với loại hợp đồng theo thời gian) và “ <i>một khoản chi phí bổ sung để tạo ra lợi nhuận với mục tiêu khích lệ hoàn thành công việc</i> ” (quy định tại điểm a khoản 5 đối với loại hợp đồng theo chi phí cộng phí): đề nghị quy định phải có trong hợp đồng và quy định rõ gồm những loại chi phí hay phí gì? áp dụng theo quy định nào? cho dễ hiểu, dễ áp dụng trong thực tế triển khai.	Bộ Tài chính	Không tiếp thu
		- Đề nghị bỏ khoản 5, khoản 6 để phù hợp với mục 2, điều 3, Nghị định 37/2015/NĐ-CP, ngày 22/4/2015 của Bộ Xây dựng	VINCONS	

	- Điểm c khoản 2: kiến nghị điều chỉnh áp dụng không vượt tổng giá trị hợp đồng, tổng giá trị mua thêm và cho phép điều chỉnh tăng giảm từng hàng hóa có tính chất giống nhau. Trên thực tế, VNPT có các gói thầu mua sắm hàng hóa gồm các mã hàng hóa khác nhau nhưng cùng chủng loại (ví dụ: gói thầu mua sắm cáp quang gồm các loại có số sợi quang 6FO, 8FO, 12FO...), tuy nhiên nhu cầu thực tế về loại FO không thể xác định chính xác mà tùy thuộc vào yêu cầu cụ thể khi lập dự án đầu tư, do vậy nếu quy định giới hạn khối lượng theo từng loại sẽ gây khó khăn lớn trong quá trình triển khai thực hiện.	VNPT	Tiếp thu, quy định chi tiết tại Nghị định
	Về hình thức và nội dung hợp đồng áp dụng trong lựa chọn nhà thầu: Xem xét quy định mức phải áp dụng loại hợp đồng trọn gói (như Luật Đấu thầu 2013) để thuận lợi trong công tác quản lý chung; việc quy định hợp đồng, điều chỉnh hợp đồng, trượt giá hợp đồng, điều chỉnh tiến độ của hợp đồng phải phù hợp với quy định của Luật Xây dựng, tránh chồng chéo.	Quảng Trị	Tiếp thu
	Khoản 6 Điều 62 dự thảo Luật có quy định: “<i>Hợp đồng theo kết quả đầu ra: Hợp đồng theo kết quả đầu ra được áp dụng cho gói thầu phi tư vấn, gói thầu sửa chữa, bảo trì tuyến đường trong đó nhà thầu được thanh toán dựa trên kết quả thực hiện hợp đồng về chất lượng, số lượng và các yếu tố khác.</i>”. Trong thực tế, công tác sửa chữa, bảo trì tuyến đường được nêu tại dự thảo sẽ còn có nhiều gói thầu mang tính chất tương tự, như: hệ thống đèn tín hiệu, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, cây xanh, vệ sinh môi trường... Do vậy kiến nghị cơ quan soạn thảo xem xét để có quy định cụ thể hơn nữa (hoặc giao Chính phủ quy định chi tiết) trong việc áp dụng loại hợp đồng theo kết quả đầu ra nêu trên	Đà Nẵng	Tiếp thu, quy định chi tiết tại Nghị định
	Kiến nghị hiệu chỉnh lại nội dung điều 62 như sau: Điều 62. Loại hợp đồng. Hợp đồng được phân thành loại như sau: 1. Hợp đồng trọn gói. Hợp đồng trọn gói là hợp đồng mà phạm vi công việc, dịch vụ của gói thầu đã được xác định rõ ngay khi lập hồ sơ mời thầu và thời gian thực hiện hợp đồng không quá 24 tháng.	anh Định	Tiếp thu

	2. Hợp đồng điều chỉnh giá. Hợp đồng điều chỉnh giá là hợp đồng mà giá có thể bao gồm một hoặc các phần của hợp đồng được điều chỉnh giá theo các nguyên tắc sau: - Đơn giá cố định, điều chỉnh khối lượng, phạm vi công việc thực hiện theo quy định về nghiệm thu sản phẩm hoàn thành. - Điều chỉnh đơn giá. Đơn giá của một hoặc các mục được quy định tính trên cơ sở giá ban đầu ghi trong hợp đồng (giá cơ sở) và phương pháp tính điều chỉnh cụ thể theo các đợt thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng. Đơn giá điều chỉnh theo trượt giá có thể áp dụng cho toàn bộ phạm vi công việc của gói thầu hoặc một phần khối lượng có thời gian thực hiện kéo dài so với thời điểm chào thầu. Phần hợp đồng thực hiện sau thời điểm 24 tháng kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng phải có quy định về nguyên tắc điều chỉnh trượt giá để tránh rủi ro bất thường. - Điều chỉnh theo thời gian và đơn giá cố định - Chi phí thực hiện cộng phí - Điều chỉnh cả đơn giá và khối lượng, phạm vi công việc, thời gian cho một hoặc các phần hợp đồng. 3. Hợp đồng hỗn hợp. Hợp đồng hỗn hợp là hợp đồng bao gồm các phần thuộc cả hai loại hợp đồng trọn gói và điều chỉnh giá nêu trên. 4. Chính phủ hướng dẫn chi tiết thực hiện.		
	Đề nghị Bộ KH&ĐT lấy ý kiến Bộ Xây dựng về hình thức và nội dung hợp đồng áp dụng trong lựa chọn nhà thầu. - Điểm c khoản 2 (Hợp đồng theo đơn giá cố định) của Điều 62: Theo khoản 5 Điều 15, khoản 6 Điều 19 của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP: Giá hợp đồng của hợp đồng theo đơn giá cố định/điều chỉnh được các bên dự tính trước chi phí dự phòng cho các yếu tố trượt giá và khối lượng; thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm, nếu có) được nghiệm thu của từng lần thanh toán và đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá đã điều chỉnh. Trong khi đó, thông qua việc ký hợp đồng mới, tùy chọn mua thêm được áp dụng trong việc mua sắm trực tiếp sau khi hợp đồng cho gói thầu trước	Bộ Giao thông vận tải	

		đó đã được thanh lý. Để đảm bảo sự thống nhất và phù hợp với quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP nêu trên, đề nghị nghiên cứu xem xét lại điểm c khoản 2, điểm d khoản 3 Điều 62 đối với hợp đồng theo đơn giá cố định/điều chỉnh như sau: - Việc nghiệm thu, thanh toán khối lượng tăng thêm của hợp đồng hiện tại không liên quan đến tùy chọn mua thêm và không cần thiết phải ký phụ lục bổ sung hợp đồng. - Tùy chọn mua thêm được thể hiện trong hợp đồng hiện tại mang ý nghĩa, tính chất dự phòng số lượng, khối lượng công việc mua sắm sẽ được thực hiện tại 01 hợp đồng khác trong tương lai, không phải thông qua việc đấu thầu. Từ những phân tích trên, đề nghị xem xét xóa nội dung “nhưng không được vượt quá khối lượng của tùy chọn mua thêm”. Khoản 5 Điều 62 về Hợp đồng theo chi phí cộng phí : Điểm a khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 50/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP quy định về hợp đồng theo chi phí cộng phí có nội dung khá khác biệt so với quy định tại khoản 5 Điều 62 của dự thảo Luật. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo lấy ý kiến Bộ Xây dựng về loại hợp đồng này để đảm bảo sự thống nhất.		
		Đề nghị quy định rõ trường hợp khi có sự thay đổi về chính sách của cơ quan có thẩm quyền thì có được thay đổi giá của Hợp đồng trọn gói không?	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	
	Điều 66 (Bảo đảm thực hiện HĐ)	Khoản 3 Điều 66 dự thảo Luật: Đề nghị xem xét quy định cụ thể giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng đối với các gói thầu có giá trị nhỏ theo hướng tăng tỷ lệ %, tránh trường hợp các nhà thầu dự thầu bỏ thầu.	Hà Tĩnh	Không tiếp thu
		Cục Quản lý đăng ký kinh doanh kiến nghị không bắt buộc phải áp dụng biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng đối với các gói thầu mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của đơn vị áp dụng theo hình thức chỉ định thầu rút gọn	CQLĐKKD	
		Đổi từ không được hoàn trả thành tịch thu	KTNN	Không TT

		Theo khoản 7 Điều 39 dự thảo Luật, mới chỉ quy định về “Thời gian thực hiện hợp đồng”; đề nghị xem xét bổ sung quy định về “Thời gian thực hiện hợp đồng” để phù hợp với các điều khoản khác của Luật như khoản 5 Điều 67; Điều 69 ...	Tổng Cục đường bộ	
		Đề nghị bổ sung quy định theo hướng mở hơn, cho phép Chủ đầu tư, Bên mời thầu quyết định việc có hay không áp dụng việc nộp bảo đảm dự thầu đối với hợp đồng mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ, thời gian thực hiện ngắn cho phù hợp với thực tiễn triển khai (Ví dụ: mua sắm hàng hóa dưới 50 triệu đồng/lần mua sắm, tương đương với mức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg).	Bộ Tài chính	Thông tư 08 hiện nay đã có
		Kiến nghị sửa thành cụm từ: “ <i>Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng đối với nhà thầu được lựa chọn, trừ nhà thầu được lựa chọn theo hình thức tự thực hiện và tham gia thực hiện của cộng đồng</i> ”.	Bình Dương	
		Đề thống nhất với khoản 2 Điều 16 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, đề nghị nghiên cứu sửa khoản 1 Điều 66 của dự thảo Luật như sau: <i>Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng đối với nhà thầu được lựa chọn; riêng nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, nhà thầu được lựa chọn theo hình thức tự thực hiện và tham gia thực hiện của cộng đồng không bắt buộc bảo đảm thực hiện hợp đồng xây dựng.</i>	Bộ Giao thông vận tải	
	Điều 67 (Điều chỉnh HĐ)	- Kiến nghị bổ sung nguyên tắc xác định đơn giá của hạng mục bổ sung hợp đồng.	VNPT	
		Về “ <i>Điều chỉnh hợp đồng đối với gói thầu xây lắp</i> ” (khoản 1a Điều 67) Đề nghị rà soát để đảm bảo nhất quán giữa pháp luật xây dựng và pháp luật đấu thầu về nội dung bổ sung hạng mục công việc phát sinh vào gói thầu hiện hữu. Đề nghị cân nhắc có quy định hạn chế các trường hợp được bổ sung hợp đồng chỉ khi thực hiện các công việc được giao theo hợp đồng gốc. Trường hợp phát sinh các khối lượng công việc ngoài phạm vi của hợp đồng gốc, đề nghị lập thành một gói thầu độc lập và thực hiện theo quy định về pháp luật đấu thầu và pháp luật về xây dựng hiện hành. (QLN&TCĐN)	Bộ Tài chính	Tiếp thu, quy định chi tiết tại Nghị định
		Đề nghị quy định thống nhất về nội dung hợp đồng giữa Luật Đấu thầu và Luật Xây dựng	TCT công nghiệp tàu thủy	

	Điểm a Khoản 3 và Điểm a Khoản 4: Đề nghị sửa đổi thành: “Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng”. Bỏ nội dung “<i>và thuộc tùy chọn mua thêm của gói thầu</i>”. Do việc điều chỉnh hợp đồng chỉ được thực hiện trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, còn tùy chọn mua thêm áp dụng khi hợp đồng trước đó đã được thanh lý.	PVN	
	Cần bổ sung quy định điều chỉnh khi HĐ còn hiệu lực	KTNN	Tiếp thu
	Điều khoản này được kiến nghị bổ sung để làm rõ thêm như sau: Điều 67. Điều chỉnh hợp đồng. Điều chỉnh hợp đồng là việc hai bên ký kết với nhau phụ lục bổ sung để hiệu chỉnh và, hoặc bổ sung các nội dung so với quy định trong hợp đồng đã ký. Nội dung phụ lục bổ sung hợp đồng phải được người phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu đó phê duyệt trước khi ký kết chính thức hoặc đưa vào hiệu lực. Trường hợp khẩn cấp nếu chậm trễ thực hiện theo các hiệu chỉnh bổ sung này có thể gây ra hậu quả, thiệt hại nghiêm trọng cho gói thầu thì song song với việc hoàn thiện hồ sơ phụ lục bổ sung hợp đồng, hai bên được giao trực tiếp quản lý thực hiện hợp đồng thống nhất nội dung và trình tự để thực hiện trước. Trường hợp thay đổi thiết kế so với thiết kế cơ sở trong dự án đầu tư được duyệt thì hồ sơ thiết kế phải được người có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện. Trong mọi trường hợp, tổng giá trị các hợp đồng sau khi điều chỉnh phải bảo đảm không vượt tổng mức đầu tư, dự toán mua sắm thường xuyên được phê duyệt. Một số nội dung cụ thể được quy định đối với các loại gói thầu như sau: 1. Điều chỉnh hợp đồng đối với gói thầu xây lắp Việc điều chỉnh hợp đồng đối với gói thầu xây lắp được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Bổ sung hạng mục công việc phát sinh ngoài khối lượng công việc phải thực hiện theo thiết kế nhưng nằm trong mục tiêu của hồ sơ mời thầu, do các tình huống		

		không lường trước được, cần thiết phải được thực hiện để hoàn thành gói thầu xây lắp theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu và tổng giá trị phần khối lượng xây lắp phát sinh không vượt quá 50% giá trị hợp đồng ban đầu. Trường hợp các bên không thỏa thuận được việc bổ sung khối lượng công việc này thì hình thành gói thầu mới và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định; b) Thay đổi về chất lượng và các thông số của một hạng mục công việc nào đó nhưng không làm thay đổi cơ bản các chỉ tiêu của dự án đầu tư được duyệt hoặc mục tiêu mua sắm; c) Thay đổi về thiết kế; d) Thay đổi về tiến độ thực hiện hợp đồng theo Điều 69 của Luật này.		
		- Khoản 1 Điều 67: Đề nghị nghiên cứu xem xét lại nội dung “tổng giá trị phần khối lượng xây lắp phát sinh không vượt quá 50% giá trị hợp đồng ban đầu” để đảm bảo phù hợp, thống nhất với khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và điểm b khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 37/2015/NĐCP. Theo các quy định về hợp đồng xây dựng nêu trên, việc điều chỉnh hợp đồng xây lắp không có sự ràng buộc về phần trăm (%) giá trị phát sinh tăng thêm, chỉ quy định trường hợp điều chỉnh hợp đồng làm vượt giá/dự toán gói thầu thì phải được người quyết định đầu tư xem xét, quyết định và phải đảm bảo đủ vốn để thanh toán. Đề nghị Bộ KH&ĐT lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng về nội dung này. - Khoản 2 Điều 67: Trên cơ sở góp ý tại mục IV.2 ở trên, đề nghị xóa nội dung “thuộc tùy chọn mua thêm”. - Khoản 3, 4 Điều 67: Với quy định này được hiểu những hạng mục công việc thuộc tùy chọn mua thêm mới được phép điều chỉnh hợp đồng; trong khi các gói thầu phi tư vấn, tư vấn có thể không bao gồm tùy chọn mua thêm. Trên cơ sở góp ý tại mục IV.2 ở trên, đề nghị nghiên cứu xóa nội dung “và thuộc tùy chọn mua thêm của gói thầu”.	Bộ Giao thông vận tải	
	Điều 68 Trượt giá HĐ	Kiến nghị bổ sung thêm cụm từ “ ban đầu ” để nội dung trở thành “ ...Việc điều chỉnh giá hợp đồng do trượt giá hợp đồng phải được quy định rõ trong hợp đồng ban đầu... ” nhằm tránh trường hợp các bên không quy định trước nội dung	Đà Nẵng	Đã chỉnh sửa nội dung này

		điều chỉnh để sau đó tùy tiện ký kết các phụ lục hợp đồng bổ sung vào hợp đồng ban đầu theo hướng có lợi cho nhà thầu.		
		Kiến nghị xem xét viết rõ hơn đối với hạng mục chậm tiến độ thì phải lấy đơn giá thực tế được lập tại thời điểm thi công và đơn giá trong hợp đồng đã ký kết để so sánh lựa chọn	Tổng Cục đường bộ	
		Kiến nghị bỏ điều khoản này hoặc hiệu chỉnh theo nội dung sau: Điều 68. Áp dụng chỉ số giá để điều chỉnh trượt giá hợp đồng. Điều chỉnh trượt giá hợp đồng có thể được thực hiện theo phương pháp bù trừ trực tiếp hoặc theo phương pháp áp dụng chỉ số giá và phải quy định rõ trong hợp đồng. Chỉ số giá được lựa chọn để tính toán là chỉ số giá do Tổng cục Thống kê, Bộ Xây dựng, UBND cấp tỉnh công bố hoặc nguồn do Tổng cục Thống kê của nước có hàng hóa xuất khẩu công bố cho hàng hóa nhập khẩu được tính trượt giá. Chính phủ quy định chi tiết thực hiện.	anh Định	Tiếp thu
	Điều 69 (Điều chỉnh tiến độ hợp đồng)	Đề nghị xem xét quy định về nội dung điều chỉnh tiến độ của hợp đồng để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa dự thảo Luật Đầu thầu và Luật Xây dựng năm 2014 (Khoản 3 Điều 143), tránh xảy ra vướng mắc khi thực hiện.	Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	Tiếp thu
		Dự thảo đã có quy định về điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án. Căn cứ quy định tại Luật Xây dựng, Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, bổ sung <i>quy định về việc điều chỉnh tiến độ hợp đồng làm kéo dài tiến độ thực hiện hợp đồng, thẩm quyền cho phép điều chỉnh tiến độ hợp đồng làm kéo dài tiến độ thực hiện hợp đồng</i> đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất	Bộ Tài chính	Tiếp thu, quy định chi tiết tại Nghị định
		Kiến nghị bổ sung nội dung điều chỉnh tiến độ do nguyên nhân chủ quan của chủ đầu tư, nhà thầu để có cơ sở tiếp tục thực hiện hợp đồng trong trường hợp này, đồng thời gắn trách nhiệm các bên làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.	VNPT	Tiếp thu, quy định chi tiết tại Nghị định

	Đề nghị cụ thể đối với TH mua sắm hàng hóa chi thường xuyên - Tại Khoản 2 Điều 69 (Dự thảo quy định: “2. ... Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định”. Trong khi đó, tại Điểm c Khoản 3 Điều 143 Luật Xây dựng năm 2014 quy định: “c) Khi điều chỉnh hợp đồng làm thay đổi mục tiêu đầu tư, thời gian thực hiện hợp đồng, làm vượt dự toán gói thầu xây dựng được duyệt thì phải được người quyết định đầu tư cho phép” và tại Khoản 3 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng quy định: “...Trường hợp điều chỉnh tiến độ làm kéo dài tiến độ thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư phải báo cáo Người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định”. Do vậy, đề nghị nghiên cứu để đảm bảo tính thống nhất, không chồng chéo giữa các Luật.	Tiền Giang Phú Yên	
	Tại khoản 2, Điều 69 quy định: “...<i>Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định</i>. ”. Tuy nhiên, theo Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định: “<i>Trường hợp điều chỉnh tiến độ làm kéo dài tiến độ thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư phải báo cáo Người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định</i>. ”. Đề nghị cơ quan soạn thảo thống nhất nội dung quy định về điều chỉnh tiến độ của hợp đồng.	Bắc Kan	
	Kiến nghị xem xét bổ sung quy định trường hợp tiến độ chậm do lỗi chủ quan của nhà thầu thì vẫn được điều chỉnh, tuy nhiên vẫn phải chịu phạt hợp đồng theo điều khoản đã ký kết trong hợp đồng	Tổng Cục đường bộ	Tiếp thu
	Tại khoản 2 Điều 69 của Dự thảo Luật quy định trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định. Tại điểm c khoản 3 Điều 143 của Luật Xây dựng năm 2014 có quy định khi điều chỉnh hợp đồng làm thay đổi mục tiêu đầu tư, thời gian thực hiện hợp đồng, làm vượt dự toán gói thầu xây dựng được duyệt thì phải được người quyết định đầu tư cho phép. Do vậy, đề nghị Đơn vị soạn	Kon Tum	

		thảo biên tập lại quy định tại khoản 2 Điều 69 của Dự thảo Luật để đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Luật Xây dựng.		
		- Đề nghị rà soát, nghiên cứu, sửa đổi Dự thảo Luật Đấu thầu đảm bảo phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy định của pháp luật hiện hành trong đó có Luật Xây dựng, cụ thể: Theo quy định tại khoản 2, Điều 69 Dự thảo Luật Đấu thầu quy định: “... <i>Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định</i> ”; trong khi điểm c, Khoản 3, Điều 143 Luật Xây dựng quy định: “ <i>Khi điều chỉnh hợp đồng làm thay đổi mục tiêu đầu tư, thời gian thực hiện hợp đồng, làm vượt dự toán gói thầu xây dựng được duyệt thì phải được người quyết định đầu tư cho phép</i> ”.	Bộ Công thương	
		Khoản 2: Đề nghị quy định việc điều chỉnh tiến độ hợp đồng làm kéo dài “thời gian thực hiện gói thầu” được phê duyệt tại Chiến lược đấu thầu/Kế hoạch LCNT thì phải được người phê duyệt Chiến lược đấu thầu/Kế hoạch LCNT đồng ý.	Bộ Nông nghiệp và PTNT	
	Điều 73 (Thời hạn thực hiện hợp đồng dự án)	- Phương án 1: Quảng Trị, Phú Yên, Viện Hàn lâm KHCN, Lào Cai, EVN, NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC - Phương án 2: TCT Xi măng Việt Nam ; Khánh Hòa, Đà Nẵng, Đài tiếng nói VN Bộ Nội vụ, Ủy ban dân tộc, Hậu Giang, Đồng Tháp, Bình Dương, Trà Vinh, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Điện Biên, Tây Ninh, Bình Thuận, Bảo hiểm xã hội, Thừa Thiên Huế		Đã chỉnh sửa theo phương án 2
		Sửa Phương án 1 như sau: <i>Thời hạn hợp đồng do các bên thỏa thuận căn cứ vào quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, quyết định phê duyệt danh mục dự án, quy định của pháp luật chuyên ngành và kết quả lựa chọn nhà đầu tư.</i>	Bộ Giao thông vận tải	Đã chỉnh sửa theo phương án 2
	Điều 74	đề nghị xem xét sự phù hợp với quy định về ký quỹ tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, đảm bảo tính thống nhất	Vĩnh Phúc	Không TT
		Khoản 4 Điều 75: bỏ	Hà Tĩnh	

	Điều 75 (Trách nhiệm của người có thẩm quyền)	Điểm b khoản 7 Điều 75: bổ sung “ <i>Phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt HSMST, kết quả sơ tuyển...</i> ”	Sơn La	Không TT
		Tại điểm d, khoản 7, Điều 75: đề nghị bổ sung như sau: “ <i>d) Ký kết <u>hoặc ủy quyền ký kết hợp đồng và quản lý việc thực hiện hợp đồng</u>; ”.</i>	Bắc Kan	Tiếp thu
		Tuy nhiên, khoản 1 Điều 75 dự thảo Luật quy định người có thẩm quyền phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và điểm a khoản 1 Điều 76 dự thảo Luật quy định chủ đầu tư phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong trường hợp gói thầu được thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án. Do đó, đề nghị xem xét lại các quy định nêu trên cho thống nhất	CQLĐKKD	
		- Đề nghị hiệu chỉnh khoản 7 như sau “ <i>7. Đối với lựa chọn nhà đầu tư, ngoài quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này, người có thẩm quyền còn có trách nhiệm sau đây:</i> ” - Đề nghị bỏ điểm (đ) khoản 7 do trùng với nội dung tại khoản 4 Điều 75 Lý do: Lỗi dẫn chiếu	EVN	Tiếp thu
		Theo khoản 3 Điều 15 quy định, người có thẩm quyền chịu trách nhiệm hủy thầu đối với các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 2. Do đó, đề nghị xem quy định thống nhất, phù hợp.	Tổng Cục đường bộ	Tiếp thu
		Trường hợp cần thiết phải quy định đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên cho ý kiến về hồ sơ mời thầu, đề nghị bổ sung thêm quy định về trách nhiệm của đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên ở các bộ, ngành, địa phương đối với việc tham gia ý kiến vào hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước khi chủ đầu tư, bên mời thầu phát hành để phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 17 quy định “ <i>8. Đối với hồ sơ mời thầu được đơn vị quản lý về đấu thầu cấp trên cho ý kiến, chủ đầu tư, bên mời thầu không cần tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu</i> ”, đồng thời cần quy định rõ giới hạn của việc tham gia ý kiến có được coi như tương đương với việc thẩm định hồ sơ mời thầu để đảm bảo cơ sở pháp lý trong thực hiện	Bộ Tài chính	Đã bỏ nội dung này
		- Đề nghị nghiên cứu sửa lại khoản 4 Điều 75 để thống nhất, phù hợp với khoản 3 Điều 15 như sau: Hủy thầu theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật này.	Bộ Giao thông vận tải	

		- Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về trách nhiệm của người có thẩm quyền trong việc đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, tuyên bố vô hiệu được quy định tại Điều 16.		
	Điều 76 Trách nhiệm của CĐT	Tại điểm d khoản 1 Điều 76 Trách nhiệm của chủ đầu tư: Phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu. Tuy nhiên tại điểm d, khoản 3 Phụ lục kèm theo Công văn số 3975/BKHĐT-QLĐT ngày 15/6/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư có nêu: “ <i>Cắt bỏ khâu thẩm định, phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu, thương thảo hợp đồng trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu nhằm giảm thủ tục, rút ngắn thời gian trong đấu thầu.</i> ”. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, điều chỉnh nội dung phù hợp.	Đà Nẵng	Tiếp thu
		- Đề nghị bổ sung trách nhiệm của nhà thầu, nhà đầu tư “ <i>Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, đề xuất trong hồ sơ dự thầu</i> ” - Đề nghị hiệu chỉnh dẫn chiếu tại khoản 10 Điều 76 như sau: “ <i>10. Hủy thầu theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật này</i> ”.		
		Theo khoản 3 Điều 15 quy định, chủ đầu tư chịu trách nhiệm hủy thầu đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2. Do đó, đề nghị xem bổ sung quy định thống nhất, phù hợp. Kiến nghị bổ sung mục xem xét chủ đầu tư ủy quyền cho Bên mời thầu phê duyệt một số công việc có tính chất đơn giản.	Tổng Cục đường bộ	Tiếp thu
		- Khoản 1 Điều 76: + Xóa nội dung “gói thầu có chiến lược đấu thầu đã được phê duyệt”. + Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định cho phép chủ đầu tư được ủy quyền cho Bên mời thầu hoặc đơn vị trực thuộc chủ đầu tư phê duyệt một số nội dung trong quá trình lựa chọn nhà thầu (như HSMQT, HSMST, HSMT, HSYC, danh sách ngắn, danh sách xếp hạng nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu) để rút ngắn, trình tự, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu quy mô nhỏ, tính chất đơn giản, gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu.	Bộ Giao thông vận tải	

		- Đề nghị nghiên cứu sửa lại khoản 10 Điều 76 để thống nhất, phù hợp với khoản 3 Điều 15 như sau: Hủy thầu theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật này. - Đề nghị nghiên cứu bổ sung các trách nhiệm: + Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật. + Chấp thuận nhà thầu đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm thực hiện gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu.		
		- Điểm a khoản 1: Khoản 1 Điều 40 của Dự thảo quy định: “Chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Đối với gói thầu cần thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án, trường hợp chưa xác định được chủ đầu tư thì người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định (nếu cần thiết) và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu”. Điểm a Khoản 1 Điều 76 dự thảo Luật quy định chủ đầu tư có trách nhiệm phê duyệt “kế hoạch lựa chọn nhà thầu trong trường hợp gói thầu được thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án, gói thầu có chiến lược đấu thầu đã được phê duyệt”. Nội dung tại khoản 1 Điều 40 và điểm a Khoản 1 Điều 76 đều quy định đối với trường hợp trước khi dự án được phê duyệt (chưa có dự án) nhưng tại Khoản 1 Điều 40 quy định trong trường hợp này là chưa xác định được chủ đầu tư; còn tại điểm a Khoản 1 Điều 76 quy định trường hợp đã xác định được chủ đầu tư (nên mới có việc chủ đầu tư phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trước khi dự án được phê duyệt). Do đó, đề nghị rà soát, sửa đổi đảm bảo thống nhất. - Khoản 3: Đề nghị bổ sung như sau để nội dung quy định được rõ hơn và để phân biệt với trường hợp thành lập bên mời thầu trong trường hợp lựa chọn nhà đầu tư: “Quyết định thành lập bên mời thầu với nhân sự đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật này đối với lựa chọn nhà thầu.....”	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	
	Điều 77. Trách nhiệm của bên mời thầu	Theo khoản 3 Điều 15 quy định, người có thẩm quyền, chủ đầu tư chịu trách nhiệm hủy thầu đối với trường hợp quy định tại các điểm của khoản 2. Do đó, đề nghị xem bổ sung quy định thống nhất, phù hợp.	Tổng Cục đường bộ	Tiếp thu

	Điều 79 Trách nhiệm của nhà thầu, nhà đầu tư	Đề nghị nghiên cứu sửa đổi khoản 5 như sau: Bảo đảm trung thực, chính xác trong việc kê khai, cung cấp thông tin khi tham dự thầu, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo.	Bộ Giao thông vận tải	
		Đề nghị nghiên cứu bổ sung trách nhiệm của bên mời thầu trong việc: Đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu, trình chủ đầu tư chấp thuận đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu.	Bộ Giao thông vận tải	
	Điều 80	Đề nghị quy định cụ thể nhiệm vụ của “ <i>tổ chức thẩm định</i> ”/“ <i>tổ thẩm định</i> ”/“ <i>đơn vị thẩm định</i> ” gồm: thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu...	Bộ Tài chính	Tiếp thu
	Điều 83 (Giám sát)	Đề nghị xem xét hiệu chỉnh “Giám sát quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu chính, quan trọng thuộc các dự án quan trọng quốc gia”.	Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	Không tiếp thu
		Kiến nghị chỉ quy định đối với dự án do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.	Tổng Cục đường bộ	
		(Vụ ĐT) Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công có quy định: “Điều 52. <i>Nhiệm vụ của bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, các cơ quan, tổ chức khác có liên quan:</i> ... 2. Công khai danh sách các nhà thầu vi phạm thời gian lập hồ sơ quyết toán trên Báo Đấu thầu, hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để thông báo cho các chủ đầu tư, ban quản lý dự án biết các nhà thầu vi phạm thời gian lập hồ sơ quyết toán	Bộ Tài chính	

		hợp đồng. Không để nhà thầu có vi phạm quy định về thời gian lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được tham gia đấu thầu dự án, gói thầu mới. ... Thực hiện quy định nêu trên, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định nêu trên vào các Điều của dự thảo, cụ thể như sau: - Bổ sung vào Điều 83 trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về “<i>Công khai danh sách các nhà thầu vi phạm thời gian lập hồ sơ quyết toán trên Báo Đấu thầu, hệ thống mạng đấu thầu quốc gia</i>” theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán; - Bổ sung vào Điều 84 trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, các cơ quan ở trung ương và UBND các cấp “<i>Không để nhà thầu có vi phạm quy định về thời gian lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được tham gia đấu thầu dự án, gói thầu mới</i>”; - Bổ sung hành vi “<i>vi phạm thời gian lập hồ sơ quyết toán</i>” là hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu tại Điều 89 và xử lý vi phạm tại Điều 90. - Bổ sung “hủy thầu” (quy định tại điều 15 Dự thảo Luật) và “đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu” (quy định tại điều 16 Dự thảo Luật) đối với trường hợp phát hiện nhà thầu vi phạm thời gian lập hồ sơ quyết toán (do đây là hành vi vi phạm các quy định khác của pháp luật có liên quan).		
		Đề nghị nghiên cứu chỉ quy định đối với dự án do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.	Bộ Giao thông vận tải	
	Điều 84	Tại khoản 5 quy định “ <i>5. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu chính, quan trọng thuộc các dự án thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý</i> ”. Đề thống nhất trong việc áp dụng quy định này, đề nghị quy định cụ thể tiêu chí của các gói thầu chính.	BỘ TÀI CHÍNH	Tiếp thu
		Khoản 5: đề nghị sửa thành: “ <i>Tổ chức giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu chính, quan trọng thuộc các dự án thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý, trừ các dự án, gói thầu thuộc dự án quan trọng quốc gia</i> ”.	Bộ Nông nghiệp và PTNT	

	Điều 85	Đề nghị sửa nội dung quy định tại khoản 4 “4. <i>Xây dựng Hệ thống đảm bảo tương thích với các hệ thống khác; ...</i> ” thành “4. <i>Xây dựng Hệ thống đảm bảo tương thích, <u>kết nối, chia sẻ</u> với các hệ thống khác; ...</i> ”.	BỘ TÀI CHÍNH	
	Điều 89. Các hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu	Kiến nghị xem xét quy định như Luật Đấu thầu số 43/2012/QH13 “Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 50 tỷ đồng (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết”.	Tổng Cục đường bộ	
		Điểm d Khoản 6: Đề nghị làm rõ việc: “ <i>do mình cung cấp dịch vụ tư vấn trước đó</i> ” là chỉ xét đến nhà thầu chính thực hiện mà không bao gồm nhà thầu phụ hoặc cung cấp dưới bất kỳ dưới hình thức nào khác.		
		- Đối với quy định tại khoản 8 Điều 89 dự thảo, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Xây dựng làm rõ nội dung quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP về nhà thầu phụ do chủ đầu tư chỉ định có phải hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại Điều 89 Dự thảo không? - Đề nghị xem xét bỏ nội dung quy định liên quan đến nhà thầu phụ do chủ đầu tư chỉ định, do quy định này có thể nảy sinh những rủi ro liên quan (chủ đầu tư, nhà thầu trúng thầu thông đồng để chuyển nhượng thầu,...).	Lào Cai	
		- Tại điểm c khoản 5 Điều 89 Dự thảo quy định các hành vi bị cấm, trong đó có nhóm hành vi “cản trở” có hành vi: “Lợi dụng kiến nghị trong đấu thầu, khiếu nại, tố cáo để cản trở cuộc thầu nhằm thu lợi bất chính”. Trong thực tế hiện nay, có nhiều trường hợp các nhà thầu lợi dụng quy định của pháp luật để kiến nghị, tố cáo kéo dài làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của các chủ đầu tư cũng như của cơ quan nhà nước. Vì vậy, đề nghị bổ sung thêm nội dung “Chính phủ quy định chi tiết điều này” để nội dung này được quy định cụ thể làm cơ sở pháp lý để xử lý các nhà thầu cố tình vi phạm.	Bắc Giang	Tiếp thu, quy định chi tiết tại Nghị định
		Với quy định tại điểm a khoản 8 có thể xảy ra việc bỏ sót vi phạm trong trường hợp nhà thầu chuyển nhượng phần công việc cho nhà thầu khác chưa vượt giá trị tối đa dành cho thầu phụ nhưng không báo cáo Chủ đầu tư xem xét, chấp	Bộ Giao thông vận tải	

		thuận. Do đó, đề nghị nghiên cứu sửa đổi điểm a, b khoản 8 theo hướng như sau: a) Chuyển nhượng thầu là việc nhà thầu chính hoặc nhà thầu phụ tự ý giao một phần hoặc toàn bộ công việc thuộc trách nhiệm của mình cho nhà thầu khác thực hiện mà không báo cáo Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận. b) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chính giao nhà thầu phụ thực hiện phần công việc vượt quá giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng (nếu có).		
		- Điểm i khoản 6 quy định các hành vi bị cấm trong đấu thầu trong đó có quy định hành vi: “Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp hoặc gói thầu hỗn hợp khi áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, trừ trường hợp nêu tại khoản 3 và khoản 4 Điều 17 của Luật này”. Tuy nhiên trên thực tế, có một số gói thầu mua sắm hàng hóa đặc thù, việc nêu tên nhãn hiệu là cần thiết để tránh mua phải những sản phẩm không tương thích với hệ thống/ứng dụng/phần mềm đang vận hành. Do đó, đề nghị xem xét, chỉnh sửa nội dung về hành vi bị cấm nêu tên nhãn hiệu đối với một số hàng hóa công nghệ thông tin. - Đề nghị quy định thêm hành vi Nhà thầu tự Chào phương án kỹ thuật thay thế/ phương án kỹ thuật dự phòng khi HSMT, HSYC không cho phép/ không quy định. Thực tế có một số trường hợp Nhà thầu chào phương án kỹ thuật dự phòng khi Chủ đầu tư không yêu cầu, nhưng Chủ đầu tư cũng không có căn cứ pháp lý để đánh giá không đạt/ hủy thầu và hiện tại HSMT của Đấu thầu qua mạng cũng không có quy định về việc cho phép Nhà thầu chào Phương án kỹ thuật thay thế/ Phương án kỹ thuật dự phòng. Đề nghị quy định cụ thể đối với hành vi này để Chủ đầu tư có căn cứ thực hiện.	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	
	Điều 90. Xử lý vi phạm	Phương án 2: Cấm trên cả nước	Ban CPTW, Hội nông dân, Bộ Quốc	

			phòng, HLHPNVN	
		Phương án 1	Viện HLKHXHVN Tổng Cục đường bộ	
	Điều 92	khoản 2: đề nghị bổ sung đơn dự thầu phải ghi rõ địa chỉ của nhà thầu để tránh trường hợp nhà thầu có địa chỉ nhiều nơi, địa chỉ không rõ ràng và Hội đồng tư vấn đấu thầu không phải là bên mời thầu nên không nắm rõ thông tin nhà thầu để liên hệ xử lý nội dung kiến nghị. Đồng thời, đề nghị không quy định nội dung “...hoặc phải gửi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia” vì đối với các nội dung kiến nghị thuộc thẩm quyền của Hội đồng tư vấn đấu thầu, khi nhà thầu gửi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chỉ bên mời thầu được biết, Hội đồng sẽ không được cung cấp thông tin kịp thời.	Đồng Nai	Tiếp thu, sẽ đưa vào Thông tư
	Điều 93 (Giải quyết kiến nghị)	- Phương án 1: TCT Hàng không Việt Nam, Phú Yên, Nghệ An, Đài tiếng nói VN Bộ Thông tin truyền thông Viện Hàn lâm KHCN, Đồng Tháp, Hà Nội, Tuyên Quang, Bình Thuận, Bộ Tài chính, EVN, Thừa Thiên Huế - Phương án 2: VINCONS, TCT Xi măng Việt Nam; Quảng Trị, Khánh Hòa, Đà Nẵng, Bộ Nội vụ, Ủy ban dân tộc, Hậu Giang, Bình Dương, KonTum, Trà Vinh, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Lào Cai, Hà Giang, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Hưng Yên, Bắc Ninh, KHĐT Vĩnh Phúc, Điện Biên, Tây Ninh, Bảo hiểm xã hội, Bộ Giao thông vận tải, NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC - Phương án 3:		
		Thống nhất sử dụng khái niệm “Chủ tịch Hội đồng giải quyết kiến nghị” tại Điều 94 của dự thảo Luật Đấu thầu (sửa đổi)	Quảng Trị	
		Chưa quy định trách nhiệm cụ thể của nhà thầu khi gửi đơn kiến nghị trước pháp luật. Để có quy định chặt chẽ hơn, ràng buộc nhà thầu phải có trách nhiệm của mình trước pháp luật khi gửi đơn kiến nghị trong đấu thầu, cần quy định thêm	Quảng Nam	

		trách nhiệm của nhà thầu khi gửi đơn kiến nghị đến người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu		
		Đề nghị quy định rõ ràng hơn về trường hợp thành lập Hội đồng giải quyết kiến nghị, và thời gian giải quyết kiến nghị của Hội đồng kể từ khi nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu, chủ đầu tư (QLG) .	Bộ Tài chính	
		Quy định cụ thể hơn về vấn đề lợi ích bị ảnh hưởng và bổ sung chế tài với nhà thầu lợi dụng kiến nghị	Bình Thuận	
		Đề nghị bổ sung chế tài xử lý trong hoạt động đấu thầu đối với các nhà thầu hoặc nhà thầu liên doanh trúng thầu đã có hợp đồng tương tự nhưng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu và không đảm bảo chất lượng công trình xây dựng; hoặc có hợp đồng tương tự đã thực hiện nhưng không phối hợp với chủ đầu tư xử lý các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, cơ quan Thanh tra, cấp quyết định đầu tư của Chủ đầu tư (cụ thể không thực hiện: Xử lý tài chính nộp trả ngân sách nhà nước; giảm giá trị thanh toán; hoàn thiện hồ sơ thủ tục theo quy định làm cơ sở nghiệm thu, thanh toán, quyết toán...) thì không được tham gia đấu thầu trong thời gian nhất định. (TCDT)	Bộ Tài chính	
		- Cần phân biệt, làm rõ thêm về những trường hợp phải giải quyết đơn thư của nhà thầu trong quá trình lựa chọn nhà thầu theo quy trình khiếu nại, tố cáo hay kiến nghị. - Bổ sung thêm quy định các trường hợp đơn thư của nhà thầu không được xem xét, giải quyết; trong đó có việc đơn kiến nghị không liên quan trực tiếp đến kết quả đánh giá HSDT của nhà thầu đó (nếu có thì đã xảy ra lộ thông tin trong đấu thầu).	Bộ Giao thông vận tải	
	Điều 94 (Hội đồng giải quyết kiến nghị)	Khoản 1 - Phương án 1: TCT Xi măng Việt Nam; Khánh Hòa, Đài tiếng nói VN Bộ Nội vụ Bộ Thông tin truyền thông Ủy ban dân tộc Viện Hàn lâm KHCN, Hậu Giang, Đồng Tháp, Bình Dương, Trà Vinh, Ninh Thuận, Lào Cai, Hà Giang, Bình Dương, Đắk Lắk, Bắc Kạn, Hưng Yên, Hà Nội, Tuyên Quang, Điện Biên, Tây Ninh, Bình Thuận, Bộ Tài chính, EVN, Thừa Thiên Huế, Bộ Giao thông vận tải,		

		Bộ Nông nghiệp và PTNT, NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC		
		Khoản 2 - Phương án 1: TCT Xi măng Việt Nam, Bộ Nội vụ, Bình Dương, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Hà Giang, Bắc Kạn, Tây Ninh, Bình Thuận, Bộ Tài chính		
		Đề nghị nghiên cứu xem xét quy định nội dung Hội đồng kiến nghị theo hai hướng sau: - Hướng thứ nhất: Hội đồng giải quyết kiến nghị là đơn vị tư vấn giải quyết kiến nghị độc lập với cơ quan Nhà nước. - Hướng thứ hai: Trường hợp việc giải quyết kiến nghị vẫn giao cho cơ quan nhà nước thực hiện thì đề nghị quy định thêm một cấp về Hội đồng giải quyết kiến nghị bao gồm: Cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện. Trong đó Sở Kế hoạch và Đầu tư chỉ thực hiện vai trò Hội đồng tư vấn đối với các gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm mà người có thẩm quyền là Chủ tịch UBND cấp tỉnh; đối với các gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư thì Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị do Phòng Tài chính-kế hoạch cấp huyện thành lập.	Bắc Giang	
		Khoản 3: Phương án 1: Bắc Kạn, Tây Ninh		
		Đề nghị bổ sung 1 điều quy định về chi phí giải quyết kiến nghị trong đấu thầu , trong đó, quy định cụ thể nội dung về việc hoàn trả chi phí giải quyết kiến nghị mà nhà thầu, nhà đầu tư đã nộp (theo quy định tại khoản 5 Điều 95) cho nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp kiến nghị của nhà thầu, nhà đầu tư được kết luận là đúng, bao gồm: (i) chủ thể thực hiện hoàn trả kinh phí cho nhà thầu, nhà đầu tư là ai (Hội đồng giải quyết kiến nghị hay chủ đầu tư, bên mời thầu?); (ii) nguồn kinh phí để hoàn trả; (iii) trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp này	Bộ Tài chính	Tiếp thu và đề ở Nghị định
	Điều 96 (Quy trình giải)	1. Tại Điểm d Khoản 1 và Điểm d Khoản 3 Điều 96 Dự thảo quy định: “Người có thẩm quyền phải có Văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến Nhà thầu/Nhà đầu tư trong thời gian 05 ngày làm việc , kể từ ngày nhận được Văn bản kiến nghị của	Phú Yên	Không tiếp thu

	quyết kiến nghị)	Nhà thầu/Nhà đầu tư”, đề nghị tăng thời gian giải quyết lên thành 15 ngày làm việc để đảm bảo có đủ thời gian thực hiện. 2. Tại Điểm d Khoản 2 Điều 96 Dự thảo chưa quy định về thời gian giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị, đề nghị bổ sung thêm với thời gian giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị là 30 ngày (để đảm bảo có đủ thời gian thực hiện và đồng bộ với quy định tại Điểm d Khoản 4 về thời gian giải quyết kiến nghị của Nhà đầu tư). Đồng thời, tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều này, đề nghị bổ sung thêm quy định về thời gian mà Người có thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết kiến nghị.		Tiếp thu
		điểm a khoản 3 sửa thành cụm từ: “<i>Nhà thầu gửi văn bản kiến nghị đến chủ đầu tư đối với dự án; bên mời thầu đối với mua sắm thường xuyên, mua sắm tập trung trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thông báo kết quả sơ tuyển, kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà thầu</i>”. Đồng thời, kiến nghị bổ sung thời hạn để Hội đồng giải quyết kiến nghị trả lời kiến nghị và có văn bản báo cáo người có thẩm quyền cũng như thời hạn để người có thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu. Tại khoản 4 Điều 96 - Quy định về Quy trình giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư: Kiến nghị bổ sung thời hạn để người có thẩm quyền ban hành quyết định giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư.		
		Về Quy trình giải quyết kiến nghị (điểm d khoản 4 Điều 96 Dự thảo Luật): Đề nghị tăng thời gian giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư của Hội đồng giải quyết kiến nghị vì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà đầu tư, Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị không đủ thời gian để thành lập hội đồng, triệu tập thành viên hội đồng (các Sở, ngành chuyên môn), giải quyết các vướng mắc và các vấn đề liên quan để kịp thời có kết quả trả lời kiến nghị cho các đầu tư. Đồng thời, khi triển khai các quy định của Luật Đấu thầu mới, đề nghị Chính phủ tăng chi phí giải quyết kiến nghị nhằm tăng trách nhiệm của bên mời thầu khi tổ chức lựa chọn nhà thầu phải đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng và hiệu quả; tăng trách nhiệm của các nhà thầu khi có	Đồng Nai	

	kiến nghị không đúng, cố tình gửi đơn kiến nghị khi không đáp ứng hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu nhằm cản trở cuộc thầu, kéo dài thời gian đấu thầu, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện gói thầu; có quy định chi phí cho việc giải quyết kiến nghị của nhà đầu tư đối với lựa chọn nhà đầu tư.		
	Tại Điểm d Khoản 1 Điều 96 Dự thảo quy định “Người có thẩm quyền phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà thầu” là quá ngắn, không khả thi nên đề nghị là 20 ngày	Bắc Giang	Không TT
	Đề nghị bổ sung vào khoản 2 Điều 96 Dự thảo, trong đó giao thêm trách nhiệm giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu cho người có thẩm quyền để tăng cường trách nhiệm quản lý trong công tác đấu thầu tại địa phương; trường hợp không giải quyết được thì nhà thầu có quyền gửi đơn đến hội đồng giải quyết kiến nghị; như vậy sẽ đảm bảo việc chấn chỉnh công tác đấu thầu tại địa phương theo hướng dẫn tại khoản 8 Chỉ thị số 03/CT-BKHĐT ngày 24/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hạn chế tối đa việc kiến nghị, đơn thư vượt cấp.	Vĩnh Phúc	Tiếp thu
	Khoản 3: PA1	Bộ Nội vụ, Đài tiếng nói VN Ủy ban dân tộc Viện Hàn lâm KHCN	Tiếp thu
	điểm d khoản 2 Điều 96: thay cụm từ “ tạm dừng cuộc thầu ” bằng “ tạm dừng việc tổ chức lựa chọn nhà thầu ”	Bình Định	Tiếp thu
	Đề góp ý và đánh giá được toàn diện, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu phân loại các điều khoản của dự thảo theo 05 nội dung chính sách Quý Bộ đã trình Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 9313/TTr-BKHĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 và được các Thành viên Chính phủ có ý kiến, gồm: (i) Xác định rõ phạm vi điều chỉnh, nguyên tắc áp dụng Luật Đấu thầu, các Luật có liên quan và điều ước, thỏa thuận quốc tế về ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ. (ii)	Bộ Tài nguyên môi trường	Tiếp thu

	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác đấu thầu, bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch trong hoạt động đấu thầu. (iii) Đơn giản hóa quy trình, thủ tục thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, cắt giảm thời gian, chi phí trong hoạt động đấu thầu. (iv) Hoàn thiện quy định về đấu thầu mua sắm hàng hóa trong nước, mua sắm các sản phẩm đổi mới sáng tạo, mua sắm xanh, mua sắm sản phẩm, dịch vụ được cung cấp bởi nhóm lao động yếu thế nhằm góp phần thúc đẩy sản xuất trong nước, thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường. (v) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đấu thầu; phòng chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong hoạt động đấu thầu. Và cũng đề nghị Quý Bộ đánh giá tại các điều khoản của Luật Đấu thầu năm 2013, điều khoản nào đã phù hợp với 05 chính sách trên, từ đó đưa ra điều khoản cần phải sửa đổi, bổ sung thêm		
	- Dự thảo Luật Đấu thầu (sửa đổi) vẫn còn điểm mâu thuẫn với Luật Đất đai 2013. Cụ thể, theo quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nhà ở thương mại có sử dụng đất, Dự thảo Luật Đấu thầu (sửa đổi) cho phép áp dụng đấu giá và đấu thầu kể cả đối với đất chưa thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng. Điều này mâu thuẫn với Khoản 1, Điều 119 Luật Đất đai 2013 quy định điều kiện để tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất là khi “đất đã được giải phóng mặt bằng”. Việc cho phép thực hiện đấu giá/đấu thầu khi chưa hoàn thành bồi thường, giải phóng mặt bằng dẫn tới nhiều vụ việc chủ đầu tư chậm giao đất cho nhà thầu thi công, khiến nhà thầu phải gánh nhiều thiệt hại: lãng phí máy móc, nhân lực, phát sinh chi phí, chậm tiến độ công trình. Do đó, đề nghị Dự thảo Luật quy định hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư chỉ áp dụng đối với các dự án đã có quỹ đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của Nhà nước. Đối với các dự án khác có quỹ đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của nhà đầu tư sau khi hoàn thành việc nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp, đất khác (trừ đất thuộc quyền sử dụng của Nhà nước) thì thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương, giao đất, cho thuê đất không cần thông qua đấu giá, đấu thầu.	CIEM	Dự kiến quy định thống nhất trường hợp, điều kiện áp dụng đấu giá, đấu thầu tại dự thảo Luật đất đai sửa đổi Nghiên cứu sau cuộc họp với Bộ Y tế (đối với nội dung về giá trung bình trúng thầu)

		- Liên quan tới việc đấu thầu thuốc và mua sắm vật tư y tế, đề nghị Dự thảo Luật có quy định cụ thể hơn về quy trình xây dựng giá kế hoạch và sử dụng giá trúng thầu trung bình đã được Bảo hiểm Xã hội Việt Nam công khai. Hiện nay, việc thực hiện đấu thầu thuốc và mua sắm vật tư y tế còn nhiều bất cập. Ví dụ như, có trường hợp giá thuốc do doanh nghiệp đóng trên địa bàn khi trúng thầu tại các cơ sở khám chữa bệnh của chính địa phương lại cao hơn đáng kể so với giá thuốc trúng thầu tại địa phương khác. Nhiều hội đồng đấu thầu xây dựng giá kế hoạch dựa trên báo giá của một số nhà cung cấp địa phương mà không tham khảo giá trúng thầu các mặt hàng cùng chủng loại, cùng thời điểm tại các đơn vị, địa phương khác. Ngoài ra, còn có tình trạng hội đồng đấu thầu nêu cụ thể xuất xứ, tên thương mại của sản phẩm, yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, năng lực tài chính, kinh nghiệm không phù hợp, làm hạn chế sự tham gia của nhà thầu, thậm chí chỉ định thầu. Do đó, đề nghị quy định trong trường hợp xây dựng giá kế hoạch không hợp lý thì các hội đồng đấu thầu phải trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh giá kế hoạch. Trường hợp xây dựng giá kế hoạch cao dẫn đến giá trúng thầu cao bất hợp lý thì Quỹ Bảo hiểm Y tế chỉ chấp nhận thanh toán theo giá thuốc trúng thầu trung bình.		
		Nghiên cứu chuyển khoản 5 Điều 96 vào Điều 95, đồng thời sửa đổi như dưới đây để đảm bảo thuận tiện theo dõi và thống nhất trong việc quy định về điều kiện để xem xét, giải quyết kiến nghị: <i>“Trường hợp nhà thầu, nhà đầu tư gửi văn bản kiến nghị trực tiếp đến người có thẩm quyền hoặc các cơ quan ban, ngành cấp trên mà không tuân thủ theo quy trình giải quyết kiến nghị quy định tại Điều này thì văn bản kiến nghị không được xem xét, giải quyết”</i>.	Bộ Giao thông vận tải	
	Điều 98 Hiệu lực thi hành	Đề nghị bổ sung quy định chuyển tiếp đối với các gói thầu, dự án đang triển khai thực hiện, đảm bảo việc thực hiện quy định mới về đấu thầu thuận lợi, rõ ràng.	Bộ Nông nghiệp và PTNT	
	Phụ lục	- Mục 4: Đề nghị viết rõ ràng và có hướng dẫn cụ thể hơn đối với Phương án 2 (nêu cách tính tổng quát đối với phần vốn của doanh nghiệp nhà nước trong tổng mức đầu tư của dự án của các doanh nghiệp).	TCT Hàng không Việt Nam	Tiếp thu

	Đối với vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, Phụ lục kèm theo Dự thảo Luật Đấu thầu sửa đổi đưa ra cách thức xác định phần vốn của doanh nghiệp nhà nước trong các dự án đầu tư phát triển. Theo đó, giá trị phần vốn của doanh nghiệp nhà nước trong tổng mức đầu tư dự án được xác định tương ứng với tỉ lệ phần vốn góp của doanh nghiệp nhà nước góp vào các công ty con, công ty liên kết là chủ đầu tư của dự án đầu tư phát triển đó (<i>tỉ lệ % vốn góp trong vốn điều lệ X tổng mức đầu tư của dự án</i>). Theo EVN, cách thức xác định vốn của doanh nghiệp nhà nước như vậy chưa hoàn toàn phù hợp, thống nhất với quy định tại các Luật có liên quan, cụ thể: - Với quy định tại Phụ lục kèm theo Dự thảo Luật thì dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển của các doanh nghiệp là công ty con của doanh nghiệp nhà nước cũng sẽ được coi là dự án sử dụng vốn của doanh nghiệp nhà nước và thuộc phạm vi điều chỉnh trực tiếp của Luật Đấu thầu. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 35 Luật Doanh nghiệp thì <i>“Thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và cổ đông công ty cổ phần phải chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn cho công ty theo quy định sau đây:</i> <i>a) Đối với tài sản có đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đất thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho công ty theo quy định của pháp luật. Việc chuyển quyền sở hữu, chuyển quyền sử dụng đất đối với tài sản góp vốn không phải <u>chiu lệ phí trước bạ</u>;</i> <i>b) Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản, trừ trường hợp được thực hiện thông qua tài khoản”.</i> Như vậy, khi doanh nghiệp nhà nước góp vốn vào công ty con, công ty liên kết thì theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quyền sở hữu giá trị vốn góp đó sẽ được chuyển sang công ty con, công ty liên kết. Theo đó, việc căn cứ tỉ lệ vốn góp trong vốn điều lệ để xác định giá trị vốn của doanh nghiệp nhà nước trong tổng mức đầu	EVN	
--	--	-----	--

	tư của công ty con, công ty liên kết sẽ không thống nhất với quy định về chuyển quyền sở hữu phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp nêu trên. - Theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Luật Xây dựng “<i>Chủ đầu tư xây dựng (sau đây gọi là chủ đầu tư) là cơ quan, tổ chức, cá nhân sở hữu vốn, vay vốn hoặc được giao trực tiếp quản lý, sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng</i>”. Đối với các dự án đầu tư xây dựng do công ty con, công ty liên kết của doanh nghiệp nhà nước làm chủ đầu tư, nếu nguồn vốn thể hiện trên quyết định đầu tư dự án là vốn của chủ đầu tư hoặc vốn do chủ đầu tư tự huy động, thì nguồn vốn sử dụng cho gói thầu thể hiện trên kế hoạch lựa chọn nhà thầu cũng cần phải phù hợp với thông tin về nguồn vốn trong quyết định đầu tư dự án. Theo đó, việc xác định tỉ lệ vốn của doanh nghiệp nhà nước trong tổng mức đầu tư dự án của công ty con, công ty liên kết theo Phụ lục Dự thảo Luật sẽ dẫn đến sự không thống nhất về thông tin nguồn vốn của gói thầu với thông tin nguồn vốn theo quyết định đầu tư dự án. Điều này là không cần thiết, sẽ gây phức tạp cho chủ đầu tư trong quá trình quản lý đầu tư xây dựng dự án. - Khoản 9 Điều 3 Luật số 69 quy định “<i>Vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bao gồm vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp và vốn do doanh nghiệp huy động</i>”. Có thể thấy quy định về vốn của doanh nghiệp nhà nước theo Luật số 69 là phù hợp với nguyên tắc về chuyển giao quyền sở hữu vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp nêu trên. Từ các nội dung nêu trên, kiến nghị Ban soạn thảo Luật Đấu thầu sửa đổi xem xét: - <u>Quy định nội hàm</u> khái niệm vốn nhà nước trong Dự thảo Luật thống nhất với quy định về vốn nhà nước tại Luật Đầu tư công, Luật số 69, Luật Xây dựng và các luật khác có liên quan. - Xác định phần vốn của doanh nghiệp nhà nước trong các dự án đầu tư phát triển phù hợp với các quy định về chuyển giao quyền sở hữu vốn góp theo Luật Doanh nghiệp và quy định về bố trí nguồn vốn cho dự án đầu tư xây dựng theo Luật Xây dựng. Theo đó, phần vốn của doanh nghiệp nhà nước nên được giới hạn		
--	--	--	--

	ở nguồn vốn đầu tư tại công ty mẹ, không bao gồm vốn đầu tư của các công ty con cấp tiếp theo thuộc doanh nghiệp nhà nước. Đối với các công ty con cấp tiếp theo thuộc doanh nghiệp nhà nước, giao các doanh nghiệp này căn cứ Luật Đấu thầu để ban hành quy định nội bộ về mua sắm/đấu thầu đảm bảo các mục tiêu công bằng, minh bạch, công khai và hiệu quả.		
	- Đề nghị nghiên cứu, xem xét quy định chi tiết hóa công thức xác định phần vốn nhà nước, vốn của DNNN trong các dự án đầu tư phát triển để đảm bảo đúng bản chất và phù hợp với nội dung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 Dự thảo Luật - Đề nghị xem xét không tính phần vốn vay có sử dụng tài sản hiện có của doanh nghiệp, tài sản hình thành sau dự án để thế chấp là phần vốn nhà nước, vốn của DNNN để phù hợp với thực tế là các dự án đa phần sử dụng vốn vay có đảm bảo bằng tài sản.	TCT Hàng hải Việt Nam	Tiếp thu
	Tại Mục 2, kiến nghị xem xét về nội dung “V là phần vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước trong tổng mức đầu tư của dự án” trong công thức $V = a(\%) \times T$ vì lý do nếu đã quy định Công ty A không phải là doanh nghiệp nhà nước thì “phần vốn nhà nước” và “vốn của doanh nghiệp nhà nước” không tương đồng với nhau. Tại Mục 4, kiến nghị xem xét điều chỉnh theo hướng khái quát hóa trường hợp các doanh nghiệp có vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước.	Đà Nẵng	Tiếp thu
	- Đề nghị đơn vị soạn thảo thuyết minh chi tiết cơ sở xây dựng các công thức tại Phụ lục Dự thảo để các đơn vị có cơ sở tham gia ý kiến. - Mục 3: Đề nghị xem lại công thức xác định phần vốn của doanh nghiệp nhà nước (DNNN) trong tổng mức đầu tư của dự án đối với trường hợp DNNN góp vốn để thành lập Công ty A và Công ty A là chủ đầu tư dự án. Phần vốn của DNNN trong tổng mức đầu tư của Dự án nên được xác định trên tỷ lệ nắm giữ của Nhà nước tại DNNN và tỷ lệ nắm giữ vốn của DNNN tại Công ty A (Dự thảo chỉ xét trên tỷ lệ vốn góp, cổ phần nắm giữ của Nhà nước trong vốn điều lệ).	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	

		- Mục 4: Đề xuất áp dụng phương án 2. Phương án 2 xác định rõ phần vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước trong các dự án đầu tư phát triển, làm cơ sở xác định dự án có thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật hay không.		
III	Các nội dung khác			
		Đề nghị bổ sung trường hợp đối với hàng hóa phục vụ quốc gia gói thầu sẽ không bao gồm thuế VAT và thuế nhập khẩu và vẫn thực hiện đấu thầu trong nước do các yếu tố đặc thù sau: - Hàng hóa không có sẵn trên thị trường trong nước phải nhập khẩu từ nước ngoài - Hàng hóa phục vụ nhiệm vụ quốc phòng an ninh là đối tượng không chịu thuế VAT và được miễn thuế nhập khẩu theo quy định của Luật thuế VAT và thuế nhập khẩu - Việc đấu thầu quốc tế là không bảo đảm bí mật do CĐT/Bên mời thầu phải ký hợp đồng trực tiếp với đối tác nước ngoài	Hội Cựu Chiến Binh Việt Nam	Tiếp thu, sẽ hướng dẫn cụ thể tại Nghị định
		1. Chương XII Dự thảo quy định về giải quyết kiến nghị trong đấu thầu nên việc đưa quy định về yêu cầu làm rõ về kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư (Mục 1) trong Chương này là không phù hợp	Phú Yên	Tiếp thu
		2. Về bổ sung quy định về lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu triển khai quy hoạch: Theo khoản 1 Điều 12 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 72/2019/NĐ-CP có quy định “Việc lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch đô thị thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu”. Tuy nhiên hiện nay, tại Luật đấu thầu chưa có quy định đối với các gói thầu liên quan đến quy hoạch. Do đó, kính đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung các quy định về lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu triển khai quy hoạch. 3. Đối với gói thầu hỗn hợp, hiện nay Dự thảo Luật Đấu thầu (sửa đổi) chưa quy định rõ trường hợp áp dụng cụ thể đối với mỗi loại hợp đồng hỗn hợp như EP, EC, PC. Các quy định về gói thầu hỗn hợp EPC được quy định ở các loại văn bản quy	Đà Nẵng	- Không tiếp thu đối với nội dung về gói thầu quy hoạch - gói thầu hỗn hợp: tiếp thu và nghiên cứu

		phạm pháp luật khác nhau gây khó khăn trong việc hợp nhất văn bản trong quá trình áp dụng. Riêng gói thầu EC, PC, không có quy định cụ thể ở các văn bản quy phạm pháp luật. Kính đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung vào trong Dự thảo Luật Đấu thầu (sửa đổi).		khí xây dựng Nghị định
		4. Tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ có quy định việc các tài sản mua sắm thuộc dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước hoặc các nguồn tài trợ mà Nhà tài trợ không có yêu cầu khác về mua sắm nếu thuộc danh mục mua sắm tập trung thì thực hiện mua sắm tập trung. Qua theo dõi tình hình thực hiện tại địa phương nhận thấy có một số bất cập về tiến độ thực hiện mua sắm, ảnh hưởng tiến độ chung của việc giải ngân nguồn vốn đầu tư công; đồng thời có sự bất cập trong thực hiện mua sắm theo Nghị định nêu trên và Luật Xây dựng (các chi phí cần thiết như giám sát, bảo hiểm... được duyệt theo tỷ lệ % trong dự án đầu tư để thực hiện gói thầu). Vì vậy, đề nghị đưa nội dung này vào dự thảo Luật để có hướng dẫn cụ thể, đồng bộ. 5. Đưa vào nội dung Luật các trường hợp cụ thể phải làm rõ hồ sơ dự thầu, tránh tình trạng lạm dụng, kéo dài thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu	Hà Tĩnh	Tiếp thu
		6. Đấu thầu qua mạng: Hiện nay tình trạng các BMT “quên”, “thiếu”, “sót” tài liệu khi đăng tải hồ sơ mời thầu HSMT. Trong đó, HSMT thường thiếu các tài liệu như: hồ sơ thiết kế bản vẽ kỹ thuật; các chương quan trọng như tiêu chuẩn đánh giá, bảng tiên lượng mời thầu... Ngay khi phát hiện HSMT bị thiếu, các nhà thầu đã có văn bản gửi lên Hệ thống và đề nghị bên mời thầu sớm bổ sung, hoàn thiện HSMT. Tuy nhiên, bên mời thầu phản hồi muộn. Do đó, cần quy định rõ hơn về dữ liệu HSMT khi đăng tải và gắn trách nhiệm người đứng đầu khi bên mời thầu, Chủ đầu tư có tình trạng đăng tải sai lệch hoặc thiếu dữ liệu, nhằm hạn chế tối đa sự cạnh tranh các nhà thầu khi tham gia. 7. Đối với mạng đấu thầu quốc gia hiện nay đã và đang sử dụng trình duyệt Internet Explorer quá cũ, đề nghị Trung tâm đấu thầu mạng quốc gia xem xét chuyển đổi các phiên bản trình duyệt mới để thao tác, hiện đại.	Bình Định	Đã xử lý ở TT số 08/2022

		Bổ sung điều khoản chuyển tiếp	Bình Dương	Tiếp thu
		- Đề nghị xác định, thống nhất thuật ngữ dùng trong Luật: “Dự án đầu tư phát triển” hay “Dự án đầu tư”. - Đề nghị làm rõ khái niệm “chiến lược đấu thầu”; quy định rõ quy mô, tính chất Dự án phải lập chiến lược đấu thầu.	Đắc Lắc	Không tiếp thu
		- Để hướng tới mục tiêu công khai, minh bạch trong đấu thầu, đề nghị nghiên cứu bổ sung nội dung yêu cầu trong thời gian tới (theo lộ trình, khả năng đáp ứng về kỹ thuật) nhà thầu tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia phải cung cấp các thông tin liên quan để hình thành cơ sở dữ liệu thông tin tin cậy phục vụ việc tra cứu, đánh giá thầu, kiểm tra giám sát; cụ thể như: Thông tin doanh nghiệp; thông tin về tài chính (doanh thu, lợi nhuận, thuế...); các hợp đồng đã/đang thực hiện; các gói thầu đã trúng thầu hoặc đã mở thầu đang trong quá trình đánh giá; uy tín của nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng; các hình thức xử lý vi phạm (nếu có)... Trên cơ sở dữ liệu thu thập, hoàn thiện có thể cho phép tiến hành đấu thầu và quản lý đấu thầu hoàn toàn trên môi trường mạng. - Dự thảo Luật chưa có nội dung hướng dẫn về thi hành chuyển tiếp, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung.	Bộ Giao thông vận tải	
		1. Dự thảo Luật đưa ra các phương án để lựa chọn tại các điều, khoản. Tuy nhiên, tại một số điều, khoản Cơ quan chủ trì soạn thảo chưa có thuyết minh cơ sở để đưa ra các phương án (như quy định xác định phần vốn của doanh nghiệp nhà nước Phụ lục dự thảo Luật, quy định về việc đơn vị quản lý đấu thầu cấp trên cho ý kiến thì chủ đầu tư, bên mời thầu không cần tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu (HSMT) tại khoản 8 Điều 17 dự thảo Luật, cơ sở thay đổi quy định về chỉ định thầu tại Điều 20 dự thảo Luật...) dẫn đến khó khăn cho các đơn vị trong quá trình tham gia đóng góp ý kiến. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thuyết minh cụ thể cho các phương án đề ra tại dự thảo Luật 2. Một số nội dung của dự thảo Luật là quy định mới so với Luật Đấu thầu năm 2013, tuy nhiên chưa có quy định hướng dẫn rõ hoặc chưa có quy định về việc	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	

	giao Chính phủ hướng dẫn như: quy định về “gói thầu hỗn hợp có kỹ thuật cao hoặc đặc thù” tại điều 29, tùy chọn mua thêm” tại Điều 4, Điều 22, Điều 39, “Chiến lược đầu thầu cho dự án đầu tư phát triển” tại Điều 36, Điều 37...Do đó đề nghị rà soát, sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật đảm bảo đầy đủ, khả thi. 3. Đề nghị làm rõ tại dự thảo Luật các thuật ngữ: “cơ quan quản lý về đầu thầu” tại điểm đ khoản 1 Điều 10, “tham vấn thị trường” tại Điều 39; khái niệm “dự toán”, “dự án”, “dự án đầu tư phát triển trong việc thực hiện mua sắm đối với tài sản là máy móc thiết bị không cần lắp đặt”,...Ngoài ra, dự thảo sử dụng một số thuật ngữ chưa thật sự rõ nghĩa như: “các yếu tố vật lý”, “tiêu chuẩn nhất định” tại khoản 8, Điều 4; “xây lắp vì mục đích công” tại Khoản 12 Điều 4; “...Đề nghị đơn vị soạn thảo chỉnh sửa hoặc có giải thích rõ ràng để dễ áp dụng trên thực tế. 4. Về đồng tiền dự thầu: Dự thảo đã bỏ quy định về đồng tiền dự thầu. Đề nghị làm rõ nguyên tắc đồng tiền chào thầu, đánh giá tài chính thì dựa vào quy định nào? - Về một số thuật ngữ sử dụng trong Dự thảo: Dự thảo sử dụng một số thuật ngữ chưa thật sự rõ nghĩa như: “các yếu tố vật lý”, “tiêu chuẩn nhất định” tại khoản 8, Điều 4; “xây lắp vì mục đích công” tại Khoản 12 Điều 4; “tùy chọn mua thêm” tại Điều 4, Điều 22, Điều 39...Đề nghị đơn vị soạn thảo chỉnh sửa hoặc có giải thích rõ ràng để dễ áp dụng trên thực tế. 5. Về thống nhất quy định về các hình thức chọn nhà thầu: + Ngày 03/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định 15/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, trong đó có quy định về việc “giao thầu”, tuy nhiên Luật Đấu thầu hiện hành và dự thảo Luật đầu thầu (sửa đổi) không quy định về hình thức này. Do đó, đề nghị rà soát, bổ sung hoặc có đề xuất làm rõ tại các văn bản QPPL có liên quan. + Đấu thầu rộng rãi là hình thức chọn nhà thầu mang tính cạnh tranh cao nhất, đem lại hiệu quả kinh tế cho gói thầu. Tuy nhiên, dự thảo Luật vẫn quy định hình thức này không áp dụng với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh bởi các hình thức khác, do đó, gây khó khăn trong việc chọn nhà thầu. Ngoài ra, đề nghị bổ sung các quy định nhằm giảm thiểu hơn nữa số lượng các gói thầu được phép chỉ	
--	---	--

		định thầu, thay vào đó là áp dụng các hình thức khác nhằm đảm bảo tính cạnh tranh. 6. Về áp dụng Mẫu hồ sơ mời thầu: Ngày 05/9/2019, Chính phủ ban hành Nghị định 73/2019/NĐ-CP quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, trong đó quy định về hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin. Việc áp dụng HSMT thuê tư vấn/phi tư vấn như hiện nay đối với các gói thầu thuê dịch vụ bảo trì là không phù hợp do tính chất gói thầu có nhiều điểm riêng biệt. Do đó, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung mẫu HSMT phù hợp đối với các hoạt động đấu thầu mua dịch vụ bảo trì.		
	Nội dung khác về lựa chọn nhà đầu tư	+ Theo quy định tại Mục 1 Chương VI Dự thảo thì: Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc đầu mối có chức năng kế hoạch tại Bộ, cơ quan ngang Bộ chịu trách nhiệm xác định yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư trước khi trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt danh mục dự án đầu tư (Khoản 3 Điều 52 Dự thảo). Đồng thời, là cơ quan tổ chức đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (Khoản 2 Điều 54 Dự thảo). Tuy nhiên, tại Chương IX Dự thảo (Quy định về trách nhiệm của các bên trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư) chưa quy định các nội dung liên quan đến trách nhiệm của các cơ quan nêu trên trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư (chỉ mới quy định về trách nhiệm của người có thẩm quyền và bên mời thầu). Ngoài ra, Dự thảo cũng chưa quy định về việc yêu cầu làm rõ, giải quyết kiến nghị của nhà đầu tư liên quan đến hồ sơ và các vấn đề trong quá trình đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư. + Liên quan đến việc lựa chọn Nhà đầu tư, Nghị định số 25/2020/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định: số 31/2021/NĐ-CP, số 35/2021/NĐ-CP) có quy định về thẩm quyền của Ban quản lý khu kinh tế trong việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất tại khu kinh tế. Tuy nhiên, Dự thảo chưa đề cập đến vấn đề này. Bên cạnh đó, các Nghị định nêu trên có quy định việc Trưởng Ban quản lý khu kinh tế ra quyết định áp dụng hình thức	Phú Yên	

		đầu thầu rộng rãi và giao đơn vị trực thuộc Ban quản lý khu kinh tế làm bên mời thầu nhưng chưa có quy định cụ thể Trưởng Ban quản lý khu kinh tế được phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, danh sách xếp hạng nhà đầu tư... (chỉ quy định trách nhiệm phê duyệt của Chủ tịch UBND cấp tỉnh hoặc ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện) nên trong quá trình thực hiện đã gặp khó khăn (Bên mời thầu là đơn vị trực thuộc Ban quản lý khu kinh tế nên không thể trình UBND tỉnh phê duyệt). Do vậy, đề nghị nghiên cứu quy định bổ sung các nội dung nêu trên vào Dự thảo để có cơ sở triển khai thực hiện. Đồng thời, cũng cần nghiên cứu quy định luôn về việc phân cấp trách nhiệm thẩm định, phê duyệt trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong Dự thảo Luật.		
	chi phí GQ kiến nghị	Đề nghị tăng chi phí tối thiểu cho Hội đồng giải quyết kiến nghị vì kinh phí hiện tại ko đáp ứng, thành viên kiêm nhiệm nhiều đơn vị, in ấn nhiều	Bình Thuận	Tiếp thu, nghiên cứu tại Nghị định
	Chương III	Đề nghị Hd rõ thêm gói thầu lập quy hoạch thì quy trình lập, thẩm định phê duyệt KHĐT ra sao và có được coi như gói thầu thực hiện trước hay không	Bình Thuận	Tiếp thu, nghiên cứu tại ND
	Phụ lục	Về phụ lục kèm theo Luật Đấu thầu sửa đổi Trên cơ sở nguyên tắc, cách tiếp cận sửa đổi Luật số 69/2014/QH13, đề nghị cơ quan soạn thảo xác định phần vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước tại dự án đầu tư theo các nguyên tắc sau: - Vốn nhà nước tại dự án: là phần vốn đầu tư trực tiếp của nhà nước từ ngân sách nhà nước vào dự án. - Vốn của doanh nghiệp nhà nước tại dự án: là phần vốn đầu tư trực tiếp của doanh nghiệp nhà nước vào dự án (Vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước bao gồm vốn chủ sở hữu và vốn vay để thực hiện dự án) (TCDN).	Bộ Tài chính	Tiếp thu, nghiên cứu tại ND

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22 /NQ-CP

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

CƠNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... 9 ...
	Ngày: ... 23/2/22 ...

NGHỊ QUYẾT

Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 02 năm 2022

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 138/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Trên cơ sở thảo luận của các thành viên Chính phủ và kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật, tổ chức ngày 16 tháng 02 năm 2022,

QUYẾT NGHỊ:

Chính phủ hoan nghênh các Bộ chủ trì xây dựng, thẩm định các dự án luật trình Chính phủ thời gian qua. Các dự án đã cơ bản tập trung cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, Hiến pháp, các kết luận của Bộ Chính trị, Ban bí thư... bám sát thực tiễn nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cũng như xử lý các vấn đề mới phát sinh. Tiến độ soạn thảo các dự án được đẩy nhanh hơn, chất lượng từng bước được nâng lên. Tuy nhiên, thực tiễn cuộc sống và công tác chỉ đạo, điều hành cho thấy còn nhiều vấn đề, nút thắt của các quy định pháp luật đang đặt ra, như vấn đề liên quan tới việc quản lý tài nguyên, khoáng sản, các mặt hàng quan trọng, thiết yếu, các cân đối lớn của nền kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô... Đặc biệt, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội, đòi hỏi chúng ta phải khẩn trương tháo gỡ những nút thắt, khó khăn, vướng mắc để triển khai thực hiện các Chương trình có hiệu quả, phù hợp thực tiễn.

Năm 2022, Chính phủ tiếp tục quan tâm công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, bảo đảm xứng tầm với một trong ba đột phá chiến lược, trong đó tập trung sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật, nhất là các vấn đề thực tiễn mới phát sinh, cần điều chỉnh để tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế-xã hội.

Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Trưởng ngành thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết Phiên họp Chính phủ chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 01 năm 2022; tiếp tục tập trung, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây

dựng, hoàn thiện thể chế thuộc lĩnh vực quản lý; phát hiện các khó khăn, vướng mắc, các vấn đề mới phát sinh cần điều chỉnh, kịp thời sửa đổi hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi để phù hợp tình hình thực tiễn, đáp ứng mong muốn của Nhân dân, tăng khả thi của pháp luật. Trong quá trình soạn thảo các dự án luật cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan; lấy ý kiến đối tượng tác động, huy động trí tuệ tập thể, kinh nghiệm của các chuyên gia, nhà khoa học; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan truyền thông để truyền thông kịp thời, tăng cường sự phản biện trong xã hội, tạo đồng thuận trong quá trình xây dựng, trình, ban hành văn bản pháp luật.

Bộ Tư pháp tiếp tục kiểm tra, đôn đốc công tác xây dựng văn bản pháp luật của các bộ, bảo đảm việc xây dựng và hoàn thiện thể chế đúng quy định về trình tự, thời hạn và nâng cao chất lượng. Đồng thời, khẩn trương nghiên cứu, đề xuất các chế độ, chính sách, nhân lực, cơ sở vật chất cho công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, tạo điều kiện tốt nhất cho công tác xây dựng pháp luật, hoàn thiện thể chế, xứng tầm với nhiệm vụ là một trong những đột phá chiến lược.

Chính phủ quyết nghị các nội dung cụ thể như sau:

1. Về dự án Luật Thanh tra (sửa đổi)

Chính phủ cơ bản thống nhất với nội dung của dự án Luật do Thanh tra Chính phủ trình.

Việc xây dựng, ban hành Luật Thanh tra (sửa đổi) là cần thiết, nhằm khắc phục những bất cập, hạn chế của Luật Thanh tra hiện hành, tạo cơ sở pháp lý thúc đẩy đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động thanh tra nhà nước, bao gồm thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành, đáp ứng yêu cầu tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đồng thời khuyến khích đổi mới sáng tạo, tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các bộ, ngành tiếp thu tối đa ý kiến Thành viên Chính phủ, tiếp tục hoàn thiện dự án Luật, tập trung vào các nội dung sau đây:

- Phạm vi, đối tượng thanh tra cần được quy định cho phù hợp, bảo đảm rõ ràng, minh bạch, giảm thiểu tối đa nguy cơ chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ trống trong hoạt động thanh tra.

- Về trình tự, thủ tục thanh tra, cần quy định đơn giản, dễ thực hiện, dễ kiểm tra giám sát; có sự phân biệt giữa thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành.

- Về nguyên tắc, không quy định tổ chức bộ máy trong Luật. Việc thành lập thanh tra chuyên ngành, thanh tra cấp tổng cục, cục trực thuộc bộ, Thanh tra sở cần quy định linh hoạt; giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập hoặc phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập theo yêu cầu quản lý và tổng biên chế được giao.

Hoạt động thanh tra không chỉ là của cơ quan có chức năng quản lý nhà nước theo nguyên tắc ở đâu có quản lý nhà nước ở đó có thanh tra, mà ngay cả một số cơ quan nhà nước không có chức năng quản lý nhà nước nhưng nếu cần cũng có thể có thanh tra để thực hiện chức năng tổ chức thi hành pháp luật có hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Theo đó, dự án Luật không quy định cụ thể việc thành lập cơ quan thanh tra chuyên ngành tại Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ban Cơ yếu Chính phủ, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp mà quy định mang tính nguyên tắc linh hoạt, bao quát theo hướng Chính phủ quy định việc thành lập cơ quan thanh tra chuyên ngành tại cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan nhà nước khác ở Trung ương và địa phương có chức năng, nhiệm vụ đặc thù trong tổ chức thi hành pháp luật; đồng thời, Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

- Về vấn đề Thanh tra nhân dân: Đa số Thành viên Chính phủ thống nhất chuyển sang dự án Luật Dân chủ cơ sở quy định cho phù hợp. Tuy nhiên, đây là vấn đề quan trọng, còn có ý kiến khác nhau, nên trình Quốc hội 2 phương án để xin ý kiến Quốc hội.

- Các nội dung đề xuất giao Chính phủ quy định chi tiết cần quy định rõ, đồng thời dự thảo văn bản quy định chi tiết gửi kèm theo hồ sơ dự án Luật trình Quốc hội.

Giao Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành khẩn trương hoàn thiện hồ sơ dự án Luật; Tổng thanh tra Chính phủ thừa ủy quyền Thủ tướng, thay mặt Chính phủ, ký trình Quốc hội khóa XV xem xét, cho ý kiến tại kỳ họp thứ 3.

2. Dự án Luật đầu khí (sửa đổi)

Về quan điểm tiếp cận xây dựng và hoàn thiện dự án Luật này, Chính phủ xác định yêu cầu đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết, trước hết, gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; các cân đối lớn của nền kinh tế nhất là về năng lượng; bảo vệ, khai thác hiệu quả tài nguyên, chủ quyền quốc gia bao gồm cả chủ quyền pháp lý, xây dựng thể chế hội nhập, khẳng định vị thế của Việt Nam là quốc gia có trách nhiệm với cộng đồng quốc tế. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, tránh lợi ích cục bộ của các bộ, các ngành. Chính phủ, các bộ tập trung xây dựng chính sách, thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, thanh tra, kiểm tra, giám sát, không can thiệp, làm thay hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật. Chính phủ cơ bản thống nhất quan điểm về các vấn đề lớn của dự án Luật. Giao Bộ Công Thương tiếp tục thảo luận, lấy ý kiến tham vấn các cơ quan liên quan, xin ý kiến các cơ quan của Quốc hội, hoàn thiện Dự án Luật bảo đảm tiến độ, chất lượng dự án Luật trình Quốc hội.

Yêu cầu Bộ Công Thương phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu tiếp thu tối đa ý kiến Thành viên Chính phủ hoàn thiện Dự án Luật theo hướng:

- Hoàn thiện quy định nguyên tắc các vấn đề tài chính cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) trong dự thảo Luật nhằm minh bạch cơ chế tài chính đặc thù của PVN, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với pháp luật ngân sách nhà nước, kế toán, kiểm toán và bảo đảm lợi ích Nhà nước.

- Hoàn thiện quy định phân cấp cho Hội đồng Thành viên PVN quyết định, chịu trách nhiệm việc góp vốn tham gia các hợp đồng dầu khí gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ theo thẩm quyền của Bộ Công Thương, các Bộ liên quan và Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

- Quy định rõ trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Hội đồng thành viên PVN trong việc phê duyệt các vấn đề liên quan đến sử dụng vốn nhà nước của PVN và doanh nghiệp 100% vốn của PVN khi thực hiện hoạt động dầu khí, nhằm khắc phục vướng mắc về quy trình, thủ tục góp vốn, đầu tư, xây dựng trên đất liền, trên biển, kiểm soát rủi ro của PVN và doanh nghiệp 100% vốn của PVN phù hợp với nguyên tắc quản lý, sử dụng vốn nhà nước, quyền đầu tư kinh doanh, trách nhiệm của doanh nghiệp, trong đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực của Bộ Công Thương, các Bộ và quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước của Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

- Phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp bảo đảm phân định, lý giải rõ căn cứ áp dụng quy định chung và quy định đặc thù áp dụng Luật này trong quá trình sửa đổi Luật Giá, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Ngân sách nhà nước, pháp luật thuế... bảo đảm thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Bộ Công Thương tập trung hoàn thiện dự án Luật, bảo đảm chất lượng dự án Luật theo yêu cầu của Chính phủ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước khi trình Quốc hội.

3. Về Đề nghị xây dựng Luật Phòng thủ dân sự

Phòng thủ dân sự là bộ phận của phòng thủ đất nước, là một trong những nội dung cơ bản của xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Chính phủ cơ bản thống nhất về sự cần thiết, quan điểm, mục tiêu và nội dung 6 chính sách của Đề nghị xây dựng Luật. Về từng chính sách cụ thể, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan tiếp thu đầy đủ ý kiến Thành viên Chính phủ, hoàn thiện nội dung theo hướng:

- Nghiên cứu tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố trong hoạt động phòng thủ dân sự cho phù hợp với từng lĩnh vực cần đánh giá; xác định rõ các lĩnh vực cần ban hành tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro về thảm họa, sự cố; đánh giá mức độ rủi ro về thảm họa, sự cố trên các lĩnh vực;

- Rà soát kỹ lưỡng các quy định pháp luật liên quan để có quy định phù hợp về phân công, phân cấp các nhiệm vụ quản lý nhà nước và phân cấp trong tổ chức hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố bảo đảm tính thống

nhất của hệ thống pháp luật, tránh chồng lấn nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa các bộ, cơ quan;

- Nội dung chính sách quy định các biện pháp bảo vệ người dân trước thảm họa, sự cố và hỗ trợ người dân bị thiệt hại liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân, cần đánh giá tác động kỹ lưỡng, thận trọng để có cơ sở quy định đầy đủ, phù hợp với các quy định của Hiến pháp, pháp luật;

- Về chính sách đổi mới tổ chức của Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, tiếp tục thuyết minh làm rõ 2 vấn đề: (1) Về sự cần thiết thành lập và cơ sở của việc quy định tổ chức này trong Luật; (2) Xác định rõ vị trí, vai trò, chức năng của tổ chức này một cách phù hợp, bảo đảm rõ trách nhiệm, đúng thẩm quyền trong quản lý, giải quyết các vấn đề phòng, chống, khắc phục sự cố, thảm họa.

- Về quy định về tình trạng khẩn cấp trong Luật Phòng thủ dân sự, cần có giới hạn cụ thể, phù hợp, bảo đảm thống nhất của hệ thống pháp luật; những nội dung mang tính dân sự nhiều hơn thì đưa vào Luật Phòng thủ dân sự, các nội dung mang tính chất quốc phòng, an ninh thì quy định trong Luật về tình trạng khẩn cấp.

Nội dung này còn có 02 loại ý kiến khác nhau. Đa số Thành viên Chính phủ thống nhất phương án quy định tình trạng khẩn cấp như Đề nghị xây dựng Luật phòng thủ dân sự. Ý kiến khác của các Thành viên Chính phủ đề nghị giữ như quy định hiện nay. Do đó, Hồ sơ trình Đề nghị xây dựng Luật cần nêu rõ 2 phương án và lập luận cụ thể cho từng phương án.

Giao Bộ Quốc phòng hoàn thiện hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật; gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp vào Đề nghị của Chính phủ, bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 4, trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV.

4. Về Đề nghị xây dựng Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự

- Chính phủ cơ bản thống nhất về sự cần thiết, mục tiêu, quan điểm và nội dung 4 chính sách của Đề nghị xây dựng Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự. Về từng chính sách cụ thể, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan tiếp thu đầy đủ ý kiến Thành viên Chính phủ, hoàn thiện nội dung theo hướng:

+ Xác định rõ tiêu chí phân loại công trình quốc phòng và khu quân sự; quy định rõ tiêu chí để xác định phạm vi của khu vực cấm, khu vực bảo vệ.

+ Các nội dung quản lý đối với khu vực cấm, khu vực bảo vệ liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân cần quy định cụ thể trong Luật theo yêu cầu của Hiến pháp.

+ Về chính sách chuyển đổi mục đích sử dụng công trình quốc phòng và khu quân sự, cần rà soát Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định pháp luật liên quan để bảo đảm tính thống nhất; nghiên cứu bổ sung, đánh giá một số nội dung như về các điều kiện,

Yêu cầu của chuyên đổi, thẩm định các nội dung đề chuyên đổi, trình tự, thủ tục, chỉ phí cho việc chuyên đổi và đề án chuyên đổi mục đích sử dụng công trình quốc phòng và khu quân sự.

+ Về chỉnh sửa đổi với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại địa bàn có công trình quốc phòng và khu quân sự, cần quy định hài hòa, phù hợp thực tiễn, đồng thời bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc.

- Bộ Quốc phòng hoàn thiện Hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật, gửi Bộ Tư pháp tổng hợp chung vào Đề nghị của Chính phủ về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023.

5. Về Đề nghị xây dựng dự án Luật Hợp tác xã (sửa đổi)

Phát triển kinh tế tập thể và hợp tác xã là chủ trương lớn của Đảng, việc hoàn thiện thể chế về kinh tế tập thể và hợp tác xã là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Chính phủ thông nhất thông qua các chính sách và Đề nghị xây dựng Dự án Luật. Bộ KH&ĐT bám sát, thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, đánh giá toàn diện chức năng kinh tế khác, đặt trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay; kế thừa và phát triển các mô hình tổ chức kinh tế tập thể nhất là các hợp tác xã kiểu mới thành công, tiếp thu các mô hình HTX, kinh tế hợp tác thành công trên thế giới.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ, rà soát toàn diện, nhân diện căn nguyên cốt lõi của các tồn tại, hạn chế phát triển của khu vực kinh tế này đã được chỉ ra trong báo cáo tổng kết Nghị quyết 13-NQ-TW về kinh tế tập thể và Tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng dự án Luật cụ thể hóa các nhóm chính sách theo hướng:

- Cụ thể hóa các chính sách phát triển kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, HTX, hoàn thiện các quy định về bản chất HTX, phát triển thành viên HTX bảo đảm chính sách thể hiện đúng bản chất của HTX về cả lợi ích kinh tế của thành viên, mối quan hệ hợp tác, liên kết, tự nguyện, tách nhiệm xã hội, đóng góp cho phát triển kinh tế xã hội phù hợp với tình hình, xu thế phát triển kinh tế, xã hội trong tình hình mới, tạo dư địa, động lực cho kinh tế tập thể, HTX phát triển, huy động các nguồn lực cho kinh tế tập thể.

- Hoàn thiện các quy định về loại hình Tổ chức kinh tế hợp tác, Tổ chức đại diện; nghiên cứu, khảo sát các mô hình kinh tế hợp tác ở các vùng miền trên cả nước, tham khảo kinh nghiệm các nước về tính đa dạng của các mô hình kinh tế hợp tác, cụ thể hóa chính sách, quy định rõ vị trí, vai trò của các tổ chức kinh tế tập thể phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu hướng phát triển chung trên thế giới.

- Hoàn thiện quy định nâng cao hiệu quả, chất lượng chỉnh sửa hồ trợ của Nhà nước, quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể, có chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, ứng dụng công nghệ, tiếp cận kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, chuyên

đổi số, mở rộng thị trường cho kinh tế tập thể phát triển phù hợp, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tư pháp, VPCP tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ Đề nghị xây dựng Dự án Luật theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL, gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp bổ sung dự án Luật vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 4, tháng 10 năm 2022.

6. Về Đề nghị xây dựng dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi)

Chính phủ thống nhất với sự cần thiết, quan điểm, mục tiêu, đề nghị sửa đổi toàn diện Luật Đấu thầu, thông qua các chính sách và Đề nghị xây dựng Dự án Luật. Giao Bộ KH&ĐT tiếp thu tối đa ý kiến Thành viên Chính phủ, tiếp tục rà soát, đánh giá, tổng kết toàn diện việc triển khai thi hành Luật; khắc phục triệt để việc đấu thầu hình thức, hoàn thiện quy định cơ chế đấu thầu hiệu quả, cạnh tranh, công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế đồng bộ với cơ chế quản lý, kiểm soát, kiểm tra, giám sát hoạt động đấu thầu; tránh thất thoát, lãng phí NSNN, tài sản nhà nước, ngăn chặn, xử lý tiêu cực, tham nhũng; bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Về hoàn thiện quy định cụ thể hóa các chính sách đề nghị xây dựng dự án Luật, Chính phủ giao Bộ KH&ĐT:

- Xác định rõ phạm vi điều chỉnh, nguyên tắc áp dụng Luật Đấu thầu, bảo đảm đồng bộ với quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, pháp luật liên quan về đấu giá đất, đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư, quy định áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, bảo đảm đồng bộ của hệ thống pháp luật và khả thi.

- Hoàn thiện các quy định cụ thể hóa chính sách về các hình thức lựa chọn nhà thầu, quy định rõ các trường hợp đấu thầu và chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt... quy định cụ thể về điều kiện áp dụng, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, rõ trách nhiệm của người quyết định chỉ định thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu, người phê duyệt hồ sơ mời thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư...

- Quy định đơn giản hóa quy trình, thủ tục hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, giảm thời gian, chi phí trong hoạt động đấu thầu, bảo đảm tính độc lập, khách quan, cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả; quy định rõ thẩm quyền, cá thể hóa trách nhiệm của thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; thực hiện triệt để đấu thầu qua mạng để giảm thủ tục, hạn chế tiêu cực trong đấu thầu.

- Rà soát quy định nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước trong hoạt động đấu thầu, bảo đảm ngăn chặn hiệu quả, triệt để tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong hoạt động đấu thầu, quy định rõ trình tự, thủ tục, trách nhiệm thực hiện gắn với cơ chế thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát; hoàn thiện hệ thống chế tài, xử lý nghiêm minh các vi phạm pháp luật đấu thầu; hoàn thiện quy định về công bố thông tin công khai, minh bạch gắn với trách nhiệm giải trình, bao gồm cả thông tin về vi phạm pháp luật đấu thầu của tổ chức, cá nhân.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ Đề nghị xây dựng Dự án Luật theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL, gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp bổ sung dự án Luật vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 4, tháng 10 năm 2022.

7. Về dự án Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở

Chính phủ cơ bản thống nhất với nội dung dự án Luật do Bộ Nội vụ trình.

Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ tiếp thu ý kiến các Thành viên Chính phủ tại Phiên họp, hoàn thiện dự án Luật theo hướng:

- Về phạm vi điều chỉnh của dự án Luật, xây dựng thành 2 phương án có sự đánh giá tác động kỹ lưỡng đối với từng phương án để trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến:

Phương án 1: Phạm vi điều chỉnh của dự án Luật bao gồm cả vấn đề thực hiện dân chủ tại doanh nghiệp được quy định mang tính nguyên tắc. Nội dung, hình thức, cách thức thực hiện dân chủ tại doanh nghiệp giao Chính phủ quy định cụ thể.

Chính phủ thống nhất quy định theo Phương án này.

Phương án 2: dự án Luật không điều chỉnh vấn đề thực hiện dân chủ tại doanh nghiệp.

- Tiếp tục nghiên cứu, thể chế hóa đầy đủ quyền dân chủ trực tiếp của người dân cũng như chủ trương “dân thụ hưởng”; đồng thời, hoàn thiện các quy định về kiểm tra, giám sát, phối hợp trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, trên tinh thần dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, dân chủ phải trong khuôn khổ pháp luật, phòng tránh các hành vi lạm dụng dân chủ.

- Tiếp tục rà soát kỹ lưỡng các văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật hiện hành có liên quan đến nội dung của dự án Luật bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

Giao Bộ trưởng Bộ Nội vụ thừa ủy quyền Thủ tướng, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình, báo cáo Quốc hội về dự án Luật.

8. Về Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân

- Chính phủ cơ bản thống nhất về sự cần thiết xây dựng, ban hành dự án Luật và 3 chính sách của Đề nghị xây dựng Luật theo đề xuất của Bộ Công an. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, VPCP và các cơ quan liên quan tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ tiếp tục hoàn thiện các chính sách của Đề nghị xây dựng Luật theo hướng:

- Về chính sách tăng hạn tuổi phục vụ cao nhất của sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân Công an nhân dân, phải bảo đảm phù hợp với tinh thần quy định của Bộ Luật lao động, nhưng cần tính toán, cân nhắc đánh giá tác động kỹ lưỡng mức tăng tuổi, lộ trình thực hiện đối với từng loại đối tượng cụ thể trên cơ sở làm rõ tính đặc thù

của lao động trong lực lượng công an nhân dân; nếu không có tính đặc thù thì nâng lên ngang bằng mức quy định của Bộ Luật lao động.

- Về chính sách thăng cấp bậc quân hàm cấp Tướng trước thời hạn đối với sĩ quan Công an nhân dân có thành tích đặc biệt xuất sắc đạt được trong chiến đấu, cần đề xuất sửa đổi, bổ sung theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết cho lĩnh vực, phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn, thời kỳ.

- Về chính sách bổ sung một số vị trí có cấp bậc hàm cao nhất đối với chức vụ, chức danh của sĩ quan Công an nhân dân, cần bám sát tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị đối với việc bổ sung một số vị trí được đề nghị phong cấp hàm cao nhất là cấp Tướng.

Bộ Công an hoàn thiện Hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật, gửi Bộ Tư pháp tổng hợp chung vào Đề nghị của Chính phủ về bổ sung Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022; báo cáo UBTVQH cho phép xây dựng dự án Luật theo trình tự, thủ tục rút gọn; trình Quốc hội xem xét, thông qua dự án Luật tại kỳ họp thứ 3 theo quy trình một kỳ họp.

9. Về Đề nghị của Chính phủ về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình năm 2022

- Chính phủ cơ bản thống nhất thông qua Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình năm 2022 do Bộ Tư pháp trình tại Tờ trình số 03/TTr-BTP ngày 11/02/2022.

- Về Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực và Đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp quốc phòng, động viên công nghiệp: Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tiếp thu ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc Thường trực Chính phủ ngày 11 tháng 02 năm 2022 để tiếp tục hoàn thiện các Đề nghị xây dựng Luật, trình Chính phủ.

- Các Bộ, cơ quan ngang bộ cần tích cực, chủ động nghiên cứu, rà soát pháp luật trong lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ; lập Đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh để khắc phục các khó khăn, vướng mắc, sửa đổi các quy định không còn phù hợp với thực tiễn theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận 19-KL/TW và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khoá XV. Các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về công tác xây dựng pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình; coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, không dồn đống đề nghị vào cuối năm.

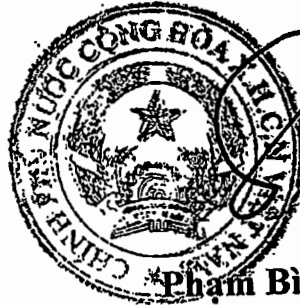
- Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tiếp tục tổng hợp các đề nghị xây dựng pháp luật được Chính phủ thông qua tại các Phiên họp chuyên đề về pháp luật tháng 2 năm 2022, hoàn thiện Đề nghị của Chính phủ về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình năm 2022.

- Giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa uỷ quyền Thủ tướng, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình của Chính phủ, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Đề nghị của Chính phủ về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN,
Trợ lý, Thư ký TTg, các PTTg;
các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc,
TGD Công TTĐTCTP;
- Lưu: VT, PL (3b). 440

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Bình Minh